

**Những công cụ
thiết yếu trong**

**PHÂN TÍCH
KỸ THUẬT
THỊ TRƯỜNG
TÀI CHÍNH**

*Essentials
of Technical Analysis
for Financial Markets*

James Chen



Nhà Xuất Bản Tổng Hợp
Thành Phố Hồ Chí Minh

thegioisachhay
CORPORATION

ESSENTIALS OF TECHNICAL ANALYSIS FOR FINANCIAL MARKETS

Copyright © by James Chen

Vietnamese translation copyright © 2011 by The Gioi Sach Hay Corporation

This Vietnamese edition was published by arrangement with John Wiley & Sons, Inc.

All rights reserved.

NHỮNG CÔNG CỤ THIẾT YẾU TRONG PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Bản quyền tiếng Việt © 2011 Công ty Cổ phần Thế Giới Sách Hay

Cuốn sách được xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa

Công ty Cổ phần Thế Giới Sách Hay & John Wiley & Sons, Inc.

Công ty Cổ phần Thế Giới Sách Hay hoàn toàn giữ bản quyền.

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, in ấn, phát hành dưới bất kỳ hình thức
và phương tiện nào, hoặc lưu giữ trong cơ sở dữ liệu, các hệ thống truy cập mà không được sự cho phép
bằng văn bản của Công ty Cổ phần Thế Giới Sách Hay.

Mọi thông tin về nội dung, vui lòng liên hệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÁCH HAY

Số 1-3, Đường 3/2, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (+84.8) 38 32 9422 - Fax: (+84.8) 38 32 9422

E-mail: info@thegioisachhay.com - Website: www.thegioisachhay.com

NHỮNG CÔNG CỤ THIẾT YẾU TRONG PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Tác giả: James Chen

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

Nhóm Dịch giả:

Lê Đạt Chi

Tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
Trưởng Bộ môn Đầu tư Chứng khoán

Trần Thị Hải Lý

Tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
Phó Trưởng Bộ môn Đầu tư Tài chính

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI GIỚI THIỆU | 9 |
| LỜI CẢM ƠN | 13 |
| Chương 1: Giới thiệu phân tích kỹ thuật | |
| Tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường tài chính | 15 |
| PHÂN TÍCH KỸ THUẬT LÀ GÌ? | 17 |
| PHÂN TÍCH KỸ THUẬT SO VỚI PHÂN TÍCH CƠ BẢN | 17 |
| CÁC PHƯƠNG PHÁP | 20 |
| KÝ VỌNG ĐIỀU GI | 21 |
| TÓM TẮT | 24 |
| Chương 2: Lịch sử phân tích kỹ thuật | |
| Từ thị trường gạo Nhật Bản đến lý thuyết Dow cho tới hệ thống giao dịch tự động | 25 |
| ĐIỂM KHỞI ĐẦU: Thị trường gạo Nhật Bản | 27 |
| LÝ THUYẾT DOW | 29 |
| ĐỒ THỊ | 32 |
| SỐNG ELLIOTT | 33 |
| W.D. GANN | 35 |
| CHỈ BÁO | 35 |
| NHỮNG NGƯỜI ĐI THEO XU HƯỚNG | 37 |
| HỘI NHẬP NHỮNG NHÀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG | 38 |
| PHÂN TÍCH KỸ THUẬT NGÀY NAY | 38 |
| TÓM TẮT | 39 |
| Chương 3: Thế mạnh của phân tích kỹ thuật | |
| Những nguyên lý hành động giá | 41 |
| GIỚI THIỆU VỀ CÁC KHÁI NIỆM HÀNH ĐỘNG GIÁ | 43 |
| NHỮNG THÀNH PHẦN CỦA HÀNH ĐỘNG GIÁ | 44 |
| TÓM TẮT | 47 |
| Chương 4: Các loại đồ thị cơ bản của phân tích kỹ thuật | |
| Đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến, đồ thị đường, và đồ thị điểm và hình | 49 |
| ĐỒ THỊ HÌNH THANH VÀ ĐỒ THỊ HÌNH NẾN | 51 |
| ĐỒ THỊ ĐƯỜNG | 54 |
| ĐỒ THỊ ĐIỂM VÀ HÌNH | 55 |
| TÓM TẮT | 57 |

Chương 5: Trái tim của phân tích kỹ thuật

| | |
|---|----|
| Xu hướng lên và xu hướng xuống | 59 |
| Giới thiệu về xu hướng | 61 |
| Ảnh hưởng của vấn đề khung thời gian trong việc xác định xu hướng | 70 |
| Kênh xu hướng song song | 71 |
| Đường xu hướng | 74 |
| Tóm tắt | 75 |

Chương 6: Linh hồn của phân tích kỹ thuật

| | |
|--|----|
| Mức chống đỡ và kháng cự | 77 |
| Giới thiệu mức chống đỡ và kháng cự | 79 |
| Mức chống đỡ trở thành mức kháng cự và mức kháng cự trở thành mức chống đỡ | 81 |
| Tóm tắt | 84 |

Chương 7: Các công cụ vẽ đồ thị chủ yếu

| | |
|---|-----|
| Đường xu hướng, kênh xu hướng, mức chống đỡ và kháng cự nằm ngang | 87 |
| Giới thiệu các công cụ vẽ đồ thị | 89 |
| Mức chống đỡ và kháng cự tĩnh | 90 |
| Mức chống đỡ và kháng cự động | 94 |
| Đường chống đỡ và kháng cự nằm ngang | 100 |
| Đường xu hướng | 102 |
| Kênh xu hướng song song | 108 |
| Tóm tắt | 110 |

Chương 8: Các mẫu hình đồ thị

| | |
|---|-----|
| Mẫu hình hình thanh và mẫu hình hình nến Nhật Bản | 113 |
| Giới thiệu các mẫu hình đồ thị giá | 115 |
| Các mẫu hình hình thanh cùng cổ xu hướng | 116 |
| Các mẫu hình đảo chiều xu hướng | 125 |
| Khoảng trống giá | 129 |
| Mẫu hình hình nến Nhật Bản | 133 |
| Các mẫu hình đơn cây nến | 134 |
| Các mẫu hình đa cây nến | 139 |
| Tóm tắt | 141 |

Chương 9: Thế giới của các đường trung bình di động (MA)

| | |
|---|-----|
| Giới thiệu các đường trung bình di động | 145 |
| Sự giao nhau của các đường trung bình di động | 148 |
| Đường trung bình di động tạo nên mức chống đỡ và kháng cự | 155 |
| Tóm tắt | 158 |

Chương 10: Các chỉ báo kỹ thuật và chỉ báo dao động chính

| | |
|---|-----|
| GIỚI THIỆU CÁC CHỈ BÁO KỸ THUẬT VÀ CHỈ BÁO DAO ĐỘNG | 161 |
| CÁC CHỈ BÁO KỸ THUẬT CƠ BẢN | 164 |
| CÁC CHỈ BÁO DAO ĐỘNG CƠ BẢN | 173 |
| TÓM TẮT | 184 |

Chương 11: Fibonacci và sóng Elliott

| | |
|--|-----|
| LÝ THUYẾT FIBONACCI VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP | 187 |
| LÝ THUYẾT SÓNG ELLIOTT | 194 |
| TÓM TẮT | 199 |

Chương 12: Đồ thị Điểm và Hình

| | |
|--------------------------------------|-----|
| GIỚI THIỆU ĐỒ THỊ ĐIỂM VÀ HÌNH | 203 |
| CÁC MẪU HÌNH ĐỒ THỊ ĐIỂM VÀ HÌNH | 206 |
| MỤC TIÊU GIÁ CỦA ĐỒ THỊ HÌNH VÀ ĐIỂM | 213 |
| TÓM TẮT | 214 |

Chương 13: Khối lượng

| | |
|---|-----|
| GIỚI THIỆU VỀ KHỐI LƯỢNG | 217 |
| CHỈ BÁO CĂN BẰNG KHỐI LƯỢNG OBV (On-Balance Volume) | 219 |
| KHỐI LƯỢNG TICK (TICK VOLUME) | 221 |
| TÓM TẮT | 222 |

Chương 14: Ứng dụng thực tiễn các chiến lược giao dịch kỹ thuật

| | |
|---|-----|
| GIỚI THIỆU CÁC CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH KỸ THUẬT | 225 |
| SỰ GIAO CẤT GIỮA CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH DI ĐỘNG | 226 |
| GIAO DỊCH THEO ĐIỂM PHÁ VỠ | 234 |
| GIAO DỊCH THEO XU HƯỚNG | 246 |
| GIAO DỊCH THEO KHUNG GIÁ | 261 |
| SỰ PHÂN KỲ GIỮA CHỈ BÁO DAO ĐỘNG VÀ ĐƯỜNG GIÁ | 266 |
| GIAO DỊCH THEO CHỈ BÁO DAO ĐỘNG | 270 |
| GIAO DỊCH SỬ DỤNG CÔNG CỤ FIBONACCI | 275 |
| KỶ VỌNG TÍCH CỰC | 278 |
| TÓM TẮT | 279 |

Chương 15: Kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền

| | |
|---|-----|
| GIỚI THIỆU KIỂM SOÁT RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ DÒNG TIỀN | 283 |
| LỆNH DỪNG LỖ | 284 |
| TỶ LỆ LỢI NHUẬN/RỦI RO | 286 |
| MỨC LỖ TỐI ĐA CHO PHÉP | 290 |
| CHIA NHỎ VỊ THẾ (MULTIPLE FRACTIONAL POSITIONS) | 291 |
| ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC | 293 |
| TÓM TẮT | 294 |

LỜI GIỚI THIỆU

Việc ứng dụng phân tích kỹ thuật đã có bước phát triển nhanh chóng trong vài thập kỷ qua. Các nhà giao dịch, nhà đầu tư và các nhà phân tích trên nhiều thị trường tài chính đang quay trở lại với các nguyên lý phân tích kỹ thuật sẽ giúp để giải thích cũng như giao dịch với hành vi giá trên thị trường. Những nhà thực hành tài chính nhận ra rằng phân tích kỹ thuật sẽ giúp đưa đến một phương pháp cụ thể, lô gíc và hiệu quả để phân tích bất cứ loại thị trường tài chính chủ yếu nào.

Bên cạnh đó, các phương pháp và kỹ thuật phân tích mới trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật cũng phát triển rất nhanh. Bất kể đó là một chỉ báo kỹ thuật hiệu quả nhất và mới nhất hoặc một phương pháp cải tiến và mới mẻ để xác định mức chống đỡ và kháng cự, phân tích kỹ thuật nói chung cũng đang phát triển mau lẹ. Sự phát triển của nhiều phương pháp và kỹ thuật phân tích mới đã tạo nên bước đột phá trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật.

Do đó, có vô số chuyên ngành được phát triển trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật. Tuy nhiên, là một nhà phân tích và nhà giao dịch lớn tuổi, tôi thận trọng hạn chế nghiên cứu sâu vào các khái niệm huyền bí hoặc phức tạp trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật. Chính vì vậy, nhiều người đã hỏi tại sao phương pháp phân tích và giao dịch của tôi trông rất đơn giản. Tôi chỉ có duy nhất một câu trả lời: Đơn giản, ít nhất là trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật và giao dịch kỹ thuật, là điều tốt. Do đó, tôi thích tập trung vào những vấn đề cơ bản, thay vì tập trung vào vô số lĩnh vực khác nhau trong phân tích kỹ thuật.

Liếc nhìn vào bất cứ biểu đồ phân tích ngày hoặc trong ngày sẽ thấy rõ phương pháp tôi sử dụng. Tôi thích vẽ các đường thẳng, và các đường này bao gồm - đường thẳng ngắn, đường thẳng dài, đường thẳng nằm ngang, đường thẳng nghiêng, đường thẳng dốc đứng và nhiều loại khác. Tôi có khuynh hướng sử dụng đến mức tối thiểu các chỉ báo trong đồ thị của tôi, mặc dù có nhiều chỉ báo giúp tôi xác định xu hướng tốt hơn (giống như đường trung bình di động) và các mức chống đỡ/kháng cự trong một thị trường nhất định là yếu tố luôn được sử dụng trong phương pháp giao dịch của tôi.

Khi đơn giản hóa, nếu được đề nghị tóm lược một cách chính xác, rõ ràng các vấn đề cơ bản của phân tích kỹ thuật và giao dịch kỹ thuật, tôi có thể trả lời như sau: phân tích kỹ thuật là nghiên cứu hành vi đám đông thị trường tác động như thế nào đến chuyển động giá thị trường trong mối liên hệ với xu hướng và mức chống đỡ/kháng cự.

Nếu bóc tách tất cả lớp vỏ, chúng ta chỉ còn lại những yếu tố cơ bản. Thực tế, có nhiều công cụ và nghiên cứu phân tích kỹ thuật chính thống giúp chúng ta xác định tốt hoặc giao dịch tốt đối với đường xu hướng, mức chống đỡ/kháng cự, hoặc là cả hai.

Nói rõ hơn, khái niệm xu hướng có thể là một chuyển động có hướng, một đảo ngược so với hướng chuyển động trước đó, hoặc thị trường không có xu hướng. Khái niệm mức chống đỡ/kháng cự có thể là các mức giá tĩnh (giá không thay đổi theo thời gian trong một thị trường) hoặc là các mức giá động (là các đường xu hướng tăng hoặc đường xu hướng giảm).

Mặc dù nhiều nhà phân tích kỹ thuật khác nhau sẽ quan tâm đến các kỹ thuật và phương pháp khác nhau, nhưng tôi nhấn mạnh rằng hầu hết các nhà thực hành tài chính thành công nhất có khuynh hướng tập trung chủ yếu vào một hoặc một vài khía cạnh của phân

tích kỹ thuật. Nếu một người có thể hiểu rõ một số phương pháp cụ thể - chẳng hạn như vẽ đường xu hướng, sử dụng chỉ báo RSI, đếm sóng Elliott, giao dịch theo tỷ lệ thoái lui Fibonacci, nhận diện mẫu hình đảo chiều, hoặc bắt cứ phương pháp phân tích kỹ thuật khác đối với các thị trường tài chính - thì con đường dẫn tới giao dịch thành công chắc chắn sẽ bằng phẳng hơn so với những người cố gắng để biết mỗi thứ một ít. Một lần nữa, đơn giản hóa bằng cách am tường một hoặc một số khía cạnh cơ bản của phân tích kỹ thuật sẽ tốt hơn nhiều so với việc tìm hiểu nhiều lĩnh vực khác nhau.

Như đã nói, cuốn sách này sẽ đưa ra những hướng dẫn để hiểu những phương pháp cơ bản trong phân tích kỹ thuật. Có nhiều vấn đề được trình bày nhưng một khi một chủ đề được mô tả, phần còn lại đơn giản là sự giải thích chi tiết với những nghiên cứu, thực nghiệm và kinh nghiệm sâu hơn.

Chúc các bạn may mắn và thành công trong giao dịch!

James Chen

LỜI CẢM ƠN

Vì những sự giúp đỡ và cảm thông trong thời gian tôi viết cuốn sách này, cũng như những vấn đề trong cuộc sống thường nhật, tôi muốn gửi lời cảm ơn đến bố mẹ tôi, Shou Lien và Hsiaowen; anh Jack và chị Julie; vợ tôi, Dongping; các con trai tôi là Tommy và Kevin; và con gái bé bỏng, Emily.

Bên cạnh đó, tôi xin muốn gửi lời cảm ơn đến tất cả sự hỗ trợ và giúp đỡ quý báu của các nhà biên tập xuất sắc của John Wiley&Sons, bao gồm Tim Burgard và Stacey Rivera, cũng là người đã xuất bản cuốn sách trước của tôi, *“Essentials of Foreign Exchange Trading (2009)”*.

Xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến những nhà giao dịch nổi tiếng đã đóng góp nhiều kiến thức và kinh nghiệm quý báu cho cuốn sách này: Robert Prechter, Jr; Steve Nison; Alexander Elder và Michael Covel.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến các đồng nghiệp của tôi tại FX Solutions, những người đã dành nhiều quan tâm và động viên tôi trong quá trình hoàn thành cuốn sách này.

Chương 1

Giới thiệu phân tích kỹ thuật

Tìm kiếm lợi nhuận
trên thị trường tài chính



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Hiểu được những khái niệm chung về phân tích kỹ thuật.
- Phân biệt sự khác biệt chính giữa phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản.
- Biết được một số công cụ chủ yếu và phương pháp phân tích kỹ thuật.
- Giới thiệu các khái niệm sẽ được thảo luận trong những phần sau của quyển sách này.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT LÀ GÌ?

Phân tích kỹ thuật nghiên cứu hành vi giá cả trong quá khứ và hiện tại trên thị trường tài chính có thể xác định xu hướng tương lai như thế nào. Tuy nhiên, ở khía cạnh này, phân tích kỹ thuật không nên được xem như quả cầu pha lê dùng bói toán. Đúng hơn, những kỹ năng của một nhà phân tích kỹ thuật chủ yếu được sử dụng để xác định những phản ứng giá với xác suất cao nhất dựa trên chuyển động giá trong quá khứ và hiện tại, cũng như là tính chắc chắn của chuyển động giá trong tương lai. Vì vậy, phân tích kỹ thuật thực tế không có khả năng dự báo tương lai mà chủ yếu tìm kiếm các cơ hội tiềm năng với xác suất cao nhất để đầu tư trên thị trường tài chính.

Công cụ chủ yếu được các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng là các đồ thị giá thường gặp, đánh dấu các mức giá trong một khoảng thời gian nhất định. Các loại đồ thị chính được thảo luận trong chương 4, là chương nói về các vấn đề cơ bản của phân tích kỹ thuật. Các nhà phân tích kỹ thuật/nhà giao dịch khác nhau có thể sử dụng các loại đồ thị khác nhau tại các thời điểm khác nhau, như là đồ thị đường, đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến, đồ thị hình và điểm, hay bất kỳ một loại đồ thị nào khác.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT SO VỚI PHÂN TÍCH CƠ BẢN

Khi nhiều người trong giới tài chính nói đến phân tích kỹ thuật, đây là phương pháp trái ngược với một trường phái chính thống gọi là phân tích cơ bản. Sự tương phản giữa hai trường phái này là rõ ràng và dễ nhận biết.

Phân tích cơ bản tập trung vào những lý do nền tảng có thể gây nên sự dịch chuyển của thị trường. Trên thị trường chứng khoán, điều này sẽ bao gồm những tin tức và thông tin tài chính (ví dụ: thu nhập...) có quan hệ trực tiếp với một công ty đại chúng cụ thể. Trên thị trường giao sau, nó bao gồm các thông tin trọng yếu về

thị trường của một hàng hoá cụ thể (ví dụ: lúa mì, dầu...) hoặc thị trường hay chỉ số tài chính (ví dụ: S&P 500...). Trong thị trường ngoại hối hay thị trường tiền tệ, phân tích cơ bản sẽ tập trung phân tích các nền kinh tế quốc tế, chính sách của ngân hàng trung ương, lãi suất, lạm phát...

Phân tích cơ bản đối lập hoàn toàn với phân tích kỹ thuật. Thay vì quan tâm đến những nguyên nhân căn bản dẫn đến sự dịch chuyển của giá, phân tích kỹ thuật lại tập trung vào chính sự dịch chuyển của giá và hành vi đám đông được biểu thị trong hành động giá như thế nào. Các nhà phân tích kỹ thuật tin rằng tất cả thông tin cơ bản và các yếu tố kinh tế gây ra chuyển động giá đã phản ánh trong hành động của giá. Vì thế, những người thuần túy theo trường phái phân tích kỹ thuật nói chung tránh theo dõi báo cáo thu nhập, báo cáo mùa vụ hay những điều kiện kinh tế thế giới. Thay vào đó, hai công cụ chủ đạo là giá và khối lượng được biểu thị trên biểu đồ giá là đủ cho mọi phân tích của giới kỹ thuật. Trong hai công cụ này, giá là quan trọng hơn cả.

Đây là một cách khác để mô tả sự khác biệt giữa phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật: Trong khi phân tích cơ bản quan tâm đến vô số lý do “tại sao” giá dịch chuyển, phân tích kỹ thuật chỉ chú ý vào giá dịch chuyển “như thế nào” và cách mà sự dịch chuyển này có thể ảnh hưởng đến chuyển động giá tương lai. Phân tích kỹ thuật bao gồm một phương pháp luận rộng lớn mà thông qua đó những nhà giao dịch có thể nhận diện những cơ hội đầu tư và đưa ra tất cả những quyết định đầu tư quan trọng nhất. Phương pháp luận này bao gồm điểm tham gia vào thị trường, điểm thoát ra thị trường, vị trí đặt lệnh cắt lỗ, lợi nhuận mục tiêu, quy mô đầu tư, quản trị rủi ro...

Trong khi một vài nhà giao dịch và một vài nhà đầu tư là tín đồ trung thành hoặc là với phân tích kỹ thuật hoặc là với phân tích cơ bản, và hoàn toàn không quan tâm đến trường phái khác, nhiều người sử dụng kết hợp cả hai phương pháp.

Robert Prechter, Jr., CMT

Trong cuộc phỏng vấn với tác giả, Robert Prechter, người xuất bản quyển sách về lý thuyết sóng Elliott vào năm 1979 và là người sáng lập (kiêm chủ tịch) của Elliott Wave International (Elliottwave.com), thảo luận về một nhà phân tích kỹ thuật thuần túy. Nổi tiếng về khả năng xác định thời gian thị trường và nhạy bén trong giao dịch bằng cách sử dụng lý thuyết sóng Elliott, Prechter đã nhận được nhiều sự tán dương từ giới truyền thông và giới tài chính trong suốt sự nghiệp lừng lẫy nhiều thập kỷ. Ông đã viết nhiều quyển sách, một số cuốn trong số đó đã đưa nguyên lý sóng Elliott của Ralph Nelson Elliott trở thành công cụ hàng đầu trong phân tích thị trường tài chính. Những thông tin về Robert Prechter và sự cống hiến quan trọng của ông đối với sự phát triển của phân tích kỹ thuật sẽ trình bày nhiều hơn trong chương 2.

Prechter nói:

Hầu hết các nhà phân tích không phải là nhà phân tích kỹ thuật. Nhưng cũng đúng khi nói rằng hầu hết những nhà phân tích tự xưng là nhà phân tích kỹ thuật không phải là nhà phân tích kỹ thuật thuần túy. Họ nói về chính sách của FED, hoạt động chính trị, những tin tức kinh tế và những sự kiện khác là nguyên nhân dẫn đến chuyển động của thị trường. Nếu những sự kiện đó là nguyên nhân, thì những chỉ báo kỹ thuật sẽ không có tác dụng, bởi vì việc xuất hiện ngẫu nhiên bên ngoài các sự kiện sẽ tạo ra thứ mà người ta tưởng là mẫu hình, làm cho chúng không chân thực. Bất kỳ sự kiện mới nào đều có thể làm cho thị trường đi ngược lại với xu hướng mà một mẫu hình hay chỉ báo dự báo. Trở thành một nhà phân tích hỗn hợp là không thống nhất về lý thuyết. Hoặc là các sự kiện bên ngoài khiến thị trường chuyển động hoặc là các hành vi thị trường diễn ra theo mẫu hình. Không thể xảy ra theo cả hai cách. Một nhà phân tích kỹ thuật thuần túy là người tin rằng nguyên nhân của thị trường chứng khoán bắt nguồn từ những hành vi không thay đổi của con người. Chỉ cần điều này đúng thì mẫu hình vai đầu vai,

đường xu hướng, hoặc dạng sóng đều đáng tin cậy. Mặt khác, những mẫu hình, đường xu hướng hoặc dạng sóng đơn giản được tạo ra từ những chuyển động ngẫu nhiên. Những nhà phân tích kỹ thuật thuần túy là những người chỉ dựa vào những chỉ báo kỹ thuật và những mô hình như: xu hướng giá, chu kỳ, mẫu hình khối lượng, xung lượng thị trường, chỉ báo độ nhạy cảm, sóng Elliott, mẫu hình Edward và Magee, và lý thuyết Dow.

Những nhà phân tích cơ bản tìm kiếm những nguyên do bên ngoài và cố gắng dự báo chúng, lập luận những dự đoán này nhằm dự báo thị trường. Những nhà phân tích kỹ thuật nghiên cứu các mẫu hình tương ứng với hành vi thị trường và chỉ dựa trên điều này để đưa ra quyết định. Các nhà phân tích cơ bản nghiên cứu mọi thứ ngoại trừ hành vi của thị trường. Nhà phân tích kỹ thuật chỉ nghiên cứu hành vi của thị trường.

CÁC PHƯƠNG PHÁP

Những phương pháp sử dụng để phân tích kỹ thuật rất đa dạng và phong phú. Nó bao gồm nhiều khái niệm cơ bản như mẫu hình đầu và vai, chống đỡ (hỗ trợ) và kháng cự, đường xu hướng, trung bình di động, và mẫu hình hai đỉnh. Nhưng nó cũng bao gồm nhiều khái niệm ít phổ biến như hồi quy tuyến tính, mẫu hình đường tác động mạnh đầu cơ giá lên (bullish engulfing), sóng Elliott, biểu đồ điểm và hình. Tất cả những vấn đề trên của phân tích kỹ thuật, và các vấn đề khác sẽ được thảo luận trong phần sau của cuốn sách.

Mục tiêu chính của quyển sách này là cung cấp những kiến thức căn bản về phân tích kỹ thuật để tiến hành một số phân tích cho bất cứ thị trường nào. Với mục tiêu đó, quyển sách này giới thiệu và mô tả những công cụ chủ yếu được sử dụng bởi những nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch. Dĩ nhiên, phân tích kỹ thuật là một chủ đề rộng lớn, đang phát triển từng ngày, và không có quyển sách nào bao phủ tất cả mọi kiến thức trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật. Do

đó, quyển sách này chỉ cung cấp những thông tin thật sự cần thiết - như chính txa đề của cuốn sách và không đề cập đến những khái niệm phức tạp trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật.

KỲ VỌNG ĐIỀU GÌ

Sau phần giới thiệu, chương 2 bắt đầu với lịch sử ngắn gọn về những sự kiện quan trọng nhất trong sự phát triển của phân tích kỹ thuật - từ thị trường gạo Nhật Bản ở Osaka, đến những nguyên lý mang tính cách mạng của lý thuyết Dow, đến sự phát triển và thừa nhận phân tích biểu đồ như phương pháp chính thống, đến sự xuất hiện lý thuyết sóng Elliott, đến sự nổi lên của phương pháp theo sau xu hướng và cuối cùng là hệ thống giao dịch tự động đang phổ biến hiện nay.

Tiếp theo, chủ đề quan trọng nhất của phân tích kỹ thuật là hành động giá, sẽ được mô tả chi tiết trong chương 3. Hành động giá, hay hành vi giá tuân theo mẫu hình cung cấp manh mối để dự báo xu hướng tương lai, thực sự là nền tảng cho nghiên cứu phân tích kỹ thuật mà ngày nay chúng ta biết.

Sau đó, quyển sách này đi thẳng đến nền tảng chủ yếu của phân tích kỹ thuật - biểu đồ. Đó là những công cụ chủ yếu của nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch, loại biểu đồ được lựa chọn có thể là biểu đồ hình thanh, biểu đồ hình nến, biểu đồ hình và điểm, hoặc những cách thức khác mô tả hành động giá. Tất cả những loại biểu đồ được giới thiệu và thảo luận trong chương 4, bao gồm cả cấu trúc và phương pháp giải thích các loại biểu đồ.

Sau khi giới thiệu các vấn đề nền tảng, chương 5 sẽ được dành trọn để bàn luận khái niệm quan trọng nhất trong phân tích kỹ thuật và là trái tim của kỷ luật giao dịch: xu hướng. Những định nghĩa và đặc điểm của xu hướng tăng, xu hướng giảm, và không có xu hướng, cũng như là những phương pháp để nhận dạng xu hướng.

Sau khi thảo luận xong trái tim của phân tích kỹ thuật, chương 6 nói về một khía cạnh quan trọng – vốn được xem như là linh hồn của phân tích kỹ thuật: ngưỡng kháng cự và mức chống đỡ (hỗ trợ). Đây là cặp khái niệm làm nền tảng nhiều phân tích trong phân tích kỹ thuật được các phương tiện truyền thông đề cập cũng như nhiều chiến lược và phương pháp giao dịch. Chương nói về ngưỡng kháng cự và mức chống đỡ được nối tiếp bằng việc thảo luận về những công cụ vẽ cần thiết để miêu tả cả đường xu hướng và ngưỡng kháng cự/chống đỡ. Những công cụ vẽ quan trọng bao gồm đường xu hướng, kênh xu hướng, đường kháng cự/chống đỡ nằm ngang. Chương 7 cho biết những đường trên được các nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch vẽ và giải thích như thế nào. Chuyển qua chương 8, chúng ta sẽ thảo luận về chủ đề quan trọng là các mẫu hình. Chương 8 bao gồm các mẫu hình quan trọng và thịnh hành nhất như: tam giác, cái nêm, lá cờ (cờ hiệu), cờ đuôi rhee, vai đầu vai, và những mẫu hình khác. Chương này cũng mô tả hầu hết những mẫu hình nền Nhật Bản phổ biến như: búa (hammers), ngôi sao băng (shooting starts), Doji, mẫu hình đường tác động mạnh đầu cơ giá lên (engulfing)...

Chương 9 đề cập đến những đường trung bình di động, những đường gợn sóng này có thể bật mí nhiều về điều kiện xu hướng của thị trường và các khu vực kháng cự chống đỡ. Đường trung bình di động cũng đóng một vai trò quan trọng trong nhiều chiến lược giao dịch kỹ thuật, cũng như là trong các bình luận của những nhà phân tích thị trường.

Bên cạnh các đường trung bình di động, nhiều chỉ báo kỹ thuật quan trọng khác cũng được tính toán từ giá. Những chỉ báo quan trọng nhất và phổ biến nhất bao gồm những chỉ báo dao động được giới thiệu và miêu tả trong chương 10.

Từ đây, quyển sách này sẽ chuyển đến những khái niệm cao cấp hơn về Fibonacci và lý thuyết sóng Elliott trong chương 11. Các nhà giao dịch sành sỏi thường sử dụng những góc nhìn độc đáo về hành

động giá trên thị trường, và họ có thể đưa ra góc nhìn cực kỳ giá trị về cấu trúc giá và làm như thế nào để tìm kiếm lợi nhuận.

Chương 12 bàn luận một góc nhìn khác về hành động giá: đồ thị điểm và hình. Sự khác biệt quan trọng với đồ thị đường, đồ thị hình thanh, và đồ thị hình nến, phân tích đồ thị điểm và hình tập trung chủ yếu vào hành động giá của thị trường, và không đề cập đến những yếu tố khác (bao gồm cả thời gian và khối lượng). Bởi vì sự thật này, nhiều người xem đồ thị điểm và hình là hình mẫu thuần khiết nhất về hành động giá.

Mặc dù khối lượng thông thường bị loại trừ ra khỏi đồ thị điểm và hình, nhưng đó là vẫn đề trọng tâm trong chương 13. Được sử dụng chủ yếu bởi những nhà giao dịch chứng khoán, khối lượng được xem là một chỉ báo sớm và cũng như là một chỉ báo xác nhận. Khi giao dịch cổ phiếu, khối lượng có thể là một công cụ rất cần thiết để có được sự xác nhận quan trọng về hành động giá. Sự xác nhận là một khái niệm chính yếu trong phân tích kỹ thuật.

Chương 14 kết hợp nhiều công cụ, phương pháp và khái niệm phân tích kỹ thuật được thảo luận; và mô tả những phương pháp giao dịch cụ thể cũng như các chiến lược được sử dụng bởi những nhà giao dịch kỹ thuật chuyên nghiệp. Việc thảo luận bao gồm thông tin về cả giao dịch thủ công cũng như là hệ thống giao dịch tự động và mỗi loại chiến thuật thích hợp với mỗi loại hình giao dịch. Những chiến lược và phương pháp được mô tả trong chương 14 bao gồm những nội dung cặn bản của tất cả các kiến thức trong phần còn lại của quyển sách.

Sau cùng, chương 15 thảo luận một trong những khía cạnh quan trọng nhất của bất kỳ kế hoạch giao dịch nào: kiểm soát rủi ro, quản trị ngân quỹ. Mặc dù chương 15 không phải là một chủ đề tổng quát về chiến lược tham gia giao dịch, nhưng ít nhất là đối với nhiều nhà giao dịch mới bắt đầu, những nhà đầu tư/nhà giao dịch thành công nhất và chuyên nghiệp nhất cho rằng kiểm soát rủi ro và quản lý ngân quỹ là những chìa khóa đi đến thành công trong thị trường

tài chính. Không có những thành tố quan trọng này trong kế hoạch giao dịch, việc thất bại là không thể tránh khỏi. Chương 15 bao gồm một vài khía cạnh quan trọng nhất của một kế hoạch tốt trong quản lý rủi ro và ngân quỹ.

Trước khi kết thúc mục tiêu của quyển sách này là làm cho bạn đọc đi đúng con đường để trở nên uyên bác và thuần thục trong khoa học và nghệ thuật phân tích kỹ thuật. Để thật sự thành thạo bất kỳ khái niệm nào được thảo luận trong quyển sách này, đòi hỏi bạn phải có một sự nghiên cứu sâu hơn và luyện tập trong thực tế, tích lũy kinh nghiệm. Nhưng một khi đã trở nên thành thạo, bạn sẽ hiểu rằng những nỗ lực đó là xứng đáng. Quyển sách này được xem như là một hướng dẫn cơ bản nhằm chỉ ra con đường sau cùng đạt tới sự thành thạo lý thuyết và áp dụng phân tích kỹ thuật.

TÓM TẮT

Chương này đi sâu vào những khái niệm cơ bản của phân tích kỹ thuật, bao gồm một định nghĩa cốt lõi và những điểm khác nhau giữa phân tích kỹ thuật và trường phái nghiên cứu khác về thị trường tài chính và phân tích cơ bản.

Sự tương phản rõ nét giữa phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản là hữu ích cho những người mới tham gia vào thị trường tài chính hiểu rằng mỗi kỹ thuật giao dịch chỉ có thể thích hợp với một quan điểm về thị trường. Phân tích cơ bản quan tâm nhiều đến câu hỏi “tại sao” giá có thể dịch chuyển, trong khi phân tích kỹ thuật tập trung chủ yếu vào câu hỏi giá di chuyển “như thế nào”. Phân tích kỹ thuật giúp các nhà giao dịch và nhà đầu tư có thể nhận diện được cơ hội giao dịch, trong đó bao gồm điểm tham gia vào thị trường, điểm thoát ra thị trường, quản lý rủi ro...

Chương mở đầu sau đó đi vào miêu tả nội dung chính của các chương sau. Tất cả những điều căn bản của phân tích kỹ thuật cho thị trường tài chính được giới thiệu trong những chương này.

Chương 2

Lịch sử phân tích kỹ thuật

Từ thị trường gạo Nhật Bản
đến lý thuyết Dow cho tới
hệ thống giao dịch tự động



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- *Thấu hiểu những mốc phát triển quan trọng trong lịch sử phân tích kỹ thuật.*
Biết được những cá nhân có đóng góp quan trọng nhất vào kho tàng kiến thức phân tích kỹ thuật.
- *Tìm hiểu một số thành phần quan trọng nhất của lý thuyết Dow.*

ĐIỂM KHỞI ĐẦU: THỊ TRƯỜNG GẠO NHẬT BẢN

Phân tích kỹ thuật có một lịch sử lâu dài và đa dạng được đánh dấu bởi sự xuất hiện của nhiều nhân vật có tầm ảnh hưởng đáng kể lên sự phát triển của các thị trường tài chính.

Phân tích kỹ thuật được sử dụng sớm nhất bởi những nhà giao dịch trên thị trường gạo Nhật Bản đầu thế kỷ 18, khi họ sử dụng phương pháp kỹ thuật, được phát triển bởi một nhà thương gia về gạo tên là Honma Munehisa trong quá trình mua bán gạo. Những phương pháp này chính là kỹ thuật mà ngày nay chúng ta gọi là đồ thị hình nến. Nhưng phải mất một thời gian rất dài, kỹ thuật đồ thị hình nến mới được giới thiệu trên thị trường tài chính phương Tây bởi một nhà phân tích kỹ thuật và cũng là một nhà giao dịch tiên phong tên là Steve Nison.

Steve Nison, CMT

Trong một cuộc phỏng vấn với tác giả Steve Nison - hiện tại là chủ tịch của Candlechart.com và là tác giả của cuốn sách về chủ đề đồ thị hình nến, "Những kỹ thuật đồ thị hình nến Nhật Bản - Japanese Candlestick Charting Techniques" - thảo luận về "tại sao sử dụng phân tích kỹ thuật".

Nison nói:

Tôi thường đưa ra tổ chức một số hội thảo qua web hoặc bằng hình thức offline với một số định chế tài chính hàng đầu. Thật thú vị, một số định chế ở trên chỉ sử dụng phân tích cơ bản, cho tới khi họ bị hấp dẫn bởi đồ thị hình nến của Nison. Vì quyển sách này tập trung vào phân tích kỹ thuật, nên tôi muốn kể lại cho những người mới tìm hiểu về lĩnh vực này điều tôi đã trình bày với những khách hàng tổ chức về tầm quan trọng của phân tích kỹ thuật:

1. Phân tích kỹ thuật chứa đựng tất cả các thông tin, bất kể đó là thông tin nội bộ hay thông tin được công khai.

2. Có hai yếu tố tác động đến giá là – yếu tố lý trí (các chỉ số cơ bản như tỷ số P/E [giá/thu nhập]) và yếu tố tâm lý ("Tôi phải thoát khỏi thị trường ngay lập tức!"). Và con đường duy nhất để đo lường yếu tố tâm lý của thị trường là thông qua đồ thị.
3. Mỗi quan hệ giữa phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản có thể được hình dung qua một câu thành ngữ của Nhật Bản, "*Tay phải luôn đi cùng với tay trái*". Sử dụng cả hai phương pháp này để có được một phân tích hoàn chỉnh. Những công ty mà tôi làm việc có thể lên danh sách để nghị mua 10 cổ phiếu theo phương pháp phân tích cơ bản. Vì thế, họ đã dùng phân tích kỹ thuật và sự hiểu biết về đồ thị hình nến để xác định mã nào nên mua là tốt nhất về khía cạnh kỹ thuật. Sau cùng, có phải là thông minh khi mua cổ phiếu nằm dưới mức hỗ trợ (chống đỡ)? Trong trường hợp này, phân tích cơ bản đưa ra quyết định nên mua mã nào. Và phân tích kỹ thuật giúp xác định thời điểm hành động.
4. Phân tích kỹ thuật giúp kiểm soát rủi ro và quản lý ngân quỹ theo diễn biến thị trường. Điều này là do phân tích đồ thị có ưu điểm luôn luôn chỉ ra một mức giá mà ở đó hành động giao dịch của bạn bị sai. Nếu chờ đến lúc yếu tố cơ bản thay đổi, mọi chuyện có thể đã quá trễ.
5. Bằng việc phân tích đồ thị giá một cách lý trí, chúng ta sẽ có một cách nhìn khách quan về thị trường. Nếu thị trường đang phục hồi và tạo nên các mức giá đóng cửa cao hơn, nhưng lại xuất hiện mẫu hình ngôi sao băng hay mẫu hình nến với phần bóng dài phía trên, đó là một cảnh báo thị trường "*đang tăng điểm một cách chật vật*" – theo cách nói của người Nhật. Điều này có nghĩa rằng, bất kể thị trường đang có các mức giá đóng cửa cao hơn, nếu nhận thấy thị trường xuất hiện những bóng giảm giá trên đồ thị, nó sẽ là một cảnh báo cần đề phòng.
6. Bởi vì rất nhiều nhà giao dịch và nhà phân tích sử dụng phân tích kỹ thuật, nên phân tích kỹ thuật thường có một tác động mạnh lên thị trường. Do đó, điều quan trọng là cảnh giác với những tín hiệu kỹ thuật bên cạnh các phương pháp khác được sử dụng.

Trên thị trường gạo Osaka trong suốt đầu thế kỷ 18, Honma Munehisa đã gặt hái nhiều thành công tuyệt vời trong giao dịch bằng cách sử dụng những kỹ thuật dựa trên tâm lý thị trường. Đây là một phương pháp mang tính cách mạng trong việc nhìn nhận thị trường tài chính lúc bấy giờ. Bên cạnh viết một số quyển sách về các nguyên tắc tâm lý thị trường mà ngày nay chúng ta gọi là phân tích đồ thị hình nến, Honma cuối cùng trở thành một trong những nhà giao dịch tài chính thành công nhất trong lịch sử.

LÝ THUYẾT Dow

Chúng ta hãy đi đến nước Mỹ vào cuối thế kỷ 19. Charles Dow (sinh năm 1851) được xem là cha đẻ của phân tích kỹ thuật tại phương Tây. Ông đưa ra một lý thuyết, mà sau này được đặt theo tên của ông, phác thảo cách nhìn của ông ta về hành động giá trên thị trường chứng khoán. Dow là một trong những người sáng lập công ty Dow Jones Company và cũng như là nhà biên tập đầu tiên của tờ Wall Street Journal. Sau khi Charles Dow mất vào năm 1902, lý thuyết Dow được nhiều tác giả tiếp tục phát triển, trong đó nổi bật là William Hamilton, Robert Rhea, E. George Shaefer và Richard Russell.

Mặc dù ngày nay vẫn còn những tranh luận về những khái niệm nguyên thủy đằng sau lý thuyết Dow, nhưng các nguyên tắc này đã tạo thành nền tảng chung cho phân tích kỹ thuật phương Tây khi được hàng triệu người tham gia thị trường tài chính ngày nay sử dụng.

Điều cần nhớ khi đánh giá lý thuyết Dow là những nguyên tắc này, về nguyên thủy, được áp dụng cho hai chỉ số bình quân của thị trường chứng khoán: công nghiệp (là ngành sản xuất hiện nay) và đường sắt (tức ngành vận tải bấy giờ). Tuy nhiên, ngày nay, những khái niệm của lý thuyết Dow có thể được áp dụng cho tất cả các

chi số thị trường và có thể mở rộng cho tất cả thị trường tài chính. Theo lý thuyết Dow, có một số nguyên tắc chính về hành động giá thị trường. Có thể được tóm tắt như sau:

- **Thị trường chiết khấu mọi thứ:** tất cả các tin tức mới và thông tin cơ bản của thị trường luôn luôn được định giá vào trong giá thị trường hay được phản ánh trong giá thị trường. Bởi vì các mức giá thị trường hình thành dựa trên những kiến thức và kỳ vọng của con người, giá cả liên tục được điều chỉnh để thích hợp và phản ánh tất cả thông tin liên quan, bao gồm tất cả những tin tức trong thực tế cũng như bất kỳ sự kiện tiềm năng nào trong tương lai mà được mong đợi, e sợ, hay hi vọng. Nói cách khác, tất cả các sự kiện và hoạt động đầu cơ trên những sự kiện đó luôn luôn được phản ánh trong giá hiện tại của thị trường.
- **Ba xu hướng:** Các thị trường tài chính (hoặc theo lý thuyết Dow là các chỉ số trung bình thị trường chứng khoán) bao gồm ba xu hướng: xu hướng chính, xu hướng thứ cấp, xu hướng nhỏ. Một xu hướng chính là xu hướng chuyển động giá chủ đạo, bắt kể lên hay xuống, thường tồn tại từ 1 – 3 năm. Một xu hướng thứ cấp có thể được miêu tả như một giao động trung hạn, thường là một phản ứng ngược chiều xu hướng, điều chỉnh 1/3 đến 2/3 chiều dài của xu hướng chính và tồn tại từ khoảng ba tuần đến ba tháng. Cuối cùng, một xu hướng nhỏ là chuyển động giá ngắn hạn và tồn tại bất cứ ở đâu từ một vài giờ đến vài tuần. Xu hướng nhỏ tồn tại bên trong phạm vi của xu hướng thứ cấp, và xu hướng thứ cấp chỉ là sự điều chỉnh trong xu hướng chính.
- **Ba giai đoạn:** Theo lý thuyết Dow, xu hướng quan trọng nhất là xu hướng chính. Xu hướng chính được chia thành ba giai đoạn. Trong xu hướng tăng, ba giai đoạn đó là giai đoạn tích lũy, giai đoạn công chúng tham gia rộng rãi, sau đó là giai đoạn quá mức. Giai đoạn tích lũy trong một xu hướng tăng

mới nằm tại đuôi của xu hướng giảm, khi đó chỉ có một số ít nhà đầu tư thông minh bắt đầu mua trở lại. Giai đoạn công chúng tham gia rộng rãi thường là giai đoạn dài nhất, nó bắt đầu khi các nhà đầu tư bắt đầu nhận diện được xu hướng tăng mới và tham gia vào chúng. Cuối cùng, giai đoạn quá mức bắt đầu khi một số nhà đầu tư thông minh bắt đầu đóng vị thế của họ và đẩy vị thế đó cho những người mới vào thị trường – là những người đang chọn sai thời điểm. Vào lúc kết thúc giai đoạn quá mức, những tín hiệu bắt đầu chỉ ra xu hướng chính mới, ngược với xu hướng hiện tại. Giống với xu hướng lên, xu hướng giảm cũng có 3 giai đoạn: giai đoạn phân phôi, giai đoạn công chúng tham gia rộng rãi và giai đoạn quá mức.

- **Sự xác nhận.** Khái niệm này về nguyên thủy là áp dụng cho hai chỉ số trung bình thị trường: công nghiệp (hoặc là ngành sản xuất) và đường sắt (là ngành vận tải hiện nay). Dow đã cho rằng hai chỉ số này phải có sự xác nhận lẫn nhau bằng cách dịch chuyển cùng hướng trước khi một xu hướng mới được xác lập. Nói cách khác, xu hướng lên của thị trường chúng khoán được xác nhận chỉ khi hai chỉ số cùng nằm trong xu hướng tăng rõ rệt. Ngày nay, sự xác nhận trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật đang được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng nó vẫn là yếu tố quan trọng giống như trong thời đại của Dow.
- **Khối lượng xác nhận xu hướng.** Mặc dù giá cả luôn là điều vô cùng quan trọng, nhưng khối lượng được sử dụng như là sự xác nhận quan trọng của hành động giá. Chuyển động giá theo xu hướng nên đi cùng với một khối lượng giao dịch lớn, trong khi sự điều chỉnh ngược xu hướng nên đi cùng với một sự sụt giảm đáng kể trong khối lượng. Nếu khối lượng xác nhận xu hướng theo cách này thì đó là một chỉ báo cho thấy xu hướng đang vững mạnh và sẽ tiếp tục.

- Xu hướng có giá trị đến khi bị đảo chiều. Xu hướng tiếp tục đến khi có bằng chứng rõ ràng có một sự đảo chiều đã xảy ra. Có nghĩa là trong khi sự điều chỉnh ngược xu hướng và hành động giá cũng cố có thể xảy ra, chỉ một tín hiệu đảo chiều rõ ràng có thể đưa ra tín hiệu kết thúc xu hướng. Trong khi một trong những mục tiêu của phân tích kỹ thuật là phân biệt rõ sự khác nhau giữa sự đảo chiều xu hướng với hành động giá hiệu chỉnh trong xu hướng tiếp diễn, nhưng đây vẫn là một thách thức chính cho bất kỳ nhà đầu tư nào.

Trong khi có nhiều sự thay đổi so với thời đại của Dow, những nguyên tắc cốt lõi của lý thuyết Dow vẫn tiếp tục tạo nên một nền tảng cơ bản cho phân tích kỹ thuật hiện đại. Mặc dù khó mà tôn trọng triệt để lý thuyết Dow trong môi trường kinh doanh ngày nay nhưng các công cụ và kỹ thuật áp dụng xuất phát từ những ý tưởng ban đầu của Charles Dow vẫn là phương pháp hữu ích để giao dịch trên các thị trường tài chính ngày nay.

ĐỒ THỊ

Có lẽ sự phát triển quan trọng nhất trong lịch sử của phân tích kỹ thuật là nguồn gốc của đồ thị giá ngày nay. Những hình ảnh thể hiện cho hành động giá là công cụ chủ yếu cho vô số nhà phân tích kỹ thuật, các nhà giao dịch và các nhà đầu tư tham gia trên thị trường tài chính.

Như đã thảo luận trong chương 4, có vài loại đồ thị khác nhau sẵn sàng cho việc phân tích giá thị trường. Được phát triển đầu tiên tại Mỹ là đồ thị điểm và hình, được sử dụng vào cuối thế kỷ 19, gần với khoảng thời gian Charles Dow đưa ra lý thuyết Dow. Từ các bản viết tay thô sơ, đồ thị điểm và hình dần dần phát triển qua từng năm vào đầu thế kỷ 19 để tạo nên hình dạng mà chúng ta thấy ngày nay với ký hiệu X là xu hướng tăng, O là xu hướng giảm.

Cũng trong đầu thế kỷ 19, đồ thị hình thanh mà chúng ta sử dụng phổ biến ngày nay cũng được áp dụng. Được chấp nhận qua nhiều thập kỷ, đồ thị hình thanh cuối cùng trở thành đồ thị được sử dụng rộng rãi nhất trong tất cả các thị trường tài chính.

Sự thống trị của đồ thị hình thanh vẫn tiếp tục cho đến khi đồ thị hình nến được giới thiệu chính thức lần đầu tiên ở phương Tây cuối những năm 1980. Là phương pháp có nguồn gốc từ Nhật Bản và do một nhà phân tích kỹ thuật và giao dịch người Mỹ tên là Steve Nison giới thiệu, đồ thị hình nến nhanh chóng phát triển và đặt ra thách thức lớn cho sự thống trị lâu nay của đồ thị hình thanh. Mặc dù nguồn gốc của đồ thị hình nến bắt nguồn từ nhiều thế kỷ trước ở thị trường gạo Nhật Bản, như được đề cập trong phần trước, nhưng loại đồ thị này không được biết đến cho đến khi Steve Nison giới thiệu ở Mỹ và khiến cho cộng đồng phân tích trên toàn thế giới sử dụng rộng rãi.

Từ lúc sơ khai, các đồ thị điểm và hình, đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến tất cả đều đứng vững qua sự đào thải của thời gian và trở nên phổ biến theo con đường riêng của mỗi loại đồ thị, với những nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch khác nhau và trong tất cả thị trường tài chính.

SÓNG ELLIOTT

Nhiều nhân vật quan trọng sau Charles Dow đã có đóng góp to lớn cho phân tích kỹ thuật hiện đại. Một trong những nhà cải cách lớn, là tác giả sáng tạo ra một trong những mô hình nổi tiếng nhất và được chấp nhận rộng rãi nhất trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật, sóng Elliott. Tên ông là Raph Nelson Elliott.

Elliott sinh năm 1871, nhưng ông phát triển lý thuyết phức tạp của mình về xu hướng của thị trường tài chính vào những năm 1930, khi đã hơn 60 tuổi. Công việc trước đây của ông là kế toán.

Lý thuyết sóng Elliott được mô tả chi tiết trong chương 11, phần Fibonacci và sóng Elliott. Nhưng ở đây vẫn cần phải nói rằng sự cống hiến của Elliott cho lịch sử và thực tiễn ứng dụng của phân tích kỹ thuật là rất to lớn. Với lý thuyết sóng nổi tiếng về xu hướng thị trường chứng khoán, Elliott cung cấp một sự mô tả cụ thể về bản chất của thị trường tài chính. Giống lý thuyết Dow, lý thuyết sóng Elliott đưa đến cho các nhà phân tích, các nhà đầu tư và các nhà giao dịch một cấu trúc thị trường được hình thành và hoàn thiện từ những quy tắc và chỉ dẫn cụ thể.

Sau cái chết của Elliott năm 1948, những nhà phân tích kỹ thuật khác tiếp tục công việc của ông và phát triển lý thuyết này với những thành công vượt bậc. Những nhà phân tích đó bao gồm Charles Collins, Haminton Bolton và A.J.Frost. Nhưng có lẽ không có một cá nhân nào khiến cho tác phẩm gốc của Elliott trở nên phổ biến và thu hút nhiều sự quan tâm như là Robert Prechter, người xuất bản Elliott Wave Theorist, nhà sáng lập và chủ tịch của Elliott Wave International, và đồng thời là tác giả của hàng loạt những quyển sách tài chính bán chạy nhất. Prechter đã một tay vực dậy sự chú ý trong giới đầu tư đối với lý thuyết sóng Elliott thông qua những bài viết, quyển sách và quan trọng nhất là dự báo của ông với độ chính xác cao từ những năm 1980. Là một trong những nhà giáo dục và người viết nhiều nhất về chủ đề tâm lý thị trường trong thế giới tài chính hiện đại, cống hiến của Prechter cho lĩnh vực phân tích kỹ thuật là rất lớn và có thể còn nhiều hơn nữa.

Bên cạnh tác phẩm để đời về sóng Elliott, Prechter cũng là nguyên chủ tịch Hiệp hội nhà phân tích kỹ thuật thị trường (MTA - Market Technician's Association), một tổ chức của các nhà phân tích kỹ thuật có tác động to lớn lên sự phát triển và tồn tại của phân tích kỹ thuật trên toàn cầu. Tổ chức MTA là một phần quan trọng của lịch sử phân tích kỹ thuật từ khi tổ chức này được sáng lập vào những năm đầu 1970.

W.D. GANN

William Delbert Gann sinh năm 1878, là người cùng thời với Ralph Nelson Elliott, và lý thuyết của ông cũng có ảnh hưởng đáng kể lên lĩnh vực phân tích kỹ thuật mặc dù không mạnh mẽ như của Elliott. Gann là một nhà giao dịch – thành công trên cả thị trường cổ phiếu và hàng hóa cũng như nổi tiếng với những dự báo về một số sự kiện quan trọng, phần lớn là đảo chiều xu hướng trên thị trường cổ phiếu.

Kỹ thuật và chiến lược của Gann tập trung chủ yếu vào lý thuyết về thời gian và giá, góc và sự cân xứng hình học. Lý thuyết này chứa đựng những nghiên cứu đồ sộ về chu kỳ thị trường. Khám phá của ông vào đầu thế kỷ 20 về nhân tố thời gian thị trường khiến cho công chúng muốn kiểm tra kỹ năng giao dịch của Gann. Trong bài thử nghiệm này, Gann đã kiểm được một khoản lợi nhuận phi thường trong một khoảng thời gian ngắn, và kết quả là Gann trở nên nổi tiếng hơn. Viết một số quyển sách về nhiều chủ đề, Gann là một người tiên phong đúng nghĩa, và có nhiều cống hiến quan trọng cho lĩnh vực phân tích kỹ thuật, giống như Ralph Nelson Elliott. Ngày nay, nhiều nhà giao dịch và nhà phân tích vẫn dùng nhiều công cụ và nguyên tắc thừa hưởng từ di sản của Gann.

CHỈ BÁO

Xuyên suốt lịch sử hiện đại của phân tích kỹ thuật, một số quyển sách và các ấn phẩm xuất bản đã trở thành tác phẩm hàng đầu để đưa những nguyên tắc lên tầm cao mới. Có lẽ không có quyển sách nào có thể tạo ra nhiều ảnh hưởng lịch sử như "Phân tích kỹ thuật về xu hướng chứng khoán - Technical Analysis of Stock Trends" của Robert Edward và John Magee, được xuất bản vào cuối những năm 1940. Quyển sách này nhanh chóng trở thành tác phẩm kinh điển, được xem như là chuẩn mực trong lĩnh vực này và luôn hiện diện trên kệ sách của các nhà giao dịch trên thế giới.

Nhiều quyển sách và ấn phẩm khác được xuất bản sau khi tác phẩm kinh điển của Edward và Magee giới thiệu những chỉ báo phân tích kỹ thuật đến với công chúng. Nhiều chỉ báo quan trọng như: chỉ số sức mạnh tương đối (tên gọi thông dụng là chỉ báo RSI-Relative Strength Index), chỉ số định hướng bình quân (tên gọi thông dụng là chỉ báo ADX - Average Directional Index), chỉ báo khung dao động trung bình (tên gọi thông dụng là chỉ báo ATR - Average True Range), chỉ báo dừng và đảo ngược parabol (tên gọi thông dụng là chỉ báo Parabolic SAR - Parabolic Stop And Reverse), và nhiều chỉ báo khác, tất cả được giới thiệu bởi nhà giao dịch và nhà phân tích kỹ thuật J.Welles Wilder. Tất cả những chỉ báo này được trình bày trong quyển sách quan trọng của ông có tên là "Hệ thống giao dịch kỹ thuật" (Technical Trading System) vào cuối những năm 1970.

Cũng trong cuối những năm 1970, chỉ báo đường hội tụ/phân kỳ trung bình di động (tên gọi thông dụng là chỉ báo MACD) được sử dụng phổ biến. Chỉ báo MACD được phát triển bởi nhà phân tích kỹ thuật Gerald Appel. Từ khi được giới thiệu trong cuối những năm 1970 bởi Appel, chỉ báo MACD đã trở thành một trong những chỉ báo được sử dụng rộng rãi nhất.

Việc thảo luận về các chỉ báo hoặc các dao động xung lượng sẽ không hoàn chỉnh nếu không nói đến chỉ báo dao động ngẫu nhiên (tên thường gọi là chỉ báo Stochastic Oscillator). Chỉ báo này được chấp nhận rộng rãi và có thể thấy trên đồ thị của nhiều nhà giao dịch kỹ thuật. Được phát triển vào những năm 1950 bởi một nhà môi giới, nhà giao dịch, và nhà phân tích kỹ thuật tên là Geogre Lane, chỉ báo Stochastic Oscillator là một dao động xung lượng quan trọng mà nhiều nhà giao dịch hiện nay không thể không quan sát.

Chỉ số kênh hàng hóa (tên thường gọi là chỉ báo CCI - Commodity Channel Index) là chỉ báo dao động được giới thiệu lần đầu tiên bởi Donald Lambert vào năm 1980. Được thiết kế ban đầu để sử dụng trên thị trường hàng hóa, giống như tên gọi của nó, chỉ báo CCI cuối cùng cũng được sử dụng cho nhiều thị trường tài chính khác.

Vào đầu những năm 1980, John Bollinger, một nhà phân tích và quản lý danh mục nổi tiếng đã phát triển và đưa ra chỉ báo mang tên ông, gọi là dài băng Bollinger, dài băng độ biến động này đã trở thành một công cụ chuẩn trong đa số các đồ thị kỹ thuật.

NHỮNG NGƯỜI ĐI THEO XU HƯỚNG

Xuyên suốt lịch sử hiện đại của các thị trường tài chính, nhiều nhà giao dịch xuất chúng đã xuất hiện mà thành công của họ có được bằng cách sử dụng phân tích kỹ thuật trong hoạt động giao dịch. Một trong số những nhà giao dịch tài năng này xem bản thân họ là người theo sau xu hướng. Một trong những người tiên phong đầu tiên áp dụng phương pháp giao dịch này là nhà giao dịch trên thị trường tương lai tên là Richard Donchian.

Donchian quản lý các quỹ đầu tư trên thị trường tương lai và xây dựng một phương pháp mang tính chất hệ thống để giao dịch trên thị trường giao sau dựa vào tính chất xu hướng của thị trường tài chính. Khuynh hướng dịch chuyển theo xu hướng của các thị trường, có thể là xu hướng lên hoặc xu hướng xuống, trong thời gian dài là nền tảng cho phong cách giao dịch của Donchian.

Phương pháp của Donchian ảnh hưởng đến sự nghiệp giao dịch của nhiều nhà giao dịch xuất chúng khác cũng như vô số các tổ chức áp dụng phương pháp theo sau xu hướng. Trong số những nhà giao dịch nổi bật, một nhóm nổi tiếng được đào tạo bởi một người tiên phong khác trong phương pháp theo sau xu hướng là Richard Denis. Nhóm này có biệt danh là "Những con rùa", và Denis đào tạo họ vào những năm 1980 để giao dịch trên thị trường tương lai và các công cụ tài chính khác bằng cách sử dụng phương pháp theo sau xu hướng. Vài người trong nhóm "những con rùa" đã thành công trong giao dịch và quản lý tài khoản như là kết quả của quá trình đào tạo theo phương pháp theo sau xu hướng.

HIỆP HỘI NHỮNG NHÀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG

Bên cạnh nhiều nhà giao dịch và nhà phân tích có ảnh hưởng đến lịch sử phân tích kỹ thuật, cũng có một tổ chức có tầm ảnh hưởng lớn và lâu dài đối với sự phát triển của lĩnh vực này. Như đã đề cập trước đây, Hiệp hội những nhà phân tích kỹ thuật thị trường (MTA), là một tổ chức toàn cầu của các nhà phân tích kỹ thuật có tầm ảnh hưởng sâu sắc trong việc chuẩn hóa ứng dụng phương pháp phân tích kỹ thuật cũng như duy trì việc sử dụng và phát triển của phân tích kỹ thuật trên tất cả thị trường tài chính. Thành lập vào những năm 1970 bởi một nhóm người tiên phong đầy nhiệt huyết trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật, MTA đã phát triển việc ứng dụng phân tích kỹ thuật như chúng ta biết ngày nay. Vì vậy, tổ chức này có một vị trí quan trọng trong lịch sử phân tích kỹ thuật.

Một trong những thành tựu đáng kể nhất của MTA là phát triển chứng chỉ nhà phân tích kỹ thuật thị trường chuyên nghiệp (gọi là chứng chỉ CMT) khởi đầu vào cuối những năm 1980. MTA đưa ra những bài kiểm tra nghiêm ngặt về các khái niệm phân tích kỹ thuật cũng như ứng dụng thực hành, sau đó phát hành chứng chỉ CMT cho những người vượt qua được chuỗi bài kiểm tra. Đây là đóng góp to lớn trong việc chuẩn hóa kiến thức cho những nhà phân tích kỹ thuật cũng như đưa ra một chuẩn mực cho sự thành công trong lĩnh vực này.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT NGÀY NAY

Ngày nay, hoạt động phân tích kỹ thuật bị chi phối mạnh mẽ bởi hệ thống giao dịch tự động và được xem là một chiếc dù hỗ trợ cho hoạt động giao dịch thông qua hệ thống máy tính mà không cần đến việc nhập lượng hay can thiệp nào từ con người. Nhiều nhà giao dịch cá nhân nhỏ lẻ trên tất cả những thị trường tài chính vẫn tiếp tục giao dịch theo kiểu thủ công và không tự động, nhưng giao

dịch tự động là tiêu chuẩn cho những định chế tài chính cũng như là để đáp ứng cho sự gia tăng không ngừng số lượng các nhà đầu tư cá nhân. Những nhà giao dịch này sử dụng phương pháp dựa vào quy tắc, rõ ràng khi đặt ra những chiến lược để giao dịch tự động bằng máy tính. Một số hệ thống giao dịch tự động cụ thể được thảo luận trong chương 14, trong phần chiến lược giao dịch kỹ thuật.

Từ thị trường gạo Osaka, Nhật Bản vào thế kỷ 18 đến chiến lược giao dịch hệ thống ngày nay, phân tích kỹ thuật đã trải qua một chặng đường dài, nhưng vẫn tiếp tục phát triển mạnh như là một phương pháp hữu dụng và có tính logic khi tham gia giao dịch trên thị trường tài chính.

TÓM TẮT

Chương này cung cấp một cái nhìn tổng quát về những mốc phát triển quan trọng nhất trong lịch sử phân tích kỹ thuật, bắt đầu từ những ghi chép đầu tiên về nguyên lý giao dịch trên thị trường gạo Osaka, Nhật Bản. Đây là nơi khởi thủy của đồ thị hình nến Nhật Bản và là nơi mà những thương gia ngành gạo có được thành công bằng cách tiên phong sử dụng những kỹ thuật đồ thị tài chính.

Sự xuất hiện của phân tích kỹ thuật phương Tây có thể được cho là từ khi lý thuyết Dow xuất hiện, với một loạt các khái niệm đột phá của Charles Dow, đã tạo ra nền tảng cho phân tích kỹ thuật mà chúng ta biết ngày nay.

Một trong những sự phát triển quan trọng nhất trong lịch sử phân tích kỹ thuật là việc sử dụng đồ thị. Đồ thị là công cụ chính yếu cho tất cả các nhà phân tích kỹ thuật ngày nay. Vài loại đồ thị khác nhau được phát triển tại những thời điểm khác nhau trong lịch sử phân tích kỹ thuật. Những loại đồ thị này bao gồm đồ thị điểm và hình, đồ thị hình thanh, và đồ thị hình nến.

Sau khi lý thuyết Dow xây dựng nền tảng, những nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch tiên phong khác nỗi lén đóng góp thêm vào sự phát triển nhanh chóng kiến thức của lĩnh vực phân tích kỹ thuật. Lý thuyết sóng Elliott là một trong những sự phát triển nổi bật nhất cũng như là các lý thuyết được đưa ra bởi W.D. Gann. Những người tiên phong khác đã phát triển và giới thiệu những chỉ báo hoặc những chỉ báo dao động mà chúng ta vẫn ứng dụng ngày nay. Những chỉ báo này bao gồm chỉ báo RSI, chỉ báo Stochastic, chỉ báo MACD, dải băng Bollinger, chỉ báo ATR, chỉ báo ADX, chỉ báo CCI và nhiều chỉ báo khác. Những người phân tích kỹ thuật khác đã ứng dụng và phát triển những nguyên tắc theo sau xu hướng, mà cuối cùng đã sản sinh ra nhiều nhà giao dịch thành công nổi tiếng.

Hiệp hội những nhà phân tích kỹ thuật thị trường, hay MTA, là tổ chức có vai trò quan trọng trong nỗ lực chuẩn hóa những khái niệm và ứng dụng phân tích kỹ thuật cũng như là cung cấp một chuẩn mực thành công trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật thông qua việc cấp chứng chỉ CMT.

Ngày nay, việc phân tích kỹ thuật và tiến hành giao dịch phần lớn được thực hiện trên máy tính. Hệ thống giao dịch tự động đã trở thành tiêu chuẩn cho nhiều định chế tài chính và các nhà giao dịch cá nhân. "Xu hướng" giao dịch tự động hứa hẹn sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai.

Chương 3

Thế mạnh của phân tích kỹ thuật

Những nguyên lý hành động giá



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- *Đánh giá tầm quan trọng của hành động giá và nó trở thành trụ cột của phân tích kỹ thuật như thế nào.*
- *Tìm hiểu bản chất và tâm lý con người ảnh hưởng đến hành động giá thị trường như thế nào.*
- *Sử dụng những công cụ, phương pháp, khái niệm kỹ thuật hiệu quả nhất khi phân tích hành động giá cho bất kỳ thị trường tài chính nào.*

GIỚI THIỆU VỀ CÁC KHÁI NIỆM HÀNH ĐỘNG GIÁ

Trong lịch sử phân tích kỹ thuật, có một chủ đề quan trọng làm nền tảng cho kỹ luật giao dịch trên thị trường tài chính. Đó là hành động giá. Khái niệm hành động giá có ý nghĩa khác nhau đối với từng người, nhưng nhiều nhà phân tích kỹ thuật đồng ý rằng "hành động giá" là hành vi giá diễn ra theo mẫu hình và là manh mối nhận biết xu hướng tiềm năng trong tương lai.

Giống như Charles Dow và những người theo trường phái của ông khẳng định trước đây, các nhà phân tích kỹ thuật thuần túy tin rằng những tác động bên ngoài, chẳng hạn như các sự kiện mới, điều kiện kinh tế, nhận thức và cảm xúc thị trường, tất cả đều phản ánh trong hành động giá. Do đó, không cần thiết phải nghiên cứu tất cả các tác động bên ngoài. Chỉ cần nghiên cứu hành động giá cũng đủ để hiểu được thị trường.

Có vô số tác động bên ngoài ảnh hưởng đến giá thị trường. Trong bất kỳ thời điểm nào, đánh giá chính xác yếu tố nào sẽ ảnh hưởng mạnh đến giá, và theo chiều hướng nào là điều vô cùng khó khăn. Vì vậy, nhìn chung các nhà phân tích kỹ thuật không bận tâm đến câu hỏi tại sao thị trường di chuyển theo hướng nào đó. Điều quan trọng hơn câu hỏi "tại sao" là câu hỏi "như thế nào". Hiểu rõ câu hỏi "như thế nào" có nhiều lợi ích hơn so với nghĩ về câu hỏi "tại sao". Thông qua phân tích hành động giá, phân tích kỹ thuật có thể đưa ra những manh mối nhận biết giá có thể chuyển động và phản ứng như thế nào trong tương lai dựa trên nghiên cứu hành động giá trong quá khứ và hiện tại.

Nghiên cứu hành động giá đòi hỏi phải nghiên cứu giá chuyển động theo hành vi đám đông như thế nào trên thị trường tài chính. Bất kỳ một thị trường tài chính nào cũng có thể được mô tả như là một đám đông con người hành động đang thể hiện cảm xúc của họ thông qua việc mua và bán. Tất nhiên, đây là một hình thức đơn

giản hóa về thị trường tài chính, nhưng nó cũng đủ đáp ứng mục tiêu phân tích hành động giá.

Những cảm xúc được thể hiện ra ngoài trong khi mua bán của con người là rất đa dạng, bao gồm hai cảm xúc chủ yếu là tham lam và sợ hãi. Bên cạnh đó, những tình cảm và lý trí của thị trường là sự lạc quan và bi quan cũng được phản ánh vào hành động giá.

Tất cả cảm xúc và lý trí của con người kết hợp lại với nhau, thông qua những hành động mua bán liên tiếp, đạt đến cực điểm trong hành động giá mà chúng ta có thể nhìn thấy trên bất kỳ đồ thị nào. Các hình thức thể hiện hành động này trên đồ thị giá bao gồm phân tích xu hướng, mức chống đỡ và ngưỡng kháng cự, và mẫu hình đồ thị giá. Tất cả những thành phần trên của hành động giá sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong các chương sau.

NHỮNG THÀNH PHẦN CỦA HÀNH ĐỘNG GIÁ

Xu hướng có lẽ là khía cạnh nổi bật nhất trong hành động giá. Những nhà phân tích kỹ thuật luôn luôn phân loại thị trường theo xu hướng lên, xu hướng xuống, hay không có xu hướng. Không có xu hướng có thể được gọi là xu hướng đi ngang. Thị trường tài chính có khuynh hướng đi theo xu hướng bởi vì bản tính cổ hữu của con người trên thị trường tài chính. Trong điều kiện bình thường, một thị trường sẽ tiếp tục đi theo xu hướng cho đến khi xuất hiện một chất xúc tác đủ mạnh để kết thúc xu hướng đó hoặc là khiến thị trường đi vào giai đoạn bắt đầu đảo chiều hoặc cung cấp. Đây cao hơn và đỉnh cao hơn là đặc điểm của xu hướng tăng, trong khi xu hướng giảm được đặc trưng bởi đỉnh thấp hơn và đáy thấp hơn.

Giống như xu hướng, các mức kháng cự và chống đỡ cũng là những nguyên tắc cơ bản của hành động giá. Mức chống đỡ có thể được xem như là giá sàn của hành động giá, trong khi ngưỡng

kháng cự là giá trần của hành động giá. Tất nhiên là cả giá trần và sàn đều có thể bị phá vỡ. Mức chống đỡ và kháng cự, vốn được xem là khái niệm cơ bản của hành động giá, xuất phát từ nhận thức chung của các thành viên thị trường về sự cao hay thấp tương đối của các mức giá nhất định. Nhận thức này được nhìn thấy khi xuất hiện các phản ứng giá với những mức này, vì vậy các phản ứng giá này được sử dụng để tìm kiếm cơ hội đầu tư tiềm năng.

Mẫu hình đồ thị đơn giản là hành động giá trên đồ thị tạo thành một hình dạng nhất định. Các mẫu hình thường gặp là: tam giác, hình chữ nhật, lá cờ, cờ đuôi nheo hai đỉnh, đầu và vai... Phần lớn các mẫu hình ở trên được xem như là mẫu hình cung cổ xu hướng, tức là ở đó giá hoặc chỉ số thị trường chuyển động chậm và mức độ biến động hẹp. Đối với hầu hết các mẫu hình cung cổ xu hướng, cơ hội giao dịch tốt nhất là tại điểm phá vỡ. Ví dụ, một mẫu hình cung cổ xu hướng thường gặp như mẫu hình tam giác chỉ thật sự hữu ích sau khi giá phá vỡ bất kỳ theo hướng nào, có thể là phá vỡ hướng lên hoặc phá vỡ theo hướng xuống. Khi điều này chưa xảy ra, bạn không nên hành động vì mẫu hình tam giác vẫn đang ở trong quá trình hình thành.

Mặc dù có nhiều công cụ khác được sử dụng trong phân tích kỹ thuật như là chỉ báo, dao động, đường trung bình di động... nhưng các công cụ này không nhất thiết phải sử dụng khi phân tích hành động giá. Hầu hết các chỉ báo và dao động nói chung là các phép tính toán học chỉ thể hiện riêng về giá. Vì vậy, mặc dù các chỉ báo và dao động có thể là yếu tố then chốt để đưa ra quyết định giao dịch, nhưng nghiên cứu chúng lại không thực sự hữu ích khi phân tích hành động giá. Trong trường hợp này, một số nhà giao dịch cho rằng việc giao dịch thuận túy theo hành động giá là giao dịch "bằng mắt" (naked trading) hay gọi là giao dịch không cần sử dụng đến các chỉ báo và dao động.

Trong thế giới thực

TIỀN ĐOÁN TỰ THỰC HIỆN Tiên đoán tự thực hiện đóng một vai trò quan trọng trong phân tích kỹ thuật. Một trong những lý do chính là nhiều khía cạnh phân tích kỹ thuật, cụ thể như các khái niệm quan trọng đường xu hướng, mức kháng cự và chống đỡ, các mức Fibonacci và mẫu hình giá đường như hoạt động đúng theo hiện tượng này. Tiên đoán tự thực hiện là một dự báo hay dự đoán khiếu cho bản thân điều được dự báo trở thành sự thực đơn giản bởi vì thị trường phản ứng theo dự báo đó.

Trong phân tích kỹ thuật, một mức kháng cự hay chống đỡ nhất định có thể có giá trị và trở nên quan trọng đơn giản bởi vì mức giá đó được mọi người biết đến và vì vậy nhiều nhà giao dịch quan sát và hành động theo mức giá này. Ví dụ, mức tỷ lệ phần trăm Fibonacci 0,382, một điểm quan trọng R1, và một đường chống đỡ chính hướng lên bản thân nó không có khả năng dự báo. Thực chất đây là những mức giá được nhiều người biết đến và chấp nhận rộng rãi nên nhiều nhà giao dịch đã quan sát và giao dịch theo mức giá đó. Hiểu rõ vai trò của tiên đoán tự thực hiện như là một thành phần của tâm lý đám đông, là một chìa khóa để biết sự hiệu quả của phân tích kỹ thuật trên các thị trường tài chính.

Phân tích hành động giá là hữu ích vì nó miêu tả hành vi đám đông thị trường chỉ bằng cách sử dụng chuyển động giá theo mẫu hình. Giả thuyết nền tảng của phân tích hành động giá và của phân tích kỹ thuật là bản chất con người và hành vi đám đông thị trường gần như không thay đổi qua thời gian. Nói cách khác, lịch sử có khuynh hướng lặp lại chính nó, ít nhất là trong cách mà con người nhận thức, hành động và phản ứng trên thị trường tài chính.

Vì thế mỗi xu hướng mới, mức chống đỡ/kháng cự mới, và mẫu hình đồ thị kể về một câu chuyện trong quá khứ và được lặp lại. Bất kỳ nhà phân tích kỹ thuật hay nhà giao dịch nào nghiên cứu về

một thị trường tài chính trong một thời gian dài cũng nhận thấy sự lặp lại của quá khứ diễn ra rất nhiều lần. Chính vì thực tế này, một nhà giao dịch kinh nghiệm nghiên cứu kỹ lưỡng hành động giá thị trường có thể đưa ra một nhận định hợp lý liệu giá có thể phản ứng như thế nào dựa trên quan sát khuynh hướng hành vi thị trường.

Trong các chương sau của quyển sách này, bạn sẽ thấy việc nghiên cứu cẩn thận hành động giá trên bất cứ thị trường tài chính nào có thể tạo nên sự khác biệt giữa thành công và thất bại trong sự nghiệp đầu tư.

TÓM TẮT

Chương này bao gồm các khái niệm quan trọng về hành động giá. “Hành động giá” là hành vi chuyển động giá thị trường diễn ra theo mẫu hình. Các thành phần cơ bản của phân tích hành động giá là xu hướng, mức kháng cự và chống đỡ, và mẫu hình đồ thị giá. Những khía cạnh khác của phân tích kỹ thuật bao gồm chỉ báo và dao động không được xem là thành phần của hành động giá, vì chúng không thể hiện hành động giá, thay vào đó là các phép tính toán học từ giá.

Chương 4

Các loại đồ thị cơ bản của phân tích kỹ thuật

Đồ thị hình thanh, đồ thị
hình nến, đồ thị đường,
và đồ thị điểm và hình



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Phân biệt sự khác nhau giữa đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến, đồ thị đường và đồ thị điểm và hình.
- Nhận biết cấu trúc cơ bản và sử dụng tất cả các loại đồ thị.
- Tìm hiểu cấu trúc đặc đáo của đồ thị điểm và hình, và điểm khác biệt chính giữa đồ thị điểm và hình với các loại đồ thị khác.

ĐỒ THỊ HÌNH THANH VÀ ĐỒ THỊ HÌNH NẾN

Công cụ phân tích kỹ thuật cơ bản nhất và chắc chắn cũng là quan trọng nhất là đồ thị giá, một hình ảnh rõ nét về hành động giá cho bất kỳ hoạt động giao dịch và đầu tư nào. Chức năng cơ bản của đồ thị giá là thể hiện hình dạng chuyển động của giá qua thời gian. Đến lượt mình, đồ thị giá giúp các nhà phân tích kỹ thuật dự phòng và/hoặc phản ứng với hành vi giá tương lai.

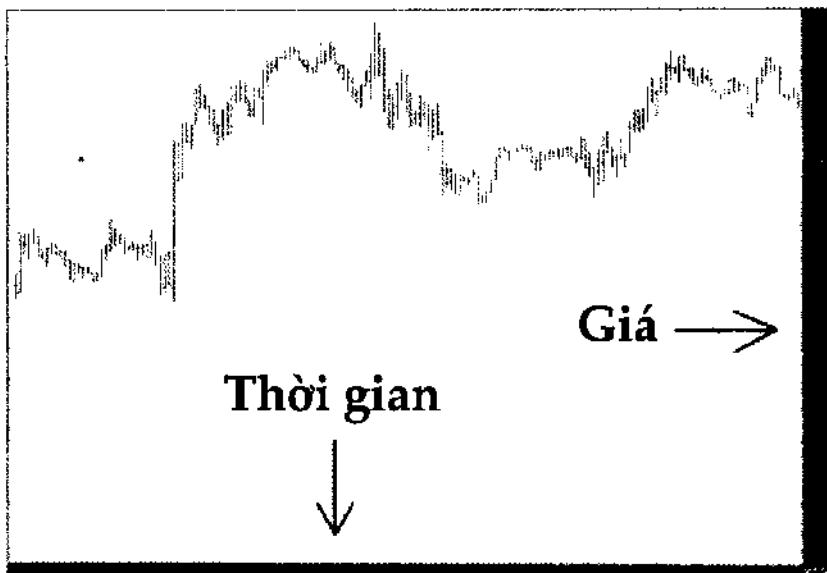
Cách thức hành động giá được xây dựng trên một biểu đồ có thể gồm vài loại đồ thị khác nhau. Các đồ thị được sử dụng phổ biến nhất ngày nay là đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến. Những đồ thị thông dụng khác là đồ thị đường và đồ thị điểm và hình. Các đồ thị ít thông dụng hơn bao gồm những đồ thị kiểu Nhật Bản như: Heikin – Ashi, Renko, và ba đường phá vỡ.

Hơn nữa, phần đông các nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch sử dụng hoặc là đồ thị hình thanh hoặc là đồ thị hình nến để miêu tả hành động giá trên đồ thị. Cấu trúc cơ bản của đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến là rất giống nhau. Cả hai đều cung cấp thông tin giống nhau như: giá mở cửa, giá cao nhất, giá thấp nhất, và giá đóng cửa của một chứng khoán nhất định trong một thời kỳ nhất định. Nó thường được miêu tả là OHLC, tương ứng với mở cửa (Open), cao nhất (High), thấp nhất (Low), đóng cửa (Close).

Như trình bày trong hình 4.1, tất cả đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến gồm hai trục là trục x và trục y. Trục x, hay trục ngang, đại diện cho thời gian. Trục x được đọc từ trái sang phải theo tiến trình thời gian. Trục y, hay trục dọc, đại diện cho giá. Trục y được sắp xếp từ mức giá thấp tương ứng với đáy đến mức giá cao tương ứng với đỉnh.

Trong nội dung này, ví dụ, mỗi hình thanh và hình nến trên đồ thị ngày sẽ thể hiện mức giá mở cửa ngày hôm đó, mức cao nhất

Trục x và trục y trên đồ thị



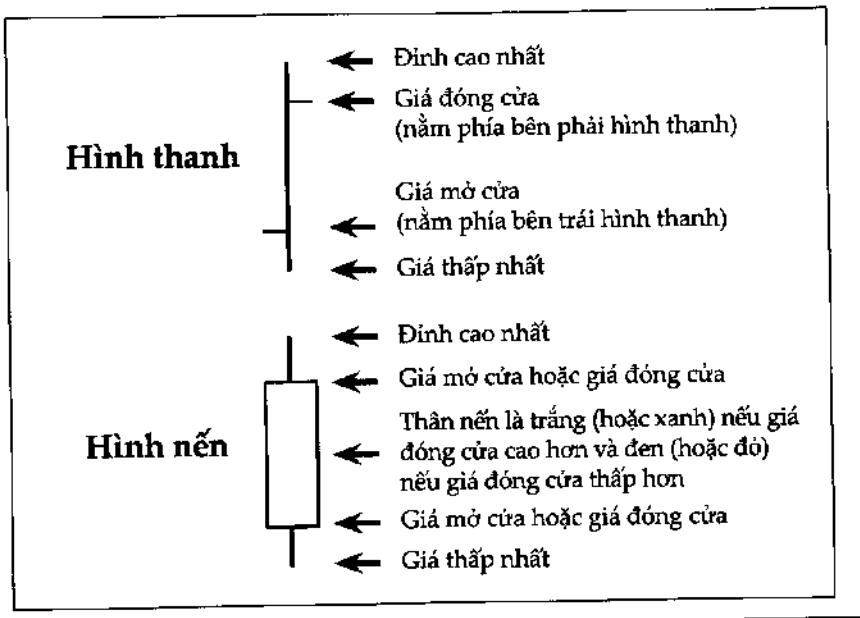
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

trong ngày, mức thấp nhất trong ngày, và mức giá đóng cửa. Khi có một số lượng lớn hình thanh hay hình nến trên đồ thị, các nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch kỹ thuật có thể bắt đầu nhận diện những mẫu hình nhằm tìm kiếm manh mối về hành động giá tiềm năng trong tương lai.

Trong khi các thông tin về giá được cung cấp bởi hình thanh và hình nến là giống nhau, thì biểu hiện bên ngoài của hai loại đồ thị này có sự khác biệt đáng kể. Vì lý do này, một số nhà đầu tư thích hình thanh, nhưng một số khác lại thích hình nến.

Đồ thị hình thanh là công cụ chính của phân tích kỹ thuật trong một thời gian dài trên thị trường tài chính phương Tây. Cấu trúc của một hình thanh OHLC là rất rõ ràng và đơn giản, như trình bày trong hình 4.2.

Cấu trúc hình thanh và Cấu trúc hình nến



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Giá mở cửa trên đồ thị hình thanh nằm bên phía tay trái và giá đóng cửa nằm bên phía tay phải. Giá cao nhất của khoảng thời gian được mô tả như là điểm cao nhất của thanh, trong khi giá thấp nhất của khoảng thời gian là điểm thấp nhất của thanh. Một hình thanh có thể biểu diễn cho bất kỳ khoảng thời gian nào như: một tháng, một tuần, một ngày, một giờ, một phút, một loạt các tick (các chuyển động thị trường), hay bất kỳ khoảng thời gian nào. Bất kể đồ thị hình thanh thể hiện theo khung thời gian nào, hình dáng và cấu trúc của đồ thị vẫn không thay đổi.

Cấu trúc của đồ thị hình nến có sự khác biệt đáng kể so với đồ thị hình thanh. Đồ thị hình nến, một công cụ phân tích tài chính, được giới thiệu gần đây ở Phương Tây có nguồn gốc từ thị trường mua bán gạo tại Nhật Bản. Steve Nison, một nhà phân tích kỹ thuật nổi tiếng người Mỹ, đã có công mang kỹ thuật đọc đồ thị cổ xưa của

Nhật Bản đến với nhà đầu tư phương Tây. Nison đã rất thành công trong việc phổ biến phương pháp đồ thị hình nến Nhật Bản, và đồ thị này đã thay thế cho sự phổ biến của đồ thị hình thanh trong một số thị trường.

Như đã đề cập trước đây, đồ thị hình nến chứa đựng tất cả những thành phần quan trọng của giá giống như đồ thị hình thanh. Chỉ có khác biệt ở trong cách hiển thị những thành phần đó. Đi kèm với biểu hiện đơn giản của giá trong đồ thị hình nến là những cái tên đầy ý nghĩa của các mẫu hình nến tạo nên những chỉ báo tiềm năng và xác nhận hành vi giá trong tương lai. Những mẫu hình này sẽ được trình bày chi tiết trong chương 8, chương mẫu hình đồ thị giá.

Cấu trúc hình dạng của một thanh nến thực sự rất giống với một cây nến (xem hình 4.2).

Thân nến thể hiện cho những mức giá nằm giữa giá mở cửa và giá đóng cửa, và bóng nến thể hiện cho các mức giá cao nhất và thấp nhất trong quá trình tạo ra cây nến.

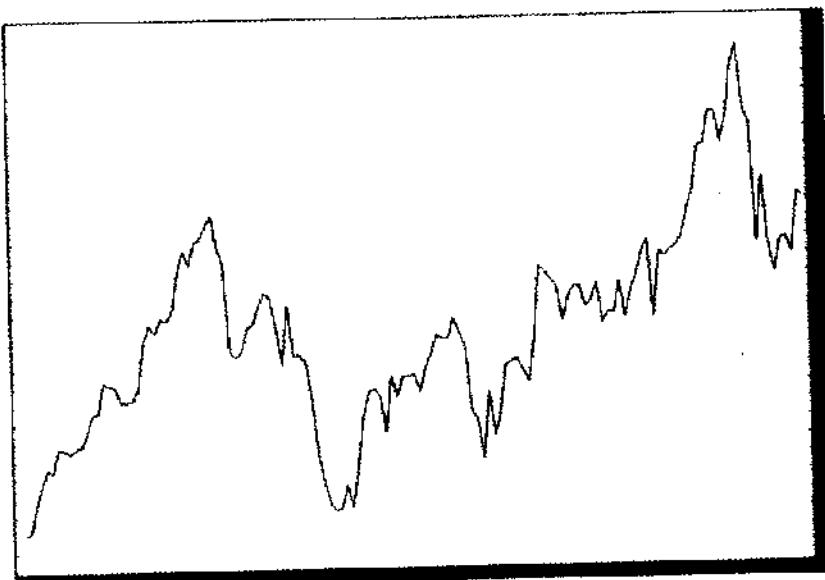
Lưu ý, tất cả các thông tin chứa đựng bên trong đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến là giống nhau, nghĩa là cũng có giá cao nhất, giá thấp nhất, giá mở cửa, và giá đóng cửa của một khoảng thời gian nhất định.

Trong khi phần lớn các nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch ngày nay sử dụng đồng thời cả đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến để biết những thông tin quan trọng về giá OHLC, một số nhà giao dịch chỉ thích sử dụng giá đóng cửa. Trong trường hợp này, đây được gọi là đồ thị đường.

ĐỒ THỊ ĐƯỜNG

Đồ thị đường có hình dạng giống như chính cái tên của nó. Một đường thẳng nối giá đóng cửa của mỗi khoảng thời gian lại với nhau tạo ra một dãy các điểm được nối (xem hình 4.3).

Đồ thị đường



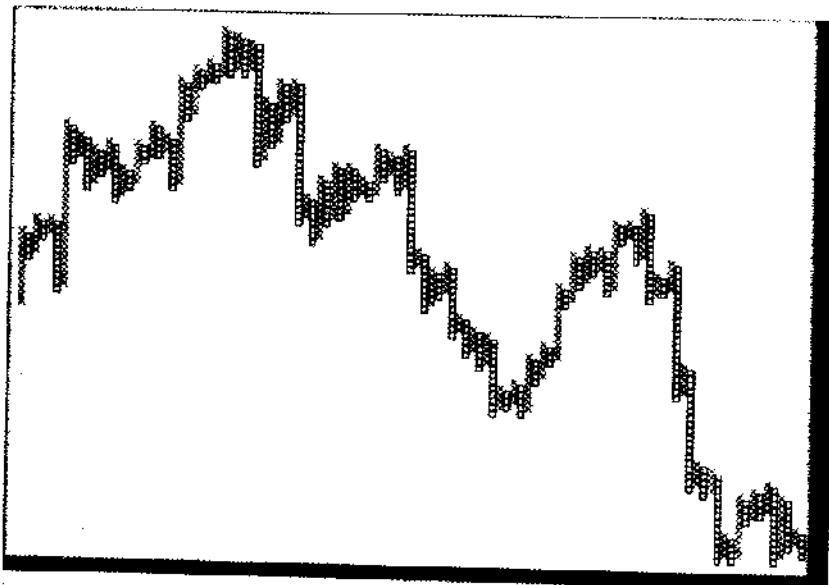
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Giống như đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến, đồ thị đường cũng được sử dụng trong bất kỳ khung thời gian nào, bao gồm: một tháng, một tuần, một ngày, bốn giờ, một giờ, năm phút, một phút hoặc bất kỳ khung thời gian nào nằm giữa các khung thời gian trên. Ví dụ, nếu dùng đồ thị năm phút, đồ thị đường nổi giá đóng cửa mỗi một khoảng thời gian năm phút từ trái qua phải theo trình tự thời gian. Đồ thị đường cung cấp một hình ảnh rõ ràng và đơn giản về giá cho những nhà giao dịch chỉ thích sử dụng giá đóng cửa.

ĐỒ THỊ ĐIỂM VÀ HÌNH

Đồ thị cơ bản cuối cùng được thảo luận ở đây thể hiện cho một sự xuất phát ấn tượng từ đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến, và đồ thị đường. Đồ thị điểm và hình có sự khác biệt đáng kể so với các loại đồ

Đồ thị Điểm và Hình



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

thị khác, nên nhiều nhà giao dịch vốn đã quen với đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến rất khó khăn khi sử dụng đồ thị điểm và hình.

Cấu trúc hình dạng của đồ thị điểm và hình được mô tả bằng các cột X và O nằm xen kẽ nhau, như trình bày trong hình 4.4. Một cột X có nghĩa là giá tăng. Ngược lại, một cột O có nghĩa là giá giảm.

Những cột X và O nằm xen kẽ nhau di chuyển từ trái sang phải theo quá trình diễn biến của hành động giá. Tuy nhiên, không giống như đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến và đồ thị đường, yếu tố thời gian không xuất hiện trên đồ thị điểm và hình. Nói cách khác, thời gian không dịch chuyển từ trái sang phải như các loại đồ thị khác. Đồ thị điểm và hình tiến triển từ trái sang phải chỉ theo sự dịch chuyển của giá. Nếu giá không di chuyển thì đồ thị không di chuyển. Vì lý do này, nhiều nhà đầu tư quen sử dụng đồ thị điểm và

hình xem loại đồ thị này là hình thức thuần túy nhất của phân tích kỹ thuật, bởi lẽ chúng chỉ dựa trên hành động giá.

Bất kể lựa chọn phương pháp biểu thị hành động giá nào: đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến, đồ thị đường, hoặc đồ thị điểm và hình thì mục tiêu là giống nhau. Tất cả các nhà giao dịch sử dụng những công cụ phân tích kỹ thuật theo từng loại đồ thị nhằm cố gắng dự đoán hành vi giá tiềm năng tương lai bằng cách giải thích hành vi giá quá khứ và hiện tại dưới dạng biểu đồ.

Những chương kế tiếp sử dụng đồ thị phân tích kỹ thuật được nghiên cứu trong chương này và bắt đầu áp dụng chúng vào việc phân tích thế giới thực của thị trường tài chính. Ứng dụng đầu tiên sẽ là xác định và nhận diện xu hướng: xu hướng lên và xu hướng xuống.

TÓM TẮT

Chương này giới thiệu đồ thị là công cụ chủ yếu của nhà phân tích kỹ thuật cũng như là các loại đồ thị cơ bản. Các loại đồ thị cơ bản bao gồm đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến, đồ thị đường và đồ thị điểm và hình.

Đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến là những loại đồ thị thông dụng nhất. Hai loại đồ thị này chứa đựng những thông tin cơ bản giống nhau, nghĩa là O (giá mở cửa), H (giá cao nhất), L (giá thấp nhất), C (giá đóng cửa). Đồ thị đường nối những điểm giá đóng cửa. Đồ thị điểm và hình là phương pháp vẽ đồ thị khác hoàn toàn - chỉ tập trung vào hành động giá, loại trừ yếu tố thời gian. Tất cả các loại đồ thị đều có thể mạnh riêng và cách sử dụng riêng và tất cả đều được những nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch sử dụng.

Trái tim của phân tích kỹ thuật

Xu hướng lên và xu hướng xuống



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- *Hiểu khái niệm quan trọng nhất của phân tích kỹ thuật: khái niệm về xu hướng.*
- *Biết xu hướng được hình thành và xây dựng như thế nào từ góc nhìn phân tích kỹ thuật.*
- *Phân biệt sự khác nhau giữa kênh xu hướng song song và những đường xu hướng lên/xuống đơn giản.*
- *Hiểu cách thức khung thời gian tác động đến việc nhận diện xu hướng như thế nào.*

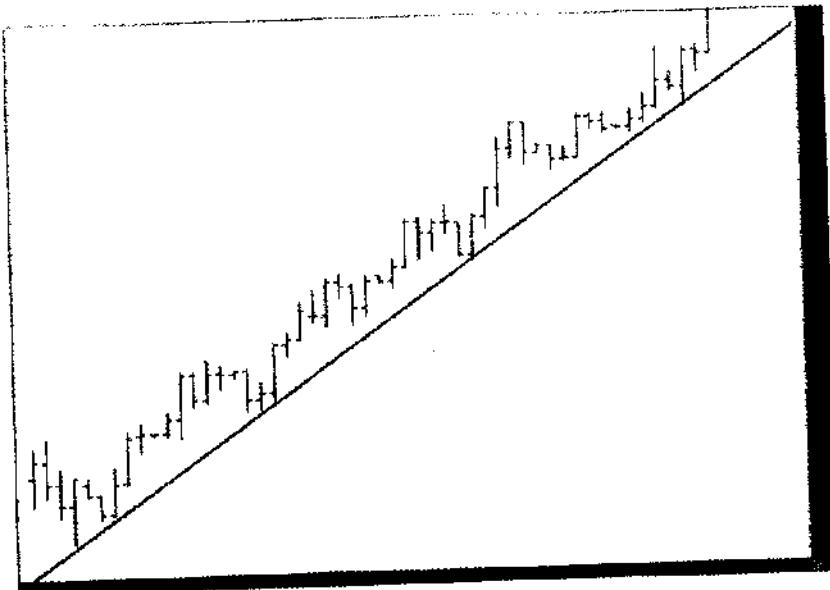
GIỚI THIỆU VỀ XU HƯỚNG

Khái niệm cơ bản nhất trong kiến thức rộng lớn về phân tích kỹ thuật là khái niệm về xu hướng. Xu hướng trên thị trường tài chính là tấm gương phản chiếu của một hiện tượng vật lý gọi là quán tính, tức một vật đang chuyển động có khuynh hướng duy trì động lượng để duy trì sự chuyển động. Vì vậy, nếu giá đang tăng, giá sẽ có khuynh hướng tiếp tục tăng. Và nếu giảm, giá có khuynh hướng tiếp tục giảm.

Tất nhiên, nếu giá có thể được dự đoán một cách dễ dàng giống như dự báo đường đi của một vật thể chuyển động dọc trên một con đường bằng phẳng và không có ma sát, thì quyển sách này là không cần thiết. Tuy nhiên, dự đoán đường đi của giá là có thể và dễ dàng.

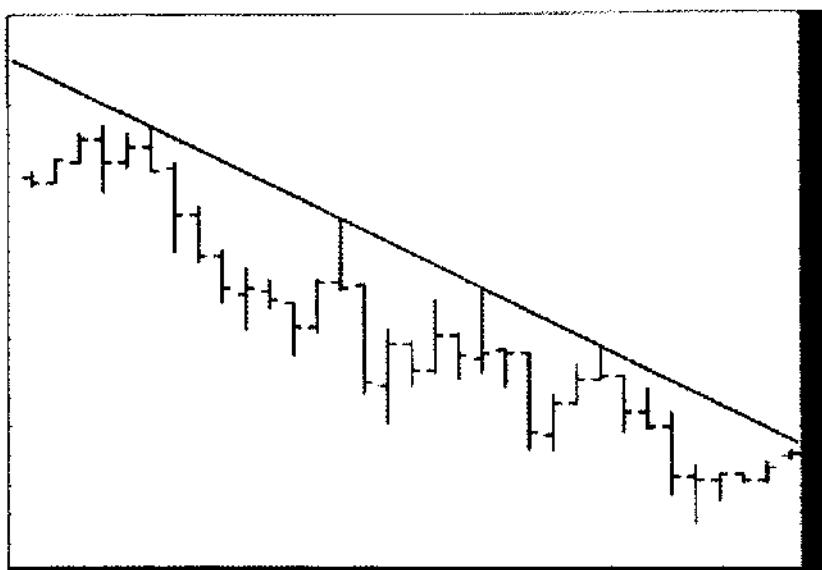
HÌNH 5.1

Xu hướng lên



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Xu hướng xuống



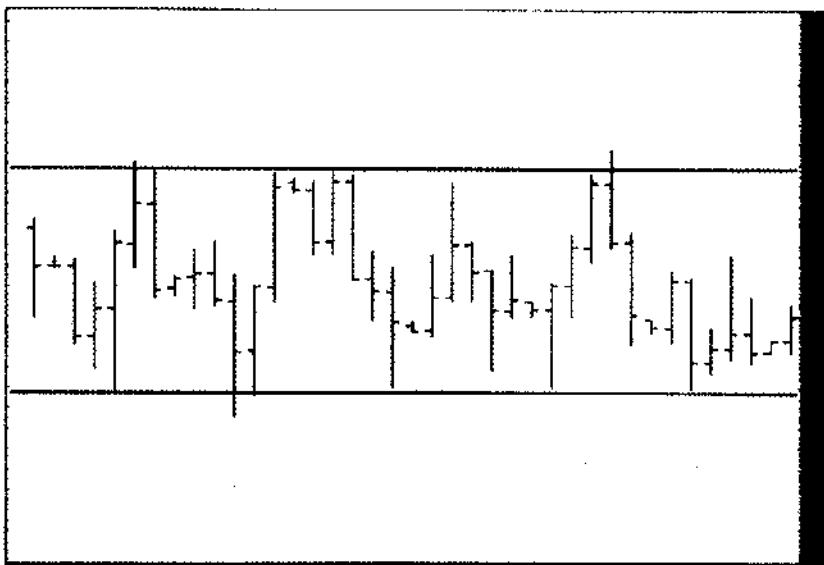
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Thông thường nhất, một xu hướng sẽ di chuyển theo các dạng không có quy tắc, răng cưa, zigzag (hình chữ chì) nên đôi khi có thể rất khó để nhận ra một xu hướng. Tuy nhiên, có những chỉ dẫn cơ bản cho việc xác định xu hướng.

Xu hướng có ba loại: xu hướng lên, xu hướng xuống, và không có xu hướng. Lý tưởng, trên đồ thị hình thanh hay đồ thị hình nến (trong chương 4), một xu hướng lên nên có các đáy cao hơn và các đỉnh cao hơn. Ngược lại, một xu hướng giảm sẽ có các đỉnh thấp hơn và đáy thấp hơn. (Xem ví dụ ở hình 5.1 và 5.2)..

Loại xu hướng phổ biến khác là không có xu hướng. Điều này xảy ra khi giá chuyển động qua lại trong một khung nằm ngang, hay khi hành động giá chuyển động bấp bênh không theo một phương hướng nào rõ ràng. (Hình 5.3 là một ví dụ).

Không có xu hướng



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Cấu trúc cơ bản của một xu hướng lý tưởng có thể được miêu tả tốt nhất bởi một trong những lý thuyết quan trọng của phân tích kỹ thuật, lý thuyết sóng Elliott (thảo luận chi tiết hơn trong chương 11). Khái niệm này có thể khá phức tạp, nhưng sự mô tả của lý thuyết này về cấu trúc xu hướng là đơn giản và dễ hiểu.

Theo lý thuyết sóng Elliott, xu hướng gồm hai loại chuyển động giá, gọi là sóng. Loại thứ nhất là sóng đẩy, đại diện cho xu hướng hiện tại. Loại thứ hai là sóng hiệu chỉnh, chuyển động ngược xu hướng chính và có tỷ lệ thoái lùi so với xu hướng chính. Về bản chất, một xu hướng đơn giản là giá thay nhau chuyển động theo hướng chính hiện tại (cùng xu hướng) và theo hướng hiệu chỉnh ngược lại (ngược xu hướng), nhưng với một điều kiện quan trọng. Nếu một xu hướng thực sự đang tồn tại, giá cần phải chuyển động chủ yếu theo xu hướng chính hiện tại hơn là theo xu hướng ngược lại.

Khái niệm này cũng giống với câu tục ngữ: "lùi một bước, tiến hai bước" hay trong trường hợp của sóng Elliott là ba bước tiến và hai bước lùi. Những khái niệm thú vị và hữu ích của lý thuyết sóng Elliott được thảo luận cụ thể trong chương 11, chương bao gồm cả lý thuyết sóng Elliott và lý thuyết Fibonacci.

Michael Covel

Trong một cuộc phỏng vấn với tác giả, Michael Covel chia sẻ ý kiến của ông ta về hoạt động đầu tư với hoạt động giao dịch và tính hiệu quả của phân tích kỹ thuật không dự báo, theo sau xu hướng. Covel là tác giả của cuốn sách bán chạy nhất trường phái theo sau xu hướng: "*How great traders make millions in up or down markets* - các nhà giao dịch vĩ đại kiếm tiền triệu như thế nào trong thị trường giá lên hoặc thị trường giá xuống" (FT phát hành) và "*Complete turtle Trader: the legend, the lessons, the results* - Nhà giao dịch con rùa thành công: huyền thoại, bài học, kết quả" (Harper Collins), cũng như là giám đốc của bộ phim *Broke: the new American Dream*. Ông ấy cũng là nhà sáng lập của TurtleTrader.com, là một trong những tác giả nổi tiếng nhất trong giao dịch sử dụng phương pháp theo sau xu hướng.

Covel nói:

Bạn nghĩ mình là một nhà đầu tư hay một nhà giao dịch? Hầu hết mọi người đều nghĩ họ là nhà đầu tư. Tuy nhiên, nếu họ biết rằng những người thành công nhất trong thị trường lại xem họ là những nhà giao dịch, thì bạn có muốn biết lý do tại sao? Đơn giản thôi, họ không đầu tư mà họ mua bán.

Những nhà đầu tư đem tiền, hay vốn của họ vào một thị trường chẳng hạn như là thị trường chứng khoán hay bất động sản với giả định rằng giá trị khoản đầu tư này sẽ luôn luôn tăng theo thời gian. Khi giá trị khoản đầu tư tăng lên, họ sẽ là những người đầu tư. Thông thường, các nhà đầu tư không nghĩ đến kịch bản giá trị khoản đầu tư sẽ giảm đi. Họ

luôn luôn nắm giữ khoản đầu tư của họ và hi vọng rằng giá trị chỉ đang điều chỉnh và sẽ tăng trở lại. Các nhà đầu tư thường thành công trong thị trường tăng và thua lỗ khi thị trường giảm.

Đó là bởi vì các nhà đầu tư nghĩ đến thị trường con gấu với một nỗi sợ hãi và lo lắng, nên họ không đưa ra kế hoạch phản ứng như thế nào khi bắt đầu thua lỗ. Họ lựa chọn chiến lược “nắm giữ chặt” và tiếp tục thua lỗ. Họ cho rằng một phương pháp khác gây ra sự thua lỗ là các kỹ thuật mua bán phức tạp hơn như “bán khống”, một kỹ thuật mà họ không am hiểu và cũng không có ý định nghiên cứu về nó. Vì các tạp chí chính thống luôn luôn cho rằng đầu tư là “tốt” hay “an toàn” và giao dịch là “xấu” hoặc “rủi ro”, nên nhiều người tỏ ra do dự để xếp mình vào nhóm những nhà giao dịch hay thậm chí không muốn tìm hiểu hoạt động giao dịch là như thế nào.

Một nhà giao dịch vạch ra một kế hoạch hay chiến lược khi bỏ vốn vào thị trường nhằm đạt được một mục tiêu duy nhất: lợi nhuận. Những nhà giao dịch không quan tâm đến việc họ sở hữu cái gì hay bán cái gì miễn là họ kết thúc với số tiền cao hơn số tiền bỏ ra ban đầu. Họ không đầu tư vào bất kỳ thứ gì. Họ đang mua bán. Đó là sự khác biệt quan trọng.

Tom Basso, một nhà giao dịch lâu năm, nói rằng mọi người vốn đã là một nhà giao dịch cho dù họ có thật sự mua bán hay không. Nhiều người nghĩ rằng họ phải vào và ra thị trường hàng ngày mới gọi là nhà giao dịch. Tuy nhiên, quan điểm này chỉ đúng trong cuộc sống hằng ngày của nhà giao dịch chứ không nên làm như vậy trong hoạt động giao dịch. Ví dụ, đặc điểm của một nhà giao dịch thành công là phải cực kỳ kiên nhẫn. Giống như một con sư tử Châu Phi chờ đợi trong nhiều ngày để chọn một thời cơ thích hợp nhằm tóm được con mồi, một người theo sau xu hướng có thể phải chờ đợi hàng tuần, thậm chí hàng tháng để thực hiện một giao dịch đúng.

Thêm vào đó, một cách lý tưởng, các nhà giao dịch cũng thường xuyên thực hiện lệnh bán không giống như họ thường xuyên thực

hiện lệnh mua để có thể kiếm tiền trong cả thị trường giá lên và thị trường giá xuống. Tuy nhiên, phần đông nhà giao dịch sẽ không hoặc không thể thực hiện bán khống. Họ phải cố gắng xoay sở kiếm tiền khi thị trường giảm.

Có hai lý thuyết cơ bản được sử dụng khi giao dịch trên thị trường. Lý thuyết đầu tiên là phân tích cơ bản. Lý thuyết này nghiên cứu những yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến cung cầu của một thị trường. Phân tích cơ bản sử dụng những yếu tố như là: thời tiết, chính sách của chính phủ, sự kiện chính trị và kinh tế trong ngoài nước, tỷ số P/E, bảng cân đối kế toán, để đưa ra quyết định mua hay bán. Bằng cách quan sát "yếu tố cơ bản" của thị trường, người ta có thể dự đoán được sự thay đổi xu hướng thị trường trước khi sự thay đổi này được phản ánh vào trong giá với niềm tin rằng một người có thể kiếm tiền từ kiến thức.

Phản động mọi người ở phố Wall chỉ sử dụng phân tích cơ bản. Họ là những nhà nghiên cứu, nhà môi giới, nhà phân tích, những người rất mạnh miệng khi nói về nền kinh tế mới trong suốt thời kỳ bong bóng dot-com. Giống như nhiều người trên Wall Street mang hàng triệu đô la đầu tư vào bong bóng bất động sản và tín dụng năm 2008. Nhiều người bỏ ra hàng triệu đô la vào những dự báo phân tích cơ bản cực kỳ lạc quan và cuối trên những bong bóng đó mà không biết thoát ra như thế nào khi những bong bóng này nổ tung.

Các dự báo dựa trên phân tích cơ bản không hữu ích cho phần lớn những người tham gia thị trường. Đối với những vấn đề không thể dự báo, phân tích cơ bản bỏ qua các yếu tố này để cố gắng bắt đáy thị trường hoặc tin rằng các điều kiện sẽ luôn luôn cải thiện. Một trong những nhà giao dịch thành công nhất của thế kỷ 20, Ed Seykota, đã nêu ra những vấn đề của phân tích cơ bản: "Một buổi chiều, trong khi ngồi ăn tối với một nhà phân tích cơ bản, tôi tình cờ đánh rơi cây dao sắc khỏi mép bàn. Ông ta nhìn thấy con dao xoay trong không khí, trước khi nó dừng lại và đâm vào chiếc gáy của ông ta. Tôi kêu lên: "Tại sao

anh không tránh chán ra?" Ông ta trả lời: "Tôi chờ con dao bay lên trở lại". Có phải tất cả chúng ta không biết một nhà đầu tư đang chờ đợi "thị trường của anh ta" trở lại?

Một lý thuyết thị trường thứ hai là phân tích kỹ thuật, hoạt động hoàn toàn tương phản với phân tích cơ bản. Phương pháp này dựa trên niềm tin rằng tại bất kỳ thời điểm nào, giá thị trường cũng phản ánh tất cả các yếu tố tác động đến cung cầu trên thị trường. Thay vì đánh giá những yếu tố cơ bản, phân tích kỹ thuật chỉ nhìn vào giá thị trường. Những nhà giao dịch sử dụng phân tích kỹ thuật tin rằng việc phân tích cẩn thận hành động giá hàng ngày là một cách thức hiệu quả nhằm tìm kiếm lợi nhuận.

Bây giờ, đây là lúc mà việc tìm hiểu về phân tích kỹ thuật trở nên phức tạp. Có hai trường phái phân tích kỹ thuật. Một trường phái dựa trên khả năng "đọc" đồ thị và sử dụng "chỉ báo" để dự báo xu hướng thị trường. Đây là phương pháp mà hầu hết những ai biết phân tích kỹ thuật đều sử dụng, bao gồm cả cách đọc đồ thị có vẻ huyền bí như là chiêm tinh học.

Tuy nhiên, có một trường phái phân tích kỹ thuật khác mà không cố gắng dự đoán hay dự báo. Đây là trường phái dựa trên phản ứng với hành động giá. Những người theo sau xu hướng là nhóm các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng phân tích kỹ thuật phản ứng. Thay vì cố gắng dự đoán xu hướng thị trường, chiến lược của họ phản ứng theo các chuyển động của thị trường bắt kể xảy ra khi nào. Điều này cho phép họ tập trung vào các chuyển động thật sự của thị trường và không dùng cảm xúc để cố gắng dự đoán xu hướng và khoảng thời gian.

Như đã nói, loại phân tích kỹ thuật này không bao giờ cho phép những người theo sau xu hướng có thể tham gia chính xác vào đáy hay thoát ra đúng tại đỉnh của xu hướng. Thứ hai, với phân tích giá, họ không cần giao dịch mỗi ngày. Những người theo sau xu hướng kiên nhẫn chờ đợi thời cơ thay vì ép buộc thị trường. Thứ ba, không nên áp đặt mục tiêu lợi nhuận với phân tích giá. Nhiều nhà giao dịch bị trói buộc với kiểu

chiến lược như: "Tôi phải kiếm 400 đô la một ngày". Những người theo sau xu hướng sẽ phản đối lại rằng: "Chắc rồi, nhưng cái gì sẽ xảy ra nếu thị trường không dịch chuyển đúng như ý muốn trong ngày đó?"

Một người theo sau xu hướng tóm gọn vấn đề như sau: "Tôi không thể phân tích cơ bản 20 thị trường và kiếm tiền. Một trong những lý do cho phương pháp theo sau xu hướng là bởi bạn không cố gắng nghĩ về nó. Bạn là một người theo sau xu hướng, chứ không phải là một nhà dự báo xu hướng".

Có một ví dụ thú vị như sau: Thế giới thay đổi vào tháng 10/2008. Thị trường chứng khoán sụp đổ. Hàng triệu người bị mất hàng nghìn tỷ đô la khi thực hiện chiến lược mua và nắm giữ. Chỉ số Dow, Nasdaq, S&P rơi như những tảng đá và thảm họa tiếp tục diễn ra trong tháng 11/2008 và cho tới tháng 1/2009. Hầu hết mọi người rơi vào cảnh: thất nghiệp, các doanh nghiệp bị phá sản và sự sợ hãi bao trùm khắp nơi.

Rõ ràng, không ai có thể kiếm được tiền trong suốt thời gian này. Mọi người đều thua lỗ. Nắm giữ có thật sự là chiến lược đúng đắn hay không? Không đúng. Wall Street nổi tiếng về những vụ phá sản của các doanh nghiệp hoặc các quỹ hỗn tương và quỹ đầu cơ bị chỉ trích vì chuyển tiền từ những người thắng sang những người thua và ngược lại (người dịch: nhằm che đậm sự thua lỗ do quỹ gây ra). Tuy nhiên, thật thú vị khi những người chiến thắng có vẻ luôn luôn bị lãng quên trong những phân tích khách quan của các phương tiện truyền thông chính thống. Báo chí chỉ quan tâm đến những kẻ thua lỗ. Do ảnh hưởng này, công chúng chỉ biết đến bi kịch và lời trần tình của những người thất bại mà quên mất câu hỏi: Ai là người chiến thắng và tại sao? Thành quả của những người theo sau xu hướng trong suốt cuộc sụp đổ 2008, bóng bẩy thị trường chứng khoán vào năm 2000 – 2002, khủng hoảng quỹ Long-Term Capital Management năm 1998, khủng hoảng ngân hàng năm 1995, đã trả lời cho câu hỏi quan trọng: "Ai chiến thắng".

Có những người thắng lợi trong tháng 10/2008, họ kiếm được lợi nhuận từ 5% - 40% trong 1 tháng. Nhiều người thu được trên 100% trong năm 2008. Ai là người thắng? Họ là những người theo sau xu hướng.

Họ kiếm tiền bằng cách nào? Đầu tiên để tôi nói họ không kiếm tiền như thế nào:

1. Họ không biết thị trường chứng khoán sụp đổ trong tháng 10/2008.
2. Họ không kiếm tiền từ bán khống chứng khoán trong năm 2008.

Họ đã làm cái gì? Những người theo sau xu hướng kiếm tiền từ nhiều thị trường khác nhau, từ dầu đến trái phiếu đến tiền tệ đến chứng khoán đến hàng hóa, bằng cách theo sau xu hướng lên hoặc xu hướng xuống. Những người theo sau xu hướng luôn hành động tốt trong những lúc giao động giá trở nên điên loạn và kéo dài, phần nào bởi vì hệ thống giao dịch theo sau xu hướng được lập trình vào máy tính giúp đưa ra quyết định chính xác trong khi các nhà giao dịch (human trader) rất khó có thực hiện những lệnh mua bán được tính toán và không dựa vào tình cảm. Xem xét quan điểm về "xu hướng" của một nhà giao dịch theo sau xu hướng thành công, Ed Seykota:

Tất cả xu hướng là quá khứ, không có xu hướng nào ở hiện tại. Không có cách nào để xác định xu hướng hiện tại, hay thậm chí xác định xu hướng hiện tại có ý nghĩa gì; chúng tôi chỉ có thể xác định xu hướng quá khứ. Cách duy nhất để đo lường xu hướng hiện tại là phải lấy được hai điểm, và hai điểm này phải ở trong hiện tại và tính mức chênh lệch. Chuyển động, vận tốc và xu hướng không tồn tại trong hiện tại. Chúng cũng không xuất hiện chỉ trong nháy mắt. Xu hướng không tồn tại trong hiện tại và cụm từ "xu hướng" bản thân nó không có ý nghĩa... Xu hướng hiện tại không có gì cả. Khi chúng tôi đề cập về xu hướng, chúng tôi cần phải đưa ra định nghĩa của chính mình. Dựa trên quan điểm này, chúng tôi mới có thể tiến hành nghiên cứu cách xác định, ước tính và sử dụng xu hướng.

Sự sụp đổ của thị trường trong 2008 là bằng chứng thú vị cho thấy khái niệm theo sau xu hướng là khác biệt như thế nào so với hầu hết khái niệm của giới đầu tư. Rất ít người nhận ra theo sau xu hướng là một chiến lược giao dịch mang lại thành công cho nhiều nhà giao dịch trên nhiều thị trường khác nhau với hàng nghìn giao dịch qua hàng thập kỷ.

Bài học lớn nhất mà tôi học được về phương pháp theo sau xu hướng trong thập kỷ trước là nhiều người đơn giản không thể và không tuân thủ phương pháp này. Tôi có thể hiểu điều này. Trong suốt 25 năm qua, phố Wall đã đổ hàng triệu đô la của nhà đầu tư vào chiến lược giao dịch mua và nắm giữ hay quỹ hổ tương, và khi bong bóng nổ, sự sụp đổ, bối rối và tranh cãi là không có gì ngạc nhiên. Nếu làm theo các sách dạy kiếm tiền hay sách về tài chính, bạn sẽ chuộc lấy thất bại ở nước Mỹ.

Thậm chí, nếu từ trước đến nay bạn chưa từng nghe tới thuật ngữ "theo sau xu hướng". Tôi muốn đưa lại cho bạn một bài học ý nghĩa và bạn có thể ứng dụng ngay lập tức. Bài học số một cho những nhà giao dịch theo sau xu hướng là: tôi thiểu hóa thua lỗ. Những người theo sau xu hướng hầu hết đã thua trong năm 2008 và chắc chắn rằng họ luôn thua lỗ ít nhất. Hãy suy nghĩ về điều này.

ẢNH HƯỞNG CỦA VẤN ĐỀ KHUNG THỜI GIAN TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH XU HƯỚNG

Một trong những vấn đề phức tạp nhất liên quan đến việc xác định xu hướng chính là khung thời gian. Các khung thời gian khác nhau thường sẽ cho thấy tín hiệu khác nhau về xu hướng. Ví dụ, đồ thị ngày có thể cho thấy xu hướng tăng mạnh trong khi đồ thị một giờ cho thấy xu hướng giảm rõ rệt và đồ thị năm phút cho thấy giai đoạn cung cống, tức không có xu hướng. Trong trường hợp các khung thời gian khác nhau cho ra những tín hiệu trái ngược nhau, điều thường xuyên xảy ra, thì việc xác định xu hướng sẽ như thế nào?

Câu trả lời phụ thuộc vào khung thời gian mà mỗi nhà giao dịch dùng để giao dịch. Có thể đúng khi nói rằng khung thời gian dài hơn sẽ khiến cho các chi báo xu hướng trở nên đáng tin cậy hơn, trong khi khung thời gian ngắn hơn có khuynh hướng chứa nhiều tín hiệu nhiễu, hay những giao động giá nhỏ ít tác động đến xu hướng tổng thể. Tuy nhiên, tại cùng một thời điểm, một nhà giao dịch trong phiên có thể lò đi hành động giá trên đồ thị tuần vì xu hướng dài hạn hầu như không liên quan đến các nhà giao dịch trong phiên. Ngược lại, một nhà đầu tư dài hạn có thể bỏ qua sự thay đổi giá trên đồ thị năm phút vì chúng có tác động rất nhỏ đến một nhà giao dịch nắm giữ vị thế trong nhiều ngày, nhiều tuần và thậm chí nhiều tháng.

Một giải pháp tiềm năng cho vấn đề xu hướng khi liên quan đến nhiều khung thời gian khác nhau là tập trung vào xu hướng được chỉ ra bởi khung thời gian dài gấp bốn đến sáu lần khung thời gian mà chúng ta muốn giao dịch. Ví dụ, một nhà giao dịch thường phân tích đồ thị một giờ để giao dịch, đồ thị 4 giờ (dài gấp 4 lần đồ thị 1 giờ) nên được sử dụng để xác định xu hướng hiện hành. Nếu một nhà giao dịch thường phân tích đồ thị 10 phút cho giao dịch hàng ngày, đồ thị 1 giờ (dài gấp 6 lần đồ thị 10 phút) có thể được sử dụng để xác định xu hướng chính. Cuối cùng, nếu một nhà giao dịch phân tích đồ thị ngày để giao dịch, đồ thị tuần (dài gấp 5 lần đồ thị ngày) có thể được sử dụng để xác định xu hướng. Phương pháp khung thời gian dài hơn 4 - 6 lần làm giảm bớt sự mâu thuẫn do các tín hiệu xu hướng trái ngược nhau trên những khung thời gian khác nhau.

KÈNH XU HƯỚNG SONG SONG

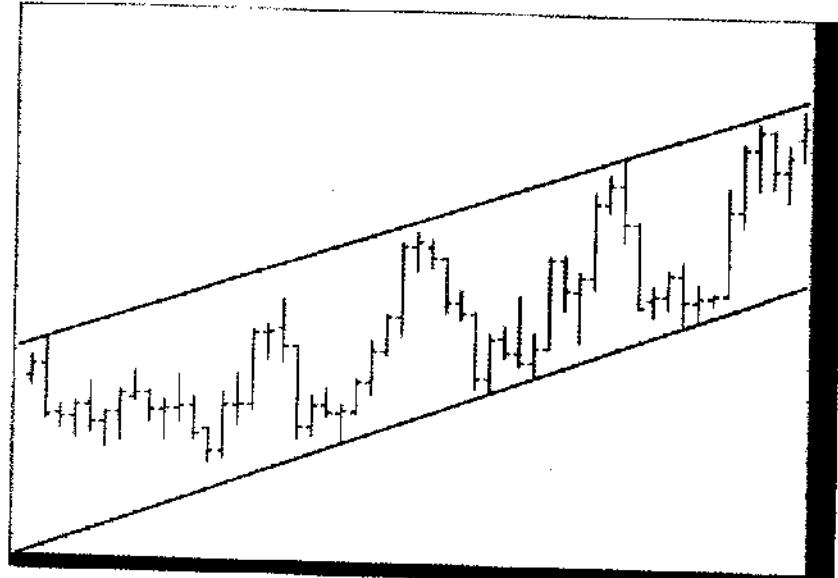
Như đã nói trước đây, một xu hướng lên lý tưởng, theo định nghĩa của phân tích kỹ thuật, là hành động giá tạo nên đỉnh cao hơn và đáy cao hơn. Tương tự, một xu hướng giảm được xác nhận khi giá

tạo nên đỉnh thấp hơn và đáy thấp hơn. Tuy nhiên, đó chỉ là trường hợp lý tưởng. Xu hướng ít khi hình thành một cách lý tưởng trên thị trường tài chính. Thông thường, xu hướng có hình dạng như kênh xu hướng song song.

Đây là một mẫu hình giá hữu ích và dễ nhận diện được tạo bởi hai đường thẳng song song tiếp giáp với hành động giá, một ở phía trên và một ở dưới. Một kênh xu hướng lên song song sẽ dốc đi lên và tiếp giáp với các đỉnh cao hơn và các đáy cao hơn, như trong hình 5.4. Tương tự như thế, một kênh xu hướng xuống có độ dốc đi xuống và tiếp giáp với những đỉnh thấp hơn cũng như là những đáy thấp hơn, như trong hình 5.5. Do đó, các loại mẫu hình xu hướng trên bao gồm cả thành phần kháng cự và chống đỡ.

HÌNH 5.4

Kênh xu hướng lên song song



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

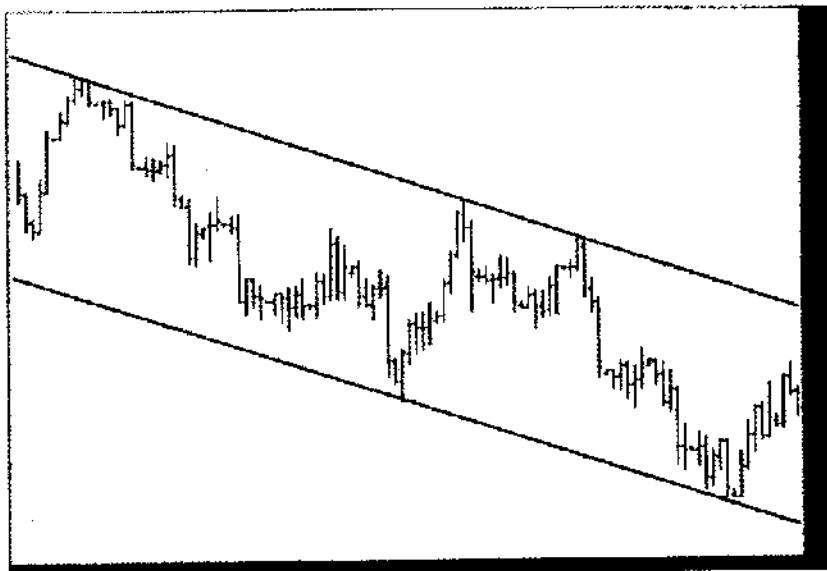
Trong một kênh xu hướng lên song song, nơi giá chạm đường xu hướng dưới ít nhất hai lần và sau đó này trở lên, thường được xem là cơ hội để mua vào. Đường kháng cự phía trên của kênh xu hướng lên là mục tiêu lợi nhuận của nhà giao dịch đã tham gia vị thế mua.

Tương tự, trong một kênh xu hướng xuống, nơi giá chạm đường xu hướng trên ít nhất hai lần và sau đó giảm xuống, đường xu hướng trên được xem như là cơ hội để bán khống. Đường chống đỡ phía dưới của kênh xu hướng xuống là một ngưỡng lợi nhuận mục tiêu của nhà giao dịch bán khống.

Bên trong các kênh xu hướng song song, đường kháng cự trên của kênh xu hướng tăng thỉnh thoảng được xem là nơi thực hiện bán khống, và đường chống đỡ của kênh xu hướng xuống thỉnh thoảng được xem là khu vực bắt đầu mua vào. Tuy nhiên, đây rõ

HÌNH 5.5

Kênh xu hướng xuống song song



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

rằng là những giao dịch ngược với xu hướng hiện hành nên các nhà giao dịch theo xu hướng không quan tâm đến các tín hiệu này.

Như đã đề cập, các thị trường tài chính không luôn luôn thể hiện các mẫu hình lý tưởng trong hành động xu hướng. Tìm ra kênh xu hướng song song có đỉnh cao hơn và đáy cao hơn cho xu hướng tăng, đỉnh thấp hơn và đáy thấp hơn cho xu hướng giảm là rất khó khăn.

ĐƯỜNG XU HƯỚNG

Điều dễ dàng nhận thấy trong bất kỳ thị trường tài chính nào là hành động giá có đáy cao hơn trong xu hướng tăng và đỉnh thấp hơn trong xu hướng giảm. Mẫu hình xu hướng cho các trường hợp trên lần lượt được gọi là đường chống đỡ xu hướng lên và đường kháng cự xu hướng xuống. Những đường xu hướng này là công cụ vẽ đồ thị cơ bản cho các nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch trong bất kỳ thị trường tài chính nào nhằm mô tả và đo lường xu hướng. Đó là một công cụ quan trọng trong kho vũ khí của các nhà giao dịch kỹ thuật, những người thường mô tả hành động giá xu hướng một cách chính xác.

Phương pháp cụ thể để vẽ đường xu hướng và kênh xu hướng một cách chính xác sẽ được thảo luận trong chương 7. Nay giờ, chúng ta chỉ cần nhớ rằng, xu hướng là hiện tượng rất thực tế trên thị trường tài chính, bất kể là chứng khoán, trái phiếu, giao sau hay tiền tệ. Đó là bởi vì tâm lý đám đông con người chi phối tất cả thị trường này. Nhân tố con người tiếp tục giữ xu hướng tồn tại sau khi nó đã kết thúc một cách hợp lý, và yếu tố con người cũng chi phối động lực phía sau các khái niệm quan trọng về mức kháng cự và chống đỡ, hai khái niệm tạo nên linh hồn của phân tích kỹ thuật. Chủ đề này sẽ được trình bày trong chương 6.

TÓM TẮT

Chương này miêu tả trái tim của phân tích kỹ thuật: xu hướng. Xu hướng là một hành động giá có hướng, bất kể lên hay xuống. Xu hướng có lẽ được miêu tả rõ ràng nhất bởi một lý thuyết quan trọng trong phân tích kỹ thuật gọi là lý thuyết sóng Elliott.

Khung thời gian mà các nhà phân tích kỹ thuật sử dụng cũng có tác động đến việc đánh giá xu hướng hiện tại. Quan sát khung thời gian dài hơn khung thời gian bạn giao dịch có thể hữu ích để xác định xu hướng lớn hơn.

Xu hướng được giới hạn bởi kênh xu hướng song song được xem là xu hướng lý tưởng. Đó là bởi vì trong một kênh xu hướng lên song song, giá tạo nên đỉnh cao hơn và đáy cao hơn. Tương tự, trong một kênh xu hướng xuống song song, giá tạo nên đỉnh thấp hơn và đáy thấp hơn.

Đường xu hướng, vì được phát hiện rất thường xuyên trên tất cả thị trường tài chính, là một công cụ chủ yếu để xác định xu hướng. Đường xu hướng lên nối những đáy cao hơn mà không nối các đỉnh cao hơn, trong khi xu hướng xuống nối các đỉnh thấp hơn mà không nối các đáy thấp hơn.

Chương 6

Linh hồn của phân tích kỹ thuật

Mức chống đỡ và kháng cự



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Hiểu được tầm quan trọng của mức chống đỡ và kháng cự trong phân tích hành động giá.
- Nhận diện vai trò của mức chống đỡ và kháng cự, và chúng thay đổi áp lực giá như thế nào.
- Hiểu rõ một trong những nguyên lý quan trọng của phân tích kỹ thuật: mức chống đỡ có xu hướng trở thành mức kháng cự và mức kháng cự có xu hướng trở thành mức chống đỡ.

GIỚI THIỆU MỨC CHỐNG ĐỒ VÀ KHÁNG CỰ

Giống như khái niệm xu hướng, mức chống đỡ và kháng cự cũng là khái niệm rất quan trọng trong phân tích kỹ thuật. Cặp đôi này của tâm lý thị trường luôn song hành với nhau và không thể tách rời, chúng tạo nên cấu trúc cơ bản của hành động giá trong tất cả các thị trường tài chính. Khái niệm mức chống đỡ và kháng cự có thể dễ dàng hiểu được nhưng rất khó nắm bắt ý nghĩa của khái niệm này.

Mức chống đỡ và kháng cự là hai mặt của một vấn đề. Chúng cũng có thể được xem như hai mặt đối lập. Mức chống đỡ có thể được ví với giá sàn, trong khi mức kháng cự có thể được xem như giá trần. Mức chống đỡ được xác định khi áp lực tăng giá xuất hiện trở lại bởi bên mua ròng tại những mức giá thấp. Tương tự, mức kháng cự được xác định khi áp lực giảm giá xuất hiện trở lại bởi bên bán ròng tại các mức giá cao hơn.

Về mặt lý thuyết, sự xuất hiện của áp lực tăng giá và áp lực giảm giá là do một số nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân bắt nguồn từ yếu tố tâm lý đám đông. Cụ thể hơn, sự tồn tại của các mức chống đỡ và kháng cự cũng như khả năng mô tả hành động giá xuất phát từ trí nhớ của những người tham gia thị trường và cảm xúc con người.

Trong khía cạnh trí nhớ về giá, các mức chống đỡ và kháng cự bền vững sẽ xuất hiện bởi vì những nhà giao dịch lớn, nhỏ ghi nhớ những mức giá cụ thể và họ sẽ đưa ra quyết định giao dịch dựa trên việc so sánh mức giá hiện tại là thấp hay cao với mức giá họ nhớ. Điều thường thấy nhất ở những nhà giao dịch là mua tại các mức giá mà họ xem là tương đối thấp (mức chống đỡ) và bán tại các mức giá mà họ xem là tương đối cao (mức kháng cự).

Khi phần lớn các nhà giao dịch, hoặc chính xác hơn là phần lớn những đồng tiền giao dịch, tin rằng một mức giá nhất định hay một vùng giá nhất định là tương đối thấp, áp lực mua xuất hiện và giá sẽ

tăng lên, do đó giá bật lên khỏi mức chống đỡ. Ngược lại, khi phần lớn các nhà giao dịch tin rằng một mức giá hay vùng giá cố định là tương đối cao, áp lực bán sẽ xuất hiện và giá sẽ đi xuống, do đó giá sẽ rót khỏi mức kháng cự.

Kỳ vọng chung tại mức giá mà đa số các nhà giao dịch xem là tương đối thấp (hoặc "mức sàn") sẽ quay đầu và tăng trở lại khi giá giảm chạm vào mức chống đỡ. Điều này là vì lệnh mua mới sẽ xuất hiện xung quanh mức giá sàn bởi cả những nhà giao dịch muốn tham gia vào thị trường tại mức giá thấp và những nhà giao dịch đang nắm giữ vị thế bán không muốn mua trở lại hay đóng vị thế của họ để chốt lời.

Tương tự như thế, kỳ vọng chung tại mức giá mà phần lớn các nhà giao dịch cho là tương đối cao (hoặc "mức trần") sẽ quay đầu giảm trở lại khi giá tăng chạm vào mức kháng cự. Điều này là do những lệnh bán mới xuất hiện xung quanh mức giá trần bởi cả những nhà giao dịch muốn bán không tại mức giá cao và những nhà giao dịch đang nắm giữ vị thế mua muốn thoát vị thế nhằm chốt lời.

Trong khi kỳ vọng giá quay đầu tăng trở lại tại mức chống đỡ và quay đầu giảm tại mức kháng cự là rất lớn, giống như những sự kiện quan trọng, từ khía cạnh phân tích kỹ thuật, xuất hiện khi giá phá vỡ hay vi phạm những ngưỡng đó. Lý thuyết logic đằng sau sự phá vỡ này là những mức giá chống đỡ và kháng cự có giá trị thông thường sẽ được thị trường chú ý. Nếu giá có thể tập hợp đủ năng lượng để phá vỡ dễ dàng với một mức giá có ý nghĩa, điều đó có nghĩa rằng chất xúc tác đằng sau chuyển động của giá là đủ mạnh để đưa giá vượt ra khỏi mức chống đỡ hoặc kháng cự và tiếp tục đi xa hơn sau khi phá vỡ. Kỳ vọng này thôi thúc các nhà giao dịch tìm kiếm và tham gia vào điểm phá vỡ mạnh các mức chống đỡ và kháng cự. Vì thế, cả việc bật trở lại và phá vỡ các mức giá chống đỡ và kháng cự là những sự kiện được các nhà giao dịch trên nhiều thị trường dự báo trước.

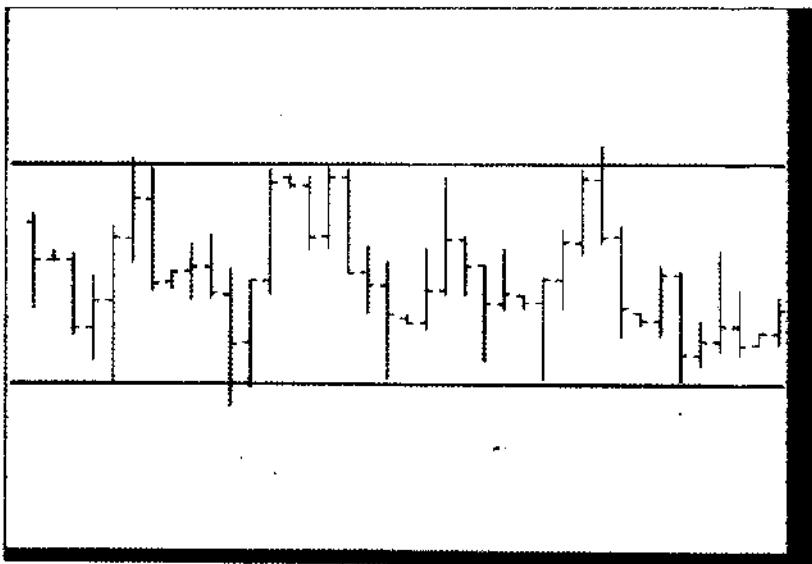
Một thực tế là các mức chống đỡ và kháng cự thường được chú ý trước khi bị phá vỡ. Sự phá vỡ là một hiện tượng quan trọng vì nó tạo ra cơ hội tốt cho bất kỳ chiến lược giao dịch kỹ thuật nào của các nhà giao dịch. Bất cứ khi nào giá đến gần mức chống đỡ và kháng cự quá khứ, các nhà giao dịch bắt đầu chú ý đến hành động giá, và quan sát xem liệu mức giá này có giữ được hay bị phá vỡ. Các nhà giao dịch sau đó sẽ có hành động mua bán phụ thuộc vào hành động giá phản ứng như thế nào với một mức chống đỡ hoặc kháng cự cụ thể.

Hành động giá đi ngang giữa một mức giá sàn chống đỡ và một mức giá trần kháng cự được gọi là khung giao dịch, xem hình 6.1. Khung giao dịch xuất hiện khá thường xuyên trong tất cả các thị trường tài chính. Nhiều nhà đầu tư xem khu vực cung cố nằm ngang là cơ hội giao dịch theo khung, tức mua tại mức giá chống đỡ và bán tại mức giá kháng cự. Nhiều nhà đầu tư khác lại xem khung giá là cơ hội giao dịch theo điểm phá vỡ, nghĩa là họ chờ đợi điểm phá vỡ hướng lên từ mức giá kháng cự trần và điểm phá vỡ hướng xuống từ mức giá sàn chống đỡ trước khi bắt đầu một giao dịch.

MỨC CHỐNG ĐỠ TRỞ THÀNH MỨC KHÁNG CỰ VÀ MỨC KHÁNG CỰ TRỞ THÀNH MỨC CHỐNG ĐỠ

Một khía cạnh vô cùng quan trọng và hữu ích trong trí nhớ về giá của các nhà giao dịch liên quan đến khái niệm chống đỡ và kháng cự là khuynh hướng chuyển hóa lẫn nhau sau khi bị phá vỡ (xem hình 6.2). Ví dụ, khi giá phá vỡ hướng lên từ mức kháng cự, nhà phân tích kỹ thuật sẽ xem mức kháng cự bị phá vỡ trở thành một mức chống đỡ mới. Tương tự như thế, khi giá phá vỡ hướng xuống từ mức chống đỡ, nhà phân tích kỹ thuật sẽ xem mức chống đỡ bị

Mức chống đỡ và kháng cự của khung giao dịch



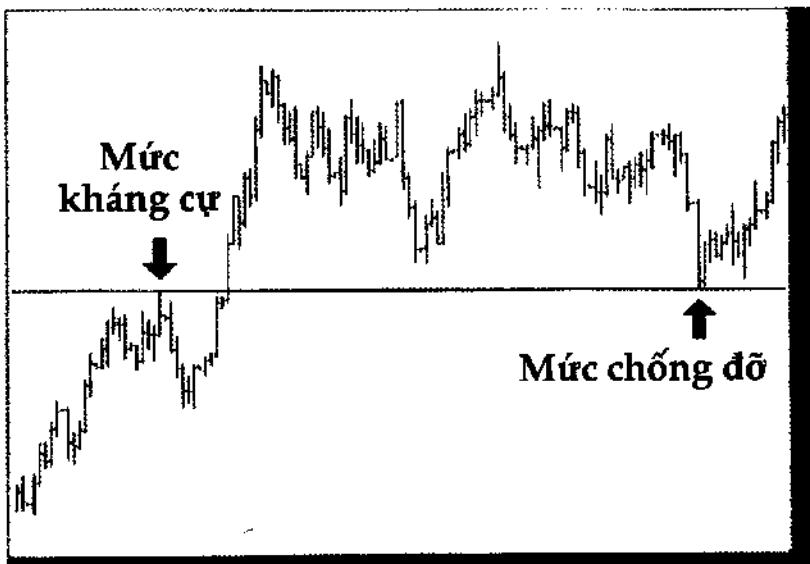
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

phá vỡ là mức kháng cự mới. Trong tất cả các nguyên lý của phân tích kỹ thuật, nguyên lý chuyển hóa giữa mức kháng cự và mức chống đỡ có ý nghĩa quan trọng như nhau đối với cả nhà phân tích và nhà giao dịch. Điều này là do hiện tượng mức chống đỡ trở thành mức kháng cự và ngược lại thường xuyên xuất hiện trong tất cả các loại biểu đồ giá.

Xét ở khía cạnh tâm lý của nhà giao dịch, lý do hợp lý nhất đằng sau hiện tượng này là khi cặp tiền tệ phá vỡ mức chống đỡ/ kháng cự một cách thuyết phục, các nhà giao dịch bắt đầu tin rằng hành động giá sẽ đi vào một vùng giá mới.

Ví dụ, nếu một mức giá kháng cự quan trọng bị phá vỡ hướng lên, các nhà giao dịch đang ở vị thế bán khống tại mức kháng cự nhưng chưa kịp đóng vị thế sẽ bắt đầu cảm thấy hoảng sợ. Nếu giá giảm trở

Mức kháng cự trở thành mức chống đỡ



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

lại điểm phá vỡ, các nhà giao dịch này sẽ vô cùng hạnh phúc và lập tức thoát khỏi vị thế chấp nhận hòa vốn hoặc một khoản lỗ nhỏ. Khi các nhà giao dịch đóng vị thế bán khổng bằng cách mua lại, nó sẽ tạo nên một áp lực tăng giá mạnh tại mức kháng cự cũ, đồng nghĩa mức giá này đóng vai trò mới là điểm chống đỡ. Bên cạnh đó, những nhà giao dịch đã bỏ lỡ cơ hội tham gia vào giao dịch phá vỡ, là khi giá phá vỡ mức kháng cự lần đầu tiên, sẽ muốn tham gia vào đợt tăng giá mới. Nếu giá giảm trở lại mức kháng cự cũ, nhiều nhà giao dịch sẽ muốn gia tăng vị thế mua nhằm tham gia vào đợt tăng giá tiếp theo. Điều này càng tạo ra nhiều áp lực tăng giá tại mức giá phá vỡ và khiến mức giá này trở thành mức chống đỡ.

Ngược lại, nếu một mức giá chống đỡ quan trọng bị phá vỡ hướng xuống, các nhà giao dịch đã mua tại mức chống đỡ nhưng

chưa kịp đóng thì vị thế này sẽ trở nên hoang mang. Nếu giá tăng trở lại mức chống đỡ bị phá vỡ, tất cả các nhà giao dịch sẽ rất vui mừng để thoát khỏi thị trường chấp nhận hòa vốn hoặc thua lỗ chút ít. Khi nhà giao dịch bán vị thế mua sẽ tạo ra áp lực giảm giá mạnh ngay tại mức chống đỡ cũ, và khiến mức chống đỡ cũ trở thành mức kháng cự. Ngoài ra, các nhà giao dịch bỏ lỡ cơ hội giao dịch khi giá phá vỡ mức chống đỡ lần đầu tiên sẽ tìm kiếm cơ hội tham gia vào thị trường khi có đợt sụt giảm mới. Nếu giá tăng trở lại mức chống đỡ cũ, nhiều nhà giao dịch sẽ muốn bán khống để tham gia vào xu hướng giảm sau đó. Điều này tạo ra nhiều áp lực giảm giá ngay tại điểm chống đỡ cũ và mức chống đỡ trở thành mức kháng cự.

Sau khi một mức chống đỡ hoặc kháng cự quan trọng bị phá vỡ với xung lực mạnh mẽ, giá sẽ đi ra khỏi vùng giá cũ và tìm kiếm mức giá cân bằng tại vùng giá mới. Đường biên giới giữa vùng giá cũ và vùng giá mới là mức chống đỡ/kháng cự đã bị phá vỡ, được kỳ vọng đóng vai trò đường biên giá tương lai, tức trở thành mức chống đỡ nếu trước đây là kháng cự và trở thành mức kháng cự nếu trước đây là mức chống đỡ.

Quy tắc này là trọng tâm của lý thuyết chống đỡ/kháng cự, và lý thuyết này cũng là chủ đề trung tâm của phân tích kỹ thuật. Phương pháp đo lường và vẽ đường chống đỡ và kháng cự nằm ngang sẽ được trình bày trong chương 7, chương nói về cách vẽ đường xu hướng và kênh xu hướng.

TÓM TẮT

Chương này giới thiệu linh hồn của phân tích kỹ thuật: mức chống đỡ và kháng cự. Cặp đôi khái niệm này tạo thành xương sống của phân tích kỹ thuật trên các phương tiện truyền thông cũng như là trong hoạt động giao dịch thực tế của các nhà giao dịch và nhà đầu tư. Mức chống đỡ được ví như là giá sàn tạo ra áp lực tăng giá,

trong khi mức kháng cự được xem như là giá trần tạo ra áp lực giảm giá. Hai khái niệm này hoạt động dựa trên tâm lý đám đông.

Những nhà giao dịch thường mua bán dựa vào việc bật trở lại hay phá vỡ các mức chống đỡ hoặc kháng cự. Hành động giá đi ngang giữa mức chống đỡ và kháng cự được gọi là khung giá giao dịch.

Một nguyên lý quan trọng của phân tích kỹ thuật là mức chống đỡ sau khi bị phá vỡ sẽ trở thành mức kháng cự. Tương tự, mức kháng cự sau khi bị phá vỡ sẽ trở thành mức chống đỡ. Hiện tượng này bắt nguồn từ tâm lý đám đông của các nhà giao dịch.

Chương 7

Các công cụ vẽ đồ thị chủ yếu

Đường xu hướng,
kênh xu hướng, mức chốt
đỡ và kháng cự nằm ngang



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Hiểu những công cụ vẽ đồ thị như: đường xu hướng, kênh xu hướng, mức chốt đỡ và kháng cự được sử dụng hiệu quả như thế nào.
- Biết được cấu trúc của những đường trên và cách vẽ của các nhà phân tích kỹ thuật.
- Hiểu cách những nhà giao dịch kỹ thuật sử dụng các công cụ vẽ đồ thị để giao dịch trên thị trường tài chính.

GIỚI THIỆU CÁC CÔNG CỤ VẼ ĐỒ THỊ

Đường xu hướng, kênh xu hướng, các mức chống đỡ và kháng cự nằm ngang là những công cụ vẽ đồ thị cơ bản nhất nhưng cũng được sử dụng nhiều nhất trong các công cụ phân tích của giới phân tích kỹ thuật. Qua nhiều thập kỷ, mặc dù nhiều kỹ thuật phân tích mới được ra đời và lĩnh vực phân tích kỹ thuật cũng có nhiều bước phát triển nhưng các công cụ vẽ đồ thị vẫn đóng vai trò nền tảng.

Đường xu hướng, kênh xu hướng và các đường nằm ngang là những công cụ cơ bản thể hiện cho hai dạng của mức chống đỡ và kháng cự là: tĩnh và động.

Trước khi đi vào mô tả chi tiết phương pháp vẽ các mức chống đỡ/kháng cự tĩnh và động trên đồ thị, cần lưu ý rằng các mức chống đỡ và kháng cự hiếm khi tỏ ra chính xác như các nhà giao dịch kỳ vọng hay mong ước. Vì mức chống đỡ và kháng cự được thể hiện trên đồ thị bằng những đường thẳng rất rõ ràng nên nhiều nhà giao dịch mới bước vào lĩnh vực phân tích kỹ thuật bị nhầm lẫn rằng giá sẽ đảo chiều chính xác ngay tại một mức giá cụ thể. Hoặc họ tin rằng nếu giá phá vỡ mức chống đỡ hoặc kháng cự nhất định chỉ bởi một mức giá nhỏ thì sự phá vỡ đã xảy ra.

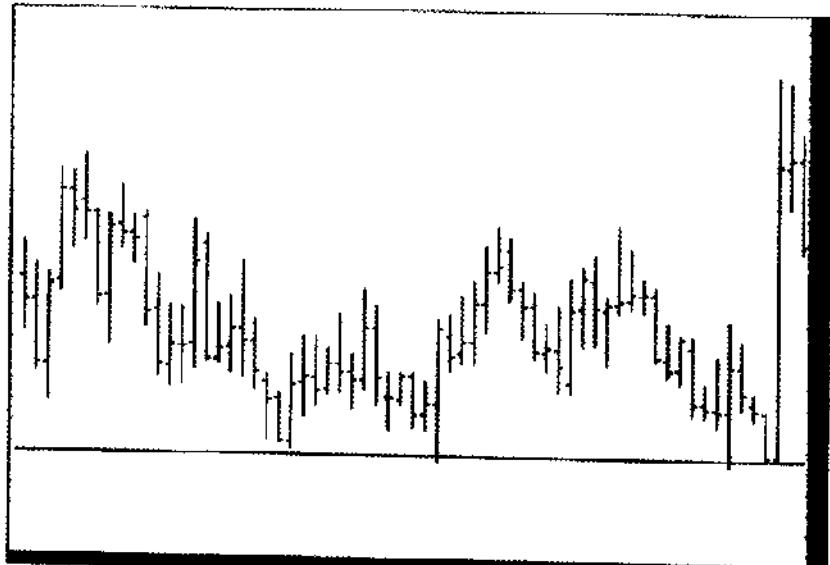
Mức chống đỡ và kháng cự nên được mô tả chính xác hơn là các khu vực hoặc vùng giá mà thị trường sẽ có hành động đảo chiều. Hiếm khi nào hành động giá tuân thủ một cách chính xác các mức chống đỡ và kháng cự như người ta kỳ vọng. Mặc dù vậy, điều này không có nghĩa là các mức chống đỡ và kháng cự trở nên vô ích đối với những nhà giao dịch có kinh nghiệm. Ngược lại, cẩn trọng về một khu vực giá mà ở đó có xác suất cao, thị trường xuất hiện sự đảo chiều là một kiến thức hữu ích và có thể được sử dụng để tìm kiếm lợi nhuận. Mặc dù không thường xuyên chính xác nhưng kiểu phân tích này có thể tạo ra lợi nhuận cho nhiều nhà giao dịch trên nhiều thị trường tài chính.

MỨC CHỐNG ĐỔ VÀ KHÁNG CỰ TĨNH

Quay trở lại với sự khác nhau giữa mức chống đỡ/kháng cự tĩnh và động, mức tĩnh là những mức giá không thay đổi. Điều này không có nghĩa rằng các mức giá tĩnh không bao giờ mất đi tính hợp lý hay giá trị của nó. Ngược lại, nhiều mức chống đỡ/kháng cự quá khứ theo thời gian đã mất đi giá trị và thường bị lãng quên. Nhưng trong thời gian các mức tĩnh còn giá trị, mức giá là không thay đổi. Ví dụ dễ thấy nhất về mức tĩnh là một mức giá mà tại đó giá đảo chiều, ít nhất là một lần mặc dù không thường xuyên. Một nguyên lý quan trọng của phân tích kỹ thuật, liên quan đến mức chống đỡ và kháng cự là giá đảo chiều càng nhiều lần hoặc xoay quanh một mức giá cố định thì mức giá đó càng có khả năng trở thành mức chống đỡ/kháng cự tĩnh. Xem hình 7.1 và 7.2 cho các ví dụ về mức chống đỡ/kháng cự tĩnh.

HÌNH 7.1

Mức chống đỡ tĩnh



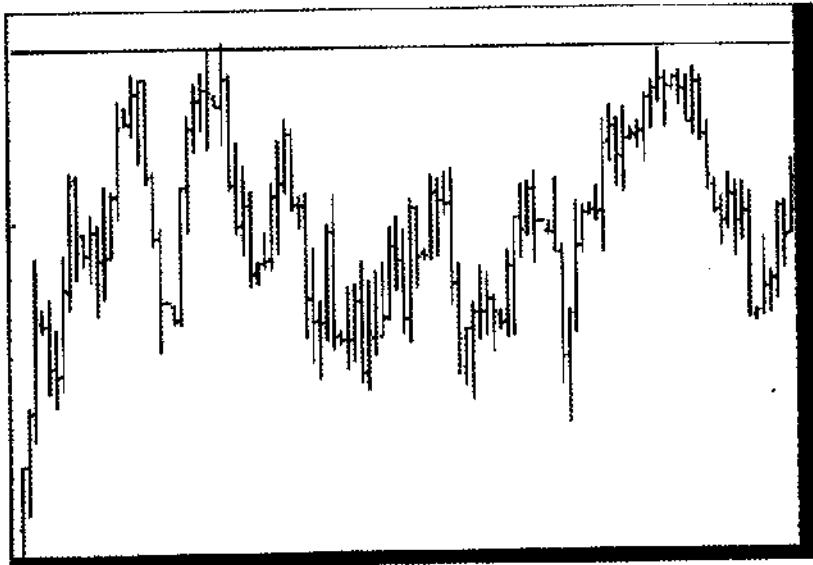
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Các mức giá có nhiều khả năng trở thành những mức chống đỡ/kháng cự quan trọng là các đỉnh và đáy trong dài hạn, bao gồm đỉnh cao nhất và đáy thấp nhất mọi thời đại. Ở khía cạnh trí nhớ về giá, các nhà giao dịch thường nhớ những mức giá đỉnh hoặc đáy nhiều hơn so với các mức giá khác. Kết quả là, khi hành động giá hiện tại quay trở lại những mức này, phản ứng của thị trường có xu hướng rõ ràng hơn và dứt khoát hơn vì thế trở nên hữu ích hơn đối với các nhà giao dịch kỹ thuật.

Bên cạnh các mức giá mà tại đó trong quá khứ giá đảo chiều, một hình thức khác của mức chống đỡ/kháng cự tĩnh có thể được tìm thấy trong nhiều công cụ dự báo kỹ thuật như Fibonacci vạch và các điểm pivot. Lý thuyết Fibonacci là một chủ đề phức tạp sẽ được bàn luận chi tiết hơn cùng với lý thuyết sóng Elliott, trong

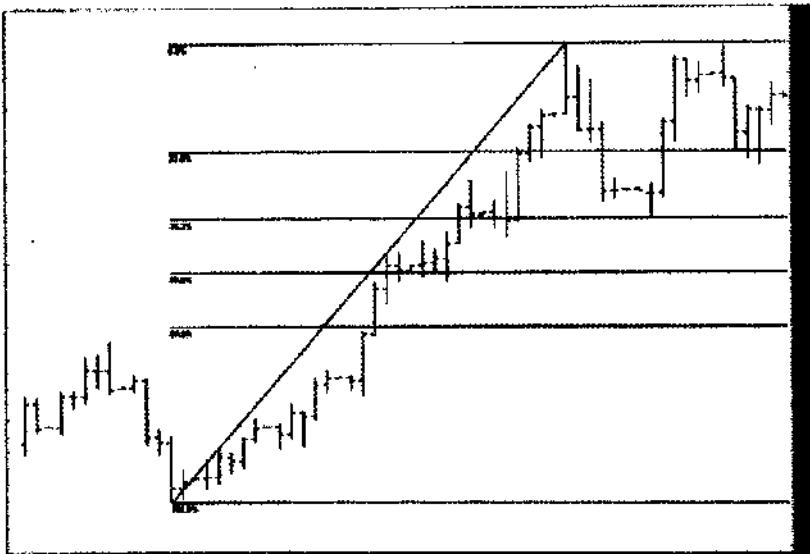
HÌNH 7.2

Mức kháng cự tĩnh



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Các mức thoái lùi Fibonacci



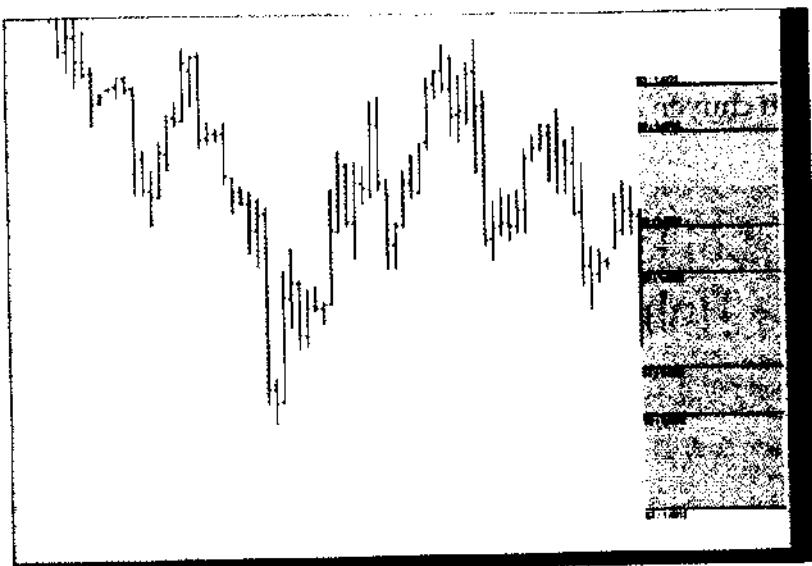
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

chương 11. Mặc dù vậy, ở thời điểm hiện nay, công cụ Fibonacci vạch (xem hình 7.3) vẫn được xem là một ví dụ điển hình về mức chống đỡ/kháng cự tĩnh nằm ngang.

Tương tự, các điểm pivot được tính toán từ các mức chống đỡ/kháng cự tĩnh cho bất kỳ ngày giao dịch nào, dựa trên mức giá cao nhất, giá thấp nhất, giá mở cửa và giá đóng cửa. Giao dịch theo điểm pivot được nhiều nhà giao dịch tại sàn sử dụng rộng rãi và tiếp tục được sử dụng bởi các nhà giao dịch trên nhiều thị trường tài chính như là các mức giá tham khảo cho điểm chống đỡ/kháng cự. Hình 7.4 là một ví dụ về điểm pivot được vẽ trên biểu đồ.

Ví dụ, để tính toán, điểm pivot giữa (ký hiệu PP), một nhà giao dịch sẽ lấy mức trung bình của giá cao nhất, giá thấp nhất và giá đóng cửa của các ngày trước. Sau đó, nhà giao dịch sẽ tính

Các điểm Pivot



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

4 điểm pivot (ký hiệu S₁, S₂, R₁, và R₂, S là mức chống đỡ, R là mức kháng cự) dựa trên điểm PP. Một số nhà giao dịch sử dụng nhiều hơn 4 điểm pivot cơ bản và điểm PP, bao gồm S₃ và R₃. Để biết cách tính toán thực tế, xem trong phần “Các lời khuyên và kỹ thuật” về tính điểm pivot. Một số phần mềm tự động tính điểm pivot và vẽ chúng trên đồ thị nên các nhà giao dịch không cần tính toán chúng một cách thủ công.

Khái niệm chính đằng sau điểm pivot là nó được xem như là mức chống đỡ/kháng cự quan trọng mà tại đó giá có thể đảo chiều trong vòng một vài ngày giao dịch. Các nhà giao dịch tính điểm pivot hiện tại dựa trên dữ liệu giá các ngày trước và sau đó vẽ những mức giá đó trên đồ thị. Sau khi các điểm pivot được tính toán và vẽ, có thể giao dịch theo điểm phá vỡ và điểm bật trở lại, và các điểm này

được sử dụng như là lợi nhuận mục tiêu cho những giao dịch hiện tại. Các nhà giao dịch thường sử dụng các điểm pivot như là những mức tham khảo để nhận biết mức giá hiện tại là cao hay thấp trong một khung thời gian quan sát. Ví dụ, nếu giá gần mức S2 của ngày hiện tại, nhà giao dịch có thể tìm kiếm cơ hội mua vào khi nhìn thấy giá dịch chuyển hướng đến mức giá tại PP.

Lời khuyên và kỹ thuật tính toán - Tính toán điểm pivot hàng ngày

$$R3 \text{ (mức kháng cự 3)} = \text{giá cao nhất ngày hôm qua} + 2 \times (\text{PP} - \text{giá thấp nhất ngày hôm qua})$$

$$R2 \text{ (mức kháng cự 2)} = \text{PP} + (R1 - S1)$$

$$R1 \text{ (mức kháng cự 1)} = 2 \times \text{PP} - \text{giá thấp nhất ngày hôm qua}$$

$$\text{PP (điểm pivot)} = (\text{giá cao nhất ngày hôm qua} + \text{giá thấp nhất ngày hôm qua} + \text{giá đóng cửa ngày hôm qua})/3$$

$$S1 \text{ (mức chống đỡ 1)} = 2 \times \text{PP} - \text{mức giá cao nhất ngày hôm qua}$$

$$S2 \text{ (mức chống đỡ 2)} = \text{PP} - (R1 - S1)$$

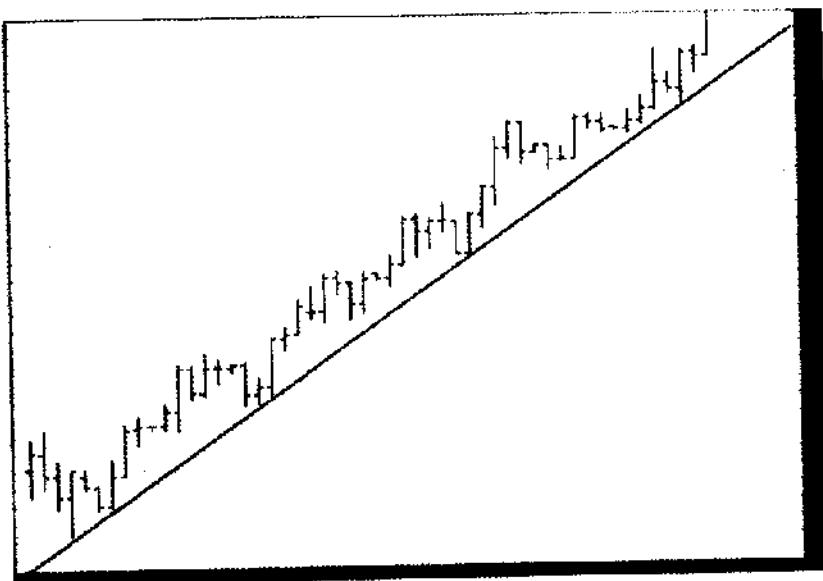
$$S3 \text{ (mức chống đỡ 3)} = \text{mức thấp nhất ngày hôm qua} - 2 \times (\text{giá cao nhất ngày hôm qua} - \text{PP})$$

MỨC CHỐNG ĐỠ VÀ KHÁNG CỰ ĐỘNG

Ngược với mức chống đỡ/kháng cự tĩnh, mức chống đỡ và kháng cự động có các mức giá thay đổi qua thời gian. Ví dụ tốt nhất cho mức chống đỡ/kháng cự động là đường xu hướng giản đơn.

Thông thường, các đường xu hướng dốc lên, được gọi là đường xu hướng lên, hình thành bằng cách nối các đáy cao hơn liên tiếp. Vì vậy, như trong hình 7.5, đường xu hướng lên thường được xem như là đường chống đỡ hướng lên, và những đường thẳng này đưa ra một mức giá sàn linh động hoặc luôn thay đổi cho hành động giá.

Đường chỗi đỡ hướng lên



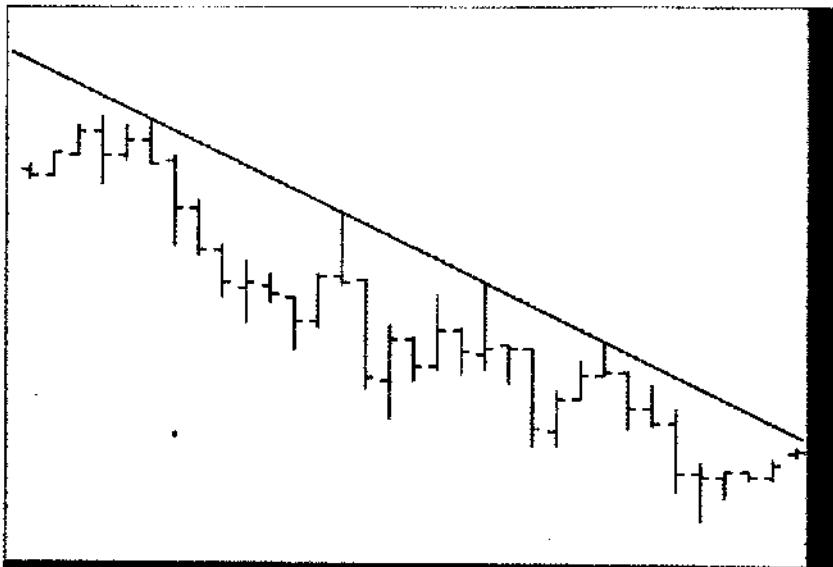
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Trong một xu hướng lên, mức giá sàn tăng theo độ dốc của đường xu hướng. Một đường chỗi đỡ hướng lên với độ dốc lớn có nghĩa là giá sẽ tăng với tỷ lệ nhanh hơn, trong khi độ dốc thấp có nghĩa là giá tăng với tỷ lệ thấp hơn.

Ngược lại, các đường xu hướng đi xuống, được gọi là đường xu hướng xuống, hình thành bằng cách nối các đỉnh thấp hơn liên tiếp. Do đó, như trong hình 7.6, các đường xu hướng xuống thường được xem như là đường kháng cự đi xuống, tạo ra một mức giá trần động và luôn thay đổi đối với hành động giá. Trong một xu hướng xuống, mức giá trần giảm theo độ dốc của đường xu hướng. Một đường kháng cự đi xuống với độ dốc lớn có nghĩa là giá sẽ giảm với tỷ lệ nhanh hơn, và độ dốc thấp hơn có nghĩa là giá giảm chậm hơn.

Khi nối các đáy cao hơn trong một đường xu hướng lên hay nối

Đường kháng cự hướng xuống

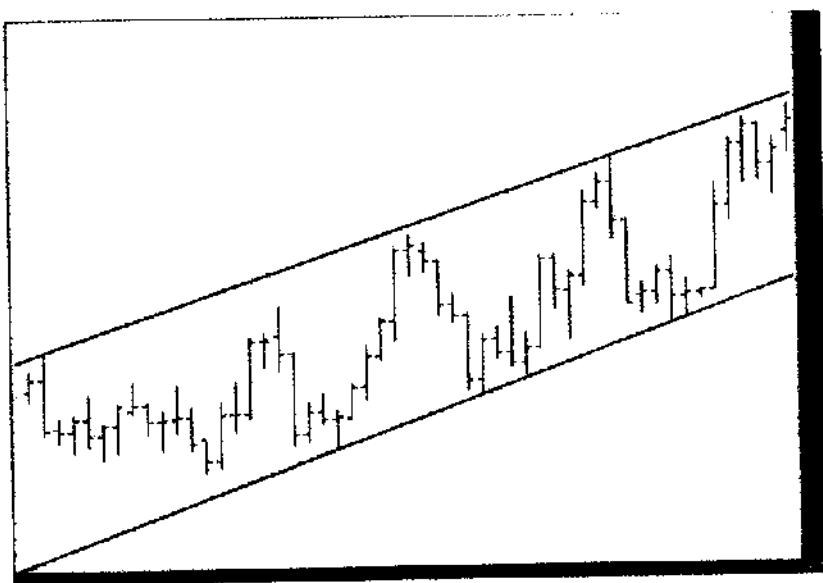


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

các đỉnh thấp hơn trong đường xu hướng đi xuống, cần ít nhất là hai đáy hoặc hai đỉnh để tạo ra một đường thẳng, nhưng tốt hơn là ba hoặc nhiều hơn. Tương tự mức chống đỡ/kháng cự nằm ngang, một đường xu hướng càng mạnh và càng giá trị nếu giá chạm vào đường xu hướng 3 lần hoặc nhiều hơn.

Ứng dụng thực tế của đường xu hướng là đa dạng và phong phú. Trong thực tế, nhiều nhà giao dịch thường sử dụng phân tích đường xu hướng làm công cụ chính trong quyết định giao dịch. Các đường xu hướng có thể được sử dụng để chỉ ra việc tham gia giao dịch tại điểm kéo ngược (hoặc điểm nhúng), điểm phá vỡ đảo chiều, và các mức cắt lỗ thích hợp. Mặc dù có yếu tố chủ quan trong khi vẽ và giải thích, đường xu hướng vẫn đứng vững trước sự đào thải của thời gian và được xem là một yếu tố quyết định của nhiều chiến lược đơn giản nhất, sinh lợi nhất.

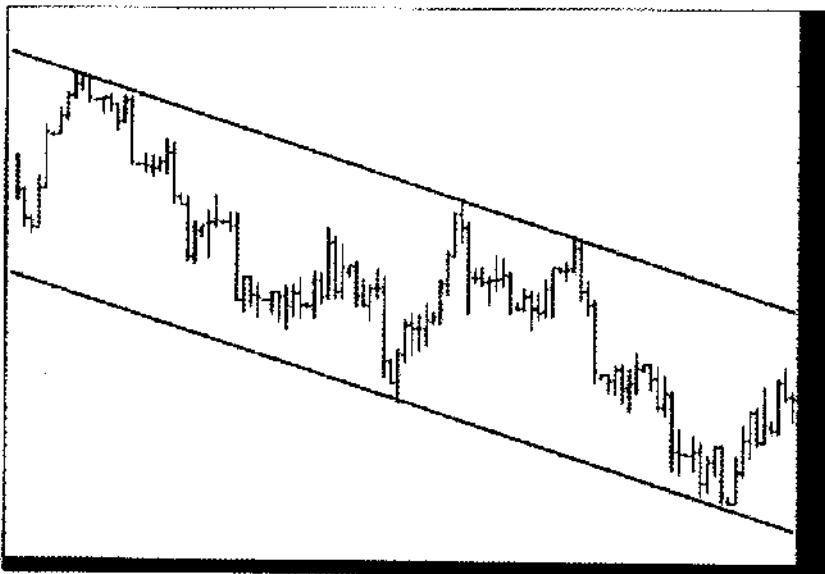
Kênh xu hướng lên song song



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Bên cạnh đường xu hướng, một dạng khác của mức chống đỡ/kháng cự động có thể được tìm thấy khi phân tích kênh xu hướng song song. Nếu đường xu hướng chỉ tạo ra mức giá sàn cho xu hướng lên thì một kênh xu hướng lên song song còn đưa ra cả mức giá trần. Tương tự, nếu một đường xu hướng xuống chỉ tạo ra mức giá trần cho xu hướng xuống, kênh xu hướng xuống song song còn tạo ra mức giá sàn. Như đề cập trong chương 5 về lý thuyết xu hướng, hành động giá thật sự vừa khớp với đường giới hạn của kênh xu hướng song song xác nhận một đường xu hướng đúng nghĩa. Ví dụ, điều này là vì, một đường xu hướng lên khớp hoàn toàn với kênh xu hướng lên song song sẽ bao gồm cả các đáy cao hơn và các đỉnh cao hơn như trong hình 7.7. Tương tự, một đường xu hướng xuống khớp hoàn toàn với kênh xu hướng xuống song song sẽ bao gồm cả đỉnh thấp hơn và đáy thấp hơn như trong hình 7.8. Điều này ngược với đường xu hướng đơn chỉ yêu cầu đáp ứng một nửa tiêu chí trên.

Kênh xu hướng xuống song song



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Cũng giống như đường xu hướng, kênh xu hướng song song có thể được sử dụng để xác định việc tham gia giao dịch tại điểm kéo ngược, điểm phá vỡ đảo chiều, và điểm cắt lỗ thích hợp. Bên cạnh đó, đường thẳng nằm bên trong kênh xu hướng, mà đường xu hướng không có, thường được gọi là "đường thẳng bật ngược", có thể được sử dụng như là một mục tiêu lợi nhuận cho lần giao dịch đầu tiên tại đường xu hướng cũ. Ví dụ, trong một kênh xu hướng song song, giao dịch theo xu hướng nên được bắt đầu tại quanh đường chống đỡ xu hướng lên ban đầu, tức đường dưới của kênh xu hướng song song. Mục tiêu lợi nhuận thích hợp cho giao dịch này nên là đường bật ngược, tức đường trên của kênh xu hướng song song.

Trước khi bàn đến phương pháp vẽ các đường xu hướng tĩnh và động trên đồ thị, cũng như là cách thức giao dịch cụ thể của hai loại

đường xu hướng trên, cần phải lưu ý hai vấn đề đối với kênh xu hướng song song.

Thứ nhất, những kênh xu hướng thường thúc đẩy các nhà kinh doanh giao dịch thực hiện giao dịch ngược xu hướng. Ví dụ, trong một xu hướng lên, với một mức chống đỡ tại đáy và mức kháng cự tại đỉnh, nhiều nhà giao dịch được khuyến khích không chỉ tham gia vào giao dịch mua tại biên dưới của kênh xu hướng mà còn tham gia bán không tại biên trên của kênh xu hướng. Trong khi thực hiện giao dịch mua tại đáy của kênh xu hướng lên song song là giao dịch cùng xu hướng thì bán không tại biên trên của kênh xu hướng lên lại gọi là giao dịch ngược xu hướng. Mặc dù giao dịch ngược xu hướng không phải là phương pháp bị cấm kỵ, và thường là một kiểu giao dịch mang lại lợi nhuận cho những nhà đầu tư có kinh nghiệm, nhưng những nhà giao dịch mới vào nghề tốt nhất là nên giao dịch theo xu hướng chính. Theo những nhà giao dịch xu hướng thuần túy, đỉnh của kênh xu hướng lên nên được sử dụng để chốt lãi trong giao dịch mua hơn là tham gia bán không của chiến lược giao dịch ngược xu hướng. Điều này cũng đúng cho xu hướng xuống nhưng theo suy luận ngược lại.

Lưu ý thứ hai đối với kênh xu hướng là liên quan đến điểm phá vỡ. Nhiều nhà giao dịch mới vào nghề sẽ nghĩ rằng sự phá vỡ ở cả hai phía của kênh xu hướng là nhu nhau. Đây là một giả định sai lầm. Ví dụ, trong một kênh xu hướng lên song song, điểm phá vỡ hướng xuống từ đường chống đỡ hướng lên của kênh xu hướng thể hiện một điểm đảo chiều tiềm năng có ý nghĩa quan trọng và hàm chứa tín hiệu giao dịch. Tuy nhiên, điểm phá vỡ hướng lên từ đường trên của kênh xu hướng lên lại ít có ý nghĩa quan trọng hoặc không hàm ý tín hiệu giao dịch. Kiểu phá vỡ này đơn thuần chỉ thể hiện một sự tích lũy của xu hướng lên. Đây cũng là một thông tin quan trọng nhưng không phải là thông tin mang tính chất bước ngoặt như điểm đảo chiều hướng xuống. Một lần nữa, những lưu ý này cũng đúng với kênh xu hướng xuống nhưng theo suy luận ngược lại.

Sau khi thảo luận xong về các công cụ và định nghĩa của mức chống đỡ/kháng cự tĩnh và động, chúng ta sẽ bàn luận về phương pháp vẽ và cách thức sử dụng cụ thể của các đường này.

ĐƯỜNG CHỐNG ĐỠ VÀ KHÁNG CỰ NẮM NGANG

Để bắt đầu, đường chống đỡ và kháng cự nằm ngang thông thường được vẽ bằng cách nối những đỉnh và đáy trên đồ thị. Nhà phân tích kỹ thuật hay các nhà giao dịch vẽ các đường trên không cần phải tìm kiếm các sự chính xác tuyệt đối khi đánh dấu các điểm này. Như đã nói trước đây, hành động giá hiếm khi tạo ra mức chống đỡ và kháng cự một cách chính xác. Miễn là những đường đó được vẽ gần với những đỉnh và đáy nhất trong khả năng có thể thì các đường thẳng này đã tạo nên các chỉ báo mạnh của các mức chống đỡ và kháng cự có ý nghĩa.

Nhìn chung, một nhà giao dịch theo mức chống đỡ và kháng cự khi phân tích đồ thị sẽ thực hiện đánh dấu các mức giá mà tại đó đã có nhiều lần đảo chiều. Các điểm này có thể đã đảo chiều lên nhiều lần từ mức chống đỡ hoặc đảo chiều xuống nhiều lần từ mức kháng cự, hoặc kết hợp cả hai loại. Loại đảo chiều kết hợp là tương đối hiếm vì, như đã đề cập trong chương 6, mức chống đỡ thường trở thành mức kháng cự và mức kháng cự thường trở thành mức chống đỡ.

Nhiều nhà giao dịch kỹ thuật phân tích đồ thị giá bắt đầu bằng khung thời gian dài nhằm đánh dấu các điểm đảo chiều tại mức chống đỡ và kháng cự, hoặc điểm pivot. Sau đó, các nhà giao dịch sẽ dần hướng tới sử dụng các khung thời gian nhỏ hơn nhằm tìm kiếm các mức chống đỡ hoặc kháng cự gần hơn. Các mức chống đỡ và kháng cự gần nhất sau đó được đánh dấu trong khung thời gian ngắn nhất.

Tất cả các điểm này đều có nhiều ý nghĩa đối với những nhà phân tích kỹ thuật. Tuy nhiên, nói chung, như đã đề cập trong

chương trước, các đỉnh và đáy dài hạn mang ý nghĩa mạnh hơn. Đặc biệt, các đỉnh hoặc đáy cao nhất mọi thời đại những mức chống đỡ/kháng cự quan trọng nhất cần được đánh dấu.

Ngoài ra, tất cả các khía cạnh khác là như nhau, các pivot đỉnh và đáy gần nhất có khuynh hướng tạo nên mức chống đỡ/kháng cự mạnh hơn so với các điểm ở xa trong quá khứ. Một lần nữa, điều này bắt nguồn từ hiện tượng trí nhớ về giá. Theo lẽ tự nhiên, các nhà giao dịch nhớ những mức giá quan trọng gần nhất hơn là các mức giá xa hơn.

Một khi tất cả đường nằm ngang được vẽ trên đồ thị giá, các nhà giao dịch theo mức chống đỡ/kháng cự sẽ quan sát phản ứng giá tại các điểm này, xem liệu mức chống đỡ/kháng cự nào vẫn tiếp tục tồn tại hoặc bị phá vỡ. Nếu nhà giao dịch chỉ thuần túy mua bán theo xu hướng thì chỉ khi nào xuất hiện các điểm bật lại hoặc điểm phá vỡ theo xu hướng chính mới nên tiến hành giao dịch. Nếu giá biến động trong một khung rộng, các lần bật ngược lại giữa mức chống đỡ và kháng cự sẽ là cơ hội tốt để giao dịch. Có nhiều cách mà các nhà giao dịch kỹ thuật phân tích hành động giá khi giá tiến gần đến mức chống đỡ và kháng cự, một trong số các cách đó sẽ được thảo luận trong chương 14, chương nói về chiến lược giao dịch kỹ thuật.

Mặc dù quy tắc chung đơn giản là giao dịch tại điểm bật ngược và hoặc điểm phá vỡ của mức chống đỡ/kháng cự, nhưng vẫn cần thiết sử dụng công cụ lọc tham gia giao dịch (entry filters) nhằm cố gắng tránh các điểm phá vỡ giả hoặc điểm bật ngược giả. Công cụ lọc tham gia giao dịch là một phương pháp tạo ra một số thông tin nhằm đánh giá điểm bật ngược hoặc điểm phá vỡ từ mức chống đỡ/kháng cự là thật. Ví dụ, một nhà giao dịch không nên giao dịch tại điểm phá vỡ mức kháng cự trừ khi hành động giá vượt điểm phá vỡ với một mức thay đổi giá xác định trước. Một công cụ lọc tương tự cũng được sử dụng để xác nhận một điểm bật ngược khỏi mức chống đỡ là thật hay giả. Một ví dụ khác của công cụ lọc tham gia

giao dịch là hiện tượng kéo ngược về điểm phá vỡ sau khi xuất hiện điểm phá vỡ. Nhiều nhà giao dịch sẽ chờ đợi từ lúc giá phá vỡ một mức chống đỡ/kháng cự cho đến khi giá kéo ngược về điểm phá vỡ và sau đó quay trở lại hướng phá vỡ ban đầu, trước khi bắt đầu tham gia giao dịch. Một cách lọc tham gia giao dịch khác là chờ đợi cây thanh/cây nến phá vỡ đóng cửa và cây thanh/cây nến tiếp theo vượt qua đỉnh của cây thanh/cây nến phá vỡ. Điều này cung cấp một số chỉ báo cho biết động lực giá có thể vẫn tiếp tục theo hướng phá vỡ. Các công cụ lọc tham gia giao dịch có thể được sử dụng với các mức chống đỡ/kháng cự nằm ngang cũng như với các mức giá động như đường xu hướng và kênh xu hướng.

Không những là công cụ hiệu quả để xác định điểm tham gia giao dịch, mức chống đỡ/kháng cự nằm ngang cũng là một trong những công cụ tốt nhất để xác định điểm cắt lỗ tối ưu. Bất kể mức chống đỡ/kháng cự nằm ngang có giữ được hoặc bị phá vỡ hay không, vẫn cần phải có một điểm rõ ràng để đặt mức giá cắt lỗ đầu tiên. Ví dụ, khi một điểm tham gia giao dịch bị kích hoạt bởi sự phá vỡ mức kháng cự, điểm cắt lỗ đầu tiên sẽ được đặt dưới điểm phá vỡ một khoảng cách định trước, là nơi mà lý do mua ban đầu (phá vỡ tăng giá) sẽ không còn giá trị. Tương tự, khi một điểm tham gia giao dịch bị kích hoạt bởi sự bật ngược từ mức chống đỡ, điểm cắt lỗ đầu tiên sẽ được đặt dưới đường chống đỡ một khoảng cách định trước, là nơi mà lý do mua ban đầu (tăng giá từ điểm bật lên khỏi mức chống đỡ) sẽ không còn giá trị.

ĐƯỜNG XU HƯỚNG

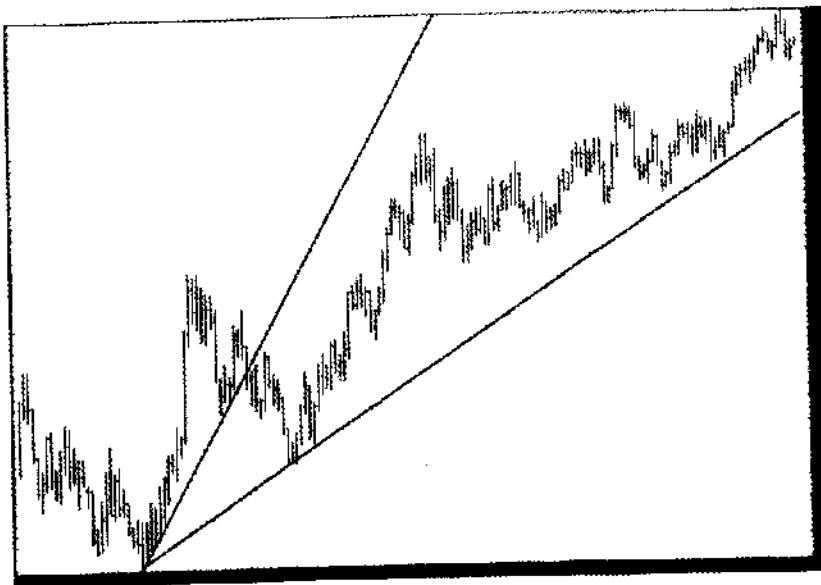
Giống như đường chống đỡ/kháng cự nằm ngang, đường xu hướng cũng được vẽ bằng cách nối các đỉnh và đáy. Như đã đề cập trong chương này, điểm khác biệt là đường xu hướng nối các đỉnh và đáy động (thay đổi) hơn là đỉnh và đáy tĩnh.

Trong nhiều năm qua, có nhiều tranh luận giữa các nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch khi vẽ một đường xu hướng. Do đó, có nhiều cách vẽ đường xu hướng mà các nhà giao dịch dựa vào chúng để ra quyết định giao dịch.

Ví dụ, trong một xu hướng lên rõ ràng, nhiều nhà phân tích kỹ thuật liên kết các đáy từ phía tay trái đồ thị đến phía tay phải đồ thị. Trong khi những nhà phân tích kỹ thuật khác lại vẽ từ phải qua trái. Cũng tham gia vào cuộc tranh luận này, nhiều nhà phân tích kỹ thuật ủng hộ việc liên kết các đáy của các cây thanh pivot để tạo thành một đường xu hướng tăng hoàn hảo. Trong khi các nhà phân tích khác chỉ liên kết những đáy quan trọng “tốt nhất” bất kể đường xu hướng này sẽ đi xuyên qua những cây thanh giá ở giữa. Lý lẽ của những nhà phân tích kỹ thuật này là một số cây

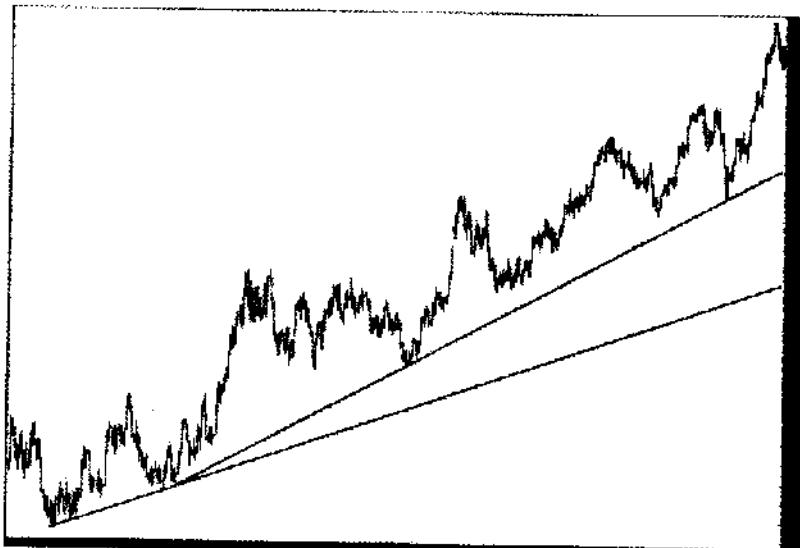
HÌNH 7.9

Vẽ lại đường xu hướng khi bị phá vỡ



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Vẽ lại đường xu hướng khi có sự tích lũy xu hướng



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

thanh giá có sự tăng/giảm bất thường trong hành động giá có thể được loại bỏ về mặt thống kê. Vẫn có những nhà phân tích khác chỉ tập trung vào mức giá đóng cửa hoặc là tập trung vào đỉnh hoặc đáy khi vẽ đường xu hướng. Những tranh luận này chắc chắn vẫn tiếp tục miễn là thị trường còn tồn tại và các nhà giao dịch muốn vẫn tiến hành các giao dịch. Thực tế là vẫn có yếu tố chủ quan khi vẽ các đường xu hướng và kênh xu hướng. Mỗi nhà giao dịch sẽ có cách vẽ riêng khác nhau.

Một vấn đề khác khi vẽ các đường xu hướng là chúng thường bị xóa và vẽ lại nếu hành động giá khiến các đường xu hướng không còn giá trị. Ví dụ, giả sử có trường hợp một đường xu hướng mới liên kết hai đáy nhưng giá phá vỡ xuống dưới đường xu hướng tăng khiến đường xu hướng này không còn giá trị. Nếu giá sau đó

tạo nên một đáy mới và tăng trở lại tạo nên một xu hướng tăng giá, đường xu hướng lên cần được vẽ lại để bao hàm đáy mới sau khi có sự phá vỡ như trong hình 7.9.

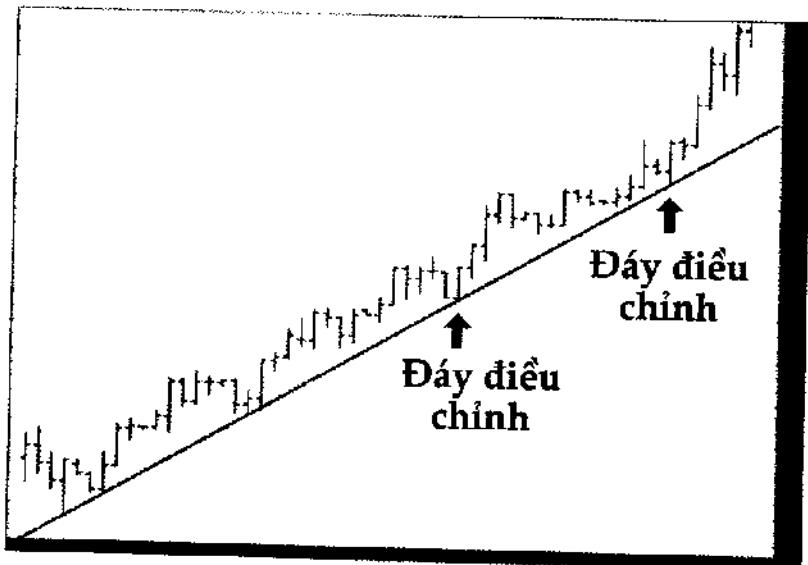
Các đường xu hướng cũng cần được vẽ lại nếu giá tích lũy theo hướng của xu hướng chính tạo nên một đường xu hướng mới dốc hơn (xem hình 7.10).

Mặc dù có những khuyết điểm nói trên nhưng đường xu hướng vẫn là phương pháp tốt nhất để thể hiện xu hướng. Vấn đề tiềm ẩn là yếu tố chủ quan và việc vẽ lại đường xu hướng không khiến cho đường xu hướng mất đi giá trị dự báo trên thị trường tài chính; ngược lại, trải qua thời gian, đường xu hướng vẫn là một công cụ kỹ thuật hiệu quả đối với các nhà giao dịch kỹ thuật trên các thị trường tài chính.

Một khi đường xu hướng được vẽ hoàn chỉnh, các nhà giao dịch bắt đầu sử dụng nó để giải thích và phản ứng với hành động giá, giống như họ đã làm với các mức chống đỡ và kháng cự nằm ngang. Đường xu hướng có thể được sử dụng để tham gia giao dịch tại điểm bật ngược, tại điểm phá vỡ và xác định điểm cắt lỗ hợp lý.

Sự bật ngược khỏi đường xu hướng là các điểm nhúng (dip) hoặc các điểm kéo ngược bên trong đường xu hướng, là điểm tham gia tuyệt vời vào một xu hướng. Những điểm bật ngược khỏi đường xu hướng thể hiện các mức thoái lùi ngược chiều xu hướng chính, do đó tạo nên khu vực có xác suất cao để tham gia vào xu hướng với một mức giá hấp dẫn. Ví dụ, trong trường hợp xu hướng tăng hiện tại như trong hình 7.11, giá nhiều lần chạm và nảy lên khỏi đường xu hướng chống đỡ hướng lên sau khi có một mức thoái lùi ngược xu hướng chính. Mức giá tại mỗi điểm nhúng là một mức giá tốt để tham gia giao dịch vì nó là điểm có chi phí thấp nhất để mua trong xu hướng tăng. Tương tự, trong một xu hướng giảm, khi giá tăng và bật lại đi xuống từ đường kháng cự hướng xuống, nên thực hiện

Mở vị thế mua trong xu hướng lên tại các đáy điều chỉnh



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

bán khống trong các đợt phục hồi, chính là các lần tăng giá nhỏ trong một xu hướng xuống, là một chiến lược được sử dụng thường xuyên nhất để tham gia vào xu hướng giảm tại mức giá tối ưu.

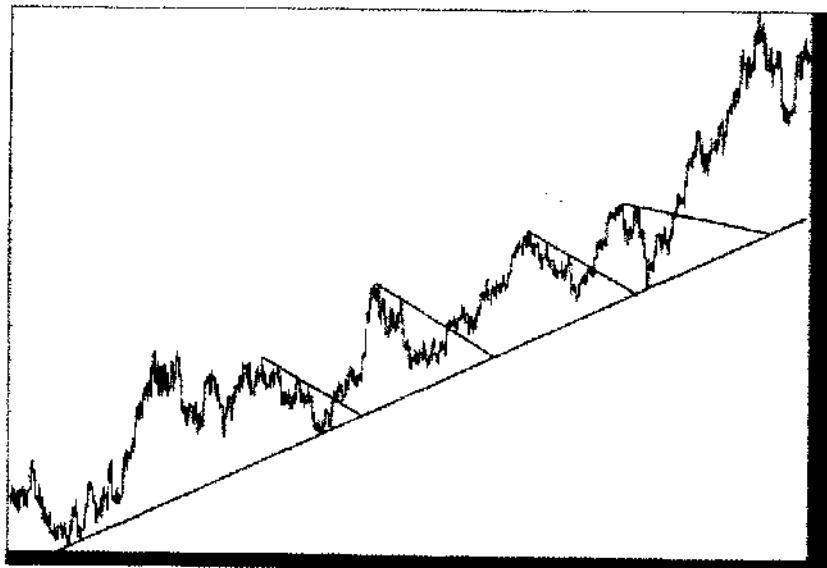
Một phương pháp khả thi nhất khi giao dịch theo sự bất ngược là tham gia vào điểm phá vỡ đường ngược xu hướng như trong hình 7.12. Ví dụ, trong một xu hướng tăng giá có ít nhất hai hoặc ba đáy được liên kết bởi một đường chống đỡ hướng lên, mỗi đáy được tạo ra sau mỗi lần giá bật lên khỏi đường xu hướng là cơ hội để tham gia mua trong xu hướng tăng tại mức giá tối ưu. Nhưng một nhà giao dịch nên tham gia chính xác ở đâu trong xu hướng tăng sau mỗi lần bật lên để vẫn tin rằng xu hướng tăng vẫn đang diễn ra? Cách tốt nhất là giao dịch tại điểm phá vỡ của đoạn thoái lui ngược xu hướng chính. Trong xu hướng tăng chủ đạo, mỗi lần

giá thoái lùi ngược về đường chống đỡ hướng lên, một đường kháng cự nhỏ nên được vẽ ra bằng cách liên kết hai đến ba đỉnh bên trong đoạn thoái lùi. Sau khi giá bật lên khỏi đường xu hướng chính, bất kỳ sự phá vỡ hướng lên khỏi đường kháng cự của xu hướng nhỏ có thể được xem là điểm tham gia giao dịch theo xu hướng khả thi nhất. Mặc dù có thể tham gia muộn hơn so với các phương pháp khác, nhưng đây là phương pháp đem lại sự xác nhận chắc chắn hơn về khả năng xu hướng vẫn được tiếp tục sau mỗi lần bật lên khỏi đường xu hướng chính.

Ngoài phương pháp giao dịch theo kiểu bật ngược khỏi đường xu hướng là tham gia giao dịch tại điểm phá vỡ đường xu hướng. Điểm phá vỡ đường xu hướng thể hiện khả năng đảo ngược xu hướng nên các nhà giao dịch kỹ thuật cần quan sát kỹ. Ví dụ, trong một xu hướng tăng có đường chống đỡ hướng lên liên kết hai đến ba đáy, sự phá vỡ hướng xuống đường xu hướng chính thể hiện một sự gián đoạn trong xu hướng tăng và khả năng hình thành một xu hướng xuống... Tất nhiên, giá có thể tham gia vào giai đoạn cung cố hoặc thậm chí phá vỡ lên trên đường xu hướng chính một lần nữa, nhưng kết quả của sự phá vỡ đường xu hướng là một sự đảo chiều xu hướng. Giống như mức chống đỡ/kháng cự nằm ngang, việc tham gia giao dịch theo điểm phá vỡ nên có một công cụ lọc tham gia giao dịch. Cho dù công cụ lọc tham gia giao dịch nào được sử dụng; là một mức tăng giá nhất định trên điểm phá vỡ, hoặc chuyển động ngược trở lại sau khi phá vỡ, hoặc một cây thanh/cây nến mới vượt qua cây thanh/cây nến phá vỡ, nhiều nhà giao dịch vẫn muốn có thêm vài sự nhận diện việc phá vỡ đường xu hướng trước khi tham gia giao dịch.

Cũng giống như mức chống đỡ/kháng cự nằm ngang, giao dịch theo đường xu hướng luôn luôn có một điểm rõ ràng, thích hợp để đặt mức cắt lỗ tối ưu. Ví dụ, khi một điểm tham gia giao dịch bị kích hoạt bởi một sự phá vỡ xu hướng xuống từ đường chống đỡ

Giao dịch theo xu hướng khi giá phá vỡ đường xu hướng ngược xu hướng chính



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

hướng lên, điểm cắt lỗ đầu tiên nên đặt phía trên điểm phá vỡ một khoảng cách giá xác định trước, là nơi mà lý do tham gia ban đầu (phá vỡ đường xu hướng dự báo khả năng giảm giá) không còn giá trị. Tương tự, khi một điểm tham gia giao dịch bị kích hoạt bởi sự bật lên khỏi đường chống đỡ hướng lên, điểm cắt lỗ đầu tiên nên đặt dưới đường xu hướng lên một khoảng cách định trước, là nơi mà lý do tham gia giao dịch ban đầu (này lên đường xu hướng là tín hiệu tăng giá) không còn giá trị.

KÊNH XU HƯỚNG SONG SONG

Cuối cùng, chúng ta quay trở lại với kênh xu hướng song song, nền tảng của xu hướng lý tưởng. Giao dịch theo kênh xu hướng song song cũng giống như giao dịch theo đường xu hướng chỉ có

một sự khác biệt quan trọng. Kênh xu hướng có mục tiêu lợi nhuận rõ ràng. Ví dụ, trong một kênh xu hướng lên song song, trong đó giá chạm đường chống đỡ bên dưới và đường bạt ngược bên trên ít nhất hai lần mỗi bên, nếu bắt cứ lệnh mua nào sau đó bị kích hoạt do giá bạt lên khỏi đường chống đỡ phía dưới thì mục tiêu lợi nhuận nên đặt quanh mức kháng cự tạo bởi đường bạt ngược phía trên. Nhiều nhà giao dịch thường đặt mục tiêu lợi nhuận chỉ thấp hơn đôi chút so với đường bạt ngược với kỳ vọng rằng mục tiêu lợi nhuận sẽ đạt được.

Khi giá thất bại chạm vào đường bạt ngược bên trên trong kênh xu hướng lên song song trước khi quay đầu giảm trở lại và hướng về phía đường chống đỡ, đây được xem là một chỉ báo giảm điểm dự báo sự xuất hiện điểm phá vỡ hướng xuống từ kênh xu hướng tăng và khả năng đảo ngược xu hướng. Ngược lại, khi giá phá vỡ lên trên đường bạt ngược phía trên trong một kênh xu hướng lên song song, đây được xem là sự tích lũy tăng giá của xu hướng tăng hiện tại dự báo xuất hiện một đường xu hướng dốc hơn, do đó yêu cầu cần vẽ lại đường xu hướng. Tất cả những điều trên cũng đúng cho kênh xu hướng xuống song song nhưng theo suy luận ngược lại.

Như đã đề cập trong phần trước của chương này, có hai lưu ý đối với kênh xu hướng cần được nhắc lại ở đây. Đầu tiên, việc phá vỡ kênh xu hướng có ý nghĩa khác nhau theo mỗi hướng phá vỡ. Trong một kênh xu hướng lên song song, sự phá vỡ hướng xuống dưới đường xu hướng chống đỡ phía dưới là vấn đề quan trọng, chỉ ra khả năng đảo ngược xu hướng do đó nên thực hiện bán khống theo hướng phá vỡ. Ngược lại, sự phá vỡ hướng lên trên đường bạt ngược phía trên đơn thuần hàm ý sự tích lũy xu hướng và không có nhiều ý nghĩa kỹ thuật như khi xu hướng chính bị phá vỡ. Tương tự, trong một kênh xu hướng xuống song song, sự phá vỡ hướng lên trên đường kháng cự phía trên có ý nghĩa quan trọng, chỉ ra

khả năng đảo ngược xu hướng do đó cần nêu thực hiện mua theo hướng phá vỡ. Ngược lại, sự phá vỡ hướng xuống dưới đường bật ngược phía dưới đơn thuần chỉ là sự tích lũy xu hướng, và không có nhiều ý nghĩa như việc phá vỡ xu hướng chính.

Lưu ý thứ hai là giao dịch theo tín hiệu từ đường bật ngược được xem là giao dịch ngược xu hướng. Ví dụ, trong một kênh xu hướng lên song song, lệnh mua được thực hiện khi giá bật lên khỏi đường chống đỡ dốc lên phía dưới được xem như là giao dịch theo xu hướng. Ngược lại, lệnh bán không được thực hiện khi giá bật ngược xuống dưới đường bật ngược phía trên, do nhiều nhà giao dịch cùng cố gắng thực hiện, được xem là các giao dịch ngược xu hướng chưa đựng nhiều rủi ro. Tương tự, trong một kênh xu hướng xuống song song, lệnh bán không được thực hiện khi giá dội xuống dưới đường kháng cự hướng xuống phía trên được xem như là giao dịch theo xu hướng. Ngược lại, lệnh mua được thực hiện khi giá bật lên khỏi đường bật ngược phía dưới, do nhiều nhà giao dịch cùng thực hiện, được xem là giao dịch ngược xu hướng và có nhiều rủi ro.

Sau khi các công cụ vẽ cơ bản gồm đường xu hướng, kênh xu hướng và mức chống đỡ/kháng cự nằm ngang đã được thảo luận, bước tiếp theo là giới thiệu và mô tả các mẫu hình hình thanh/hình nến thường được sử dụng. Đây là chủ đề của chương 8.

TÓM TẮT

Chương này giới thiệu các công cụ vẽ đồ thị cơ bản mà các nhà phân tích kỹ thuật thường sử dụng trên các biểu đồ giá. Các công cụ này bao gồm đường xu hướng, kênh xu hướng và mức chống đỡ/kháng cự nằm ngang.

Mức chống đỡ và kháng cự tĩnh là các mức giá không thay đổi qua thời gian. Chúng bao gồm các đường thẳng nằm ngang mà giá

quay đầu hoặc đảo chiều nhiều lần trong quá khứ cũng như là các mức Fibonacci hay các điểm pivot.

Mức chống đỡ/kháng cự động là các mức giá thay đổi qua thời gian. Đường xu hướng là ví dụ tốt nhất của mức chống đỡ/kháng cự động, bên cạnh đó là kênh xu hướng song song.

Trong cả mức chống đỡ/kháng cự tĩnh và động, các nhà giao dịch thường chờ đợi hành động giá tại hoặc xung quanh các mức này để xem liệu chúng có giữ được hoặc bị phá vỡ hay không. Sau đó, các lệnh giao dịch có thể được đặt và thực hiện. Lệnh dừng lỗ cũng có thể được xác định và thực hiện dựa trên vị trí của giá như thế nào so với mức chống đỡ/kháng cự tĩnh (đường nằm ngang) và động (đường xu hướng).

Chương 8

Các mẫu hình đồ thị

Mẫu hình hình thanh và
mẫu hình hình nến Nhật Bản



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Nhận diện cấu trúc và đặc điểm của các mẫu hình đồ thị hình nến và mẫu hình hình thanh quan trọng.
- Hiểu được các nhà giao dịch kỹ thuật sử dụng những mẫu hình trên như thế nào để dự báo hành động giá tương lai.
- Đánh giá khía cạnh giao dịch thực tế của các mẫu hình đồ thị giá nói trên.

GIỚI THIỆU CÁC MẪU HÌNH ĐỒ THỊ GIÁ

Đối với những nhà giao dịch không quen sử dụng phân tích kỹ thuật, suy nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu khi nhìn vào đồ thị là mẫu hình đồ thị giá. Các mẫu hình như **mẫu hình vai - đầu - vai** (head and shoulder), **mẫu hình cờ hiệu** (flag), **mẫu hình tam giác** (triangle) sẽ dễ dàng tiếp nhận hơn với những người không am hiểu phân tích kỹ thuật.

Bên cạnh các mẫu hình đồ thị phương Tây, nhiều người trong số những người chưa quen thuộc với phân tích kỹ thuật cũng đã nghe qua các mẫu hình nến hấp dẫn như **mẫu hình Doji**, **mẫu hình cây búa** (hammer) và **mẫu hình tội nhân treo cổ** (hanging man). Chính vì sự hấp dẫn của tên gọi và khả năng thể hiện ý nghĩa chính xác nên các mẫu hình trên dễ dàng được tiếp nhận bởi các nhà đầu tư không nghiên cứu sâu về phân tích kỹ thuật.

Chương này thảo luận hai loại mẫu hình đồ thị: **mẫu hình hình thanh** (bar) và **mẫu hình hình nến** Nhật Bản (candlestick). Cả hai loại mẫu hình này là những kiến thức rất quan trọng đối với bất cứ nhà giao dịch nào khi nghiên cứu phân tích kỹ thuật, và cả hai loại mẫu hình này có ảnh hưởng lớn đến các quyết định giao dịch quan trọng. Chúng ta bắt đầu việc thảo luận từ **mẫu hình hình thanh**.

Các **mẫu hình hình thanh** được cho là của “**phương Tây**” có sự khác biệt so với các **mẫu hình nến** Nhật Bản, hiện đang trở nên phổ biến trong những năm gần đây. **Mẫu hình đồ thị hình thanh** được sử dụng từ rất lâu trên các thị trường tài chính ở phương Tây để phân tích hành động giá và dự báo hành vi giá. Mỗi **mẫu hình** đều có đặc điểm riêng, xác suất, và các mục tiêu giá. Một số **mẫu hình** được xem là **mẫu hình củng cố xu hướng** (continuation) trong khi các **mẫu hình** khác là **đảo ngược xu hướng** (reversal). Tuy nhiên, sự phân loại này không phải lúc nào cũng rõ ràng, một số **mẫu hình** củng cố xu hướng truyền thống đôi khi lại là **mẫu**

hình đảo chiều xu hướng và các mẫu hình đảo chiều xu hướng truyền thống lại trở thành mẫu hình cung cổ xu hướng. Nhưng vì mục đích phân loại, các mẫu hình được mô tả ở đây được chia theo hai nhóm: mẫu hình cung cổ xu hướng và mẫu hình đảo ngược xu hướng. Một đặc điểm chung của tất cả các mẫu hình hình thanh của phương Tây là không thể dự đoán bất cứ điều gì cho đến khi xuất hiện điểm phá vỡ. Các mẫu hình hình thanh mà bạn thấy ngay dưới đây đều có điểm phá vỡ.

CÁC MẪU HÌNH HÌNH THANH CỦNG CỔ XU HƯỚNG

Các mẫu hình cung cổ xu hướng quan trọng là mẫu hình tam giác (triangle), mẫu hình cờ hiệu (flag), mẫu hình cờ đuôi nheo (pennant), mẫu hình hình chữ nhật (rectangle), và mẫu hình cái nêm (wedge). Tất nhiên, vẫn còn nhiều mẫu hình khác phức tạp hơn hoặc ít phổ biến hơn, nhưng các mẫu hình cung cổ xu hướng kể trên là phổ biến khi phân tích đồ thị giá trên bất cứ thị trường tài chính nào. Để đơn giản hơn, mẫu hình cờ đuôi nheo có thể được xem là mẫu hình tam giác.

Để bắt đầu, mẫu hình tam giác có lẽ là mẫu hình cung cổ xu hướng phổ biến nhất trên bất cứ biểu đồ nào. Mẫu hình tam giác thể hiện một sự cùng cố hội tụ, trong đó các cây thanh giá được giới hạn bởi các đường thẳng có khuynh hướng tiến gần đến nhau và cuối cùng hội tụ tại một góc tam giác. Lý tưởng nhất, giá sẽ phá vỡ tam giác trước khi đạt đến góc tam giác. Chiều hướng phá vỡ thông thường cùng hướng với xu hướng trước khi tam giác hình thành, nên mẫu hình này được nhiều nhà giao dịch xem là mẫu hình cung cổ xu hướng, mặc dù điều này không phải lúc nào cũng đúng. Khi giá phá vỡ theo hướng ngược lại, mẫu hình tam giác sẽ trở thành mẫu hình đảo chiều. Trong bất kỳ trường hợp nào, chiều hướng phá vỡ của giá ít quan trọng hơn bản chất sự phá vỡ. Sự phá vỡ mẫu

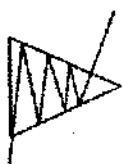
hình với xung lực mạnh mẽ khiến nó trở nên có giá trị hơn bởi vì xác suất giá đi theo hướng phá vỡ là cao. Ngược lại, nhiều sự phá vỡ mẫu hình dẫn đến hoặc là một sự cung cố xung quanh điểm phá vỡ hoặc là điểm phá vỡ già. Rõ ràng, những kiểu phá vỡ trên sẽ là nguy hiểm đối với nhiều nhà giao dịch theo mẫu hình.

Có ba loại mẫu hình tam giác chủ yếu trong tất cả các loại tam giác được tìm thấy trên các thị trường tài chính: mẫu hình tam giác đối xứng (symmetrical), mẫu hình tam giác hướng lên (ascending) và mẫu hình tam giác hướng xuống (descending). Không giống như tên gọi, mẫu hình tam giác đối xứng không thực sự cần thiết phải đối xứng. Yêu cầu duy nhất của mẫu hình tam giác đối xứng như trong hình 8.1, là đường giới hạn trên cần dốc xuống trong khi đường giới hạn dưới dốc lên. Độ dốc của hai đường giới hạn không

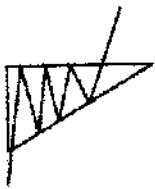
HÌNH 8.1

Ba loại mẫu hình tam giác

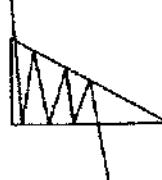
Tam giác
đối xứng



Tam giác
hướng lên



Tam giác
hướng xuống



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

cần phải bằng nhau. Một mẫu hình tam giác đối xứng thể hiện trạng thái cân bằng trên thị trường, hoặc là thị trường đang do dự, được mô tả bởi giá cung cố trong biên độ hẹp dần.

Ngược lại với mẫu hình tam giác đối xứng, cả mẫu hình tam giác hướng lên và mẫu hình tam giác hướng xuống đều có một đường giới hạn nằm ngang, hoặc ít nhất là gần nằm ngang. Như trong hình 8.1, mẫu hình tam giác hướng lên được tạo thành từ một đường giới hạn trên nằm ngang và đường giới hạn dưới dốc lên. Giống như mẫu hình tam giác đối xứng, mẫu hình tam giác hướng lên thể hiện cho trạng thái cân bằng của thị trường, nhưng có nhiều áp lực tăng giá. Điều này là do mẫu hình tam giác hướng lên có đường giới hạn dưới là một đường xu hướng chống đỡ tăng dần trong khi đường giới hạn trên là cố định. Vì vậy, loại mẫu hình tam giác này nhìn chung có cái gì đó thiên về xu hướng tăng bất kể sự phá vỡ xảy ra theo hướng nào, mặc dù điều này không phải lúc nào cũng đúng. Giá có thể phá vỡ hướng xuống dưới mẫu hình tam giác hướng lên.

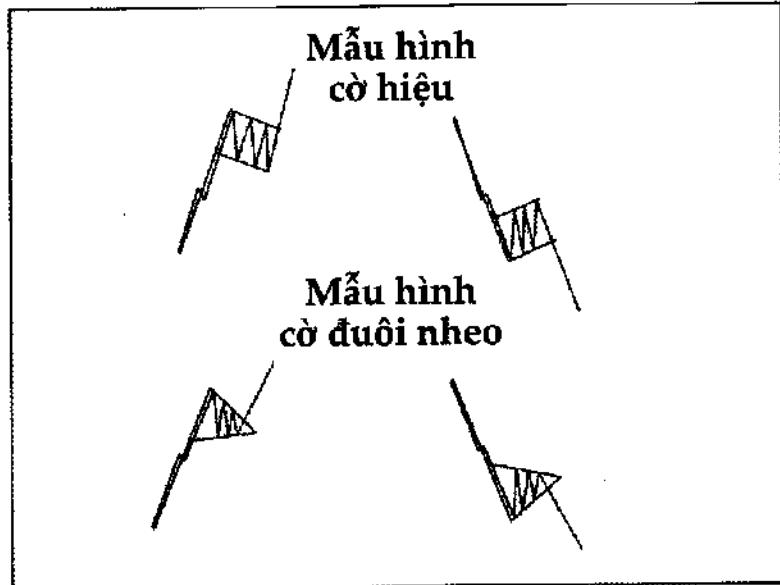
Cũng trong hình 8.1, mẫu hình tam giác hướng xuống được tạo thành từ một đường giới hạn dưới nằm ngang và một đường giới hạn trên dốc xuống. Cũng giống như mẫu hình tam giác đối xứng, mẫu hình tam giác hướng xuống thể hiện trạng thái cân bằng trên thị trường, nhưng có áp lực giảm giá. Điều này là do mẫu hình tam giác hướng xuống có một đường giới hạn trên là một đường xu hướng kháng cự hướng xuống trong khi đáy là một đường giới hạn cố định. Do đó, ngược lại với mẫu hình tam giác hướng lên, mẫu hình tam giác hướng xuống nói chung có cái gì đó thiên về xu hướng giảm giá bất kể điểm phá vỡ xảy ra theo hướng nào. Giống như mẫu hình tam giác hướng lên, điều này cũng không luôn luôn đúng. Giá có thể phá vỡ hướng lên trên mẫu hình tam giác hướng xuống.

Bất cứ loại mẫu hình tam giác nào, giai đoạn cung cống về lý thuyết nên kết thúc bằng một sự phá vỡ mạnh theo một hướng nào đó, tốt nhất là theo hướng của xu hướng trước đó, nhằm phá vỡ trạng thái cân bằng. Tuy nhiên, nếu giá phá vỡ theo hướng ngược lại, cũng nên tiến hành giao dịch. Tín hiệu giao dịch được tạo ra miễn là có điểm phá vỡ thật của bất cứ mẫu hình tam giác nào, theo cả hai hướng.

Bất cứ loại mẫu hình tam giác nào, cách tính mục tiêu giá đều tương tự nhau. Đầu tiên, chúng ta đo chiều cao tam giác tại đỉnh cao nhất và sau đó đặt chiều cao này trên điểm phá vỡ (đối với xu hướng lên) hoặc dưới điểm phá vỡ (đối với xu hướng xuống) để có mục tiêu giá tiềm năng cho chuyển động giá.

HINH 8.2

Mẫu hình cò hiệu và cò đuôi nheo



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Có lẽ trong số các mẫu hình được xếp vào nhóm mẫu hình cung cố, cờ hiệu và cờ đuôi nheo là những mẫu hình hoàn thành tốt nhất vai trò cung cố xu hướng. Thực tế, xu hướng chuyển động trước đó cũng được tính vào mẫu hình dưới dạng cột cờ. Phần lớn mẫu hình cờ hiệu và cờ đuôi nheo đều được kỳ vọng rằng xu hướng sẽ tiếp tục.

Như trong hình 8.2, các mẫu hình cờ hiệu giống như lá cờ trong thực tế. Như đã nói, mẫu hình gồm có một cột cờ và hai đường thẳng song song tách biệt với cột cờ thể hiện giai đoạn cung cố của lá cờ. Mẫu hình cờ hiệu tăng giá lý tưởng gồm một sự tăng giá mạnh trong cột cờ theo sau bởi một lá cờ hiệu nhỏ có giá cung cố hướng xuống. Ngược lại, mẫu hình cờ hiệu giảm giá lý tưởng gồm một sự giảm giá mạnh trong cột cờ theo sau bởi một lá cờ hiệu nhỏ có giá cung cố hướng lên. Khi hành động giá tạo nên mẫu hình cờ hiệu, đây là chỉ báo cho thấy giá sau khi di chuyển mạnh sẽ được theo sau bởi một giai đoạn cung cố hoặc một mức thoái lùi nhỏ ngược xu hướng. Kỳ vọng sau khi phá vỡ của giai đoạn cung cố/thoái lùi giá sẽ tiếp tục đi theo xu hướng của cột cờ.

Mục tiêu giá dự phỏng của chuyển động giá sau đó được tính bằng cách lấy mức giá tại điểm phá vỡ cộng với chiều cao của cột cờ (đối với xu hướng tăng), hoặc lấy mức giá tại điểm phá vỡ trừ đi chiều cao của cột cờ (đối với xu hướng xuống).

Có nhiều điểm tương đồng giữa hai loại mẫu hình cờ hiệu và mẫu hình tam giác, một mẫu hình cờ đuôi nheo có thể được mô tả như một tam giác nhỏ (hoặc cái nêm nhỏ) trên đỉnh của cột cờ. Đơn giản hơn, và có thể là thích hợp hơn, mẫu hình cờ đuôi nheo rất giống với chiếc cờ đuôi nheo trong thực tế. Góc tam giác của mẫu hình cờ đuôi nheo thường nhỏ hơn so với mẫu hình tam giác thông thường, nhưng đây không phải là yếu tố bắt buộc. Mẫu hình tam giác thường có hình dạng lớn hơn mẫu hình cờ và cờ đuôi nheo,

nhưng cần lưu ý thêm lần nữa, đây chỉ là một quan sát chứ không phải là một quy tắc.

Như trong hình 8.2, mẫu hình cờ đuôi nheo được tạo thành từ một cột cờ theo sau bởi một vùng cung cố nhỏ hội tụ trông giống một tam giác nhỏ (hoặc một cái nêm nhỏ). Các mẫu hình cờ đuôi nheo tăng giá có cột cờ là một đợt tăng giá mạnh, theo sau bởi vùng cung cố dạng tam giác. Ngược lại, mẫu hình cờ đuôi nheo giảm giá có cột cờ là một đợt giảm giá mạnh, theo sau bởi một vùng cung cố dạng tam giác. Giống như mẫu hình cờ, khi hành động giá tạo nên một mẫu hình cờ đuôi nheo, đây là chỉ báo cho thấy giá sau khi chuyển động mạnh theo một hướng sẽ được theo sau bởi một vùng cung cố nhỏ ngược xu hướng chính. Sau khi phá vỡ vùng cung cố, kỳ vọng giá sẽ tiếp tục đi theo hướng của cột cờ.

HÌNH 8.3

Mẫu hình cái nêm và hình chữ nhật

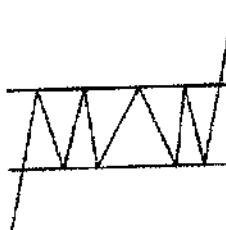
Mẫu hình cái nêm
hướng xuống



Mẫu hình cái nêm
hướng lên



Mẫu hình
hình chữ nhật



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Giống như mẫu hình cờ, mục tiêu giá dự phỏng của chuyển động sau khi phá vỡ mẫu hình cờ đuôi nheo được tính bằng cách lấy mức giá tại điểm phá vỡ cộng với chiều cao của cột cờ (đối với xu hướng tăng) hoặc lấy mức giá tại điểm phá vỡ trừ độ cao của cột cờ (đối với xu hướng giảm).

Giống như mẫu hình tam giác, mẫu hình cờ hiệu, và mẫu hình cờ đuôi nheo, mẫu hình hình chữ nhật cũng là mẫu hình rất thông dụng. Mẫu hình hình chữ nhật, như trong hình 8.3, là một vùng cung cố nhỏ, nằm ngang với hai đường giới hạn trên dưới song song (kháng cự và chống đỡ) và không hội tụ như tam giác. Mẫu hình hình chữ nhật đôi khi cũng được gọi là khung giao dịch. Mặc dù cả mẫu hình hình chữ nhật và khung giao dịch đều là vùng cung cố nằm ngang được giới hạn bởi hai đường thẳng song song nằm ngang, nhưng cách thức giao dịch lại khác nhau. Khung giao dịch thường là vùng cung cố rộng hơn (hay cao hơn), và các nhà giao dịch có thể giao dịch giữa các đường giới hạn (nghĩa là: mua tại đường giới hạn dưới và bán tại đường giới hạn trên). Ngược lại, một mẫu hình hình chữ nhật có vùng cung cố hẹp hơn nên các nhà giao dịch sẽ chờ đợi điểm phá vỡ bên ngoài mẫu hình, giống như cách giao dịch của mẫu hình tam giác.

Cũng giống như các mẫu hình tam giác, mẫu hình hình chữ nhật thể hiện sự cân bằng trên thị trường và thường được xem là vùng nghỉ ngơi ở giữa một xu hướng. Ví dụ, trong một xu hướng tăng, mẫu hình hình chữ nhật có thể xuất hiện khi đợt tăng giá tạm dừng lại và chuẩn bị cho một đợt tăng giá mới mạnh hơn.

Tuy nhiên, cũng giống như các mẫu hình tam giác, điều này không luôn luôn đúng. Mẫu hình chữ nhật có thể là mẫu hình đảo chiều. Bản chất sự phá vỡ là quan trọng nhất, bất kể thị trường phá vỡ theo hướng nào. Một sự phá vỡ rõ ràng và mạnh mẽ sẽ có giá trị hơn sự phá vỡ một cách do dự.

Tính mục tiêu giá cho sự phá vỡ mẫu hình hình chữ nhật là đơn giản hơn so với các mẫu hình đồ thị khác. Đối với điểm phá vỡ hướng lên, giá mục tiêu sẽ được tính đơn giản bằng cách cộng chiều cao hình chữ nhật vào mức giá điểm phá vỡ. Đối với điểm phá vỡ hướng xuống, mục tiêu giá dễ dàng được tính bằng cách trừ chiều cao hình chữ nhật ra khỏi mức giá điểm phá vỡ. Tuy nhiên, giống như mục tiêu giá của tất cả các mẫu hình khác, mục tiêu giá của mẫu hình hình chữ nhật nên được xem như là một hướng dẫn chung chứ không phải một dự báo chính xác.

Giống như mẫu hình tam giác, mẫu hình cái nêm là một mẫu hình được tạo thành bởi hai đường thẳng hội tụ. Tuy nhiên, khác với mẫu hình tam giác, hai đường thẳng của mẫu hình cái nêm có độ dốc như nhau. Do đó, mẫu hình cái nêm hướng lên có hai đường thẳng dốc lên, trong khi mẫu hình cái nêm hướng xuống có hai đường dốc xuống. Xem ví dụ ở hình 8.3.

Mẫu hình cái nêm thể hiện sự cung cố của thị trường, giống như các mẫu hình cung cố khác. Mặc dù vậy, mẫu hình cái nêm có mức thoái lùi nhiều hơn so với mẫu hình tam giác. Do đó, mẫu hình cái nêm hướng xuống là mẫu hình cung cố xuất hiện sau một chuyển động tăng giá, và thường sẽ phá vỡ theo hướng lên. Tương tự, mẫu hình cái nêm hướng xuống là mẫu hình cung cố xuất hiện sau khi giảm giá và sẽ thường phá vỡ theo hướng di chuyển xuống.

Không có phương pháp tính mục tiêu giá cụ thể cho mẫu hình cái nêm giống như các mẫu hình đồ thị khác, mặc dù sự phá vỡ mẫu hình cái nêm có thể là chất xúc tác mạnh cho chuyển động giá theo xu hướng chính. Như đã đề cập trong phần trước của chương, mẫu hình cờ đuôi nheo được tạo thành từ một cột cờ gắn với hoặc là một tam giác hoặc là một cái nêm. Nếu gắn với cái nêm, mẫu hình cờ đuôi nheo nhìn chung sẽ có mức thoái lùi nhiều hơn so với mẫu hình tam giác.

Độ biến động

Khái niệm độ biến động đóng một vai trò quan trọng trong phân tích kỹ thuật, nhất là trong vấn đề phân tích xu hướng. Nhiều nhà giao dịch xem xét độ biến động rất cẩn thận trước khi đưa ra quyết định giao dịch. Sự thay đổi trong độ biến động là mối quan tâm chính của các nhà giao dịch. Nói rõ hơn, những thay đổi trong độ biến động từ thấp đến cao, được đặc biệt chú ý hơn là từ độ biến độ cao tới thấp.

Trạng thái của xu hướng thường được nhận diện do sự hoán đổi lẫn nhau giữa độ biến động cao và độ biến động thấp. Độ biến động thấp thường được xem như vùng cung cố, trạng thái cân bằng, hoặc đơn giản là hành động giá đi ngang. Ngược lại, độ biến động mạnh thường là xu hướng diễn ra mạnh, mặc dù điều này không luôn luôn đúng. Sự chuyển dịch từ độ biến động thấp sang độ biến động cao thường được xem như là sự mở rộng khung giao dịch đánh dấu điểm khởi đầu hoặc cung cố xu hướng. Do đó, sự thay đổi này là vô cùng quan trọng đối với các nhà giao dịch theo xu hướng.

Xu hướng nhìn chung sẽ trải qua các giai đoạn nghỉ ngơi và hoạt động xen kẽ lẫn nhau trong vòng đời của nó. Giai đoạn "nghỉ ngơi" (độ biến động thấp) có thể tồn tại dưới dạng hoặc là vùng cung cố đi ngang hoặc một chuyển động ngược xu hướng. Giai đoạn "hoạt động" tiếp tục (chuyển sang độ biến động cao) thường ở dưới dạng giá chuyển động mạnh. Một trong những vị trí tốt nhất để tham gia vào xu hướng là khi có giai đoạn nghỉ ngơi đột ngột trở thành giai đoạn hoạt động. Điều này được nhận ra khi có sự phá vỡ trong độ biến động, theo đó độ biến động thấp chuyển thành độ biến động cao, theo hướng của xu hướng hiện tại.

Các mẫu hình đồ thị cùng cố xu hướng như mẫu hình tam giác, mẫu hình cờ hiệu, mẫu hình cờ đuôi nheo, và mẫu hình hình chữ nhật đơn giản là các khu vực không rõ ràng và/hoặc đang không rõ ràng của độ biến động nhằm chờ đợi sự phá vỡ sang độ biến động cao hơn, phần lớn theo hướng của xu hướng hiện tại. Bên cạnh những mẫu hình nói trên, các phương pháp khác để sử dụng sự thay đổi trong độ biến động, hoặc

sự phá vỡ độ biến động gồm sự phá vỡ khung giá giao dịch nằm ngang, sự phá vỡ của đỉnh và đáy trong x thời gian, và sự thắt lại của dải băng Bollinger. Những phương pháp này sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong phần sau. Các công cụ kỹ thuật thông dụng để đo lường độ biến động, cũng như là thay đổi trong độ biến động là ATR, dải băng Bollinger, và chỉ báo độ rộng dải băng Bollinger.

Việc đo lường và quan sát sự thay đổi trong độ biến động có thể là một yếu tố quan trọng trong việc đưa ra quyết định giao dịch thông minh, giống như sự thay đổi độ biến động đưa ra manh mối quan trọng về xung lượng thị trường.

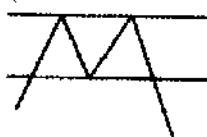
CÁC MẪU HÌNH ĐẢO CHIỀU XU HƯỚNG

Trong khi các mẫu hình cung cổ phương Tây như mẫu hình tam giác, mẫu hình cờ hiệu, mẫu hình cờ đuôi nheo, mẫu hình hình chữ nhật và mẫu hình cái nêm nói chung thường được xem như là tiếp tục xu hướng hơn là đảo ngược xu hướng, có một số mẫu hình đảo chiều của phương Tây nói chung cũng được cho là đảo chiều xu hướng hơn là cung cổ.

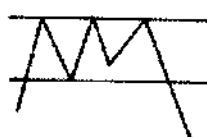
Như đã nói, các mẫu hình nến Nhật Bản, sẽ được thảo luận trong phần sau của chương này, cung cấp các chỉ báo đảo chiều hoặc xác nhận xu hướng rất tốt. Nhiều người cho rằng, các mẫu hình nến Nhật Bản hiệu quả nhất thường là những chỉ báo cho sự đảo chiều tiềm năng. Ngược lại, các mẫu hình hình thanh của phương Tây có thể tốt hơn trong việc cung cấp chỉ báo cung cổ xu hướng, với các mẫu hình phổ biến như mẫu hình tam giác, mẫu hình cái nêm, mẫu hình hình chữ nhật, mẫu hình cờ hiệu/cờ đuôi nheo. Tuy nhiên, có ba mẫu hình đảo chiều hình thành sẽ được thảo luận ở đây vì đã cho thấy mức độ tin cậy cao qua thời gian. Đó là mẫu hình hai đỉnh/đáy (double top/bottom), ba đỉnh/đáy (triple top/bottom) và mẫu hình vai - đầu - vai (head and shoulder).

Các mẫu hình đảo ngược cơ bản

**Mẫu hình
hai đỉnh**



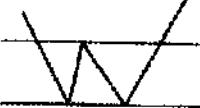
**Mẫu hình
ba đỉnh**



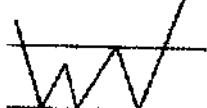
**Mẫu hình
vai đầu vai đỉnh**



**Mẫu hình
hai đáy**



**Mẫu hình
ba đáy**



**Mẫu hình
vai đầu vai đáy**



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Mỗi mẫu hình trong ba mẫu hình nói trên nên được theo sau bởi xu hướng kéo dài để hoàn thành vai trò mẫu hình đảo chiều đúng nghĩa.

Như trong hình 8.4, mẫu hình hai đỉnh/đáy được xem như một mẫu hình đảo chiều cổ điển. Giống như hàm ý của tên gọi, mẫu hình hai đỉnh xảy ra khi giá chạm một mức đỉnh hoặc một mức giá như nhau hai lần liên tiếp sau một xu hướng tăng mạnh. Rất quan trọng, đỉnh thứ hai được xem là sự thất bại của giá vì nó không thể tạo nên đỉnh cao hơn đáng kể so với đỉnh đầu tiên. Sự thất bại của hành động giá là chỉ báo tốt về sự yếu đi trong xung lượng của xu hướng và khả năng đảo chiều có thể sắp xảy ra. Hai đỉnh được tách biệt bởi một vùng đáy. Tín hiệu bán khống xuất hiện sau khi giá phá vỡ hướng xuống dưới điểm thấp nhất của vùng đáy. Để tính mục

tiêu giá, lấy mức giá tại điểm phá vỡ trừ đi khoảng cách từ đỉnh đến điểm thấp nhất của vùng đáy.

Mẫu hình hai đáy xuất hiện khi giá chạm vào cùng một mức đáy như nhau hai lần liên tiếp sau một xu hướng giảm mạnh. Đáy thứ hai được xem là sự thất bại của hành động giá. Hai đáy được tách biệt bởi một vùng đỉnh. Tín hiệu mua xuất hiện khi giá phá vỡ hướng lên trên mức giá cao nhất của vùng đỉnh. Giống như mẫu hình hai đỉnh, mục tiêu giá của mẫu hình hai đáy được tính bằng cách lấy mức giá tại điểm phá vỡ cộng với khoảng cách từ đáy đến mức giá cao nhất của vùng đỉnh.

Như trong hình 8.4, mẫu hình ba đỉnh/đáy cũng được xem như mẫu hình đảo chiều cổ điển. Mẫu hình ba đỉnh hình thành khi giá chạm vào một mức đỉnh ba lần liên tiếp sau một xu hướng tăng mạnh. Mẫu hình ba đỉnh có thể được xem là mạnh hơn so với mẫu hình hai đáy vì sự thất bại của hành động giá trong việc tạo lập đỉnh cao hơn đỉnh đầu tiên xảy ra tới hai lần. Mẫu hình ba đỉnh được tách biệt bởi các vùng đáy và các vùng đáy này không nhất thiết có cùng mức giá. Tín hiệu bán khống xuất hiện khi có sự phá vỡ hướng xuống dưới mức giá thấp nhất của hai vùng đáy. Để có mục tiêu giá, lấy mức giá tại điểm phá vỡ trừ đi khoảng cách từ đỉnh đến mức giá thấp nhất của hai vùng đáy.

Mẫu hình ba đáy hình thành khi giá chạm một mức đáy giống nhau ba lần liên tiếp sau xu hướng giảm giá mạnh. Đáy thứ hai và thứ ba được xem là sự thất bại của hành động giá, theo đó giá thất bại không thể giảm sâu hơn và tiếp tục xu hướng giảm. Ba đáy được tách biệt bởi các vùng đỉnh, và các vùng đỉnh này không cần có cùng mức giá. Tín hiệu mua xuất hiện khi giá phá vỡ hướng lên mức giá cao nhất của hai vùng đỉnh. Để tính mục tiêu giá, lấy mức giá tại điểm phá vỡ cộng với khoảng cách từ ba đáy đến mức giá cao nhất trong hai đỉnh.

Giống như mẫu hình ba đỉnh/đáy, mẫu hình vai đầu vai, thể hiện trong hình 8.4, có lẽ là mẫu hình đồ thị nổi tiếng nhất, hoặc thậm chí là nổi tiếng nhất trong phân tích kỹ thuật. Mặc dù mẫu hình vai đầu vai không phải là mẫu hình phổ biến trong hầu hết các thị trường tài chính, nhưng mẫu hình này được các nhà giao dịch và những người không giao dịch ghi nhớ. Điểm khác biệt cơ bản giữa mẫu hình vai đầu vai và mẫu hình ba đỉnh/đáy nằm ở phần giữa của mẫu hình. Cụ thể, trong mẫu hình vai đầu vai, đỉnh giữa (đầu) là cao hơn hai đỉnh nhỏ bên cạnh (vai). Ngược lại, mẫu hình vai đầu vai đảo ngược (đáy), đáy giữa (đầu) là đáy thấp hơn hai đáy bên cạnh (vai).

Đường thẳng liên kết các đáy trong mẫu hình vai đầu vai đỉnh hoặc liên kết các đỉnh trong mẫu hình vai đầu vai đáy, được gọi là đường viền cổ (neckline). Sự phá vỡ đường viền cổ được xem là tín hiệu giao dịch. Để tính mục tiêu giá, lấy khoảng cách từ đỉnh của phần đầu đến đường viền cổ trong mẫu hình vai đầu vai đỉnh trừ cho mức giá tại điểm phá vỡ (đường viền cổ). Đối với mẫu hình vai đầu vai đáy, lấy khoảng cách từ đáy của phần đầu đến đường viền cổ cộng vào mức giá tại điểm phá vỡ (đường viền cổ) để xác định mục tiêu giá.

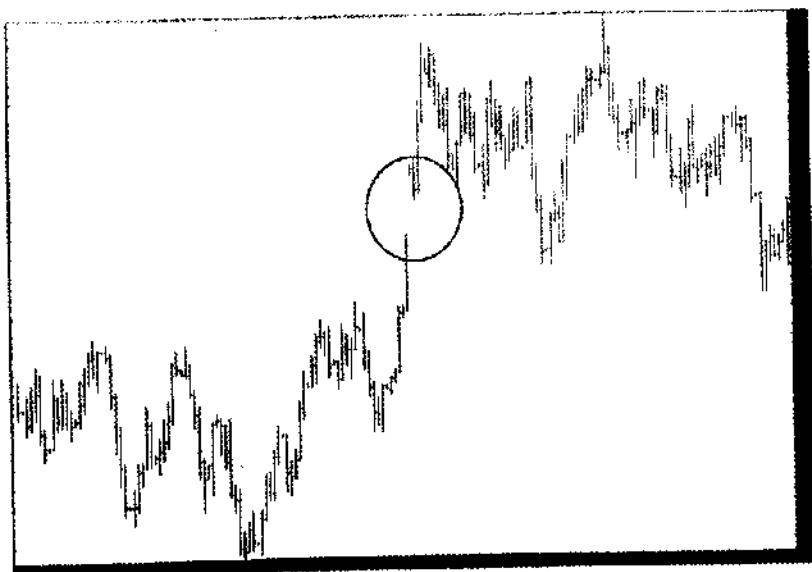
Một mẫu hình vai đầu vai đảo ngược, giống với mẫu hình ba đỉnh/đáy, thể hiện sự cố gắng tiếp tục xu hướng nhưng cuối cùng lại thất bại dù đã nhiều lần nỗ lực. Phần đầu trong mẫu hình chính là sự phá vỡ giả theo hướng đi của xu hướng và sự thất bại này được tiếp diễn sau đó. Sau lần cố gắng thứ ba (vai bên phải) nhưng không thể chạm đến mức giá của phần đầu, sự thất bại một lần nữa được xác nhận. Sự đảo chiều sau đó được xác nhận và khi đường viền cổ bị phá vỡ. Mẫu hình vai đầu vai dễ dàng nhận ra khi phân tích đồ thị giá. Khi xuất hiện, mẫu hình này thường lớn và nổi bật nên rất dễ nhận diện. Nếu đường viền cổ trong mẫu hình vai đầu vai bị phá vỡ, xác suất đảo chiều là cao. Tuy nhiên, trường hợp mẫu hình vai đầu vai thất bại trong việc hoàn thành mẫu hình đảo chiều cũng là điều thường thấy.

KHOẢNG TRỐNG GIÁ

Một mẫu hình giá có thể được xem hoặc là mẫu hình cung cố xu hướng hoặc là mẫu hình đảo chiều xu hướng, tùy thuộc vào loại mẫu hình và hoàn cảnh hình thành, là một loại mẫu hình đặc biệt được gọi là khoảng trống giá (gap) (xem ví dụ trong hình 8.5). Các khoảng trống giá thường xuất hiện trong nhiều thị trường tài chính khi giá thị trường nhảy vọt từ một mức nhất định để tới một mức giá tách biệt, không liên quan và không có mức giá nào nằm giữa hai mức giá trên. Không gian tách biệt này có nghĩa rằng không có bất cứ giao dịch nào xuất hiện trong khoảng trống. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự hình thành của khoảng trống, một trong số các lý do là liên quan đến chuyển động nhanh hơn

HÌNH 8.5

Khoảng trống



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

mức bình thường của thị trường do xuất hiện một thông tin mới. Các thông tin mới có thể là một tin tức được công bố, hoặc một sự kiện gây chấn động thị trường, hoặc một thông báo khiến thị trường hoạt động nhanh hơn mức bình thường. Các khoảng trống giá thường xuất hiện khi thị trường mở cửa ngày giao dịch mới hay tuần giao dịch mới, khi một thông tin mới được công bố trong lúc thị trường đóng cửa có thể dẫn đến sự nhảy vọt của giá khi thị trường mở cửa trở lại. Một ngoại lệ cần lưu ý là thị trường giao ngay tiền tệ (forex), trong đó khoảng trống giá hiếm khi xuất hiện. Điều này bởi lẽ thị trường tiền tệ là thị trường thanh khoản nhất và hoạt động liên tục trong 24 giờ/ngày (ngoại trừ ngày cuối tuần).

Có vài loại khoảng trống giá thường được tìm thấy trong nhiều thị trường tài chính. Chúng bao gồm: khoảng trống phổ thông (common gaps), khoảng trống phá vỡ (breakaway gaps), khoảng trống tiếp diễn (runaway gaps), khoảng trống suy kiệt (exhaustion gaps). Bên cạnh đó, mẫu hình đảo chiều ốc đảo (island reversal pattern) bao gồm hai khoảng trống giá tách biệt. Tất cả các khoảng trống giá cơ bản nói trên sẽ được thảo luận dưới đây.

Khoảng trống phổ thông là loại khoảng trống giá thường xuất hiện khi thị trường hoạt động trong điều kiện bình thường. Loại khoảng trống này xuất hiện tương đối đều đặn và không bắt nguồn từ bất kỳ thông tin hay tin tức nào. Chính vì lý do này, khoảng trống phổ thông ít mang ý nghĩa giao dịch so với các loại khoảng trống khác. Khoảng trống phổ thông nhanh chóng được lấp đầy sau khi xuất hiện.

Ngược lại, khoảng trống phá vỡ có nhiều ý nghĩa quan trọng. Loại khoảng trống này thường xuất hiện sau giai đoạn giá ở trong vùng cứng cỗi, nghĩa là giá không có xu hướng hoặc ở trong một khung giá nằm ngang. Khoảng trống phá vỡ thường báo hiệu sự khởi đầu một xu hướng mới và do đó ít có khả năng bị lấp đầy hơn

so với khoảng trống phổ thông. Trong một xu hướng mới, xung lượng của hướng phá vỡ vùng cung cố được tăng mạnh lên đáng kể bởi sự xuất hiện của khoảng trống phá vỡ. Sự xác nhận của khoảng trống phá vỡ có thể biết được bằng cách quan sát khối lượng giao dịch. Một khoảng trống giá xuất hiện cùng với khối lượng giao dịch lớn nhiều khả năng là một khoảng trống phá vỡ và là chất xúc tác cho xu hướng mới.

Giống như khoảng trống phá vỡ, khoảng trống tiếp diễn có nhiều ý nghĩa về xu hướng. Tuy nhiên, nếu như khoảng trống phá vỡ thường xuất hiện ở nơi bắt đầu xu hướng, khoảng trống tiếp diễn có thể xuất hiện bất cứ nơi nào ở giữa xu hướng. Trong khi khoảng trống phá vỡ xuất hiện sau giai đoạn giá cung cố nằm ngang và được theo sau bởi hành động giá có xu hướng, khoảng trống tiếp diễn vừa xuất hiện sau vừa được theo sau bởi hành động giá có xu hướng. Khi thành công, loại khoảng trống giá này đóng vai trò như mẫu hình cung cố, báo hiệu sự tiếp diễn của xu hướng hiện hành.

Khoảng trống suy kiệt, ngược lại với khoảng trống phá vỡ và khoảng trống tiếp diễn, được xem là một mẫu hình đảo chiều. Khoảng trống suy kiệt thường được tìm thấy khi xung lượng của xu hướng hiện tại đang mất dần. Vì vậy, loại khoảng trống giá này báo hiệu xu hướng đã đi vào giai đoạn cuối và có thể nhanh chóng hoặc là đảo chiều hoặc là bước vào giai đoạn cung cố. Sự xác nhận của khoảng trống suy kiệt có thể được nhìn thấy từ khối lượng. Giống như khoảng trống phá vỡ, khoảng trống suy kiệt xảy ra với khối lượng lớn và nhiều khả năng là một khoảng trống suy kiệt thực sự và là chất xúc tác đảo chiều tiềm tàng. Bởi vì khoảng trống suy kiệt là mẫu hình đảo chiều, chúng thường được lấp đầy khi sự đảo chiều thực sự xảy ra.

Như đã đề cập trước đây, mẫu hình đảo chiều Ốc đảo bao gồm hai khoảng trống giá. Mẫu hình này, như chính tên gọi của nó, là

mẫu hình đảo chiều hình thành một ốc đảo nằm giữa hai khoảng trống giá. Khoảng trống giá đầu tiên có thể được xem là khoảng trống suy kiệt, trong khi khoảng trống thứ hai có thể được xem là khoảng trống phá vỡ theo hướng ngược lại. Ví dụ, trong một mẫu hình đảo chiều ốc đảo tại đỉnh, giá kết thúc xu hướng tăng trước đó bằng một khoảng trống suy kiệt hướng lên. Sau khoảng trống hướng lên này, xuất hiện giao đoạn giá cùng cỗ giá nằm ngang hình thành nên “ốc đảo”. Kết thúc giao đoạn cùng cỗ của “ốc đảo”, một khoảng trống phá vỡ hướng xuống xuất hiện, giá sau đó tiếp tục giảm sau khi đảo chiều tạo nên một xu hướng giảm mới. Trong một mẫu hình đảo chiều ốc đảo tại đáy, giá kết thúc xu hướng giảm hiện bằng một khoảng trống suy kiệt hướng xuống. Sau khoảng trống hướng xuống, một giao đoạn cùng cỗ đi ngang sẽ hình thành nên “ốc đảo”. Kết thúc giao đoạn cùng cỗ của ốc đảo, một khoảng trống phá vỡ hướng lên xuất hiện, giá sau đó sẽ tiếp tục tăng sau khi đảo chiều hình thành xu hướng tăng mới.

Như đã nói, mẫu hình nến Nhật Bản, sẽ được thảo luận trong phần tiếp theo, xem khoảng trống giá như là các cửa sổ (window). Đó là cửa sổ tăng giá (khoảng trống tăng giá) và cửa sổ giảm giá (khoảng trống giảm giá). Thay vì sự “lắp đầy” trong khoảng trống giá, các cửa sổ sẽ bị “đóng lại”. Trong thế giới mẫu hình nến, các cửa sổ nói chung được xem là tín hiệu cứng cỗ. Vì khái niệm về khoảng trống giá đã được thảo luận trong phần này, các nội dung tương tự của cửa sổ sẽ không được thảo luận trong phần tiếp theo của mẫu hình nến Nhật Bản.

Các mẫu hình khoảng trống giá và sự kết hợp các khoảng trống giá là những yếu tố quan trọng. Bất kể được phân loại là mẫu hình đảo chiều hay là mẫu hình cứng cỗ, tùy thuộc vào đặc điểm và vị trí, các khoảng trống giá có thể đưa ra manh mối quan trọng về xung lực lượng của mỗi thị trường cho các nhà giao dịch.

MẪU HÌNH HÌNH NẾN NHẬT BẢN

Sau khi thảo luận về các mẫu hình hình thanh phuong Tây, bây giờ là lúc chúng ta chuyển sang một loại mẫu hình khác có thể chứa đựng nhiều manh mối giá trị về hành động giá thị trường: mẫu hình hình nến Nhật Bản.

Như đã cập trong chương 4, hình nến Nhật Bản và các dạng mẫu hình nến được giới thiệu đến phuong Tây bởi một nhà giao dịch tiên phong tên là Steven Nison, người đã mang phuong pháp đồ thị cổ xưa từ thị trường gạo Nhật Bản đến nước Mỹ.

Một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa hình thanh phuong Tây và hình nến Nhật Bản là khả năng giải thích giàu hình ảnh của mẫu hình nến, vốn được đặt tên theo những tên gọi giàu hình ảnh. Hầu hết các mẫu hình nến được xem như hoặc là mẫu hình đảo chiều giá hoặc là các mẫu hình thể hiện sự do dự, chỉ có số ít mẫu hình được xem như mẫu hình cung cống xu hướng. Giá trị nổi bật của đồ thị hình nến là chúng miêu tả một cách đầy hình ảnh sự đấu tranh giữa “thị trường con gấu” (là thị trường mà các thành viên tham gia thị trường mong muốn giá lên) và “thị trường con gấu” (là thị trường mà những thành viên tham gia thị trường mong muốn giá xuống).

Trước khi chuyển sang giải thích các mẫu hình nến Nhật Bản thông dụng nhất và quan trọng nhất, cần lưu ý rằng những mẫu hình này không bao gồm một hệ thống giao dịch hoàn chỉnh. Hơn thế, những nhà thực hành chuyên phân tích hình nến, bao gồm cả Steven Nison, cho rằng các mẫu hình nến được dùng hoặc là để xác nhận hoặc là được xác nhận bởi các công cụ kỹ thuật khác. Không nên dựa hoàn toàn vào các mẫu hình nến để có bức tranh kỹ thuật tổng thể về thị trường. Tuy nhiên, mẫu hình nến có thể có nhiều đóng góp vào quá trình phân tích thị trường của các nhà phân tích kỹ thuật.

Trong khi toàn bộ mẫu hình nến bao gồm nhiều dạng mẫu hình ít thấy và kỳ lạ, thì một số các mẫu hình thông dụng nhất đã bao gồm phần lớn hành động giá trên các thị trường tài chính. Giống như các lĩnh vực khác trong phân tích kỹ thuật, am hiểu sâu sắc các mẫu hình nến thông dụng nhất và quan trọng nhất tỏ ra hữu ích hơn là cố gắng hiểu hết tất cả các mẫu hình.

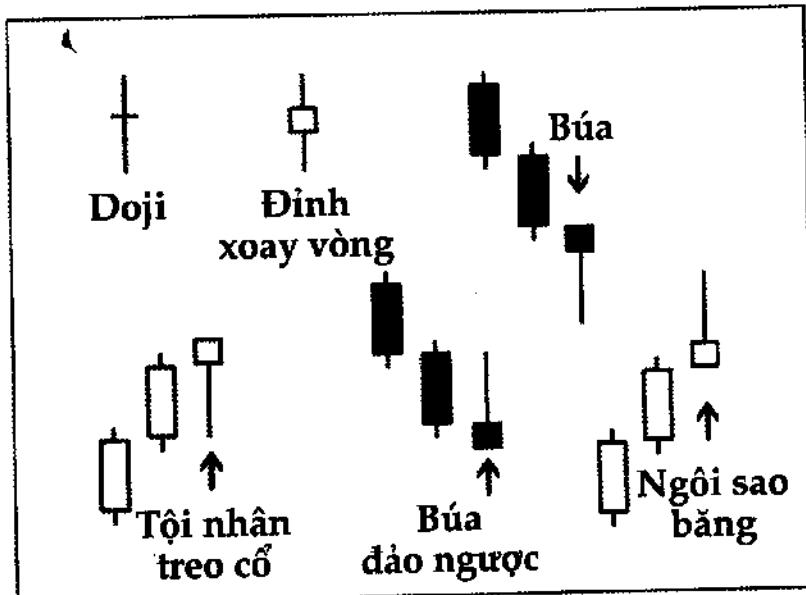
Do đó, chúng ta chỉ thảo luận, và minh họa, các mẫu hình nến Nhật Bản phổ biến và dễ nhận biết nhất trên các đồ thị giá. Việc am hiểu và sử dụng đồ thị Nhật Bản có thể hữu ích đối với bất cứ nhà giao dịch hay nhà đầu tư nào khi nghiên cứu sự đấu tranh giữa thị trường con gấu và thị trường con bò.

CÁC MẪU HÌNH ĐƠN CÂY NẾN

Hình 8.6 cung cấp một minh họa về các mẫu hình đơn cây nến phổ biến nhất trên tất cả các thị trường tài chính. Các mẫu hình có nhiều cây nến sẽ được thảo luận trong phần sau.

Như đã trình bày trong chương 4, một cây nến bao gồm hai thành phần quan trọng là: thân nến và bóng nến. Thân nến là phần dày đặc của cây nến thể hiện khoảng cách giữa giá mở cửa và giá đóng cửa trong một khung thời gian nhất định. Nếu giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa (cây nến tăng giá) trong một khung thời gian xác định, thân nến có một màu riêng nhất định (màu trắng hoặc màu xanh tùy thuộc vào loại phần mềm). Ngược lại, nếu giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa trong một khung thời gian nhất định, thân nến có một màu khác (màu đen hoặc màu đỏ tùy thuộc vào loại phần mềm). Bóng nến (shadow), hoặc bắc đèn (wick) là một đường thẳng mảnh nhô ra ở phía trên và phía dưới thân nến. Các bóng nến thể hiện cho các mức giá cao nhất và thấp nhất xuất hiện trong một khung thời gian nhất định.

Các mẫu hình đơn cây nến



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Trong tất cả các mẫu hình nến, có lẽ Doji là mẫu hình đơn giản nhất. Thể hiện cho sự lưỡng lự trên thị trường, mẫu hình Doji được tạo thành khi giá mở cửa và giá đóng cửa bằng nhau hoặc rất gần nhau. Sau khi Doji mở cửa, giá có thể tăng mạnh hay giảm mạnh và quá trình này sẽ tạo ra các bóng nến, nhưng giá đóng cửa nến nằm tại hoặc rất gần mức giá mở cửa. Một lần nữa, mẫu hình này thể hiện cho sự lưỡng lự, hoặc cuộc chiến cam go giữa người mua (kỳ vọng tăng giá) và người bán (kỳ vọng giảm giá). Mẫu hình Doji có thể được xem là chỉ báo đảo chiều xu hướng nếu có sự xác nhận của các tín hiệu kỹ thuật khác.

Một mẫu hình khác thể hiện sự lưỡng lự như Doji là mẫu hình đỉnh xoay vòng (spinning top). Mẫu hình đỉnh xoay vòng có một thân nến rất nhỏ (mặc dù không nhỏ như một đường thẳng trong

mẫu hình Doji) với bóng trên và bóng dưới dài hơn so với chiều cao của thân nến. Mẫu hình đinh xoay vòng cũng có thể được xem là chỉ báo đảo chiều xu hướng khi có sự xác nhận của các tín hiệu kỹ thuật khác.

Thông điệp chính của cả mẫu hình Doji và mẫu hình đinh xoay vòng là giá kết thúc thời gian giao dịch (cây nến) bằng hay gần bằng giá mở cửa. Ở giữa giá mở cửa và giá đóng cửa, giá có thể dịch chuyển mạnh theo một hướng nhất định hoặc cả hai hướng. Điều này có nghĩa rằng thị trường không biết đi theo hướng nào. Nó cũng thể hiện sự cân bằng của xu hướng đang tồn tại trước đó, khi các lực ngược xu hướng yếu dần, hoặc thậm chí biến mất khiến thị trường rơi vào một cuộc chiến cam go giữa bên mua và bên bán.

Cây búa (hammer) là chỉ báo xác nhận mạnh khả năng đảo chiều xu hướng tăng giá. Cây nến hình búa xuất hiện sau một xu hướng giảm giá. Hình dạng của cây búa có thân nến tập trung ở đỉnh đầu (thân nến có thể mang màu sắc tăng giá hoặc giảm giá) và, đặc biệt là, bóng dưới dài. Bóng dưới là đặc điểm quan trọng nhất của mẫu hình cây búa vì nó cho thấy con gấu đã thất bại trong việc đẩy giá xuống thấp hơn. Mặc dù sự thất bại này thường có thể là chất xúc tác đảo chiều xu hướng giảm, nhưng mẫu hình nến cây búa, giống như các mẫu hình nến khác, chỉ nên được sử dụng như là chỉ báo xác nhận và chứ không phải là công cụ duy nhất để đưa ra quyết định.

Nếu mẫu hình nến cây búa xuất hiện trong xu hướng giảm, thì mẫu hình nến ngôi sao băng (shooting star) xuất hiện trong xu hướng tăng. Đối lập với cây búa, ngôi sao băng có thân nến tập trung ở phía đáy và bóng trên dài. Màu sắc của thân nến là không quan trọng (có thể mang màu sắc tăng giá hoặc giảm giá). Ngôi sao băng nên xuất hiện sau một xu hướng tăng giá, giống như cây búa xuất hiện sau một xu hướng giảm giá, và cho thấy sự xác nhận đảo chiều xu hướng tăng. Bóng trên dài của ngôi sao băng là đặc điểm quan trọng nhất

của mẫu hình vì nó cho thấy rằng con bò đã thất bại trong việc cố gắng đẩy giá tăng cao hơn. Giống như mẫu hình cây búa, mặc dù sự thất bại trên có thể là chất xúc tác cho đảo chiều xu hướng tăng, nhưng mẫu hình ngôi sao băng chỉ nên được sử dụng là công cụ xác nhận, không phải là công cụ ra quyết định chủ yếu.

Hình thanh dạng ghim – Pin Bar (mẫu hình cây búa và ngôi sao băng)

Hình thanh dạng ghim được xem là tương đồng với mẫu hình cây búa và ngôi sao băng trong thế giới đồ thị hình nến. Các chỉ báo hành động giá chỉ có một hình thanh là yếu tố xác nhận rất hiệu quả khả năng đảo chiều của thị trường. Được sử dụng kết hợp với các yếu tố ra quyết định giao dịch khác, phổ biến là mức chống đỡ và kháng cự, hình thanh dạng ghim có thể tạo ra một dấu hiệu nhận biết hữu ích thị trường đang lệch về hướng nào.

Khái niệm cơ bản của một hình thanh dạng ghim tăng giá, hoặc một cây nến hình búa, là một thanh dài hướng xuống, với giá mở cửa và giá đóng cửa rất gần nhau và nằm ở phần trên của cây thanh. Mẫu hình này xuất hiện sau xu hướng giảm giá. Khái niệm cơ bản của một hình thanh dạng ghim giảm giá, hoặc một cây nến hình búa, là một thanh dài hướng lên, với giá mở cửa và giá đóng cửa rất gần nhau và nằm ở phần dưới của cây thanh. Mẫu hình này xuất hiện sau xu hướng tăng giá. Không chỉ có hình dạng của cây thanh hình ghim là quan trọng, mà vị trí xuất hiện của mẫu hình cũng rất quan trọng. Để phát huy hiệu quả những hình thanh trên nên xuất hiện sau một xu hướng xác định rõ ràng.

Sau một đợt giảm giá, mẫu hình hình thanh dạng ghim tăng giá (tương ứng với mẫu hình nến cây búa) xuất hiện gần ngay một mức chống đỡ là sự xác nhận mạnh khả năng đảo chiều. Tương tự, sau một đợt tăng giá, mẫu hình hình thanh dạng ghim giảm giá (tương ứng với mẫu hình nến

ngôi sao băng) xuất hiện gần ngay một mức kháng cự là sự xác nhận mạnh khả năng đảo chiều.

Hình thanh dạng ghim, hoặc cây búa và ngôi sao băng, thể hiện cho sự suy yếu trong xung lượng thị trường cũng như là một thăng thế của xu hướng tăng giá so với xu hướng giảm giá (đối với mẫu hình cây búa) hoặc sự thăng thế của xu hướng giảm giá so với xu hướng tăng giá (đối với mẫu hình ngôi sao băng).

Mẫu hình tội nhân treo cổ (hanging man) giống hệt như hình dạng của mẫu hình cây búa nhưng xuất hiện sau một xu hướng tăng thay vì xu hướng giảm. Giống như cây búa, mẫu hình nến tội nhân treo cổ có thân nến tập trung ở phần đỉnh và bóng nến dài phía dưới. Màu sắc của thân nến cũng không quan trọng. Khi mẫu hình tội nhân treo cổ xuất hiện sau một xu hướng tăng, đây được xem như là sự xác nhận khả năng đảo chiều xu hướng. Tuy nhiên, độ tin cậy của mẫu hình tội nhân treo cổ trong tín hiệu đảo ngược xu hướng là thấp hơn so với mẫu hình cây búa hoặc mẫu hình ngôi sao băng vì giá mở cửa và giá đóng cửa nằm gần phần trên khung giao dịch của cây nến sau một xu hướng tăng. Do đó, khả năng thất bại của giá không mạnh như mẫu hình cây búa và mẫu hình ngôi sao băng.

Tương tự, mẫu hình cây búa đảo ngược có hình dáng giống như mẫu hình ngôi sao băng nhưng xuất hiện sau xu hướng giảm giá thay vì xu hướng tăng giá. Giống như mẫu hình ngôi sao băng, mẫu hình cây búa đảo ngược có thân nến tập trung ở phần đáy và bóng nến dài phía trên. Màu sắc của thân nến là không quan trọng. Khi cây búa đảo ngược xuất hiện sau một xu hướng giảm giá, đây được xem là sự xác nhận khả năng đảo chiều xu hướng. Tuy nhiên, giống như mẫu hình tội nhân treo cổ, độ tin cậy của mẫu hình cây búa đảo ngược trong tín hiệu đảo ngược xu hướng là thấp hơn so với mẫu hình cây búa và mẫu hình ngôi sao băng vì giá mở cửa và giá đóng cửa nằm ở phần phía dưới khung giao dịch của cây

nến sau một xu hướng giảm giá. Do đó, khả năng làm thất bại xu hướng của mẫu hình cây búa đảo ngược không mạnh như mẫu hình cây búa và mẫu hình ngôi sao băng.

CÁC MẪU HÌNH ĐA CÂY NẾN

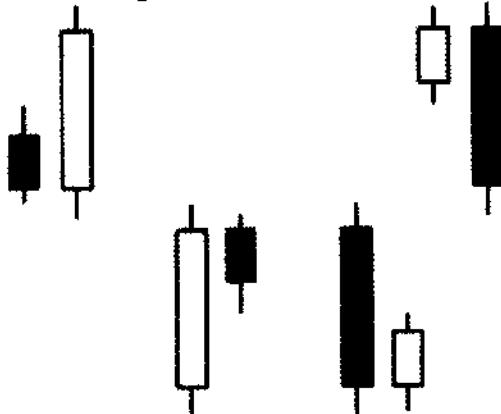
Ngược với các mẫu hình có một cây nến vừa được miêu tả, các mẫu hình đa cây nến có nhiều hơn một cây nến. Hình 8.7 là hình ảnh minh họa của các mẫu hình đa cây nến thông dụng nhất được tìm thấy trong các thị trường tài chính.

Một mẫu hình đường tác động mạnh đầu cơ giá lên (bullish engulfing) là mẫu hình đảo chiều tăng giá thường xuất hiện sau một xu hướng giảm. Mẫu hình này gồm hai cây nến thường và được xem sự xác nhận đảo chiều xu hướng. Cây nến đầu tiên có thân nến giàm

HÌNH 8.7

Các mẫu hình đa cây nến

Đường tác động mạnh đầu cơ giá lên **Đường tác động mạnh đầu cơ giá xuống**



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

giá nhỏ và cây nến thứ hai có thân nến tăng giá dài và che phủ toàn bộ chiều dài thân nến của cây nến đầu tiên. Khái niệm đằng sau mẫu hình này là thân nến nhỏ của cây nến đầu tiên thể hiện sự lưỡng lự của xu hướng giảm, trong khi thân nến dài của cây nến thứ hai cho thấy bên mua áp đảo hoàn toàn so với bên bán, và dự báo khả năng đảo ngược xu hướng.

Ngược lại, mẫu hình đường tác động mạnh đầu cơ giá xuống (bearish engulfing) là mẫu hình đảo chiều giảm giá thường xuất hiện sau một xu hướng tăng. Mẫu hình này cũng bao gồm hai cây nến và thường được xem là sự xác nhận đảo chiều xu hướng. Cây nến đầu tiên có thân nến nhỏ tăng giá và cây nến thứ hai có thân nến dài giảm giá che phủ toàn bộ thân nến của cây nến đầu tiên. Khái niệm đằng sau mẫu hình này là thân nến nhỏ của cây nến đầu tiên biểu hiện sự lưỡng lự của xu hướng tăng giá, trong khi thân nến dài của cây nến thứ hai cho thấy bên bán áp đảo hoàn toàn so với bên mua, dự báo khả năng đảo chiều xu hướng.

Đối ngược với mẫu hình đường tác động mạnh (engulfing pattern) là mẫu hình thai nhi (harami pattern), một mẫu hình hai cây nến có thân nến lớn đầu tiên được theo sau bởi một thân nến nhỏ hơn, bất kể màu sắc đối lập nhau. Vì vậy, mẫu hình thai nhi có thể hoặc là có thân nến dài tăng giá theo sau bởi một thân nến nhỏ giảm giá hoặc là có một thân nến dài giảm giá theo sau bởi một thân nến nhỏ tăng giá. Giống mẫu hình đường tác động mạnh, mẫu hình thai nhi cũng được xem là sự xác nhận đảo chiều xu hướng. Mẫu hình thai nhi thể hiện cho sự lưỡng lự sau một chuyển động giá mạnh mẽ vì thân nến của cây nến thứ hai nhỏ hơn nhiều so với thân cây nến đầu tiên.

Có nhiều mẫu hình đa cây nến, nhưng những mẫu hình được mô tả trong chương này là các mẫu hình phổ biến nhất và do đó là các mẫu hình hữu ích nhất được tìm thấy trên đồ thị giá của các thị trường tài chính.

Cả mẫu hình đơn cây nến và mẫu hình đa cây nến đều có thể hữu ích cho bất cứ nhà đầu tư hoặc nhà giao dịch nào khi nghiên cứu hành động giá của thị trường. Khi sử dụng kết hợp với các mẫu hình giá phương Tây và các công cụ kỹ thuật khác trong phân tích thị trường tài chính, các mẫu hình hình nến Nhật Bản là một chìa khóa quan trọng để đưa ra quyết định giao dịch thành công.

Một trong các công cụ kỹ thuật khác đó là đường trung bình di động, một thành phần không thể thiếu trong bộ công cụ của các nhà phân tích thị trường. Đây là chủ đề của chương 9.

TÓM TẮT

Chương này tìm hiểu lĩnh vực mẫu hình đồ thị giá – bao gồm cả mẫu hình hình thành phương Tây và mẫu hình hình nến Nhật Bản. Chúng ta bắt đầu thảo luận từ các mẫu hình cùng cõi xu hướng như tam giác (triangle), cờ hiệu (flag), cờ đuôi nheo (pennant), hình chữ nhật (rectangle), cái nêm (wedge), cho đến các mẫu hình đảo chiều xu hướng như hai đỉnh/đáy (double top/bottom), ba đỉnh/đáy (triple top/bottom), và mẫu hình vai đầu vai nổi tiếng (head and shoulder). Sau đó, các mẫu hình khoảng trống giá cũng được giới thiệu bao gồm khoảng trống phổ thông (common gap), khoảng trống phá vỡ (breakaway gap), khoảng trống tiếp diễn (runaway gap), khoảng trống suy kiệt (exhaustion gap), và cuối cùng là hai khoảng trống giá trong mẫu hình đảo chiều ốc đảo (island reversal).

Các mẫu hình hình nến Nhật Bản phổ biến nhất cũng được giới thiệu sau đó, bao gồm các mẫu hình đơn cây nến như Doji, đỉnh xoay vòng (spinning top), cây búa (hammer), ngôi sao băng (shooting star), tội nhân treo cổ (hanging men), và cây búa đảo ngược (inverted hammer). Các mẫu hình đa cây nến thông dụng gồm mẫu hình đường tác động mạnh (engulfing) và thai nhi (harami).

Chương 9

Thế giới của các đường trung bình di động (MA)



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Hiểu những định nghĩa cơ bản, cấu trúc và cơ sở toán học của một đường trung bình di động.
- Nhận diện sự khác biệt giữa các loại đường trung bình di động thông dụng nhất.
- Biết nhiều cách sử dụng đường trung bình di động trong phân tích kỹ thuật và giao dịch.
- Hiểu những ưu điểm và nhược điểm khi dùng đường trung bình di động.

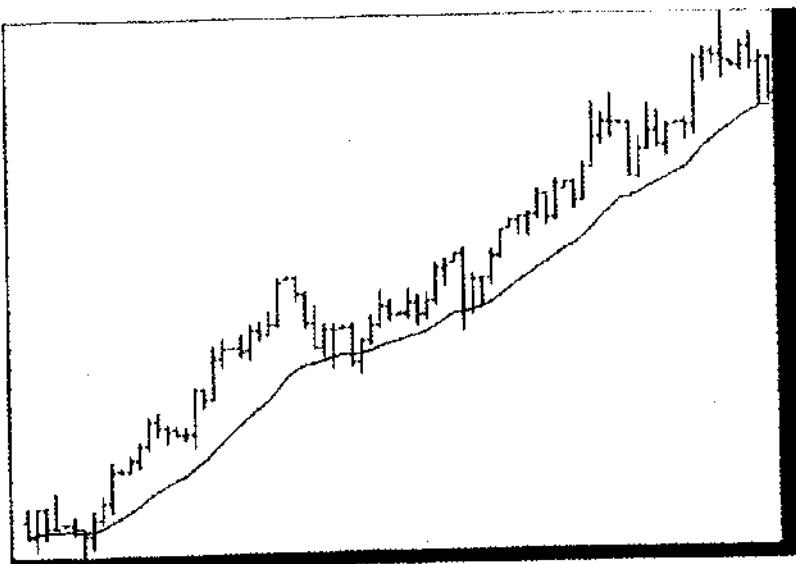
GIỚI THIỆU CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH DI ĐỘNG

Trong lĩnh vực phân tích kỹ thuật, các đường trung bình di động là công cụ đầu tiên mà những người mới bắt đầu phải học. Điều này là bởi thực tế rằng những đường gợn sóng trên là một trong những chủ đề dễ hiểu nhất, cũng như là công cụ đơn giản nhất trong cả phân tích xu hướng và xây dựng các chiến lược giao dịch.

Trong hình 9.1, đường trung bình di động đơn giản là một đường thẳng được vẽ trực tiếp lên đồ thị giá, hình thành bằng cách tính trung bình cộng các mức giá trong một khoảng thời gian nhất định. Trong mỗi khoảng thời gian, mức giá trung bình được đánh dấu thành một điểm trên đồ thị, và những điểm này sau đó sẽ được liên kết tạo thành một đường uốn lượn tồn tại song song với các cây thanh giá.

HÌNH 9.1

Đường trung bình di động trên một biểu đồ giá



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

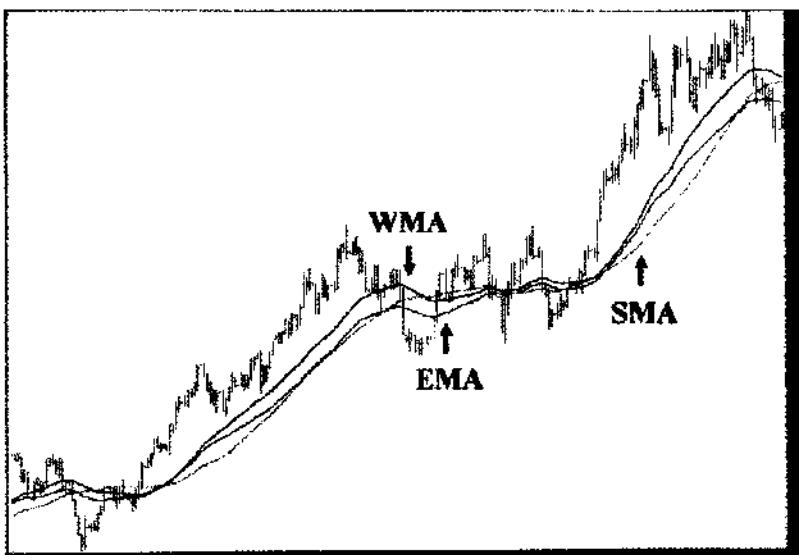
Khi đánh dấu các điểm trung bình trên đồ thị giá, những biến động giá được làm phẳng nhằm giảm bớt các tín hiệu nhiễu của thị trường, tùy thuộc vào khoảng thời gian sử dụng khi tính trung bình, do đó xu hướng có thể được thể hiện rõ ràng hơn.

Biến số cơ bản khi tính một đường trung bình di động là khoảng thời gian quá khứ. Khoảng thời gian này đơn giản là khoảng thời gian của các mức giá trước đó (thường là lấy khoảng thời gian đóng cửa thị trường). Ví dụ, trên đồ thị ngày, trong đó mỗi cây thanh/cây nến thể hiện hành động giá trong một ngày, một đường trung bình di động 20 thời kỳ sẽ là bình quân mức giá đóng cửa hàng ngày của 20 ngày giao dịch trước đó. Một ví dụ khác, trên đồ thị 5 phút, trong đó mỗi cây thanh/cây nến thể hiện hành động giá trong 5 phút, một đường trung bình di động 200 thời kỳ là bình quân giá đóng cửa của 200 khoảng thời gian 5 phút.

Có nhiều dạng khác nhau của đường trung bình di động, trong đó phổ biến nhất là đường trung bình di động giản đơn (SMA), đường trung bình di động san bằng mũ (EMA), đường trung bình di động có trọng số (WMA). Sự khác biệt giữa ba loại này chính là trọng số toán học của mỗi mức giá khi tính giá trị trung bình. Những khác biệt còn lại giữa các đường trung bình di động trên, như trình bày trong hình 9.2, là không nhiều.

Điểm khác biệt chính là ở chỗ đường SMA có trọng số bằng nhau cho tất cả các mức giá trong một khoảng thời gian nhất định, trong khi đường EMA và WMA có trọng số lớn hơn cho các mức giá gần hiện tại trong một khoảng thời gian nhất định. Mặc dù EMA và WMA có sự khác nhau trong công thức toán học nhưng khái niệm và triết lý của chúng lại tương tự nhau. Những người ủng hộ đường EMA và WMA cho rằng hành động giá càng gần sẽ có nhiều ý nghĩa hơn và tác động mạnh hơn lên xu hướng tương lai so với các hành động giá ở xa. Vì vậy, họ cho rằng hành động giá càng gần hiện tại

Ba đường trung bình di động trên một đồ thị giá



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

nên có trọng số lớn hơn khi tính toán đường trung bình di động. Đường EMA và WMA nói chung nhạy cảm với hành động giá gần hiện tại hơn so với đường SMA. Tuy nhiên, đường SMA hiện tại đang được sử dụng phổ biến, và vẫn tiếp tục được sử dụng trong tương lai trên tất cả các thị trường tài chính. Những đường SMA cơ bản, chẳng hạn như đường trung bình 200 thời kỳ và 50 thời kỳ, được nhiều nhà giao dịch và nhà đầu tư sử dụng như là các mức giá chuẩn và thường được các phương tiện truyền thông tài chính nhắc đến như là một chỉ báo kỹ thuật quan trọng.

Để phân tích bức tranh tổng thể của thị trường, các đường trung bình di động được sử dụng nhằm miêu tả rõ ràng hơn về hướng đi và sức mạnh của xu hướng, hơn là chỉ quan sát độc lập mỗi cây thanh giá. Hướng đi của xu hướng có thể nhận biết đơn giản bằng

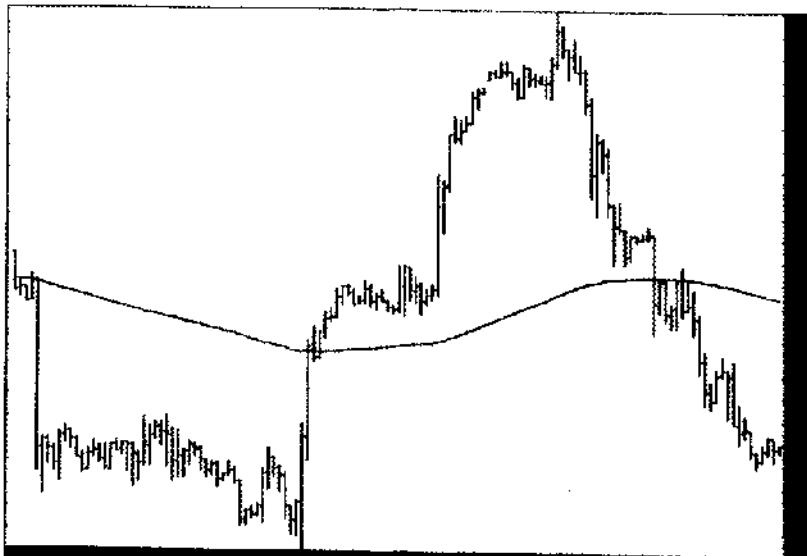
cách quan sát xem đường trung bình di động có chuyển động cao hơn hay thấp hơn trên cột giá. Sức mạnh của xu hướng có thể nhận biết bằng độ dốc tương đối của đường trung bình di động, nghĩa là dốc hơn đối với xu hướng mạnh hơn và phẳng hơn đối với xu hướng yếu hơn. Chuyển động ngang của đường trung bình di động có thể được xem là một chỉ báo cho thấy xu hướng không tồn tại, nghĩa là giá đang ở trong giai đoạn cung cố đi ngang và không lệch về bất cứ hướng nào.

SỰ GIAO NHAU CỦA CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH DI ĐỘNG

Bên cạnh vai trò chỉ báo xu hướng, đường trung bình di động thường được sử dụng như là yếu tố chính trong chiến lược giao dịch. Đơn giản nhất trong số các chiến lược giao dịch là sự giao

HÌNH 9.3

Tín hiệu giao cắt giữa giá
và một đường trung bình di động



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

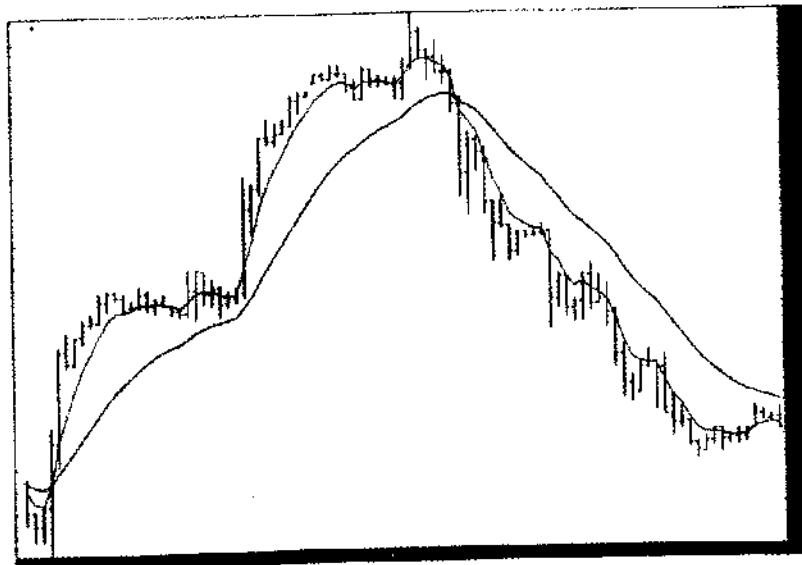
nhau của các đường trung bình di động. Có một số biến thể khác về sự giao nhau của các đường trung bình di động, nhưng chúng ta chỉ thảo luận các dạng thông dụng nhất.

Sự giao nhau cơ bản nhất, như trong hình 9.3, là giá cắt một đường trung bình di động. Nếu giá cắt lên trên đường trung bình di động, đây là cơ hội tốt để mua vào. Ngược lại, nếu giá cắt xuống dưới đường trung bình di động, đây lại là cơ hội tốt thực hiện bán khống. Có một số hạn chế nhất định đối với loại chiến thuật này và chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn trong phần sau của chương.

Loại giao nhau thứ hai, như trình bày trong hình 9.4, được các nhà giao dịch mới vào nghề sử dụng thường xuyên nhất. Loại giao nhau này sử dụng hai đường trung bình di động với khoảng thời gian khác nhau. Nếu đường trung bình di động ngắn hạn cắt lên

HÌNH 9.4

Tín hiệu giao cắt giữa hai đường trung bình di động



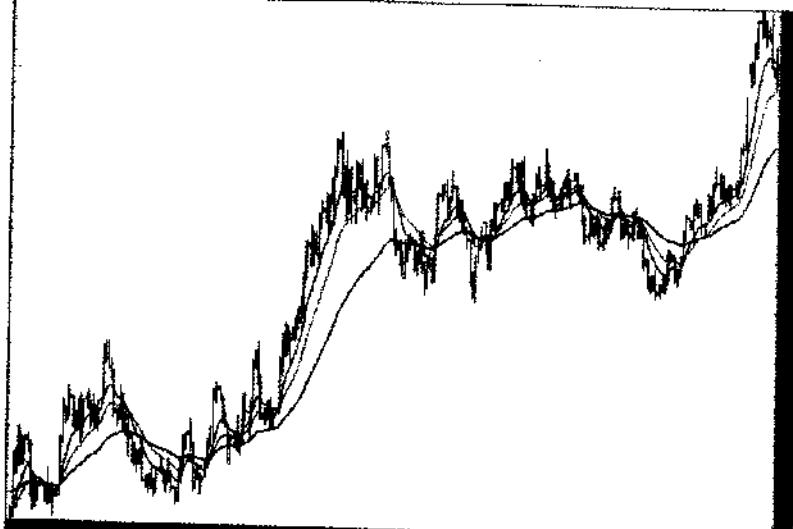
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

trên đường trung bình di động dài hạn, đây được xem như tín hiệu mua vào. Ngược lại, nếu đường trung bình di động ngắn hạn cắt xuống dưới đường trung bình di động dài hạn, đây lại là tín hiệu thực hiện bán khống. Cũng có một số hạn chế nhất định tác động đến loại chiến lược giao dịch này, nhưng một lần nữa, chúng ta sẽ thảo luận trong phần sau của chương.

Loại hình giao nhau thứ ba của đường trung bình di động, như trình bày trong hình 9.5, là sử dụng ba đường trung bình di động. Phương pháp này sử dụng nhiều tín hiệu giao nhau nhằm cố gắng loại bỏ những hạn chế vốn có trong sự giao nhau của các đường trung bình di động mà chúng tôi đề cập ở trên, bao gồm những "răng cưa" trong hành động giá khi thị trường không có xu hướng hoặc chuyển động đi ngang. Các chiến lược giao dịch sử dụng ba đường trung bình di động khác nhau thường tạo ra tín hiệu mua

HÌNH 9.5

Tín hiệu giao cắt giữa ba đường trung bình di động



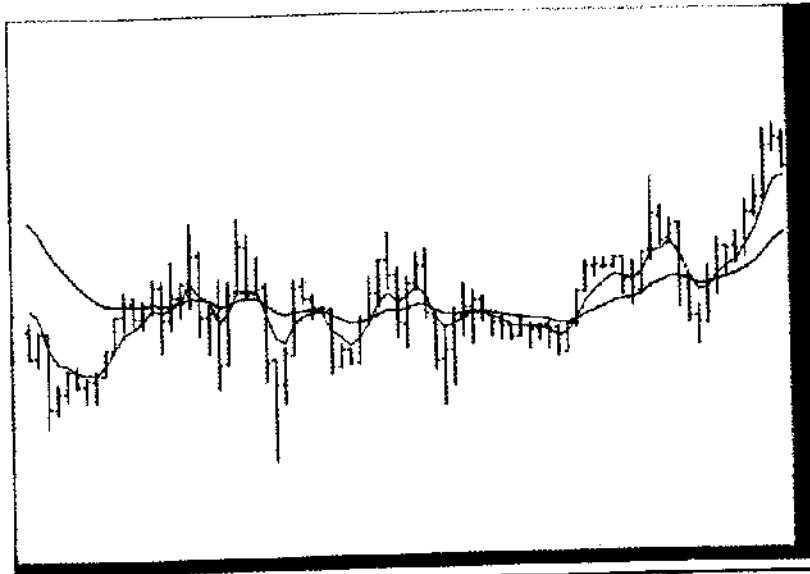
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

khi đường trung bình di động ngắn nhất cắt lên trên hai đường trung bình di động còn lại, hoặc khi đường trung bình di động ngắn nhất cắt lên trên đường trung bình di động thứ hai và sau đó đường thứ hai cắt lên trên đường trung bình di động dài nhất. Một tín hiệu lý tưởng cần có thêm sự xác nhận của chỉ báo xung lượng xu hướng bên cạnh sự giao nhau của các đường trung bình di động.

Nhìn chung, hầu hết hệ thống giao dịch trên thị trường luôn sử dụng các đường trung bình di động. Nghĩa là, khi một lệnh giao dịch được thực hiện do sự xuất hiện của một tín hiệu giao nhau và sau đó trạng thái giao dịch này bị đóng lại bởi tín hiệu giao nhau ngược lại, thì một lệnh giao dịch khác nên được thực hiện ngay lập tức theo hướng ngược lại với lệnh giao dịch đầu tiên. Do đó, luôn luôn có ít nhất một lệnh giao dịch được thực hiện, bất kể là mua hay bán khống, phụ thuộc vào tín hiệu giao nhau hiện tại.

HÌNH 9.6

Chuyển động răng cưa của tín hiệu giao cắt



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Mục tiêu của chiến lược giao dịch dựa vào sự giao nhau giữa các đường trung bình di động là tìm kiếm lợi nhuận khi xu hướng thị trường kéo dài. Phương pháp này có thể chấp nhận thua lỗ khi thị trường không có xu hướng hoặc chuyển động đi ngang vì chúng được bù đắp bởi khoản lợi nhuận lớn hơn khi thị trường có xu hướng kéo dài. Do đó, những nhà giao dịch sử dụng hệ thống giao nhau của các đường trung bình di động nên thực hiện mỗi tín hiệu giao nhau để không bỏ lỡ cơ hội kiếm lợi nhuận lớn từ các xu hướng kéo dài.

Những hạn chế trong hệ thống tín hiệu giao nhau của các đường trung bình di động, như đã đề cập trước kia, chủ yếu là khi thị trường không có xu hướng. Hành động giá đi ngang, như trình bày trong hình 9.6, được nhìn thấy khi các đường trung bình di động liên tục cắt nhau. Mặc dù tín hiệu giao nhau thường mang lại lợi nhuận lớn khi thị trường có xu hướng, nhưng các nhà giao dịch hoặc nhà đầu tư sử dụng tín hiệu giao nhau của các đường trung bình di động như là chiến lược giao dịch chính nên sẵn sàng chấp nhận thua lỗ khi hành động giá chuyển động theo dạng răng cưa. Chuyển động răng cưa có thể xuất hiện bất kể hệ thống giao dịch sử dụng bao nhiêu đường trung bình di động và có nhiều tín hiệu giao nhau. Hành động giá đi ngang, không có xu hướng là nguyên nhân tạo nên các chuyển động theo dạng răng cưa, dẫn đến sự giao nhau liên tục của các đường trung bình di động. Điều này thường dẫn đến nhiều khoản thua lỗ nhỏ và nhanh chóng làm hao hụt tài khoản giao dịch của bất kỳ ai thuần túy tuân theo các tín hiệu này.

Do đó, như đã đề cập trong phần đầu của chương, con đường duy nhất để đạt được lợi nhuận rộng khi sử dụng sự giao nhau của các đường trung bình di động, trong bối cảnh chuyển động răng cưa là phổ biến trên tất cả các thị trường tài chính, là kiếm được những khoản lợi nhuận lớn khi thị trường có xu hướng. Điều này

xảy ra khi các đường trung bình di động cách nhau một khoảng lớn, có ít điểm giao nhau và mỗi lần giao nhau phải cách nhau khá xa. Nếu một nhà giao dịch có thể khai thác triệt để những cơ hội giao dịch theo xu hướng, thì vẫn có thể chấp nhận được những khoản lỗ nhỏ do hành động giá đi ngang dẫn đến các chuyển động răng cưa trong tín hiệu giao nhau.

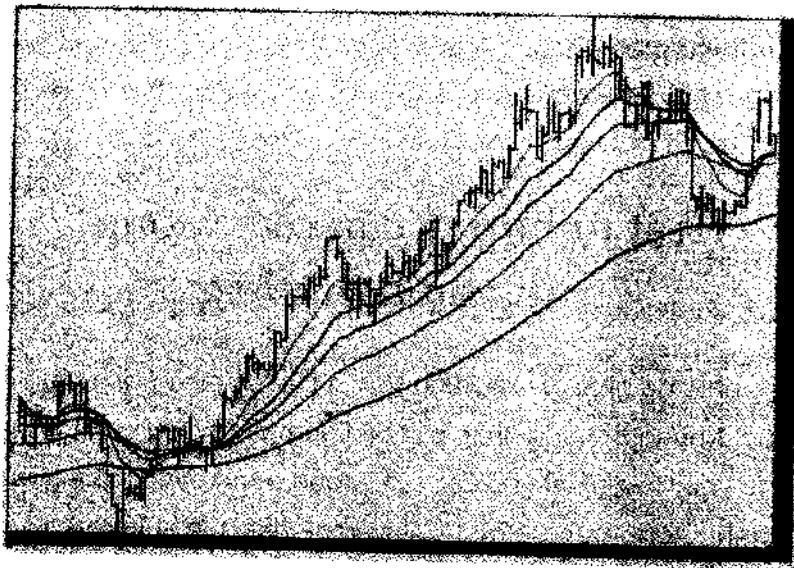
Trật tự hợp lý của các đường trung bình di động

Có nhiều phương pháp để xác định sự tồn tại, sức mạnh và hướng đi của xu hướng. Những phương pháp này bao gồm đường xu hướng, kênh xu hướng, hồi quy tuyến tính, độ dốc của đường trung bình di động, chỉ báo chỉ số định hướng trung bình (ADI-average directional index), và nhiều phương pháp khác.

Một phương pháp hiệu quả sử dụng đường trung bình di động là trật tự hợp lý của các đường trung bình di động. Điều này được thể hiện trong hình 9.7. Một ví dụ của kỹ thuật này là sử dụng năm đường trung bình di động san bằng mủ khác nhau, mặc dù có thể sử dụng nhiều hơn hoặc ít hơn tùy theo ý thích của mỗi nhà giao dịch. Các khoảng thời gian của các đường trung bình di động cũng có thể thay đổi qua thực nghiệm, nhưng một ví dụ phổ biến là kết hợp năm đường EMA với các khoảng thời gian là: 10, 20, 30, 50, 100. Nhiều nhà giao dịch lựa chọn khoảng thời gian dựa trên dãy số Fibonacci (ví dụ: 5, 13, 34, 55, 89). Thực hiện phân tích nhiều thí nghiệm sử dụng nhiều đường trung bình di động và nhiều khoảng thời gian khác nhau là hữu ích để có được tập hợp các đường trung bình di động tốt phù hợp với thị trường bạn đang giao dịch.

Sau khi xác định được số lượng đường trung bình di động và khoảng thời gian, việc xác định xu hướng đơn giản bằng cách quan sát xem liệu

Trật tự hợp lý của nhiều đường trung bình di động



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

các đường EMA có nằm đúng theo trật tự hợp lý hay không. Nếu đường EMA dài nhất nằm ở dưới đáy và các đường EMA ngắn hơn nằm xếp phía trên, trong đó đường EMA ngắn nhất nằm trên cùng, được xem là trật tự hợp lý cho một xu hướng tăng. Nếu đường EMA ngắn nhất nằm ở dưới đáy, và các đường EMA dài hơn xếp nằm phía trên, trong đó đường EMA dài nhất nằm trên cùng, được xem là trật tự hợp lý cho một xu hướng giảm. Bất kể là xu hướng tăng hay xu hướng giảm, chiến lược giao dịch theo xu hướng nên được thực thi nhằm tham gia vào hướng đi của xu hướng hiện tại. Nếu các đường trung bình di động nằm không đúng theo vị trí nói trên, hàm ý rằng thị trường không có xu hướng. Lúc này, lời khuyên tốt nhất là các nhà đầu tư nên đứng ngoài thị trường, đặc biệt là đối với những ai thường giao dịch theo xu hướng.

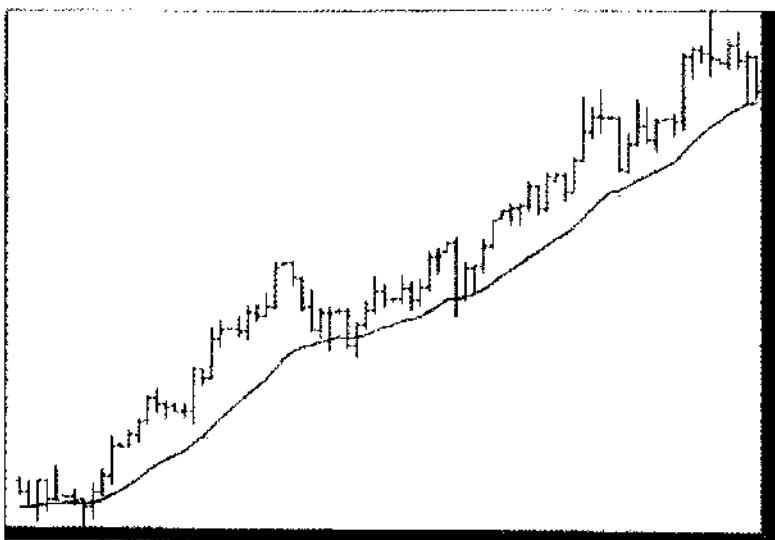
Bên cạnh những chuyển động rằng cưa khi giao dịch theo tín hiệu giao nhau của các đường trung bình di động, một điểm yếu khác của các đường trung bình di động là chúng luôn có độ trễ. Vì vậy, các đường trung bình di động không mang tính dự báo trước, khi giá luôn đi trước đường trung bình. Kết quả là, mặc dù đường trung bình di động có thể miêu tả tốt một xu hướng hiện tại nhưng không phải là tín hiệu tốt về khả năng thay đổi xu hướng. Đây là khuyết điểm lớn khiến đường trung bình di động không phải là một chỉ báo tin cậy về sự thay đổi xu hướng. Trong nỗ lực làm đường trung bình di động trở nên nhạy cảm hơn với sự thay đổi xu hướng và chuyển động giá, tức khắc phục nhược điểm vốn có, những phương pháp khác nhấn mạnh vai trò của hành động giá gần hiện tại được giới thiệu nhằm thay thế cho sự thiếu nhạy cảm của đường SMA. Tuy nhiên, mặc dù có sự đổi mới và cách tính trọng số khác nhau nhưng độ trễ của các đường trung bình di động là không thể khắc phục, bất kể sử dụng loại đường trung bình di động nào. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa rằng độ trễ khiến cho đường trung bình trở nên không còn hữu ích. Hơn thế nữa, độ trễ đơn giản làm cho đường trung bình di động ít hiệu quả hơn khi có sự thay đổi xu hướng và đảo ngược so với khi được dùng để mô tả xu hướng đang diễn ra.

ĐƯỜNG TRUNG BÌNH DI ĐỘNG TẠO NÊN MỨC CHỐNG ĐỒ VÀ KHÁNG CỰ

Bên cạnh công dụng làm chỉ báo sức mạnh và hướng đi của xu hướng, các đường trung bình di động cũng thường được sử dụng như là các mức chống đỡ và kháng cự động, giống như đường xu hướng, chỉ khác là chúng uốn lượn thay vì đường thẳng.

Bởi vì giá thường bật lên khỏi các đường EMA khi xu hướng đang diễn ra, như thể hiện trong hình 9.8, nên nhiều nhà giao dịch

Giá bật lên từ đường xu hướng là đường trung bình di động



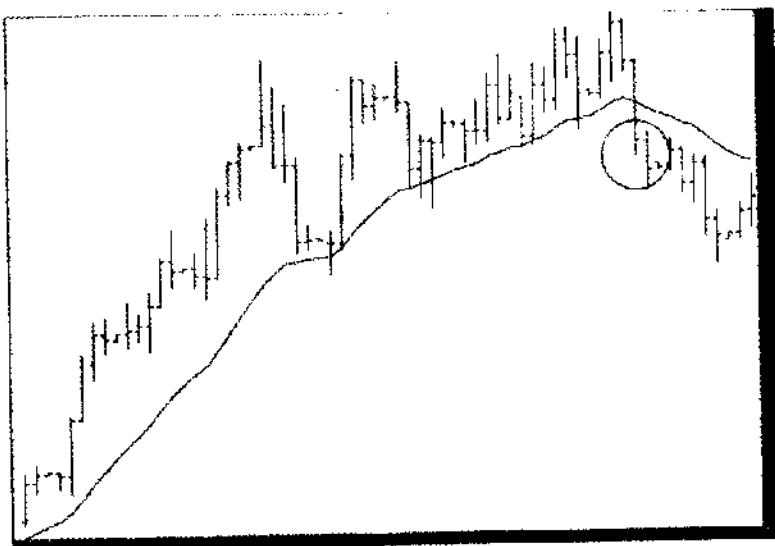
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

sẽ thực hiện giao dịch trong mỗi lần giá bật lên theo hướng đi của xu hướng khi xu hướng thị trường có vẻ đang mạnh. Kiểu giao dịch này tương tự như cách giao dịch theo đường xu hướng.

Xa hơn, các lần giá bật lên khỏi đường trung bình di động không những được sử dụng làm tín hiệu mua nhằm tham gia vào xu hướng hiện tại mà công cụ đa năng này còn được sử dụng làm tín hiệu thoát khỏi thị trường.

Như thể hiện trong hình 9.9, một đường EMA 20 thời kỳ có thể được sử dụng nhằm mô tả một xu hướng đang diễn ra mạnh mẽ và cũng được xem như là đường chống đỡ động cho xu hướng lên và đường kháng cự động cho xu hướng xuống. Khi điều này xảy ra, các nhà giao dịch có thể tin rằng xu hướng đang thật sự mạnh, ít nhất là ở thời điểm hiện tại. Nếu một nhà giao dịch tham gia vào xu hướng

Tín hiệu đóng vị thế theo đường trung bình di động



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

khi giá bật lên khỏi đường trung bình di động, hoặc sử dụng bất cứ phương pháp nào khác để tham gia vào thị trường đang có xu hướng mạnh, thì tín hiệu thoát ra khỏi thị trường sẽ xuất hiện khi giá phá vỡ và sau đó đóng cửa một cây thanh/cây nến ở phía ngược lại của đường trung bình di động. Đây được gọi là tín hiệu thoát ra theo hiện tượng phá vỡ và đóng cửa đường trung bình di động. Logic đằng sau phương pháp này là dễ hiểu. Nếu một đường trung bình di động hành động như một mức chống đỡ/kháng cự động khi xu hướng đang diễn ra, trong đó giá bật lên khỏi đường trung bình di động được coi là một tín hiệu tham gia giao dịch, thì cũng là hợp lý khi đường trung bình di động bị vi phạm về phía ngược lại (cần có một cây thanh đóng cửa để xác nhận thêm), được xem là một tín hiệu thoát ra khỏi thị trường. Tín hiệu thoát ra khỏi thị trường khi sử dụng phương pháp này của đường trung bình di động là một trong những cách tốt nhất để chốt lãi khi giao dịch trong xu hướng mạnh.

Như đã thảo luận trong suốt toàn bộ chương, các đường trung bình di động là những công cụ năng động có thể được sử dụng nhằm đánh giá hướng đi và sức mạnh của xu hướng, hoặc thể hiện và sử dụng xu hướng bằng các tín hiệu giao nhau, cũng như tạo ra các tín hiệu tham gia giao dịch và thoát khỏi thị trường tương ứng theo hiện tượng này lên và phá vỡ đường trung bình di động. Những ứng dụng trên là rất hữu ích, mặc dù đường trung bình di động có hạn chế là hành động giá bị trễ và thường xuất hiện chuyển động rãnh cua khi thị trường đi ngang, không có xu hướng.

Bên cạnh các đường trung bình di động, còn có một loạt các chỉ báo quan trọng khác cung cấp cho các nhà giao dịch và nhà đầu tư những thông tin kỹ thuật quan trọng. Một số các chỉ báo phổ biến nhất sẽ được thảo luận trong chương 10.

TÓM TẮT

Chương này thảo luận về thế giới các đường trung bình di động, bao gồm định nghĩa và cấu trúc của các loại đường trung bình di động phổ biến nhất: giản đơn, san bằng mũ và có trọng số. Đây là những công cụ theo sau xu hướng thường được dùng để thể hiện hướng đi và sức mạnh của xu hướng, và có thể được ứng dụng trong thực tế giao dịch bằng các tín hiệu giao nhau của các đường trung bình di động. Hiện tượng rãnh cua, trong đó hành động giá chuyển động ngang dẫn đến nhiều tín hiệu giao nhau liên tiếp, là một trong những hạn chế chính khi sử dụng tín hiệu giao nhau của các đường trung bình di động trong bối cảnh thị trường không có xu hướng. Các đường trung bình di động cũng có thể được sử dụng như là đường xu hướng chống đỡ và kháng cự động, trong đó các giao dịch có thể được thực hiện theo các lằn giá này lên và thoát ra khi giá phá vỡ đường trung bình di động.

Chương 10

Các chỉ báo kỹ thuật và chỉ báo dao động chính



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Trở nên quen thuộc với các chỉ báo thông dụng nhất được nhiều nhà giao dịch kỹ thuật và nhà phân tích sử dụng trong hầu hết các thị trường tài chính.
- Hiểu các chỉ báo dao động là một nhóm chỉ báo đặc biệt nhằm đo lường xung lực lượng thị trường và phân kỳ giá.
- Hiểu rõ các chỉ báo kỹ thuật và chỉ báo dao động khác nhau như thế nào khi được vận dụng trong các điều kiện thị trường khác nhau.

GIỚI THIỆU CÁC CHỈ BÁO KỸ THUẬT VÀ CHỈ BÁO DAO ĐỘNG

Khi nghĩ về phân tích kỹ thuật, bên cạnh những mẫu hình đồ thị giá, người ta còn nghĩ về các chỉ báo. Các đường trung bình di động, như thảo luận trong chương trước, cũng là một dạng của chỉ báo. Nhưng còn có nhiều chỉ báo khác đóng vai trò quan trọng trong giao dịch kỹ thuật.

Nói một cách tổng quát, các chỉ báo kỹ thuật là sự thể hiện toán học của giá nhằm tạo ra các thông tin bổ sung mà bản thân giá không thể hiện. Không thể thống kê có bao nhiêu chỉ báo đang được sử dụng, trong đó phần lớn các chỉ báo có công thức độc đáo riêng thể hiện hành động giá theo cách khác nhau, và các chỉ báo thường xuyên được cải tiến. Một vài chỉ báo trong số các chỉ báo nói trên chỉ được dùng cho một thị trường tài chính cụ thể, chẳng hạn như là thị trường vốn và thị trường tương lai. Các chỉ báo khác có thể dùng tốt như nhau trên đồ thị của tất cả các thị trường tài chính. Chương này chỉ thảo luận về các chỉ báo có thể áp dụng cho tất cả các thị trường. Hơn thế nữa, chỉ có những chỉ báo thông dụng nhất và được sử dụng rộng rãi nhất mới được thảo luận ở đây. Có một lý do khiến các chỉ báo này trở nên thông dụng, và chúng sẽ được thảo luận dưới đây như là một phần cơ bản của phân tích kỹ thuật.

Các chỉ báo mới xuất hiện ngày càng nhiều theo thời gian từ khi bắt đầu có phương pháp đọc đồ thị. Nhưng trong chương này chúng ta chỉ thảo luận những chỉ báo cơ bản, sau khi đã nghiên cứu nhiều phần mềm phân tích, là những chỉ báo vẫn còn nguyên giá trị qua sự đào thải của thời gian và hiện đang được ứng dụng rộng rãi.

Sự cầu toàn trong phân tích

Sự cầu toàn trong phân tích là tai nạn thường gặp, đặc biệt đối với những nhà giao dịch kỹ thuật. Điều này xảy ra khi các nhà giao dịch có quá nhiều nghiên cứu hoặc nhiều chỉ báo trên đồ thị và mải mê tìm kiếm những tín hiệu xác nhận trước khi đưa ra quyết định giao dịch. Điều này trái ngược với những người mới bắt đầu giao dịch chủ yếu dựa vào cảm tính. Sự cầu toàn trong phân tích là điều đỡ tệ hại hơn trong số hai điều tệ hại nói trên, nhưng cả hai việc này có thể cực kỳ tai hại cho bất kỳ nhà giao dịch nào.

Cẩn trọng và bảo thủ khi đưa ra quyết định giao dịch là điều tốt, nhưng trở nên quá cầu toàn trong quá trình đưa ra quyết định lại trở nên kém hiệu quả. Có tất cả các chỉ báo mới nhất và hoành tráng nhất trên đồ thị trông có vẻ rất ấn tượng, nhưng điều đó không thể chứng ta trở thành một nhà giao dịch giỏi hơn hay thành công hơn. Thực tế, trong nhiều trường hợp, việc sử dụng quá nhiều chỉ báo lại cản trở chúng ta có được thành công trong giao dịch.

Một phương thuốc tốt chống lại sự cầu toàn trong phân tích là kết hợp kiểm soát rủi ro chặt chẽ và quản trị dòng tiền tối ưu trong thực tiễn. Phân tích kỹ thuật có thể rất hữu dụng trong việc thiết lập các thước đo quản trị rủi ro, chẳng hạn như đưa ra điểm cắt lỗ thích hợp không quá sớm hoặc quá muộn, cũng như tỷ số rủi ro/lợi nhuận. Bên cạnh đó, quản trị dòng tiền thông minh thực sự rất quan trọng đối với bất kỳ nhà giao dịch nào muốn trở nên thành công. Với các thước đo nói trên, những nhà giao dịch không trở nên quá cẩn trọng khi đưa ra quyết định giao dịch. Không có nhà giao dịch nào luôn đúng 100%, thậm chí trong trường hợp cá biệt mà 50 chỉ báo kỹ thuật, chỉ báo dao động và những đường ngang ngoặc cùng chỉ ra một hướng tại cùng một thời điểm. Nhưng nhiều nhà giao dịch vẫn có thể thành công cho đến khi nào việc kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền được tiến hành tốt.

Điều này không hoàn toàn nói rằng những nhà giao dịch không nên tiến hành giao dịch mà không có sự phân tích đúng đắn. Như đã nói, cần phải cực kỳ tránh xa điều này. Nhiều nhà giao dịch đưa ra các quyết định mua/bán mà chẳng bao giờ được khớp trừ khi tất cả các ngôi sao trong thiên hà được xếp thẳng hàng. Điều này không bao giờ diễn ra.

Cách khôn ngoan nhất là trung thành với những công cụ phân tích cơ bản và chỉ sử dụng những công cụ cho thấy sự hiệu quả nhất qua thời gian. Khi một phân tích thận trọng cho thấy một cơ hội tốt thì nên tiến hành giao dịch nếu chúng vẫn tuân theo các nguyên tắc kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền.

Trong thế giới các loại chỉ báo, chỉ báo dao động là phần đặc biệt. Mục đích chính của chỉ báo dao động là quan sát xung lượng của thị trường. Điều này bao gồm các quan sát rất quen thuộc như tình trạng “bán quá mức” và “mua quá mức”. Các chỉ báo dao động luôn “dao động” trong một khung xác định, giống như tên gọi của chúng, và do đó thường được các nhà sử dụng nhằm xác định mức giá đảo chiều khi thị trường đi ngược xu hướng. Tuy nhiên, một trong số những chỉ báo dao động nói trên vẫn có thể được sử dụng khi thị trường có xu hướng. Các chỉ báo này sẽ được thảo luận ở phần sau của chương.

Trước khi mô tả các chỉ báo cơ bản, cần thiết phải lưu ý rằng hầu hết các chỉ báo đều có những hạn chế vốn có giống như các đường trung bình di động cũng như bất cứ những gì phái sinh từ giá. Nghĩa là, các chỉ báo được tính từ giá theo các công thức toán học luôn có độ trễ so với giá. Nhiều người cho rằng bởi vì hiệu ứng độ trễ, các chỉ báo đơn giản chỉ theo sau hành động giá chứ không thể hiện nhiều hơn bất cứ điều gì so với chính sự thể hiện của giá. Những người này cũng cho rằng mặc dù các chỉ báo có thể rất hữu ích trong việc miêu tả diễn biến giá trong quá khứ, nhưng chúng lại

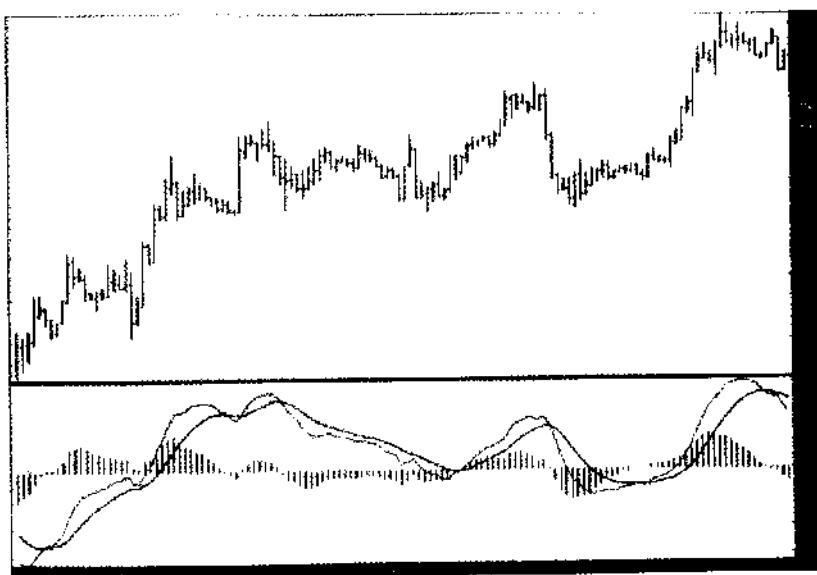
kém hiệu quả khi đưa ra một dự báo tương lai. Chính vì lý do này, các chỉ báo thường được các nhà giao dịch xem như là công cụ xác nhận thứ hai.

Mặc dù có thể đúng khi nói rằng hầu hết các chỉ báo chỉ là một phiên bản được đóng gói lại của giá, nhưng cũng chính xác khi cho rằng dạng đóng gói trên là hữu ích để có được các cơ hội giao dịch sinh lợi cao. Những nhà giao dịch nào bị thất bại vì chỉ xem xét riêng hành động giá nên quan sát thêm các chỉ báo được tính toán từ giá. Trong trường hợp này, nhiều nhà giao dịch chuyên nghiệp tiến hành phân tích đồ thị phân lõm dựa trên các chỉ báo kỹ thuật hoặc chỉ báo dao động được lựa chọn (chẳng hạn như chỉ báo sức mạnh tương đối (RSI - Relative Strength Index) hay chỉ báo chỉ số kênh hàng hóa (CCI - Commodity Channel Index), thậm chí hoàn toàn không sử dụng đến việc phân tích hành động giá. Kiểu giao dịch này không phải là cách giao dịch chính thống, nhưng nó cho thấy các chỉ báo kỹ thuật quan trọng như thế nào trong phân tích kỹ thuật và thực tế giao dịch. Mặc dù không được sử dụng như là công cụ phân tích chính nhưng các chỉ báo rất hữu ích khi phân tích hành động giá.

CÁC CHỈ BÁO KỸ THUẬT CƠ BẢN

Khi thảo luận về một chỉ báo cụ thể, chúng ta bắt đầu từ một trong những công cụ phân tích phổ biến nhất và nổi bật nhất được tính toán từ các đường trung bình di động. Chỉ báo này được gọi là đường trung bình di động hội tụ/phân kỳ và được thể hiện trong hình 10.1. Chỉ báo này thường được biết đến với tên gọi là MACD, do một nhà phân tích kỹ thuật tên là Gerald Appel xây dựng. Kể từ khi Appel giới thiệu chỉ báo này vào thập niên 1970, MACD đã trở thành một trong những chỉ báo kỹ thuật/chỉ báo dao động phổ biến nhất được phát minh. Nhiều nhà giao dịch kỹ thuật sử dụng

Đường trung bình di động hội tụ/phân kỳ

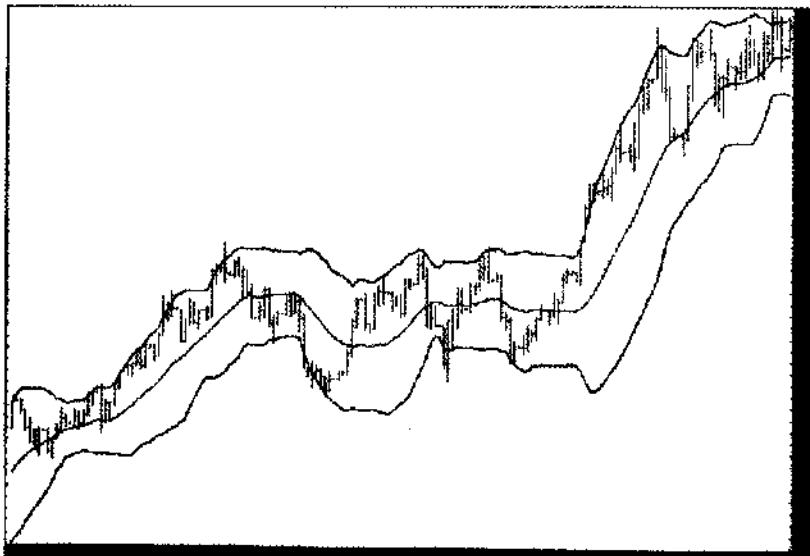


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

MACD như là chỉ báo xác nhận duy nhất. Những người khác chỉ sử dụng các tín hiệu giao dịch từ MACD. Chỉ báo đa năng này được sử dụng như là tín hiệu xung lượng của xu hướng thông qua việc thể hiện mối quan hệ giữa hai đường trung bình động. Các tín hiệu giao dịch từ chỉ báo MACD bao gồm sự giao nhau của hai đường, hoặc sự cắt lên trên hay cắt xuống dưới đường 0, và phân kỳ dao động giá. Có ba thành phần chính cấu thành nên chỉ báo MACD: đường MACD, đường tín hiệu và biểu đồ.

Được phát triển bởi tác giả cùng tên, John Bollinger, một nhà giao dịch và quản lý danh mục nổi tiếng, dải băng Bollinger nói chung được hiển thị trực tiếp lên đồ thị giá hình thanh hay hình nến. Như thể hiện trong hình 10.2, các dải băng này bao gồm một đường trung bình giản đơn (SMA) và hai đường khác: trong đó một đường là độ

Dải băng Bollinger

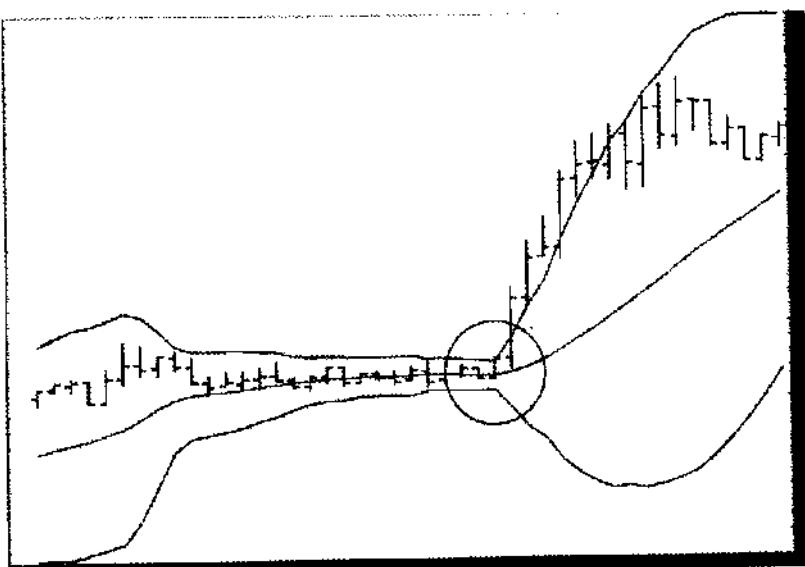


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

lệch chuẩn phía trên của SMA và đường còn lại là độ lệch chuẩn phía dưới của SMA. Theo mặc định, dải băng Bollinger thường sử dụng đường SMA 20 thời kỳ cùng với hai đường bên ngoài, trong đó mỗi đường là độ lệch chuẩn so với đường SMA, một đường ở bên trên và một đường ở bên dưới. Tùy theo điều kiện giao dịch, khoảng thời gian được sử dụng có thể thay đổi. Mục đích chính của chỉ báo dải băng Bollinger là đo lường độ biến động một cặp tiền tệ quanh giá trị trung bình (chính là đường SMA). Dải băng được dùng để cung cấp cảnh báo về sự gia tăng của độ biến động trong tương lai (khi dải băng co hẹp lại). Chúng cũng được sử dụng nhằm đưa ra các cảnh báo về các tình trạng mua quá mức hoặc bán quá mức của thị trường.

Một kỹ thuật giao dịch phổ biến khi sử dụng dải băng Bollinger được gọi là sự dồn nén (Squeeze). Phương pháp này, như thể hiện

Sự co thắt dải băng Bollinger

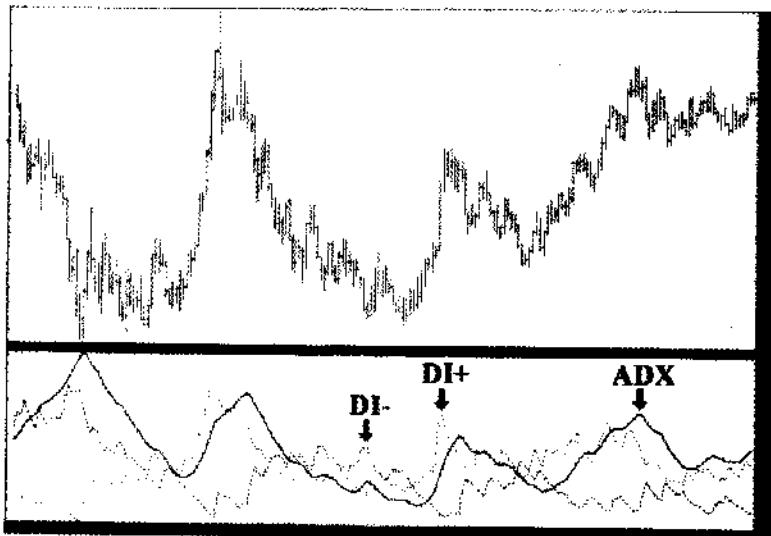


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

trong hình 10.3, được dùng nhằm tìm kiếm giai đoạn thị trường có độ biến động cao sau giai đoạn biến động hẹp. Độ biến động thấp được thể hiện khi dải băng Bollinger co hẹp lại. Điều này được gọi là sự dồn nén. Sau giai đoạn biến động hẹp, chúng ta có thể dự đoán sự gia tăng nhanh chóng, bất ngờ trong độ biến động của thị trường, thường là một chuyển động mạnh. Do đó, nhiều nhà giao dịch có thể tận dụng sự bùng nổ trong độ biến động bằng cách tham gia giao dịch khi giá phá khỏi sự dồn nén của dải băng Bollinger.

Chi báo chỉ số định hướng trung bình (ADX - Average Directional Index), như minh họa trong hình 10.4, được phát minh bởi một người phát triển rất nhiều chỉ báo, J. Welles Wilder. Chỉ báo ADX được đặt nằm ngang bên trên hoặc bên dưới đồ thị giá hình thanh hoặc hình nến. Mục đích của chỉ báo này nhằm đo lường sức mạnh

Chỉ số định hướng trung bình kết hợp DI+ và DI-

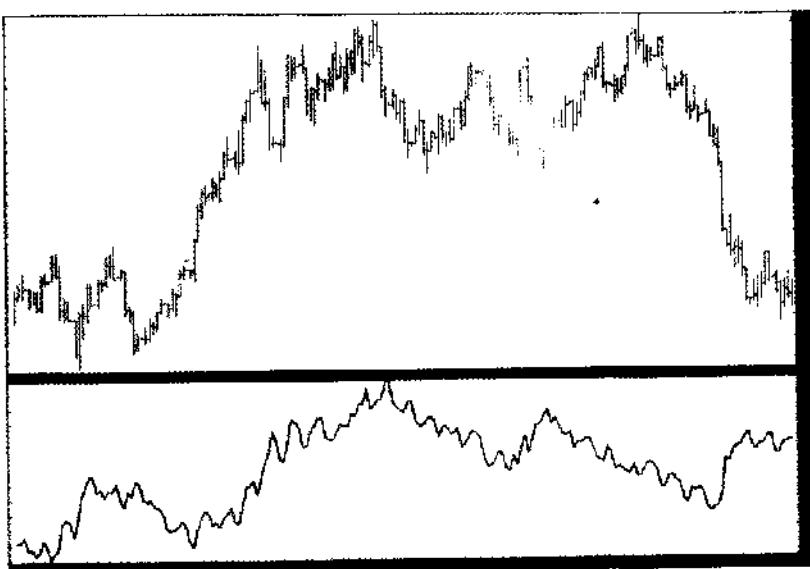


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

xu hướng hiện tại cũng như sự tăng hay giảm trong sức mạnh xu hướng. Xu hướng mạnh đồng nghĩa giá trị ADX cao, trong khi thị trường không có xu hướng tương ứng với giá trị ADX thấp. Sự gia tăng trong giá trị ADX là dấu hiệu cho thấy sức mạnh xu hướng đang tăng lên, trong khi sự sụt giảm của giá trị ADX là dấu hiệu cho thấy xu hướng đang yếu đi hoặc chuyển động đi ngang. Nhiều nhà giao dịch sử dụng chỉ báo ADX sẽ đặt một đường ranh giới nằm ngang trên chỉ báo nhằm xác định giới hạn giữa thị trường có xu hướng và không xu hướng.

Vị trí phổ biến để đặt đường ngang này là mức 30 điểm. Một khi mức này được thiết lập, nhà giao dịch có thể nhận định rằng nếu chỉ báo ADX vượt trên mức 30 điểm, tức giá đang nằm trong xu hướng (tăng/giảm) mạnh. Ngược lại, nếu chỉ báo ADX giảm xuống

Chỉ báo ATR

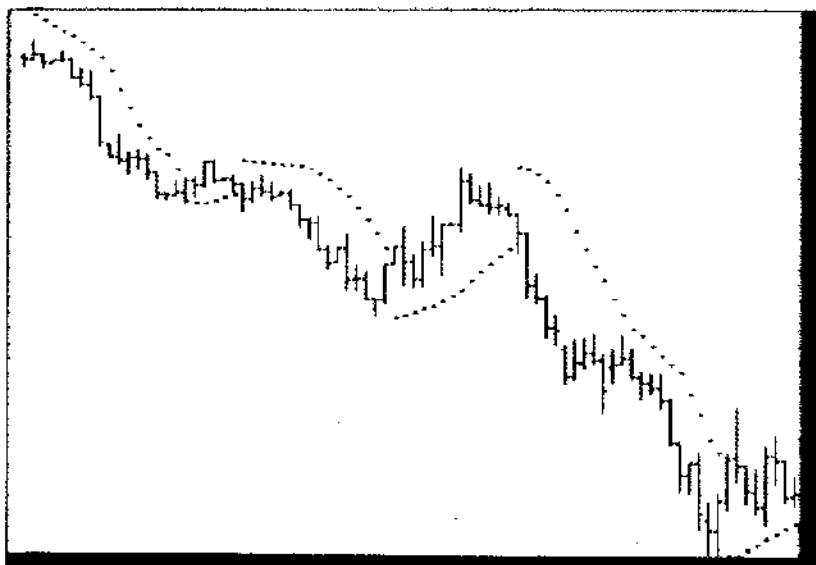


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

dưới mức 30 điểm, tức giá đang ở vùng cung cố hoặc không có xu hướng. Điểm khác biệt quan trọng có thể giúp các nhà giao dịch xác định khi nào nên sử dụng kỹ thuật giao dịch theo xu hướng và khi nào nên chuyển sang sử dụng kỹ thuật giao dịch theo khung biến động giá.

Một lưu ý quan trọng là ADX bản thân nó không phải là chỉ báo xác định xu hướng thị trường. Chức năng này được bổ sung bởi hai chỉ báo khác thường được dùng với chỉ báo ADX là: DI+ và DI- (xem hình 10.4), trong đó “DI” được xem là chỉ báo xu hướng thị trường. Hai chỉ báo này mang lại yếu tố định hướng cho chỉ báo ADX. Khi DI+ di chuyển lên và DI- di chuyển xuống, có nghĩa rằng giá đang tăng hoặc đi lên. Khi DI- di chuyển lên và DI+ di chuyển xuống, có nghĩa là giá đang giảm hoặc đi xuống. Một vài nhà giao dịch quan

Chỉ báo Parabolic Sar

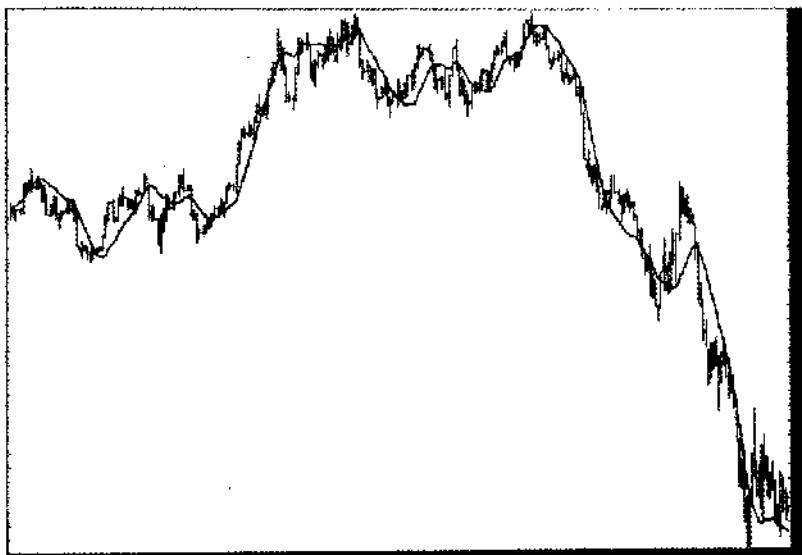


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

sát sự giao cắt giữa đường DI+ và đường DI- nhằm có được tín hiệu giao dịch theo xu hướng. Chỉ báo ADX khi kết hợp với DI+ và DI- có thể rất hiệu quả trong việc xác định xu hướng thị trường.

Chỉ báo khung dao động thực trung bình (ATR - Average True Range) là một chỉ báo hữu dụng khác được giới thiệu bởi J. Welles Wilder cũng thường đặt nằm phía trên hay phía dưới đồ thị giá. Như minh họa trong hình 10.5, ATR là một thước đo trung bình độ biến động giá gần đây. Nó được tính toán như một đường trung bình di động trong một giai đoạn nhất định. Thí dụ, nếu một ai đó muốn tính toán, theo cách cơ bản, khung giá trung bình ngày cho một mã cổ phiếu trong 10 ngày gần nhất, người này đơn giản chỉ việc vẽ ATR 10 ngày trên đồ thị giá của mã cổ phiếu đó. Điều này sẽ tạo ra một giá trị trung bình di động khung giá giao dịch cho mỗi

Chỉ báo hồi quy tuyến tính



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

ngày trong khoảng thời gian 10 ngày gần nhất. Vì ATR là một thước đo chính về độ biến động trong thời gian gần đây của thị trường, nên khi chỉ báo này cho giá trị cao, tức độ biến động thị trường trong thời gian gần đây là cao. Tương tự, khi chỉ báo này cho giá trị thấp, đồng nghĩa độ biến động của thị trường trong thời gian gần đây là thấp. Trong số những ứng dụng quan trọng khác, ATR thường được sử dụng nhằm xác định mức cắt lỗ hợp lý và xác định giá mục tiêu dựa trên độ biến động gần đây của thị trường.

Dùng và đảo ngược hình parabol (SAR - Parabolic stop and reverse) là một chỉ báo xuất sắc trong việc cung cấp phương pháp đảo ngược và điểm dừng lỗ động (Trailing stop). Điểm dừng lỗ động là yếu tố quan trọng của tất cả chiến lược cắt lỗ nói chung và quản trị rủi ro. Đây cũng là một chỉ báo do J.Welles Wilder xây dựng. Như

minh họa trong hình 10.6, chỉ báo Parabolic SAR thường bao gồm các chấm tròn theo sau giá. Nếu như các chấm tròn nằm bên dưới đường giá, nên thực hiện mua vào với các mức giá cắt lỗ động đặt tại chấm tròn đó. Ngược lại, nếu các chấm tròn nằm phía trên đường giá, nên thực hiện bán khống với các mức giá cắt lỗ đặt tại các chấm tròn. Do đó, chỉ báo này cung cấp cho các nhà giao dịch một hệ thống giao dịch cho việc mua/bán, với một ưu điểm khác là vị trí đặt lệnh dừng lỗ. Tuy nhiên, cũng giống như nhiều chỉ báo khác, Parabolic SAR có thể xuất hiện các chuyển động răng cưa gây ra những tín hiệu giao dịch thua lỗ vì thị trường không có xu hướng rõ ràng. Nhưng có một thực tế là chỉ báo này nhấn mạnh khả năng đưa ra các mức cắt lỗ động nên tỏ ra hữu ích đối với bất cứ nhà giao dịch kỹ thuật nào.

Một chỉ báo hữu ích khác được sử dụng bởi các nhà phân tích kỹ thuật và nhà giao dịch là chỉ báo hồi quy tuyến tính (Linear Regression Indicator) (hình 10.7). Đường xu hướng hồi quy tuyến tính sử dụng nguyên lý thống kê nhằm xác định xu hướng trong một thị trường, và không bị ảnh hưởng bởi đánh giá chủ quan của con người. Nguyên lý cơ bản đằng sau đường hồi quy tuyến tính là các khái niệm thống kê về phân phối chuẩn, độ lệch chuẩn và một giả định giá di chuyển quanh giá trị trung bình. Thông thường, một đường hồi quy tuyến tính cũng giống như các đường xu hướng bình thường, nhưng đi qua vùng giữa của giá hơn là tại các cực điểm (ND: đỉnh hoặc đáy). Ý tưởng chính đằng sau vấn đề trên là nhằm xác định khi nào giá lệch khỏi giá trị trung bình và khi nào giá có khả năng quay trở lại giá trị trung bình một lần nữa. Điều này tạo nên các cơ hội giao dịch dựa trên xu hướng giá chuyển động ngược trở lại giá trị trung bình. Chỉ báo hồi quy tuyến tính khác với đường hồi quy tuyến tính ở chỗ nó không phải là một đường thẳng. Hơn thế, chỉ báo hồi quy tuyến tính đi vòng xuyên qua hành động giá. Điều này là do chỉ báo hồi quy tuyến tính liên kết các điểm cuối của tất cả các đường xu hướng hồi quy tuyến tính thẳng, tạo nên các điểm hồi quy tuyến tính động trên đồ thị giá.

CÁC CHỈ BÁO DAO ĐỘNG CƠ BẢN

Như đã nói ở phần trước, có một nhóm chỉ báo đặc biệt được gọi là chỉ báo dao động. Các chỉ báo này giữ một vai trò đặc biệt khi phân tích xung lượng của thị trường và cực kỳ hữu ích để nhận biết sự biến động quá mức của giá, thường được gọi là tình trạng mua quá mức và bán quá mức.

Giống như tên gọi, các chỉ báo dao động biến động trong một khung xác định, và do đó thường được các nhà giao dịch và nhà đầu tư sử dụng nhằm xác định sự đảo chiều của giá khi thị trường chuyển động trong khung giá. Tuy nhiên, trong trường hợp thị trường có xu hướng, các chỉ báo dao động vẫn tỏ ra hữu dụng.

Nhiều chỉ báo dao động có sự giống nhau trong công thức tính toán cũng như trong chức năng và hình dạng. Do đó, sử dụng nhiều chỉ báo dao động trên một đồ thị có thể được xem như là không cần thiết trong nhiều trường hợp. Chỉ các chỉ báo dao động quan trọng nhất và phổ biến nhất mới được thảo luận ở đây.

Nói chung, khi một chỉ báo dao động nằm trên một ngưỡng quá mua xác định trong một khung giao dịch, thì chỉ báo cho thấy xung lượng tăng giá có thể sớm bị suy kiệt và khả năng xuất hiện sự đảo chiều. Ngược lại, khi một chỉ báo dao động nằm dưới ngưỡng quá bán xác định trong một khung giao dịch, tức chỉ báo cho thấy xung lực giảm giá có thể sớm biến mất và khả năng xuất hiện đảo chiều tăng giá.

Một chức năng cơ bản khác rất quan trọng của chỉ báo dao động là sử dụng tín hiệu phân kỳ. Sự phân kỳ có thể cung cấp manh mối quan trọng cho việc hướng đi của xung lượng trong tương lai gần. Lý thuyết về sự phân kỳ được đề cập trong phần “Lời khuyên và kỹ thuật” của chương.

Sự Phân Kỳ

Sự phân kỳ giữa giá và chỉ báo dao động hình thành khi có sự mất cân bằng kỹ thuật giữa chuyển động giá và chuyển động của chỉ báo dao động. Sự phân kỳ không nên được xem như một chiến lược giao dịch độc lập, hoàn chỉnh. Hơn thế, chúng nên được xem như tín hiệu cảnh báo về sự xuất hiện của một chuyển động mà bạn kỳ vọng trong tương lai (directional bias). Do vậy, sự phân kỳ không phải là một chỉ báo độc lập - nghĩa là chúng nên xác nhận hoặc được xác nhận bởi các chỉ báo kỹ thuật khác.

Chỉ báo dao động được dùng để xác định sự phân kỳ có thể là bất kỳ loại nào trong các phần mềm vẽ đồ thị. Chúng bao gồm các chỉ báo: Stochastic Oscillator, Relative strength index (RSI), Moving average convergence/divergence (MACD), MACD histogram, Rate of change (ROC), Momentum, Commodity channel index (CCI), William %R, hoặc các chỉ báo dao động khác biến động trong khung năm ngang xác định.

Sau khi lựa chọn một chỉ báo dao động, quá trình tìm kiếm sự phân kỳ là đơn giản. Có hai dạng phân kỳ mà các nhà giao dịch kỹ thuật cần thận trọng là: phân kỳ thường và phân kỳ ẩn.

Phân kỳ thường là dạng phổ biến nhất, và đây là cái mà những nhà giao dịch biết đến khi họ nghĩ về khái niệm phân kỳ. Phân kỳ thường được xem là tín hiệu cảnh báo sớm sự suy yếu của xung lượng và khả năng đảo chiều giá.

Tín hiệu phân kỳ thường trong một xu hướng tăng xuất hiện khi giá tạo nên đỉnh mới cao hơn nhưng chỉ báo dao động lại có đỉnh mới thấp hơn. Đây được gọi là phân kỳ giảm giá, cảnh báo khả năng đảo chiều và giá tiếp tục đi xuống sau đó. Trường hợp ngược lại được gọi là phân kỳ tăng giá và thường xuất hiện trong xu hướng giảm. Đối với phân kỳ tăng giá, giá tạo nên các đáy thấp hơn trong khi chỉ báo dao động tạo đáy cao hơn. Trong cả hai trường hợp, phân kỳ giảm giá và tăng giá, việc chỉ báo dao động phản ứng đối với giá, báo hiệu xung lượng giá của xu hướng hiện tại đang yếu đi.

Nếu dạng phân kỳ thường xuất hiện trên đồ thị, các nhà giao dịch nên nhanh chóng tìm kiếm tín hiệu xác nhận khả năng đảo chiều xu hướng trước khi đưa ra quyết định giao dịch. Sự xác nhận gồm nhiều dạng và thường là sử dụng kết hợp với các chỉ báo kỹ thuật khác, chẳng hạn như sự phá vỡ đường xu hướng hoặc đường trung bình di động, một mẫu hình nến đảo chiều, hoặc một vài dạng mẫu hình đảo chiều khác.

Ngược lại với phân kỳ thường, loại phân kỳ thứ hai được gọi là phân kỳ ẩn, có thể xem như hoàn toàn trái ngược. Phân kỳ ẩn cũng là sự mất cân đối giữa chuyển động giá và chuyển động của chỉ báo dao động. Nhưng thay vì đưa ra tín hiệu cảnh báo khả năng đảo chiều, phân kỳ ẩn chủ yếu được dùng làm tín hiệu nhận biết khả năng tiếp diễn của xu hướng hiện tại. Giống như với phân kỳ thông thường, có hai dạng cơ bản của phân kỳ ẩn.

Phân kỳ ẩn giảm giá xuất hiện trong xu hướng giảm và được nhận ra khi giá tạo nên các đáy thấp hơn nhưng chỉ báo dao động tạo nên các đỉnh cao hơn. Trong trường hợp này, giá và chỉ báo dao động có sự phân kỳ trong tín hiệu, nhưng tín hiệu quan trọng nhất từ sự xuất hiện của phân kỳ ẩn giảm giá là khả năng giá tiếp tục tạo nên những đáy thấp hơn, đồng nghĩa với khả năng tiếp diễn xu hướng giảm giá. Phân kỳ ẩn tăng giá thường xuất hiện trong một xu hướng tăng và được nhận diện khi giá tạo các đáy cao hơn nhưng chỉ báo dao động tạo các đáy thấp hơn. Trong trường hợp này, giá và chỉ báo dao động có sự phân kỳ trong tín hiệu, nhưng tín hiệu quan trọng nhất từ sự xuất hiện phân kỳ ẩn tăng giá là khả năng tiếp tục xu hướng tăng.

Giống như phân kỳ thường, khi xuất hiện phân kỳ ẩn nhà giao dịch nên tìm kiếm các tín hiệu xác nhận khác trước khi tiến hành bất kỳ giao dịch nào. Sự xác nhận này cũng có nhiều dạng và thường là sử dụng kết hợp với các chỉ báo kỹ thuật khác nhằm xác định khả năng tiếp diễn xu hướng hiện tại.

Sự phân kỳ là tín hiệu thông dụng và hữu ích được sử dụng làm tín hiệu cảnh báo, hoặc tín hiệu xác nhận khả năng đảo chiều (phân kỳ thường) hay khả năng tiếp tục xu hướng chính (phân kỳ ẩn).

Chỉ báo sức mạnh tương đối (RSI - Relative Strength Index), như minh họa trong hình 10.8, cũng là một trong các chỉ báo nổi tiếng khác được giới thiệu bởi J. Welles Wilder trong quyển sách năm 1978, "New Concepts in Technical Trading system - Những khái niệm mới về hệ thống giao dịch kỹ thuật". Chỉ báo dao động này là một trong những chỉ báo được ứng dụng rộng rãi bởi các nhà giao dịch kỹ thuật trên tất cả các thị trường tài chính. Một vài nhà giao dịch đã cải tiến chỉ báo này làm công cụ giao dịch chính khi phân tích hành động giá. Những nhà giao dịch khác sử dụng chỉ báo RSI như là công cụ xác nhận đáy trên đồ thị giá.

Trong trường hợp thị trường chuyển động đi ngang theo khung giá, RSI là một chỉ báo dao động cổ điển rất hữu ích để đo lường xung lực lượng của giá cũng như chỉ ra vùng mua quá mức và bán quá mức. Theo đó, chỉ báo RSI cũng vận dụng khái niệm giá có khuynh hướng quay trở lại giá trị trung bình giống như chỉ báo hồi quy tuyến tính. Về công thức toán học, RSI đơn giản so sánh độ lớn của khoản lợi nhuận gần đây so với khoản lỗ gần nhất, và công thức cụ thể như sau:

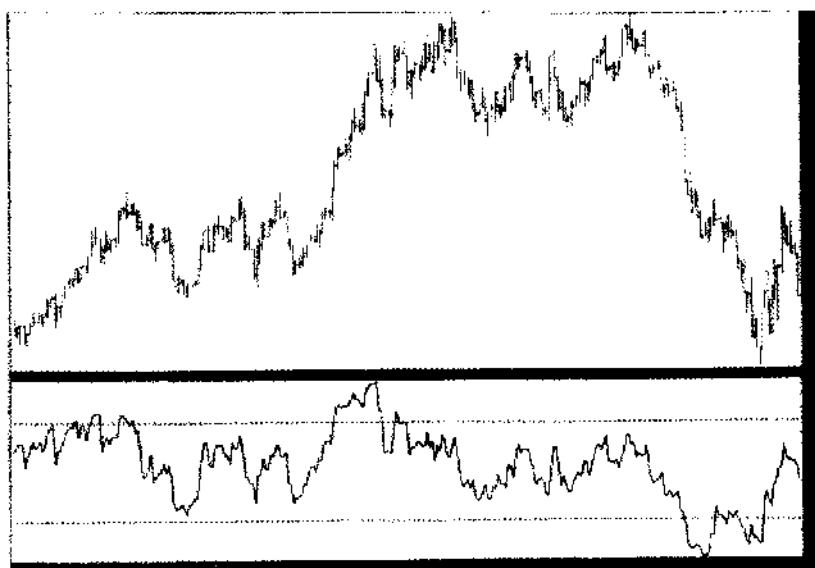
$$100/(1+RS)$$

Trong đó:

RS = giá trị trung bình của x thời kỳ có giá đóng cửa tăng chia cho giá trị trung bình của x thời kỳ có giá đóng cửa giảm.

Biến số x thời kỳ là giá trị mặc định chính của RSI, thông thường được mặc định là 14 nhưng nhà giao dịch có thể thay đổi. Một giá trị mặc định khác là vùng mua quá mức và bán quá mức lần lượt được mặc định là 70 và 30. Khi chỉ báo RSI cắt lên trên 70 được xem là sự cảnh báo giá đang ở vùng mua quá mức, ngược lại khi chỉ báo RSI cắt xuống dưới 30 được xem là sự cảnh báo giá đang ở vùng bán quá mức.

Chỉ báo RSI (Chỉ báo sức mạnh tương đối)



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Một số nhà giao dịch kỹ thuật sử dụng RSI như là một tín hiệu giao dịch hoặc công cụ xác nhận. Giao dịch mua trong thị trường chuyển động theo khung giao dịch là nên được thực hiện khi RSI đi từ khu vực mua quá mức lên trên mức 30. Giao dịch bán trong một thị trường chuyển động theo khung giao dịch nên được thực hiện khi RSI đi từ khu vực mua quá mức xuống dưới mức 70.

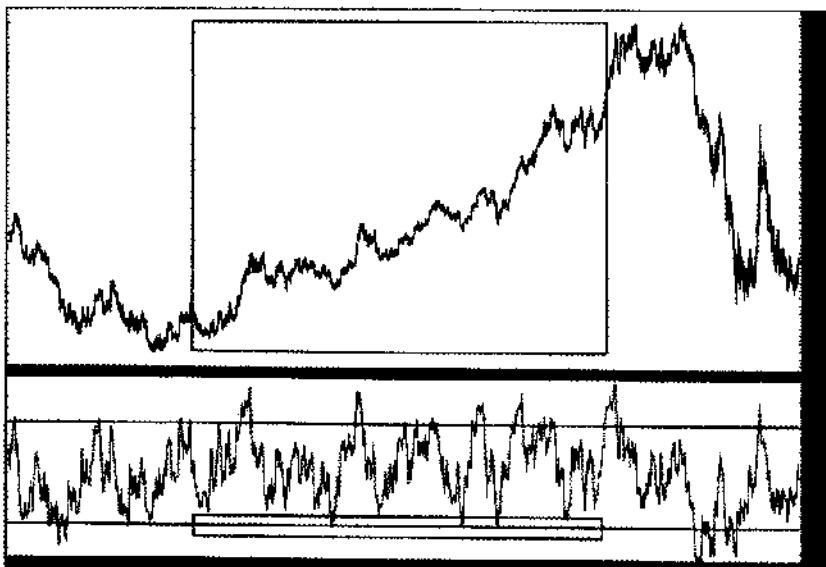
Trong thị trường có xu hướng, RSI cũng có thể là một chỉ báo dao động hữu ích. Những nhà phân tích cấp tiến thường quan sát chỉ báo RSI trong suốt xu hướng. Có lẽ quan trọng nhất trong quan sát này là RSI thường thất bại chạm vào khu vực bán quá mức trong xu hướng tăng (xem hình 10.9) và ngược lại, thất bại chạm vào vùng mua quá mức trong xu hướng giảm (xem hình 10.10). Khuynh hướng trong biến động của RSI có thể dùng để xác định xu hướng thị trường cũng như xác định điểm tham gia trong thị trường có xu hướng.

Chỉ báo Stochastic Oscillator được giới thiệu vào những năm 1950 bởi George Lane, một nhà giao dịch và cũng là một nhà phân tích kỹ thuật tiên phong, do đó chỉ báo này thường được gọi là Stochastics của Lane. Có hai dạng khác nhau của Stochastic có thể được tìm thấy trong hầu hết chương trình vẽ đồ thị là: nhanh và chậm. Stochastic chậm, như minh họa trong hình 10.11, đơn giản là Stochastic nhanh được làm phẳng ra. Bất kỳ sử dụng dạng Stochastic nào, mục đích cũng giống như các chỉ báo dao động khác là: xác định vùng mua quá mức/bán quá mức và đưa ra tín hiệu phân kỳ.

Công thức toán học của Stochastics là so sánh giá đóng cửa của một cặp tiền tệ với khung dao động giá của nó trong suốt khoảng thời gian xác định. Khái niệm chính đằng sau chỉ báo dao động này

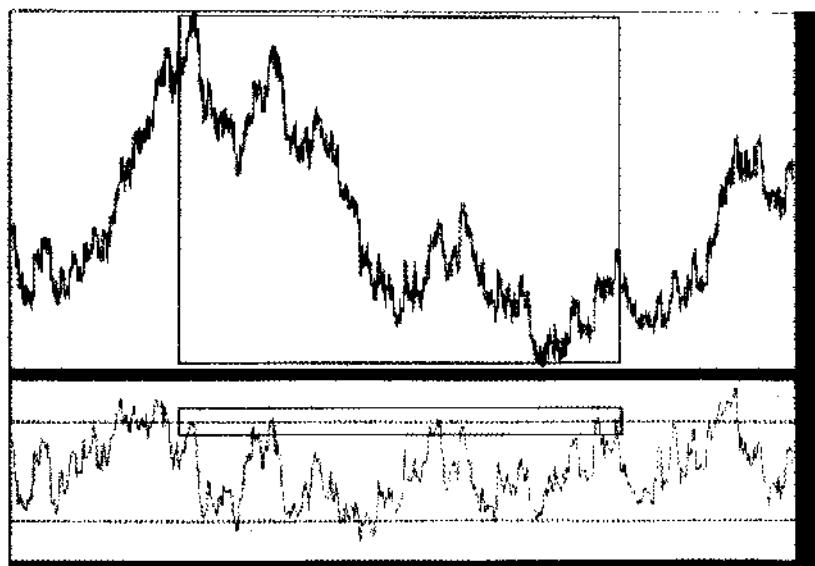
HÌNH 10.9

Chỉ báo RSI trong xu hướng lên



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Chỉ báo RSI trong xu hướng xuống



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

là giá có xu hướng tiến gần đến các đỉnh cũ trong thị trường giá lên và tiến gần về đáy cũ trong thị trường giá xuống. Có hai đường được tính toán trong Stochastics là: đường %K (nhanh) và đường %D (chậm). Hai đường này chuyển động giữa hai mức biên là 0 và 100, trong đó vùng bán quá mức và mua quá mức lần lượt được xác định tại 20 và 80. Công thức tính đường %K là:

$$100 * [(C - L_n) / (H_n - L_n)]$$

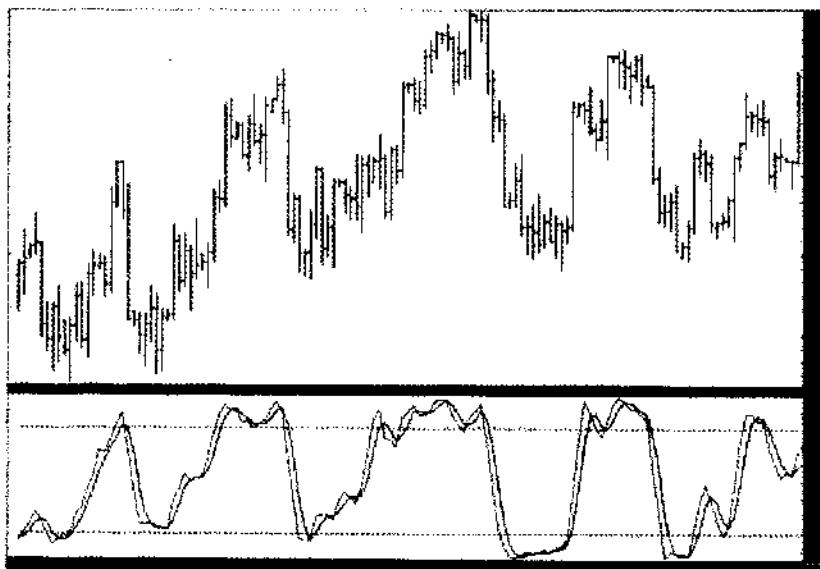
Trong đó:

C: mức giá đóng cửa gần nhất.

L_n: mức đáy trong n ngày gần nhất

H_n: mức đỉnh trong n ngày gần nhất

Chỉ báo Stochastics được làm chậm



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Đường %D đơn giản chỉ là đường trung bình di động của đường %K, và thường được mặc định là đường trung bình di động 3 thời kỳ. Bởi vì chỉ báo Stochastic có hai đường khác với chỉ có một đường như chỉ báo RSI, nên Stochastic có thể đưa ra thêm một tín hiệu khác hình thành bởi sự giao cắt của đường %K với đường %D, và tín hiệu giao dịch cũng giống như cách giao dịch theo sự giao cắt của các đường trung bình di động.

Rate of change (ROC), như minh họa trong hình 10.12, là một chỉ báo dao động cổ điển và rất đơn giản nhằm đo lường xung lượng. Công thức toán học của chỉ báo này là đo lường phần trăm thay đổi giá trong một khoảng thời gian xác định so với mức giá hiện tại. Công thức của ROC là:

$$100 * [(C_c - C_n) / (C_n)]$$

Trong đó:

Cc: giá đóng cửa của cây thanh giá hiện tại

Cn: giá đóng cửa của n thời kỳ giao dịch vừa qua

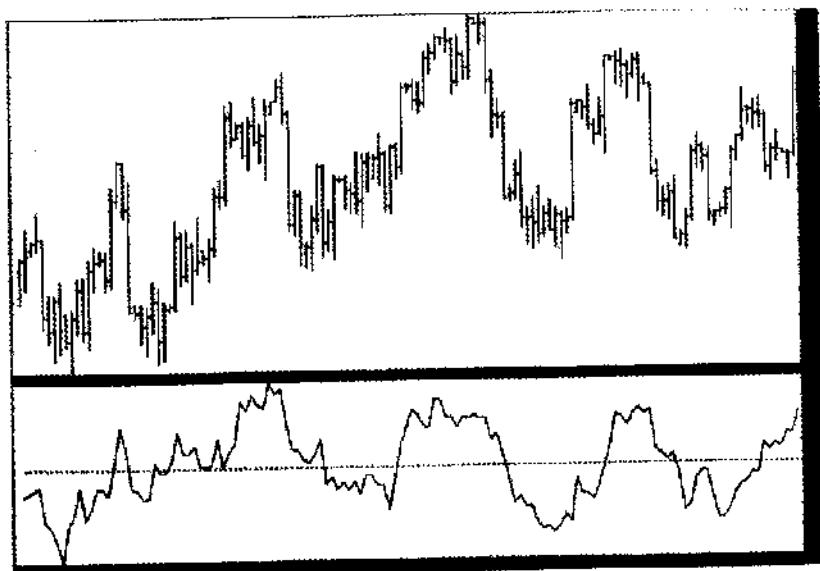
Giống như các chỉ báo dao động khác, cài đặt mặc định đối với khoảng thời gian của chỉ báo này thường là 14 nhưng có thể thay đổi. ROC biến động trên và dưới đường 0 và do đó cũng có giá trị dương và âm.

Bên cạnh thể hiện sự phân kỳ và vùng mua quá mức/bán quá mức, ROC có thể đưa ra các tín hiệu giao dịch khi chỉ báo này vượt lên trên và cắt xuống dưới đường 0.

Chỉ báo dao động chỉ số kênh hàng hóa (CCI - Commodity channel index) như minh họa trong hình 10.13, là một chỉ báo quan trọng nhưng lại có tên gọi chưa chính xác được giới thiệu lần đầu tiên bởi

HÌNH 10.12

Chỉ báo ROC (chỉ báo tốc độ thay đổi)



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Donald Lamber vào 1980. Phù hợp với thị trường cổ phiếu, trái phiếu và tiền tệ cũng như thị trường hàng hóa tương lai, CCI đã cho thấy nó là một chỉ báo được các nhà giao dịch sử dụng phổ biến trên nhiều thị trường tài chính. Được ra đời nhằm mục đích xác định chu kỳ trên thị trường hàng hóa, CCI đã phát triển thành một công cụ hữu ích trong việc xác định và xác nhận khả năng đảo ngược của giá.

Công thức tính CCI là sự liên hệ giữa giá, trung bình di động của giá và độ lệch trung bình. Công thức là:

$$\boxed{(Price-MA)/(0.015*D)}$$

Trong đó:

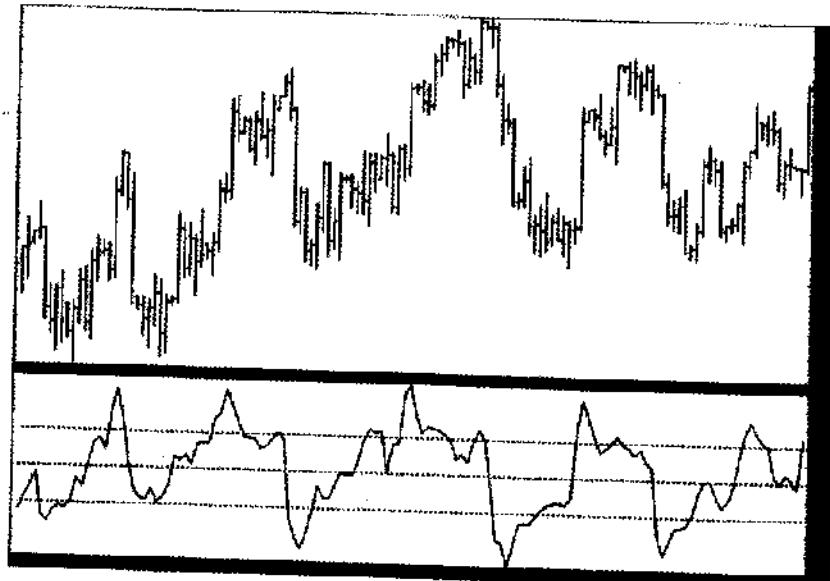
Price: giá (trung bình của giá cao nhất, thấp nhất và giá đóng cửa)

MA: trung bình di động.

D: độ lệch tuyệt đối trung bình.

HÌNH 10.13

Chỉ báo CCI (chỉ báo chỉ số kênh hàng hóa)



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Thông thường, CCI biến động bên trên và bên dưới đường số 0, và vùng mua quá mức/bán quá mức lần lượt được cài đặt tại +100 và -100.

Những người ủng hộ CCI, hầu hết những người đi theo sự chuyển động của RSI, đưa ra nhiều phương pháp khác nhau khi phân tích chỉ báo dao động này và vượt ngoài cách ứng dụng thông thường là xác định sự phân kỳ cũng như vùng mua quá mức/bán quá mức. Giống như chỉ báo dao động RSI, có một số ít nhà giao dịch nổi tiếng chỉ tập trung vào phân tích mẫu hình và chuyển động của chỉ báo CCI. Mặc dù chỉ báo dao động này đơn thuần được sử dụng như một chỉ báo xác nhận thứ hai, nhưng trong con mắt của những người thường sử dụng, chỉ báo này thực sự rất hữu ích.

Hầu hết những nhà giao dịch kỹ thuật đều hình thành nên các chỉ báo dao động ưa thích riêng thông qua việc quan sát và thực hiện nhiều nghiên cứu. Giống như những loại chỉ báo khác, các chỉ báo dao động là sự bổ sung cần thiết cho các công cụ kỹ thuật khác trong các phần mềm đồ thị.

Các chỉ báo kỹ thuật và chỉ báo dao động mô tả hành vi giá bằng các công thức toán học nên phần nào có tính khách quan hơn so với những công cụ đồ thị chẳng hạn như là Fibonacci và sóng Elliott. Điều này không hoàn toàn nói rằng công cụ này tốt hơn công cụ kia. Mỗi nhà giao dịch và nhà đầu tư đều nhận thấy giá trị riêng của mỗi công cụ, bất kể các công cụ đó được xem là chủ quan hơn hoặc khách quan hơn. Một số nhà giao dịch thường sử dụng các chỉ báo có công thức toán học phức tạp, trong khi những nhà giao dịch khác lại thành công bằng việc phân tích nhiều đường xu hướng vốn mang tính chủ quan hơn. Tuy nhiên, cũng có những nhà giao dịch kết hợp ưu điểm của nhiều công cụ phân tích khác nhau.

Chính vì tầm quan trọng của việc nghiên cứu Fibonacci và sóng Elliott, cuốn sách này sẽ dành riêng một chương để thảo luận về các chủ đề này. Đây là nội dung của chương 11.

TÓM TẮT

Chương này giới thiệu một số chỉ báo kỹ thuật và chỉ báo dao động chính thường được dùng trong phân tích kỹ thuật. Các chỉ báo kỹ thuật là các công thức toán học được tính toán từ giá và cung cấp nhiều thông tin về độ biến động giá, xung lượng và xu hướng. Giống như các đường trung bình di động, các chỉ báo kỹ thuật và chỉ báo dao động có nhược điểm là đều có độ trễ, hàm ý rằng chỉ báo là theo sau hành động giá chứ không thể dự báo hành động giá. Các chỉ báo dao động là một nhóm đặc biệt của chỉ báo kỹ thuật nhằm nhận diện xung lượng và sự phân kỳ giữa giá và dao động.

Các chỉ báo kỹ thuật cơ bản thường được dùng trên các thị trường tài chính bao gồm MACD, dải băng Bollinger, ADX, ATR, Parabolic SAR, hồi quy tuyến tính và các chỉ báo khác. Các chỉ báo dao động cơ bản bao gồm RSI, Stochastics, ROC, CCI, Momentum, Williams và nhiều chỉ báo khác.

Chương 11

Fibonacci và sóng Elliott



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Hiểu các nền tảng cơ bản độc đáo, các đặc điểm và sự giải thích của lý thuyết Fibonacci và sóng Elliott trong phân tích kỹ thuật.
- Bước đầu áp dụng lý thuyết Fibonacci và sóng Elliott để phân tích và giao dịch trong các thị trường tài chính.
- Hiểu biết hầu hết các quy luật cơ bản và công cụ dùng để vận dụng các học thuyết độc đáo này.

LÝ THUYẾT FIBONACCI VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP

Fibonacci và sóng Elliott là hai chủ đề được phát triển sâu rộng và có quan hệ mật thiết với nhau khi phân tích hành động giá của thị trường. Mặc dù có thể được sử dụng độc lập nhưng tính hữu dụng của chúng sẽ được khuếch đại khi kết hợp với nhau. Trong chương này, những nguyên lý và đặc điểm của cả hai lý thuyết Fibonacci và sóng Elliott sẽ được thảo luận riêng.

Những khái niệm và lý thuyết về Fibonacci được hình thành vào thế kỷ thứ 13 bởi nhà toán học người Ý có tên là Leonardo of Pisa, hoặc tên gọi khác là Leonardo Fibonacci. Nghiên cứu của ông đã tạo nên các tiêu chuẩn phân tích kỹ thuật chính thống chặng hạm như Fibonacci vạch (Fibonacci retracement) bắt nguồn từ dãy số hàm chứa tỷ lệ vàng, xấp xi bằng 1,618. Tỷ lệ này, như Fibonacci giải thích, có thể được tìm thấy trong tự nhiên, khoa học, âm nhạc và quan trọng nhất là ngay cả trong các thị trường tài chính.

Dãy số Fibonacci được giới thiệu đến thế giới phương Tây trong quyển sách 1202 của Fibonacci, Liber Abaci, là những con số: 0, 1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144, 233, 377, 610, 987, 1597... Một đặc điểm thú vị của dãy số này là tổng của hai số liên kề sẽ cho kết quả chính là số tiếp theo trong dãy số: $0 + 1 = 1$, $1 + 1 = 2$, $1 + 2 = 3$, $2 + 3 = 5$, $3 + 5 = 8$, ... Một đặc điểm thú vị khác là dãy số Fibonacci có giá trị tăng dần, và tỷ lệ của một số với số trước nó xấp xi gần Tỷ lệ Vàng 1,618.

Vì tỷ lệ này được coi là tồn tại trong nhiều lĩnh vực của thế giới tự nhiên và cả hoạt động của con người, nên việc lý thuyết này được vận dụng trong thị trường tài chính chỉ là vấn đề thời gian. Ứng dụng của lý thuyết này hiện nay đã trở thành một công cụ phân tích kỹ thuật chuẩn gần như trong tất cả các phần mềm đồ thị tài chính.

Mục đích chính, và cơ bản nhất, của phân tích Fibonacci là xác định các khu vực tiềm năng khi có sự thoái lùi. Như thảo luận trong chương 5, trong cả xu hướng giá lên và giá xuống, tất cả các thị trường tài chính đều có giai đoạn giá chuyển động có hướng, hoặc là xu hướng tăng hoặc là xu hướng giảm. Hướng đi ròng của chuyển động giá được gọi là xu hướng. Mặc dù giá có thể chuyển động theo một xu hướng nào đó, nhưng luôn có một khoảng thời gian hiệu chỉnh hoặc gọi là thoái lùi, tức giá chuyển động theo xu hướng ngược lại. Ví dụ, trong một xu hướng tăng, luôn có nhiều chuyển động đi xuống tạo nên tỷ lệ thoái lùi so với chuyển động tăng trước đó. Đây đơn giản là tính chất của các thị trường tài chính, trong đó giá không chỉ chuyển động theo một hướng trong tất cả mọi thời điểm.

Trong trường hợp này, luôn luôn có các đợt giá điều chỉnh (dip) trong xu hướng tăng và các đợt giá hồi phục trong xu hướng giảm. Các khu vực này của hành động giá là một trong những vị trí thuận lợi nhất nhằm tham gia giao dịch theo xu hướng chính. Ví dụ, trong một xu hướng tăng, mục đích chính là mua giá thấp và bán giá cao. Mua tại một đáy nhỏ tạo nên các cơ hội tốt để tham gia vào xu hướng tăng với một mức giá thấp. Ngược lại, trong xu hướng giảm, mục đích chính là bán giá cao và mua lại với giá thấp. Bán tại một đỉnh nhỏ là cơ hội tốt nhằm tham gia vào xu hướng giảm với mức giá cao. Đây là lợi thế cho các nhà giao dịch để có thời gian chuẩn bị giao dịch vì có thể họ hình dung ra vị trí nào sự thoái lùi của giá chắc chắn sẽ dừng lại và đảo chiều đi theo xu hướng chính. Những nhà giao dịch này sau đó sẽ có cơ hội để giao dịch theo xu hướng chính sau khi giá thoái lùi ngược xu hướng.

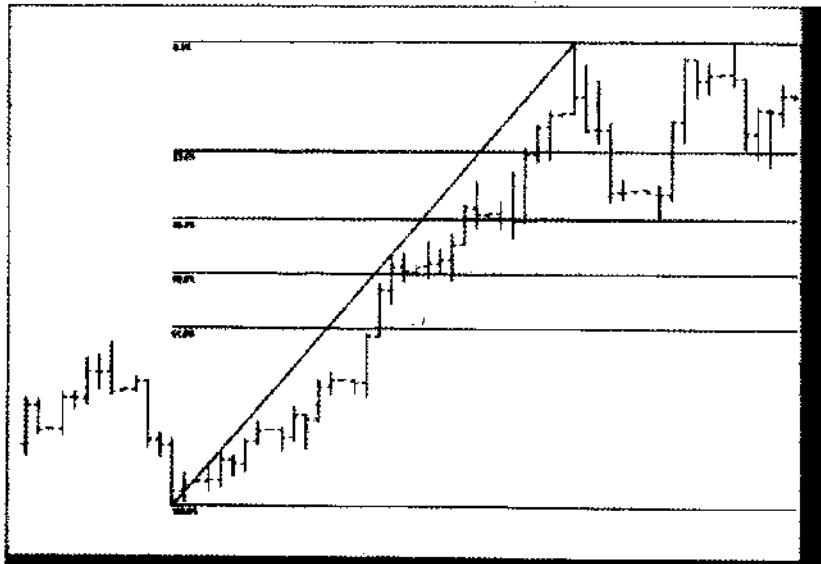
Đây là khái niệm chính đằng sau phân tích Fibonacci vạch (Fibonacci retracement). Tỷ lệ phần trăm quan trọng nhất của công cụ Fibonacci vạch được hình thành từ nghịch đảo Tỷ lệ Vàng 1,618, là 0,618 hay 61,8%. Bên cạnh tỷ lệ phần trăm cơ bản này là tỷ lệ

38,2% vì khi cộng với tỷ lệ 61,8% sẽ bằng 100%. Tỷ lệ phần trăm quan trọng thứ ba của Fibonacci vạch là 50%. Các tỷ lệ phần trăm khác thường được sử dụng bao gồm 23,6% và 76,4%, vì khi cộng lại với nhau cũng được tổng là 100%. Tóm lại, các mức vạch Fibonacci phổ biến nhất được hầu hết các nhà giao dịch sử dụng Fibonacci quan sát là 38,2%, 61,8%, và 50%. Ngoài ra, các nhà giao dịch cũng quan sát các tỷ lệ phần trăm khác là 23,6% và 76,4%.

Nhiều người không quen ứng dụng công cụ Fibonacci vạch tự hỏi tại sao hành động giá thường có phản ứng mạnh với các tỷ lệ phần trăm nói trên và tại sao nhiều nhà giao dịch lại tin vào những con số ma thuật này. Một nguyên nhân khiến cho các công cụ Fibonacci hoạt động tốt trong nhiều điều kiện thị trường đơn giản là do nhiều nhà giao dịch, cả lớn và nhỏ, đều sử dụng Fibonacci trong giao dịch. Kết quả là, các mức giá tương ứng với các tỷ lệ phần trăm cơ bản trở thành cái gì đó giống như tiên đoán tự thực hiện (self-fulfilling). Do đó, các hành động giá quan trọng, chẳng hạn như sự đảo chiều của giá, thường xảy ra xung quanh các mức giá này một phần vì nhiều nhà giao dịch đang quan sát và phản ứng với các mức giá đó. Hiện tượng này ít nhất một phần nào đó tạo nên tính hiệu quả và chính xác của các công cụ Fibonacci khi phân tích chuyển động của thị trường.

Như minh họa trong hình 11.1, các tỷ lệ phần trăm Fibonacci vạch thường được dùng nhằm xác định vị trí bật lên trong hành động giá mà các nhà giao dịch mong muốn nhằm tham gia vào xu hướng khi có sự thoái lùi. Ví dụ, khi giá điều chỉnh giảm trong một xu hướng tăng, nhiều nhà giao dịch đầu tiên là quan sát khả năng bật lên quanh mức thoái lùi 38,2% của chuyển động tăng trước đó. Nếu có đầy đủ tín hiệu cho thấy khả năng giá bật lên khỏi mức tỷ lệ phần trăm này, các nhà giao dịch có thể tham gia vào vị thế mua, từ đó đẩy giá tăng cao hơn sau khi bật lên từ mức 38,2%. Bên cạnh kiểu giao dịch này, các mức Fibonacci cũng có thể được xem là những

Các tỷ lệ thoái lùi Fibonacci

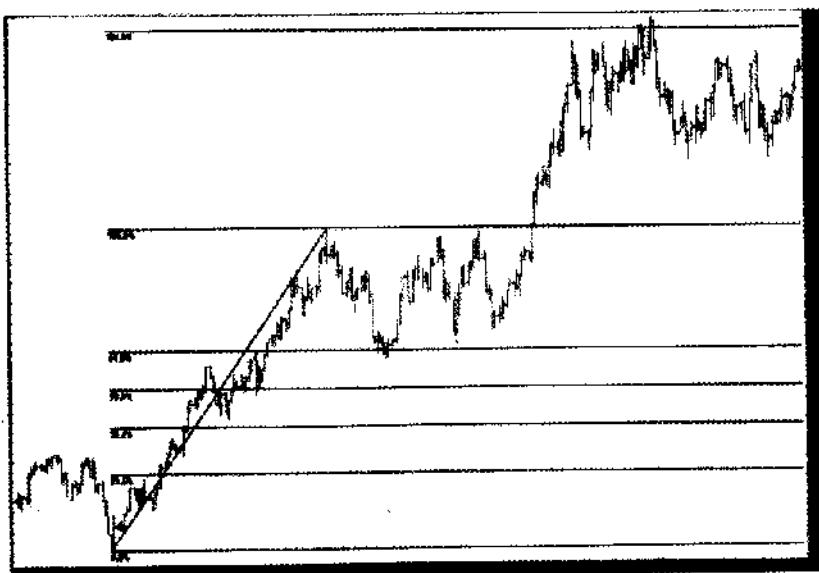


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

khu vực phá vỡ tiềm năng. Cũng trong tình huống thoái lùi vừa mô tả ở trên, nếu giá không bật lên khỏi mức 38,2%, nhiều khả năng giá sẽ giảm sâu dưới tỷ lệ này, điều này thể hiện cơ hội giao dịch theo điểm phá vỡ. Các mức Fibonacci vạch cũng được dùng như là mục tiêu lợi nhuận cho các vị thế giao dịch đang mở.

Bên cạnh các tỷ lệ phần trăm phía trong của Fibonacci như 23,6%, 38,2%, 61,8% và 76,4%, cũng có Fibonacci mở rộng lớn hơn 100%, như minh họa trong hình 11.2. Các Fibonacci mở rộng được sử dụng chủ yếu nhằm xác định và dự báo mục tiêu giá. Tỷ lệ phần trăm quan trọng nhất của Fibonacci mở rộng là 161,8%, chính là tỷ lệ vàng và tỷ lệ 261,8%. Fibonacci mở rộng cũng thường được sử dụng trong mẫu hình tam giác, trong đó những nhà giao dịch tìm kiếm mục tiêu giá tiềm năng sau khi mẫu hình tam giác bị phá vỡ.

Các tỷ lệ mở rộng Fibonacci

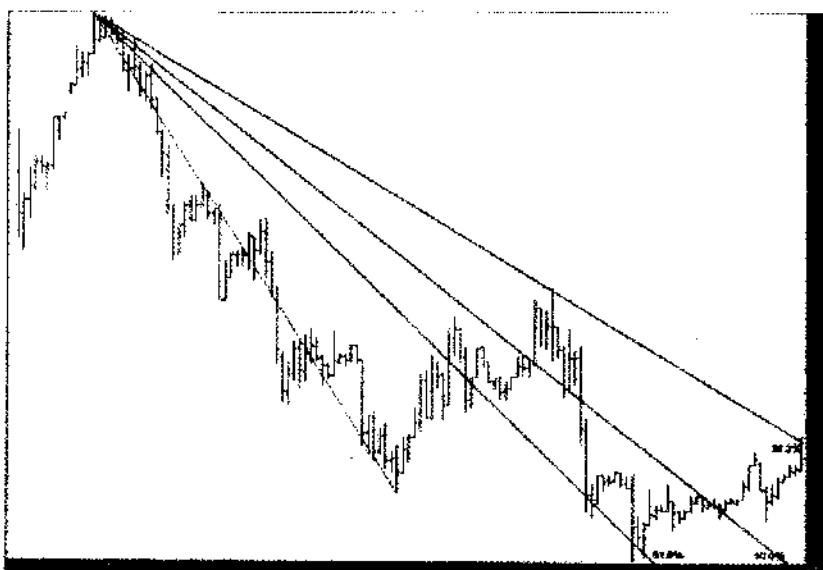


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Cả Fibonacci vạch và Fibonacci mở rộng đều xuất hiện nhiều trong hầu hết các phần mềm vẽ đồ thị.

Bên cạnh Fibonacci vạch và Fibonacci mở rộng, có nhiều công cụ Fibonacci khác cũng được đính kèm trong phần mềm vẽ đồ thị cho bất kỳ thị trường tài chính nào. Một trong những công cụ đó là Fibonacci quạt (Fibonacci fan), như minh họa trong hình 11.3. Đây là công cụ Fibonacci tương đối phổ biến vẽ một "chiếc quạt" gồm ba đường chéo thể hiện các mức chống đỡ và kháng cự động tiềm năng. Các mức này cũng dựa trên ba tỷ lệ Fibonacci chính là 38,2%, 50% và 61,8%. Giống như Fibonacci vạch, các mức Fibonacci quạt có được bằng cách vẽ một đường thẳng từ đáy đến đỉnh của một sóng tăng hoặc ngược lại. Phần mềm vẽ đồ thị sau đó sẽ tự động tính các mức giá tương ứng với các tỷ lệ Fibonacci trên.

Fibonacci Quạt

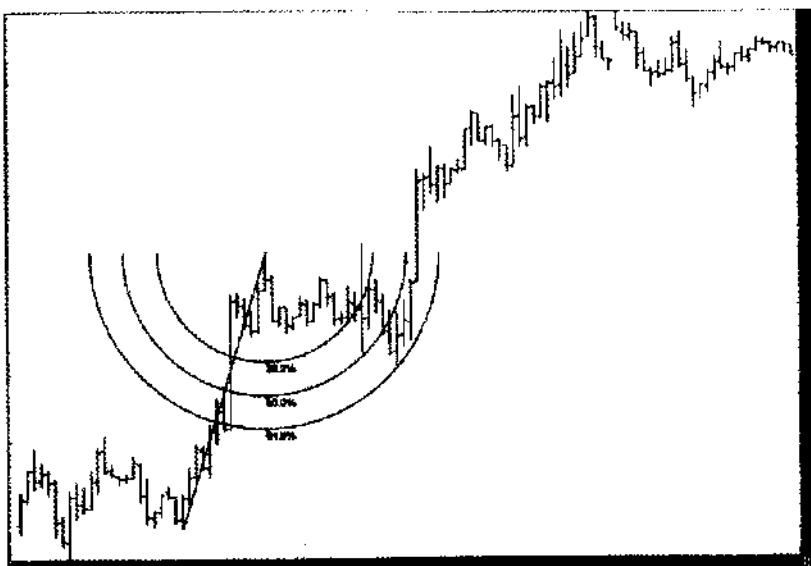


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Thay vì tạo nên các đường thẳng như trong Fibonacci quạt, Fibonacci vòng cung (Fibonacci arc), như minh họa trong hình 11.4, vẽ ba đường cung tạo nên vùng chống đỡ/kháng cự tiềm năng. Giống như Fibonacci quạt, Fibonacci vòng cung cũng sử dụng các tỷ lệ Fibonacci cơ bản gồm: 38,2%, 50%, 61,8%. Bên cạnh đó, giống như các đường thẳng trong Fibonacci quạt, các đường vòng cung trong Fibonacci vòng cung hình thành bằng cách vẽ một đường thẳng từ điểm đáy đến đỉnh của một sóng tăng hoặc ngược lại. (Theo quan điểm của Robert Prechter, Jr., tác giả lý thuyết sóng Elliott, Fibonacci vòng cung cũng như các góc của Gann rất khó sử dụng vì chúng còn tùy thuộc việc lựa chọn tỷ lệ cho đồ thị).

Mặc dù cũng áp dụng lý thuyết Fibonacci, nhưng vùng thời gian Fibonacci (Fibonacci time zones) như minh họa trong hình 11.5, có

Fibonacci vòng cung

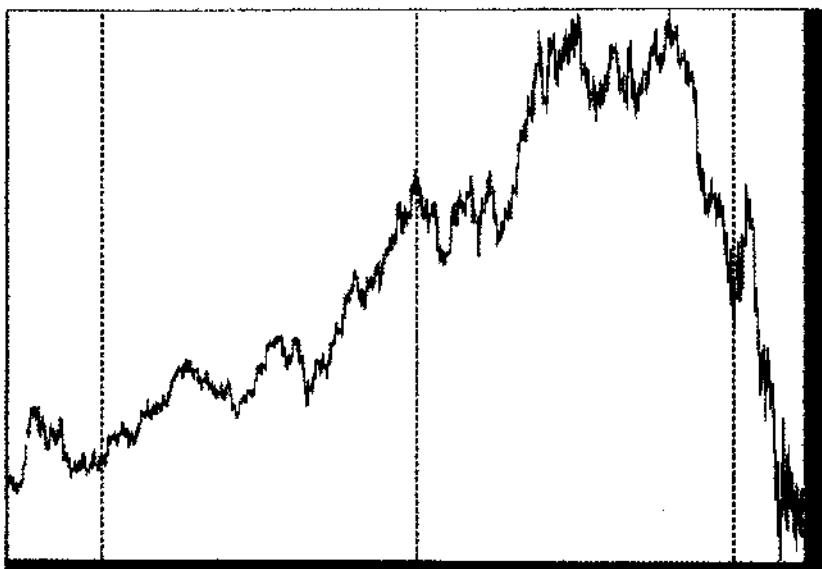


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

sự khác biệt đáng kể so với Fibonacci vạch, Fibonacci hình quạt và Fibonacci vòng cung. Thay vì ứng dụng trực tiếp các tỷ lệ, vùng thời gian Fibonacci sử dụng dãy số Fibonacci ($1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144, 233, \dots$) được trình bày trong phần trước của chương. Nói chung, một nhà giao dịch có thể chọn một điểm bắt đầu trên đồ thị sau khi giá chuyển động mạnh. Công cụ vùng thời gian Fibonacci sau đó sẽ tự động vẽ các đường thẳng đứng trên đồ thị từ điểm bắt đầu, với các khoảng thời gian tương ứng dãy số Fibonacci. Kỳ vọng ở đây là các đường thẳng đứng sẽ trở thành các mốc thời gian quan trọng hoặc là xảy ra một sự kiện kỹ thuật quan trọng hoặc là có sự thay đổi trong chuyển động giá.

Có nhiều công cụ đồ thị khác dựa trên lý thuyết Fibonacci, nhưng phổ biến nhất và nổi tiếng nhất, cũng như luôn được tìm thấy trên

Vùng thời gian Fibonacci



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

các phần mềm đồ thị, là những công cụ Fibonacci vừa được mô tả. Xa hơn nữa, các công cụ Fibonacci được phần lớn các nhà giao dịch sử dụng là Fibonacci vạch. Fibonacci vạch cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc ứng dụng lý thuyết sóng Elliott, chủ đề được bàn luận tiếp theo.

LÝ THUYẾT SÓNG ELLIOTT

Được đặt tên và phát minh bởi một nhà phân tích thị trường chứng khoán nổi tiếng Ralph Nelson Elliott, toàn bộ kiến thức được gọi là lý thuyết sóng Elliott dự báo chuyển động của thị trường tài chính bằng việc xác định các mẫu hình sóng. Elliott giới thiệu lý thuyết của ông vào cuối những năm 1930 sau khi nghiên cứu dữ liệu giá

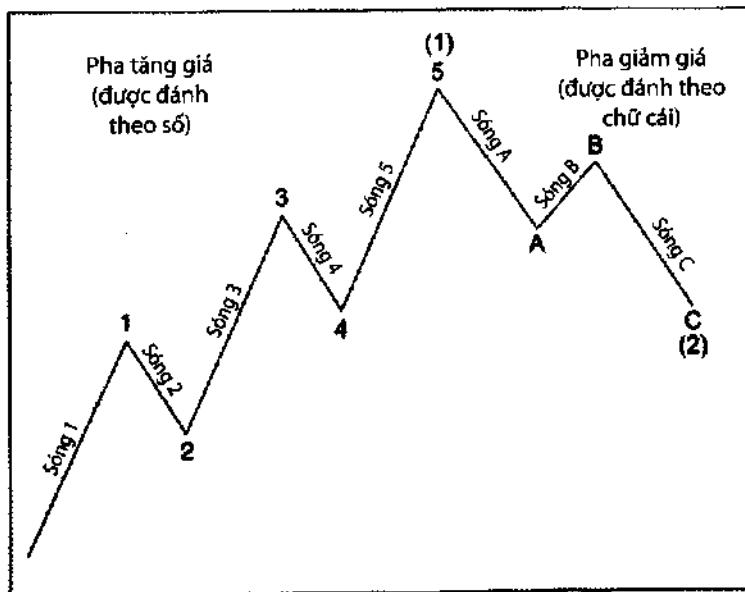
thị trường qua hàng thập kỷ. Mãi sau này, nghiên cứu của Elliott được cải tiến xa hơn bởi Robert Precher, Jr., một nhà giao dịch và nhà phân tích nổi tiếng với những dự báo thời gian đảo chiều và sự nhạy bén trong giao dịch dựa trên ứng dụng các nguyên lý sóng Elliott.

Nguyên lý chính đằng sau sóng Elliott là hành vi thị trường tuân theo quy luật nhân quả để tạo nên các mẫu hình có thể được nhận diện và dự báo. Các mẫu hình này được mô tả dưới dạng sóng, đơn giản là các chuyển động giá có hướng trên thị trường tài chính.

Một chu kỳ hành động giá bao gồm hai loại sóng, như minh họa ở hình 11.6. Dạng sóng đầu tiên được gọi là sóng đẩy và bao gồm năm sóng nhỏ bên trong tạo nên một xu hướng tăng. Dạng sóng thứ

HÌNH 11.6

Cấu trúc cơ bản của sóng Elliott



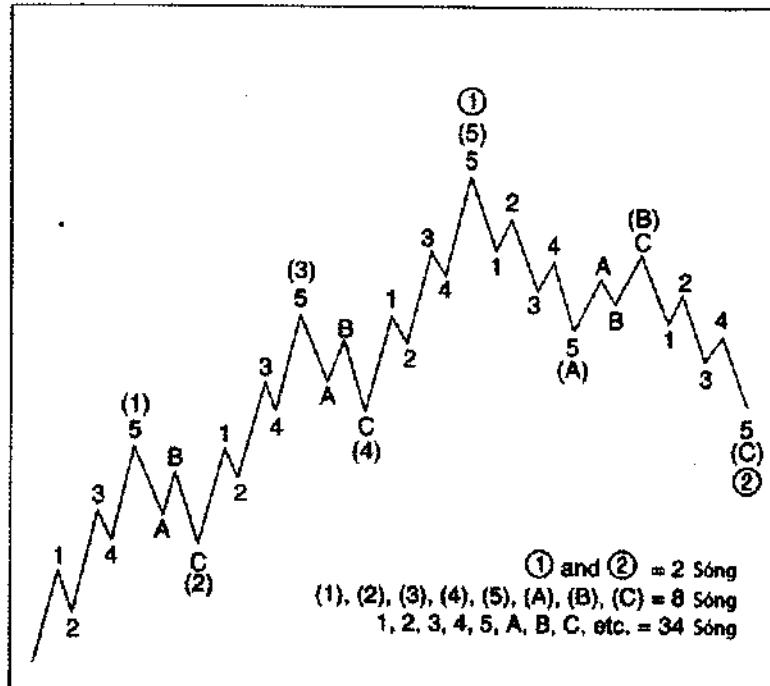
From Elliott Wave Principle (1978-2009, Frost & Prechter) ©1978-2009, Used with permission: Nguồn: Từ "Nguyên tắc sóng Elliott" (1978-2009, Frost & Prechter) © 1978-2009, được cho phép sử dụng.

hai được gọi là sóng điều chỉnh và bao gồm ba sóng bên trong tạo nên một xu hướng giảm, hoặc hiệu chỉnh, hoặc chuyển động ngược xu hướng chính.

Trong năm sóng thuộc sóng đẩy chính, có ba sóng (sóng 1, 3 và 5) chuyển động cùng xu hướng chính. Chúng cũng được gọi là sóng đẩy bởi vì chúng di chuyển cùng hướng với xu hướng chính. Hai sóng còn lại (sóng 2 và sóng 4) trong sóng đẩy chính do chuyển động ngược với xu hướng chính nên cũng được gọi là sóng điều chỉnh. Sóng 2 và sóng 4 tạo nên một tỷ lệ thoái lùi so với xu hướng tăng trước đó.

HÌNH 11.7

Cấu trúc tổng quát của sóng Elliott



From Elliott Wave Principle (1978-2009, Frost & Prechter) ©1978-2009, Used with permission: Nguồn: Từ "Nguyên tắc sóng Elliott" (1978-2009, Frost & Prechter) © 1978-2009, được cho phép sử dụng.

Trong ba sóng thuộc sóng điều chỉnh chính, có hai sóng (là sóng A và sóng C) chuyển động cùng hướng với sóng điều chỉnh chính nên cũng được gọi là sóng đẩy. Sóng thứ hai (là sóng B) trong sóng điều chỉnh chính, chỉ sóng thoái lui so với sóng A, chuyển động ngược hướng với sóng điều chỉnh chính nên được gọi là sóng điều chỉnh. Hình 11.7 mô tả chi tiết các nguyên tắc trên.

Nguyên lý chính đằng sau cấu trúc sóng trên là một chu kỳ chuyển động được cấu thành bởi tám sóng. Hành động giá theo hướng của xu hướng chính bao gồm năm sóng (ba sóng di chuyển cùng hướng với xu hướng chính và hai sóng còn lại di chuyển ngược với xu hướng chính).

Một điều rất quan trọng, trong mỗi sóng riêng lẻ là một cấu trúc sóng nhỏ hơn cũng tuân theo mẫu hình sóng 5/3, tùy thuộc đây là sóng cùng hướng với xu hướng lớn hơn hay ngược hướng với xu hướng lớn hơn. Vì thế mẫu hình 5/3 luôn tồn tại ở mỗi cấp độ sóng, từ sóng ngắn nhất đến dài nhất, và mỗi mẫu hình sóng tồn tại trong một mẫu hình sóng lớn hơn đồng thời cũng bao gồm một mẫu hình sóng nhỏ hơn. Hình 11.7 mô tả cấu trúc sóng trong sóng.

Đối với mẫu hình sóng đẩy gồm 5 sóng, có ba nguyên tắc đếm sóng cần được tuân thủ khi áp dụng lý thuyết sóng Elliott vào các đồ thị tài chính:

1. Sóng 2 không được vượt quá điểm bắt đầu sóng 1.
2. Sóng 3 không được là sóng ngắn nhất.
3. Sóng 4 không được đi vào vùng giá của sóng 1.

Lý thuyết sóng Elliott cũng sử dụng một số công cụ thuộc các lĩnh vực khác trong phân tích kỹ thuật. Các công cụ này bao gồm một số mẫu hình đồ thị cơ bản như mẫu hình tam giác (triangle), mẫu hình cái nêm (wedge) và kênh xu hướng song song (parallel

trend channel). Đối với khái niệm các kênh xu hướng, lý thuyết sóng Elliott cho rằng hành động giá có xu hướng thường tuân theo kênh xu hướng song song và do đó kênh xu hướng song song có thể được dùng để xác định vùng giá mục tiêu tiềm năng. Ví dụ, trong mẫu hình 5 sóng, sau khi sóng 1, sóng 2 và sóng 3 đã hoàn tất, nên vẽ một đường thẳng từ điểm kết thúc sóng 1 đến điểm kết thúc sóng 3. Đường thẳng song song thứ hai (so với đường thẳng thứ nhất) sau đó được vẽ từ điểm kết thúc sóng 2. Kênh xu hướng này tạo nên mục tiêu giá ban đầu cho sóng 4. Tuy nhiên, để có được mục tiêu giá, kênh xu hướng thường được điều chỉnh và vẽ lại phụ thuộc diễn biến của sóng như thế nào. Kênh xu hướng được xem là một phương pháp cực kỳ hữu ích nhằm mô tả và xác định giá mục tiêu.

Một khái niệm quan trọng khác của lý thuyết sóng Elliott là sự hoán đổi (alternation). Đây là hiện tượng mà các sóng có cấu trúc tương đồng, chẳng hạn như các sóng điều chỉnh 2 và 4 trong mẫu hình năm sóng, thường có sự khác biệt và hoán đổi nhau trong tính phức tạp của sóng. Trong ví dụ này, nếu sóng 2 có mức điều chỉnh mạnh so với sóng trước đó, thì sóng 4 (cũng là sóng điều chỉnh như sóng 2) được kỳ vọng có mức độ điều chỉnh nhỏ hơn. Không những thế, theo nguyên tắc hoán đổi của sóng Elliott, sóng 4 nên là sóng điều chỉnh ít phức tạp hơn và có thể chỉ là sóng điều chỉnh nhẹ hoặc thậm chí đi ngang. Nguyên lý hoán đổi là một trong các nguyên tắc cơ bản của lý thuyết sóng Elliott vì nó là một trong những nguyên tắc phổ biến nhất của hành động giá trên thị trường.

Những nguyên tắc cơ bản trên của lý thuyết sóng Elliott có thể phức tạp và khó hiểu đối với những nhà giao dịch và nhà đầu tư mới vào nghề. Tuy nhiên, mặc dù có nhiều biến thể và sự phức tạp khi phân tích sóng Elliott nhưng những người áp dụng lý thuyết

sóng không nên đếm sóng vượt quá mô hình sóng 5/3. Nếu một nhà giao dịch có thể am hiểu nghệ thuật đếm sóng và thật sự ứng dụng được lý thuyết này trong các thị trường khác nhau, thì nhà giao dịch đó sẽ có một bước tiến lớn trong việc nghiên cứu cấu trúc thị trường tài chính và có lẽ quan trọng hơn, đưa ra các dự báo chính xác về xu hướng thị trường.

Đối với những nhà thực hành chuyên nghiệp, việc ứng dụng cả Fibonacci và lý thuyết sóng Elliott có thể tạo nên công cụ cực mạnh cho việc đầu cơ trên thị trường tài chính. Các lý thuyết này và các công cụ kỹ thuật khác tạo nên nền tảng cho nhiều chiến lược giao dịch kỹ thuật hiệu quả, cho dù chúng được ứng dụng thủ công hay được tự động hóa trên các phần mềm giao dịch. Việc lựa chọn chiến lược giao dịch nào là chủ đề của chương 14. Tuy nhiên, trước khi đi đến chủ đề này, chúng ta sẽ thảo luận các nguyên lý và chiến lược khi phân tích biểu đồ điểm và hình trong chương 12.

TÓM TẮT

Chương này giới thiệu các khái niệm cơ bản của lý thuyết Fibonacci và sóng Elliott. Cả hai lý thuyết này có mối quan hệ mật thiết với các nguyên lý được ứng dụng rộng rãi bởi nhiều nhà phân tích kỹ thuật, nhà giao dịch và nhà đầu tư.

Dãy số và các tỷ lệ Fibonacci được dựa trên tỷ lệ vàng và nghiên cứu của nhà toán học Leonardo Fibonacci vào thế kỷ 13. Tỷ lệ Fibonacci xuất hiện trong tự nhiên, khoa học, âm nhạc và cũng được ứng dụng trong thị trường tài chính. Ứng dụng phổ biến nhất của tỷ lệ Fibonacci là xác định các điểm thoái lui ngược xu hướng. Chúng cũng thường được dùng nhằm xác định mục tiêu giá trong công cụ Fibonacci mở rộng. Bên cạnh công cụ vẽ rất nổi tiếng là Fibonacci vạch, công cụ luôn sẵn có trong tất cả các phần

mềm vẽ đồ thị, còn có các công cụ vẽ đồ thị khác sử dụng nguyên lý Fibonacci là Fibonacci quạt, Fibonacci vòng cung và vùng thời gian Fibonacci.

Lý thuyết sóng Elliott là nguyên lý phức tạp hơn được giới thiệu vào những năm 1930 bởi Ralph Nelson Elliott. Lý thuyết này đưa ra một quan điểm cấu trúc cụ thể về thị trường tài chính. Cấu trúc này bao gồm các mẫu hình sóng cũng như các quy tắc về mối quan hệ giữa các sóng với nhau. Lý thuyết sóng Elliott và phương pháp Fibonacci được các nhà giao dịch kỹ thuật chuyên nghiệp ứng dụng rất rộng rãi.

Chương 12

Đô thị Điểm và Hình



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Hiểu rõ điều gì làm đô thị điểm và hình khác biệt so với các phương pháp vẽ đồ thị cổ điển khác.
- Hiểu cấu trúc đặc đáo và các đặc điểm của đô thị điểm và hình khiến chúng trở nên rất hữu ích khi giao dịch thuận tiện theo hành động giá.
- Áp dụng đồ thị điểm và hình vào thực tế giao dịch trong bất kỳ thị trường tài chính nào.

GIỚI THIỆU ĐỒ THỊ ĐIỂM VÀ HÌNH

Đồ thị điểm và hình (point and figure - p&f) là một dạng đồ thị cổ điển được hình thành vào thế kỷ 19 như là một phương pháp đánh dấu các mức giá trên thị trường. Như đã đề cập ở chương 4, đồ thị p&f là một trong các dạng đồ thị cơ bản bên cạnh đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến và đồ thị đường.

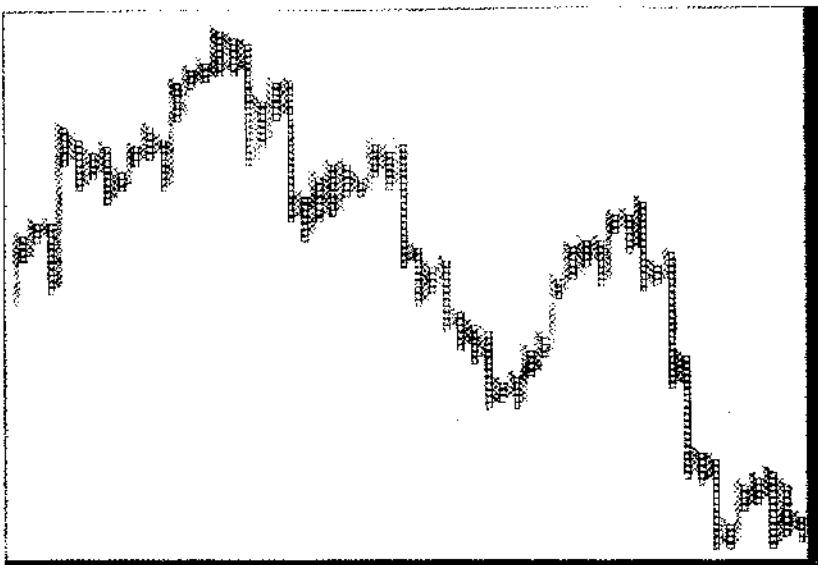
Như đã nói, đồ thị p&f rất khác so với đồ thị hình thanh, đồ thị hình nến và đồ thị đường trong cả hình dạng cũng như chức năng.

Đồ thị điểm và hình luôn có những tín đồ riêng. Mặc dù phương pháp đồ thị này hiện nay bị mờ nhạt bởi các dạng đồ thị khác, nhưng ít nhất về tính đại chúng, đồ thị p&f có nét độc đáo riêng và thể hiện tốt hành động giá trên thị trường nên được nhiều nhà giao dịch và nhà đầu tư trong tất cả các thị trường tài chính trên thế giới lựa chọn.

Giao dịch bằng đồ thị p&f là giống như chỉ thuần túy giao dịch với hành động giá. Điều này là do, giá, loại dữ liệu quan trọng nhất đối với mọi công cụ tài chính được ghi lại trên loại đồ thị này. Loại bỏ tất cả các loại dữ liệu khác thường được đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến thể hiện như: thời gian, khối lượng, giá mở cửa, giá cao nhất, giá thấp nhất và giá đóng cửa. Không có các loại dữ liệu này sẽ gây khó khăn cho việc phân tích, và tất cả chỉ còn lại duy nhất hành động giá. Tuy nhiên, điều này sẽ làm nổi bật vai trò quan trọng của đường xu hướng và mức chống đỡ/kháng cự.

Điểm khác biệt chính đầu tiên giữa đồ thị p&f với các dạng đồ thị khác là hình dáng. Không giống như các dạng đồ thị khác, đồ thị p&f là một hệ thống các hộp, như minh họa trong hình 12.1. Trục y, giống như các loại đồ thị khác, đại diện cho giá. Tuy nhiên, không giống các loại đồ thị khác, trục x không đại diện cho thời gian mà thay vào đó thể hiện sự tiến triển của các cột từ trái sang phải.

Biểu đồ Điểm và Hình



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Trong mỗi cột là một đường thẳng đứng hoặc là các điểm X hoặc là các điểm O. Cột tận cùng bên phải thể hiện cho hành động giá hiện tại, nó hoặc là cột X hay cột O. Một cột X có nghĩa rằng giá đang tăng ròng. Tương tự, một cột O có nghĩa rằng giá đang giảm ròng. Vì thế, ví dụ, nếu giá đang ở trong xu hướng lên bởi một mức tăng giá tối thiểu, một cột X bắt đầu được hình thành. Sau đó, nếu giá đảo chiều và bắt đầu đi vào xu hướng giảm bởi một mức giảm giá tối thiểu nhất, cột X sẽ kết thúc và một cột O mới sẽ hình thành ngay bên phải cột X. Các cột X và cột O sẽ tiếp tục tiến về phía bên phải và hoán đổi lẫn nhau tương ứng với các dao động (swings) trong hành động giá. Không giống như các dạng đồ thị khác, đồ thị p&f sẽ không tiến về phía bên phải trừ khi có sự đảo chiều giá quan trọng cần phải tạo nên các cột X và cột O mới.

Có hai biến số cơ bản khi xây dựng một đồ thị điểm và hình. Các biến số này tạo nên ưu điểm của đồ thị p&f trong việc loại bỏ các biến động nhiễu trong giá, vốn là căn bệnh của các dạng đồ thị khác.

Biến số đầu tiên là kích cỡ của hộp. Đây là mức chuyển động giá tối thiểu trước khi một chữ X khác được thêm vào trên đỉnh cột X, hoặc chữ O khác được thêm vào dưới đáy cột O. Việc xác định kích cỡ hộp hoàn toàn tùy thuộc vào loại công cụ tài chính được giao dịch và mức độ nhiễu muốn được giảm. Ví dụ, nếu một cột X đã hình thành, cột đó sẽ không thêm chữ X khác trên đỉnh nếu như giá không đạt được mức tăng tối thiểu. Nếu giá đạt được mức tăng tối thiểu, một chữ X khác sẽ được thêm vào đỉnh cột.

Biến số quan trọng khác của đồ thị p&f là mức độ đảo chiều. Đây là một tính năng giảm độ nhiễu khác nhằm làm giảm số lượng biến động giá trên đồ thị, từ đó tạo nên một hình ảnh rõ nét về sự đảo chiều và xu hướng giá. Cài đặt phổ biến nhất cho biến số này là đảo chiều ba điểm. Đảo chiều ba điểm đơn giản là một cột O mới (sau cột X) hoặc một cột X mới (sau cột O) sẽ không được hình thành trừ khi giá đảo chiều từ đỉnh của cột hiện tại một mức tối thiểu là ba hộp. Bất cứ các chuyển động giá ít hơn mức tối thiểu 3 hộp được xem là nhiễu và bị loại ra khỏi đồ thị p&f. Chức năng này làm giảm đáng kể các chuyển động giá nhỏ dẫn đến tín hiệu đảo chiều giả. Khi giá thất bại trong việc đảo chiều ít nhất ba hộp, cột X vẫn được tiếp tục mà không cần có thêm một cột O mới. Tương tự như vậy, một cột O vẫn được tiếp tục mà không cần có thêm một cột X mới.

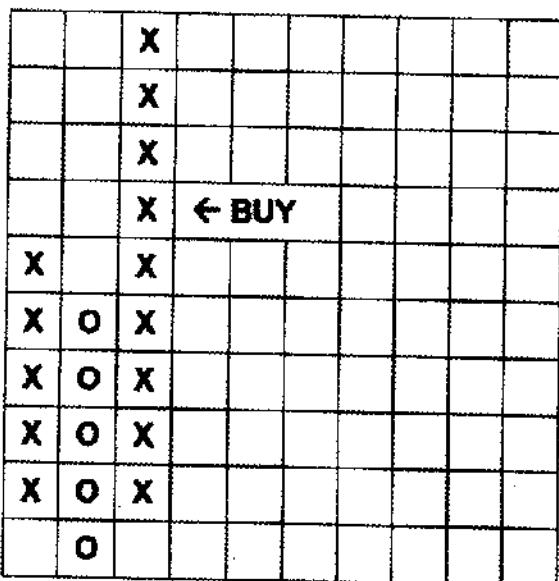
Với hai biến số cơ bản là kích thước hộp và mức độ đảo chiều, đồ thị p&f có rất hữu ích nhằm chỉ ra hành động giá có xu hướng. Loại đồ thị này cũng xuất sắc trong việc xác định vùng chống đỡ và kháng cự cũng như nhận diện các cơ hội tốt trong chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ.

CÁC MẪU HÌNH ĐỒ THỊ ĐIỂM VÀ HÌNH

Sự đa dạng mẫu hình của đồ thị p&f giúp các nhà giao dịch và nhà đầu tư có lợi thế trong chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ tiềm năng. Bên cạnh đó, trong khi một số mẫu hình đồ thị, giống như mẫu hình hai đỉnh thường gấp, được xem là mẫu hình đảo chiều đối với những người phân tích đồ thị hình thanh hay đồ thị hình nến, nhưng chúng lại được các tín đồ của đồ thị p&f xem là các mẫu hình phá vỡ. Điều này đúng cho cả mẫu hình hai đỉnh, hai đáy cũng như mẫu hình ba đỉnh và ba đáy. Bên cạnh các mẫu hình đồ thị, chiến lược giao dịch sử dụng đồ thị p&f cũng liên quan đến sự phá vỡ đường xu hướng và kênh xu hướng. Cùng với các mẫu hình đồ thị, những vấn đề trên sẽ được minh họa và thảo luận trong chương này.

HÌNH 12.2

Điểm phá vỡ hướng lên mẫu hình hai đỉnh



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Có lẽ mẫu hình đơn giản nhất trong tất cả các mẫu hình đồ thị p&f là **mẫu hình hai đỉnh/hai đáy** được minh họa trong hình 12.2 và 12.3. Như đã đề cập, mẫu hình nổi tiếng này nói chung có ý nghĩa ngược lại khi sử dụng đồ thị p&f so với đồ thị hình thanh hay đồ thị hình nến. Giống như tất cả các mẫu hình trên đồ thị p&f, mẫu hình hai đỉnh/hai đáy là một tín hiệu phá vỡ và được xem như là một cơ hội cho chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ.

Trong ví dụ về mẫu hình hai đỉnh, giả sử một cột X đã hình thành và sau đó đảo chiều bởi một mức tối thiểu ba hộp, để tạo nên một cột O mới và tạo nên một đỉnh ở cột X. Tiếp theo, sau khi điều này xuất hiện, giả định rằng giá đảo chiều một lần nữa để hình thành một cột X mới. Khi cột X mới này đạt đến mức giá của cột X trước đó, một mẫu hình hai đỉnh được hình thành. Sau đó, thay vì đảo chiều, chúng ta quan sát thấy có sự phá vỡ bên trên đỉnh cột X trước

HÌNH 12.3

Điểm phá vỡ hướng xuống mẫu hình hai đáy

| | | | | | | | | |
|---|---|--------|--|--|--|--|--|--|
| | X | | | | | | | |
| O | X | O | | | | | | |
| O | X | O | | | | | | |
| O | X | O | | | | | | |
| O | | O | | | | | | |
| | O | ← SELL | | | | | | |
| | O | | | | | | | |
| | O | | | | | | | |
| | O | | | | | | | |

Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

đó, nghĩa là một chữ X mới được hình thành phía trên đỉnh của cột X trước đó. Trong kiểu hành động giá này, tín hiệu mua xuất hiện trên điểm phá vỡ. Hành động giá tương tự nhưng ngược lại, sẽ mô tả cơ hội giao dịch theo điểm phá vỡ của mẫu hình hai đáy.

Một mẫu hình đơn giản khác của đồ thị p&f, như minh họa trong hình 12.4 và 12.5, là mẫu hình ba đỉnh và ba đáy. Giống như mẫu hình hai đỉnh và hai đáy, loại mẫu hình này khi ở trên đồ thị p&f sẽ có ý nghĩa trái ngược so với khi ở trên đồ thị hình thanh hay đồ thị hình nến. Trên đồ thị p&f, một mẫu hình ba đỉnh hoặc ba đáy là một tín hiệu để chờ đợi cơ hội giao dịch theo điểm phá vỡ.

Ví dụ, giả sử có một cột X, sau đó có một cột O, và tiếp theo nữa là một cột X có cùng mức giá với cột X đầu tiên. Sau đó, giả sử có một cột O khác xuất hiện và cuối cùng là thêm một cột X khác.

HÌNH 12.4

Điểm phá vỡ hướng lên mẫu hình ba đỉnh

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|-------|--|--|--|--|
| | | | | X | | | | | |
| | | | | X | | | | | |
| | | | | X | | | | | |
| | | | | X | ← BUY | | | | |
| X | | X | | X | | | | | |
| X | O | X | O | X | | | | | |
| X | O | X | O | X | | | | | |
| X | O | X | O | X | | | | | |
| X | O | X | O | X | | | | | |
| O | | O | | | | | | | |

Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Trong cột thứ năm hoặc cột X thứ ba này, nếu nó đạt đến mức giá của cột X thứ nhất và thứ hai, đây được gọi là mẫu hình ba đỉnh. Sau đó, thay vì giá đảo chiều, chúng ta quan sát thấy có sự phá vỡ phía trên hai cột X trước đó giống như trong mẫu hình hai đỉnh. Điều này tạo nên tín hiệu mua theo điểm phá vỡ. Hành động giá tương tự nhưng ngược lại, sẽ mô tả một cơ hội giao dịch theo điểm phá vỡ của mẫu hình ba đáy.

Giống như trên đồ thị hình thanh và hình nến, sự phá vỡ đường xu hướng lên và phá vỡ hướng xuống đường xu hướng động xuất hiện tương đối phổ biến trên đồ thị p&f. Trong hầu hết trường hợp, sự phá vỡ đường xu hướng trên đồ thị p&f, như minh họa trong hình 12.6 và hình 12.7, hoạt động theo cùng nguyên tắc giống như sự phá vỡ đường xu hướng trong các loại đồ thị khác. Chỉ có một

HÌNH 12.5

Điểm phá vỡ hướng xuống mẫu hình ba đáy

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|----------|--|--|--|--|--|
| | X | | X | | | | | | |
| O | X | O | X | O | | | | | |
| O | X | O | X | O | | | | | |
| O | X | O | X | O | | | | | |
| O | X | O | X | O | | | | | |
| O | | O | | O | | | | | |
| | | | | O ← SELL | | | | | |
| | | | | O | | | | | |
| | | | | O | | | | | |
| | | | | O | | | | | |

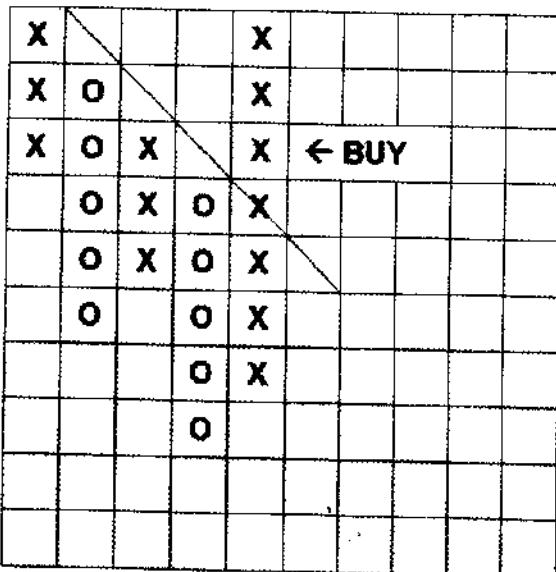
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

điểm khác là đường xu hướng trong đồ thị p&f luôn có góc 45 độ. Đây là điều kiện tiên quyết này tạo nên sự khắt khe khi vẽ đường xu hướng nhưng vì vậy mà sự phá vỡ đường xu hướng được mô tả chính xác hơn.

Giống như các dạng đồ thị khác, một đường xu hướng tăng luôn chạy phia dưới hành động giá đi lên, tạo nên một mức chống đỡ động tăng dần. Tương tự, một đường xu hướng xuống luôn chạy phia trên hành động giá đang giảm, tạo nên một mức kháng cự động giảm dần. Sự phá vỡ lên trên đường xu hướng giảm là tín hiệu đảo chiều xu hướng tiềm năng. Khi xảy ra sự phá vỡ hướng xuống dưới đường chống đỡ xu hướng 45 độ, hoặc xuất hiện sự phá vỡ hướng lên trên đường kháng cự 45 độ, đây là các dấu hiệu tiềm năng cho thấy chuyển động giá ngược xu hướng đang mạnh

HÌNH 12.6

Điểm phá vỡ hướng lên đường kháng cự hướng xuống



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Điểm phá vỡ hướng xuống đường chống đỡ hướng lên

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|--------|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | X | | | | | | |
| | | | X | O | | | | | |
| | X | | X | O | | | | | |
| | X | O | X | O | | | | | |
| | X | O | X | O | | | | | |
| O | X | O | | O | ← SELL | | | | |
| O | X | | | O | | | | | |
| O | | | | O | | | | | |

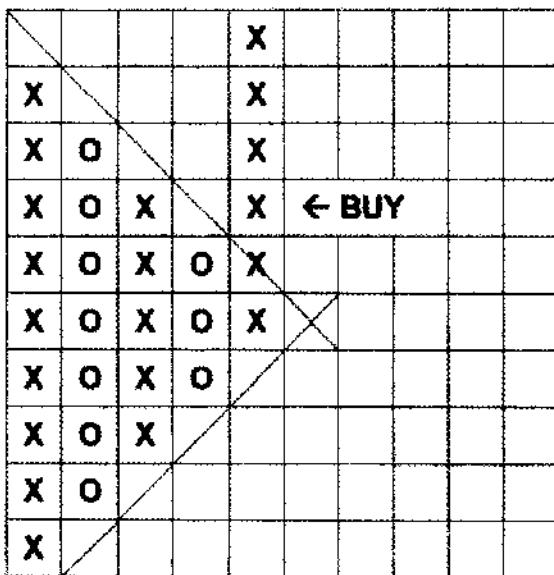
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

lên và tạo ra xung lượng để đảo chiều xu hướng trước đó, vì vậy mang đến cơ hội cho những người thực hiện chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ.

Giống như đường xu hướng trong đồ thị p&f, tam giác đối xứng được đặc trưng bởi góc 45 độ, như minh họa trong hình 12.8 và 12.9. Tam giác hướng lên và tam giác hướng xuống cũng có thể xuất hiện nhưng ít phổ biến hơn. Tam giác đối xứng cũng không phổ biến nhiều trên đồ thị p&f, nhưng một khi xuất hiện, chúng có thể rất hữu ích khi hình thành điểm phá vỡ.

Tương tự cho đường xu hướng tăng và giảm góc 45 độ, sự phá vỡ tam giác gồm hai dạng cơ bản. Sự phá vỡ hướng lên trên một tam giác đối xứng cũng giống như sự phá vỡ hướng lên trên

Điểm phá vỡ hướng lên mẫu hình tam giác đối xứng

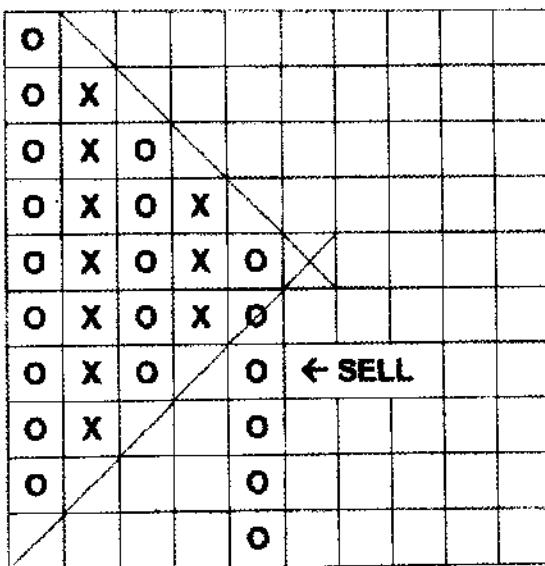


Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

đường xu hướng kháng cự giảm dần góc 45 độ. Tương tự, sự phá vỡ hướng xuống dưới một tam giác đối xứng cũng giống như sự phá vỡ hướng xuống dưới đường xu hướng chống đỡ tăng dần góc 45 độ. Dù cách nào đi chăng nữa, sự phá vỡ đường xu hướng góc 45 độ, hoặc phá vỡ cạnh tam giác được xem là một tín hiệu giao dịch quan trọng.

Các mẫu hình khác của đồ thị p&f cũng có những đặc điểm như những mẫu hình được mô tả ở trên. Mục đích sau cùng của các nhà giao dịch và nhà đầu tư đang quan sát tất cả các mẫu hình này là khai thác sự phá vỡ mức chống đỡ/kháng cự, bắt kể đó là mức chống đỡ/kháng cự tĩnh như mẫu hình hai đỉnh/hai đáy và ba đỉnh/ba đáy, hoặc mức chống đỡ/kháng cự động như đường xu hướng và tam giác.

Điểm phá vỡ hướng xuống mẫu hình tam giác đối xứng



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

MỤC TIÊU GIÁ CỦA ĐỒ THỊ HÌNH VÀ ĐIỂM

Khi tham gia giao dịch theo điểm phá vỡ mẫu hình trong đồ thị p&f là dễ hiểu hơn so với sử dụng đồ thị hình thanh và hình nến, tính mục tiêu giá trên đồ thị p&f có nét độc đáo riêng. Có nhiều phương pháp khác nhau để tính mục tiêu giá khi sử dụng đồ thị p&f. Có lẽ phương pháp phổ biến nhất đối với đồ thị p&f đảo chiều ba điểm là phương pháp đếm dọc. Cách tính mục tiêu giá theo phương pháp đếm dọc rất đơn giản. Để có mục tiêu giá cho tín hiệu mua, nhân số hộp X trong cột có tín hiệu mua xuất hiện với 3. Sau đó, lấy kết quả có được cộng vào mức giá thấp nhất của cột đó. Kết quả tổng là mục tiêu giá cho xu hướng tăng. Tương tự, để có mục tiêu giá cho tín hiệu bán, chia số hộp O trong cột có tín hiệu bán xuất hiện cho 3. (Nhiều nhà giao dịch chia cho 2 thay vì cho 3 trong trường hợp bán khống). Sau đó, lấy kết quả có được trừ cho mức giá cao nhất của cột đó. Mức chênh lệch là mục tiêu giá cho xu hướng xuống.

Đồ thị p&f là một phương pháp tốt, được kiểm nghiệm qua thời gian để giao dịch trên các thị trường tài chính. Hoàn toàn dựa vào khái niệm hành động giá, phương pháp giao dịch sử dụng đồ thị p&f đem đến một phương pháp đơn giản và dễ hiểu khi phân tích bất cứ thị trường nào.

TÓM TẮT

Chương này giới thiệu một dạng đồ thị ít được biết đến hơn, là đồ thị điểm và hình. Mặc dù đồ thị điểm và hình có lượng tín đồ ít hơn nhiều so với đồ thị hình thanh và đồ thị hình nến, nhưng qua chiều dài lịch sử, loại đồ thị này cũng cho thấy đây là một trong những công cụ phân tích kỹ thuật cơ bản và chính thống.

Quan sát và cảm nhận đồ thị điểm và hình là một khởi đầu cơ bản cho những ai thường sử dụng đồ thị hình thanh O-H-L-C và đồ thị hình nến. Rất quan trọng, yếu tố thời gian được loại bỏ hoàn toàn khỏi đồ thị p&f, cũng như loại bỏ cả khối lượng (đối với các thị trường có số liệu về khối lượng). Vì lý do này, nhiều nhà giao dịch xem việc giao dịch sử dụng đồ thị p&f là hoàn toàn dựa trên hành động giá, vì đây là yếu tố duy nhất mà phương pháp này phân tích. Đồ thị p&f chỉ bổ sung thêm một điểm X hay điểm O nếu giá chuyển động đủ lớn để lấp đầy kích cỡ hộp được xác định trước. Bên cạnh kích cỡ hộp, mức độ đảo chiều cũng là một biến số khác cần được điều chỉnh tùy theo từng thị trường và theo mỗi nhà giao dịch/nhà đầu tư. Các biến số này là công cụ nhằm loại bỏ độ nhiễu trên thị trường vốn thường xuất hiện trên đồ thị hình thanh và hình nến.

Nhiều mẫu hình được tìm thấy trên đồ thị p&f có thể giúp xác định những cơ hội giao dịch theo chiến lược thường sử dụng là: sự phá vỡ giá. Việc phá vỡ giá bao gồm sự phá vỡ các mẫu hình hai đỉnh/hai đáy, mẫu hình ba đỉnh/ba đáy, đường xu hướng và mẫu hình tam giác. Đồ thị p&f cũng là một phương pháp độc đáo trong việc xác định các mục tiêu giá.

Chương 13

Khối lượng



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Biết được khối lượng đóng vai trò như thế nào trong việc nghiên cứu hành động giá.
- Vận dụng việc nghiên cứu khối lượng giao dịch đối với từng thị trường tài chính cụ thể, đặc biệt trong thị trường vốn (thị trường chứng khoán).
- Hiểu các điểm cơ bản của chỉ báo cân bằng khối lượng (OBV: on-balance volume).
- Hiểu rõ khối lượng tick có thể là một sự thay thế cho khối lượng giao dịch ở các thị trường không có dữ liệu về khối lượng.

GIỚI THIỆU VỀ KHỐI LƯỢNG

Mặc dù khối lượng là một yếu tố vô cùng quan trọng trong chiến lược và phân tích của nhiều nhà giao dịch, nhưng chỉ đến chương này, nó mới được thảo luận vì trong con mắt của hầu hết các nhà phân tích kỹ thuật, khối lượng có ý nghĩa quan trọng hơn rất nhiều so với giá. Như đã đề cập ở phần trước, hiểu rõ hành động giá là chìa khóa chính để hiểu rõ phần lớn các phương pháp phân tích kỹ thuật. Mặc dù khối lượng thường được xem là chỉ báo sớm (leading indicator), nhưng nhìn chung phần lớn các nhà giao dịch hay nhà đầu tư sử dụng nó như là một chỉ báo xác nhận giá, dẫu rằng khối lượng là một trong những chỉ báo quan trọng nhất. Không những thế, trong một số thị trường, chẳng hạn như thị trường giao dịch ngoại hối và thị trường tương lai, thường không sẵn có dữ liệu về khối lượng. Do đó, khối lượng chủ yếu được sử dụng phổ biến trên thị trường vốn (thị trường chứng khoán).

Trong các thị trường vốn, khối lượng đơn giản là số lượng cổ phần được giao dịch trong một khoảng thời gian xác định. Giống như các chỉ báo xác nhận khác, khối lượng luôn được đặt ngay bên dưới đồ thị giá, minh họa hình ảnh của giá trị số cho mỗi cây thanh hay cây nến trên đồ thị giá. Ví dụ, trên một đồ thị hình thanh theo giờ trong đó mỗi hình thanh tương ứng với hành động giá trong một giờ, khối lượng được thể hiện bên dưới đồ thị giá nhằm minh họa số lượng cổ phiếu hay hợp đồng được giao dịch trong mỗi giờ.

Ý tưởng chính đằng sau khối lượng là nếu như nó xảy ra cùng với một chuyển động giá nhất định hoặc các mẫu hình đồ thị kỹ thuật, nhiều khả năng chuyển động thực tế của giá sẽ giống như kỳ vọng. Ví dụ, trong mẫu hình vai đầu vai định, điều kiện khối lượng lý tưởng là như sau:

- **Vai trái:** Thông thường khối lượng tại đây là cao nhất trong mẫu hình, cao hơn so với khối lượng ở đầu hoặc vai phải. Khối lượng tăng mạnh, đạt đỉnh và sau đó giảm xuống.

- **Đầu:** Mặc dù giá tạo nên đỉnh mới cao hơn tại phần đầu so với đỉnh tại vai trái, nhưng khối lượng ở phần đầu thường nên ít hơn phần vai trái. Giống như vai trái, khối lượng tăng cùng với sự đi lên của giá và sau đó giảm khi giá đi xuống.
- **Vai phải:** giá tại phần vai phải thấp hơn so với phần đầu, và khối lượng tại vai phải nên thấp hơn đáng kể so với cả phần vai trái và phần đầu. Tuy nhiên, giống như phần vai trái và phần đầu, khối lượng tăng khi giá đi lên và khối lượng giảm khi giá đi xuống. Đường viền cổ nên kết thúc tại sự sụt giảm của phần vai phải. Sự phá vỡ hướng xuống đường viền cổ là sự kiện quan trọng nhất trong quá trình hình thành của mẫu hình vai đầu vai, vì nó tạo nên tín hiệu giao dịch và xác nhận sự hoàn tất của mẫu hình. Lý tưởng, khối lượng cao tại mức phá vỡ đường viền cổ.

Mặc dù mẫu hình vai đầu vai được giao dịch chỉ dựa trên hành động giá không cần phải có sự xác nhận của khối lượng, nhưng nếu có thêm dữ liệu khối lượng sẽ làm tăng độ tin cậy và sự xác nhận cho quyết định giao dịch.

Bên cạnh các ví dụ phức tạp hơn, như minh họa với mô hình vai đầu vai, một trong những khái niệm chính đằng sau khối lượng là phải được gắn với xu hướng. Nói rõ hơn, trong một xu hướng lên, khối lượng cần tăng khi thị trường đi theo xu hướng chính và nên giảm khi có điều chỉnh giảm ngược xu hướng chính. Tương tự, phân tích cụ thể hơn, trong một xu hướng giảm, khối lượng nên tăng khi thị trường đi theo xu hướng chính và nên giảm khi có đợt hồi phục ngược xu hướng chính.

Các điều kiện lý tưởng nói trên của khối lượng là hợp lý. Trong một xu hướng tăng, trong đó tâm lý lạc quan đang chi phối thị trường, sẽ có nhiều nhà đầu tư tham gia giao dịch và do đó khối lượng giao dịch tăng khi giá đi lên hơn là giảm khi giá đi xuống.

Trong một xu hướng giảm, trong đó tâm lý bi quan đang chi phối thị trường, sẽ có nhiều nhà đầu tư tham gia giao dịch và do đó khối lượng nên tăng khi giá giảm hơn là khi giá tăng. Nếu các điều kiện lý tưởng của khối lượng không xảy ra, đây được xem là một tín hiệu cảnh báo khả năng đảo chiều sắp diễn ra. Ví dụ, nếu khối lượng giảm khi giá tăng trong một thị trường giá lên, được xem là một dấu hiệu cảnh báo khả năng đảo chiều giảm giá. Cũng tương tự như thế, nếu khối lượng giảm khi giá giảm trong một thị trường giá xuống, đây được xem là tín hiệu cảnh báo khả năng đảo chiều tăng giá. Tương tự, trong một xu hướng giá lên, nếu khối lượng tăng trong giai đoạn điều chỉnh giảm hoặc đi ngang, được xem là một tín hiệu cảnh báo khả năng đảo ngược giảm giá. Còn trong xu hướng giá xuống, nếu khối lượng tăng trong đợt hồi phục hoặc đi ngang, được xem là tín hiệu cảnh báo khả năng đảo ngược tăng giá.

Bên cạnh sử dụng cùng với xu hướng, khối lượng cũng là một chỉ báo xác nhận quan trọng cho chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ tiềm năng. Như trong ví dụ về mẫu hình vai đầu vai vừa trình bày, trong đó khối lượng giao dịch ở mức cao khi đường viền cổ của mẫu hình bị phá vỡ, các dạng phá vỡ thực khác cũng cần đi kèm với khối lượng giao dịch lớn. Sự phá vỡ hướng lên trên mức kháng cự hoặc phá vỡ hướng xuống dưới mức chống đỡ là rất đáng tin cậy và có thể tiến hành giao dịch nếu như sự phá vỡ cho thấy tín hiệu sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia vào thị trường. Khối lượng là chỉ báo có thể thể hiện cho tín hiệu này.

CHỈ BÁO CÂN BẰNG KHỐI LƯỢNG OBV (ON-BALANCE VOLUME)

Bên cạnh chỉ báo khối lượng đơn giản thể hiện số lượng cổ phiếu được giao dịch trong một khoảng thời gian xác định, có chỉ báo khối lượng quan trọng khác cải tiến hơn. Chỉ báo này được gọi là cân

bằng khối lượng, hoặc gọi là OBV (On-balance volume). Được giới thiệu và trở nên nổi tiếng bởi Joseph Granville trong quyển sách của ông vào năm 1963, "Granville's New Key to Stock Market Profits", OBV liên kết khối lượng và giá nhằm tạo nên một bức tranh độc đáo về khả năng xác nhận và cảnh báo sớm của khối lượng. OBV là tổng khối lượng lũy kế và có hình dạng như một đường trung bình giản đơn nằm phía dưới các cây thanh giá, giống như các chỉ báo kỹ thuật hoặc chỉ báo dao động khác. Để tính tổng khối lượng lũy kế, cộng khối lượng trong khoảng thời gian giá tăng và trừ khối lượng trong khoảng thời gian giá giảm. Đường OBV đi lên hay đi xuống tùy thuộc khối lượng được cộng thêm hay trừ ra.

Khái niệm cơ bản đằng sau OBV là dựa trên nguyên lý được đề cập trong phần trước đó của chương, nghĩa là quan sát khối lượng trong xu hướng. Trong một xu hướng tăng, khối lượng nên cao hơn và tăng theo xu hướng đi lên của giá (trong đó giá đóng cửa cao hơn mức giá của khoảng thời gian trước đó). Trong một xu hướng giảm, khối lượng nên cao hơn và tăng theo xu hướng giảm của giá (trong đó giá đóng cửa thấp hơn mức giá của khoảng giá trước đó).

Chỉ báo OBV thường được dùng để nhận diện sự phân kỳ, giống như các tín hiệu phân kỳ giữa giá và dao động được thảo luận trong chương 10. Ví dụ, nếu giá đang ở trong một xu hướng tăng và tạo nên các đỉnh mới cao hơn nhưng OBV lại tạo nên các đỉnh mới thấp hơn, sự phân kỳ này cho thấy có sự thiếu hụt khối lượng trong các đỉnh mới và do đó làm giảm xung lượng đi lên của giá. Đây là chỉ báo sớm khả năng đảo chiều giảm giá. Nếu giá đang ở trong một xu hướng giảm và tạo ra các đáy thấp hơn nhưng OBV lại tạo nên các đỉnh mới cao hơn, sự phân kỳ này cho thấy có sự thiếu hụt khối lượng trong các đáy mới và do đó làm yếu đi xung lượng giảm giá. Đây là một chỉ báo sớm khả năng đảo chiều tăng giá.

KHỐI LƯỢNG TICK (TICK VOLUME)

Như đã nói, một số thị trường không có số liệu khối lượng. Ví dụ, thị trường ngoại hối thông thường không có số liệu về khối lượng vì thiếu trung tâm thanh toán tập trung. Do đó, những nhà giao dịch kỹ thuật trên thị trường ngoại hối chỉ tập trung phân tích hành động giá, cùng với các chỉ báo kỹ thuật và chỉ báo dao động được tính toán từ giá. Tuy nhiên, trong bối cảnh thiếu vắng số liệu khối lượng giao dịch đáng tin cậy, nhiều nhà giao dịch quay trở lại sử dụng khối lượng tick (tick volume) như là một chỉ báo xác nhận. Nhiều phần mềm đồ thị cung cấp dữ liệu này và thể hiện phía bên dưới đồ thị thanh giá giống như chỉ báo khối lượng giao dịch thực. Khối lượng tick đơn giản là số lượng tick, hoặc số lượng thay đổi giá xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định. Ví dụ trên đồ thị giờ, phía dưới mỗi thanh giá của mỗi giờ sẽ thể hiện số lượng tick xuất hiện trong giờ đó. Khối lượng tick chắc chắn không giống như khối lượng giao dịch thực tế nhưng có thể được dùng như một sự thay thế. Đặc biệt trong trường hợp giá bị phá vỡ, chuyển động giá nhanh hơn (được mô tả bằng khối lượng lô cao hơn) có thể được xác nhận quan trọng cho chuyển động này.

Mặc dù giá luôn được xem là khía cạnh quan trọng nhất đối với các nhà phân tích kỹ thuật trong bất kỳ thị trường tài chính nào, nhưng khối lượng là một thành phần rất quan trọng của các quyết định giao dịch thành công. Sự xác nhận, hoặc với khối lượng hoặc với các chỉ báo kỹ thuật khác là một trong những chìa khóa quan trọng để có được lợi nhuận cao khi sử dụng giao dịch kỹ thuật. Chúng ta sẽ hiểu rõ điều này hơn trong chương 14, là chương thảo luận về các chiến lược giao dịch kỹ thuật.

TÓM TẮT

Chương này giới thiệu khái niệm khối lượng giao dịch. Khi thông tin khối lượng sẵn có trên một thị trường tài chính, nó có thể được sử dụng để xác nhận hành động giá. Nói chung, trong điều kiện bình thường, nếu giá di chuyển theo hướng đi của xu hướng chính cần đi kèm với sự tăng lên của khối lượng, ngược lại khi giá di chuyển ngược lại xu hướng chính thì nên có sự sụt giảm trong khối lượng. Nếu điều này không xảy ra, đây là tín hiệu cảnh báo sớm cho thấy xu hướng đang yếu đi hoặc thị trường bắt đầu đảo chiều. Tương tự, những nhà giao dịch kỹ thuật thường muốn nhìn thấy khối lượng giao dịch cao khi xảy ra sự phá vỡ mức chống đỡ hoặc kháng cự để có thể tin rằng đây chính là điểm phá vỡ thật.

Chi báo cân bằng khối lượng là một chi báo về khối lượng được cải tiến so với chi báo khối lượng thông thường nhằm thể hiện sự thay đổi trong tổng khối lượng lũy kế. OBV có hình dạng như là một đường trung bình giản đơn nằm phía dưới đồ thị giá, giống như các chi báo kỹ thuật và chi báo dao động khác. OBV thường được dùng để xác định các tín hiệu phân kỳ.

Đối với các thị trường không có dữ liệu về khối lượng giao dịch như thị trường ngoại hối, khối lượng tick có thể được sử dụng như là một sự thay thế. Khối lượng tick là số lượng lô hoặc chuyển động giá xảy ra trong một khoảng thời gian xác định. Khối lượng tick cao cũng được dùng để xác nhận sự phá vỡ của giá.

Ứng dụng thực tiễn các chiến lược giao dịch kỹ thuật



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Hiểu một số phương pháp và chiến lược thường được những nhà giao dịch kỹ thuật nhiều kinh nghiệm sử dụng.
- Hiểu rõ tính lôgic và lý do phía sau một số chiến lược giao dịch kỹ thuật được sử dụng rộng rãi.
- Ứng dụng và kiểm tra các chiến lược giao dịch sinh lợi cao bằng cách sử dụng một số quy tắc cụ thể.
- Hiểu những điểm khác biệt chính giữa chiến lược giao dịch thủ công và chiến lược giao dịch tự động.

GIỚI THIỆU CÁC CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH KỸ THUẬT

Chương này kết hợp những nội dung của tất cả các chương trước nhằm hướng đến mục đích chính của phân tích kỹ thuật: tạo ra các chiến lược hiệu quả để giao dịch trên thị trường tài chính. Với những nội dung cơ bản của phân tích kỹ thuật được thảo luận trong các chương trước, chúng ta đã có đầy đủ các công cụ nhằm tính toán và xây dựng các chiến lược giao dịch kỹ thuật hiệu quả. Điều cần làm ở đây là liên kết các công cụ này lại với nhau. Chương này chỉ dừng lại ở việc giới thiệu và mô tả một số chiến lược giao dịch kỹ thuật phổ biến. Các chiến lược này được ứng dụng bởi nhiều nhà giao dịch và nhà đầu tư trên toàn thế giới, những người tham gia nhiều thị trường tài chính khác nhau trên toàn cầu.

Bất cứ khi nào thảo luận về các chiến lược giao dịch kỹ thuật, điều cần thiết là hiểu rõ điểm khác biệt cơ bản giữa giao dịch thủ công và giao dịch tự động. Chiến lược giao dịch thủ công thường chứa đựng yếu tố chủ quan trong mỗi nhà giao dịch nên được các nhà giao dịch nhạy bén (human trader) sử dụng. Chiến lược giao dịch tự động là hoàn toàn bằng máy móc và khách quan trong quá trình xử lý đưa ra quyết định nên được giao dịch hoàn toàn bởi các phần mềm máy tính mà không cần đến sự hỗ trợ hay can thiệp của con người. Cả hai chiến lược giao dịch, thủ công và tự động, đều được thảo luận ở đây. Khi xét về sự phù hợp, mục đích là xác định xem liệu chiến lược nào chỉ nên giao dịch thủ công do yếu tố chủ quan hoặc chiến lược nào nên được giao dịch bằng cả thủ công và tự động.

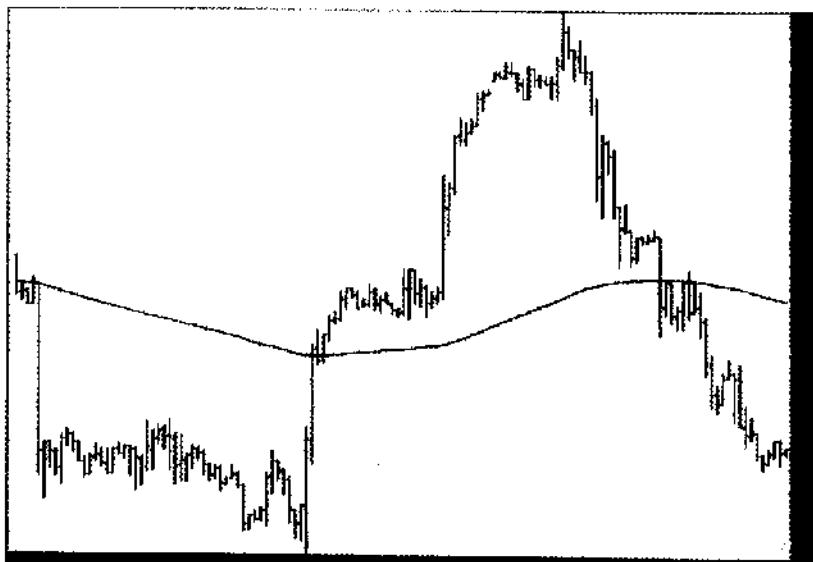
Việc thảo luận sự phát triển của các chiến lược giao dịch được bắt đầu từ những chiến lược đơn giản nhất cho đến các chiến lược đa chiều, phức tạp hơn. Trong phân tích kỹ thuật, có lẽ không có chỉ báo nào đơn giản hơn đường trung bình di động và không có chiến lược nào đơn giản hơn tín hiệu giao cắt của các đường trung bình di động.

SỰ GIAO CẮT GIỮA CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH DI ĐỘNG

Như thảo luận trong chương 9, sự giao cắt giữa các đường trung bình di động có thể gồm nhiều dạng khác nhau. Dạng đơn giản nhất là đường giá giao cắt một đường trung bình di động, như minh họa trong hình 14.1. Điều này liên quan đến giao dịch theo điểm phá vỡ, sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong phần sau của chương. Các nguyên tắc là dễ hiểu và khách quan đủ để trở thành một ứng viên cho giao dịch tự động cũng như giao dịch thủ công. Khi đường giá cắt lên trên đường trung bình di động, đây là tín hiệu mua, hoặc mở vị thế mua. Ngược lại, khi đường giá cắt xuống dưới đường trung bình di động, đây là tín hiệu bán khống. Khoảng thời gian dùng để tính đường trung bình di động cũng như các loại đường trung bình

HÌNH 14.1

Tín hiệu giao cắt giữa giá và một đường trung bình di động



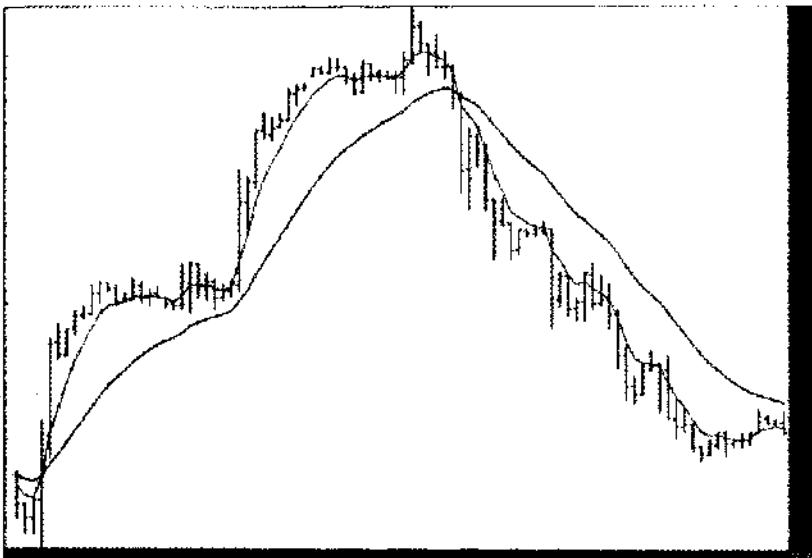
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

di động (giản đơn, mũ, trọng số, hay các loại khác...) rất đa dạng. Nói chung, khi một đường trung bình di động ngắn hạn được sử dụng cho dạng chiến lược này, tín hiệu giao cắt xuất hiện sớm hơn và thường xuyên hơn. Khi một đường trung bình di động dài hạn được sử dụng, tín hiệu giao cắt xuất hiện muộn hơn và ít thường xuyên hơn. Sự khác nhau trong tín hiệu giữa đường trung bình di động ngắn hạn và dài hạn đòi hỏi các nhà giao dịch phải tiến hành nhiều nghiên cứu thực nghiệm nhằm tìm ra khoảng thời gian tối ưu của đường trung bình di động phù hợp đối với từng thị trường và khung thời gian cụ thể.

Dạng giao cắt thứ hai của đường trung bình di động, như minh họa trong hình 14.2, và có lẽ là chiến lược trung bình di động được sử dụng phổ biến nhất, đặc biệt đối với những nhà giao dịch mới vào nghề. Dạng giao cắt này sử dụng hai đường trung bình di động với các khoảng thời gian khác nhau. Nếu đường trung bình di động ngắn hạn cắt lên trên đường trung bình dài hạn, đây được xem là tín hiệu mua. Ngược lại, nếu đường trung bình di động ngắn hạn cắt xuống dưới đường trung bình di động dài hạn, đây được xem là tín hiệu bán.

Chiến lược này được ứng dụng rộng rãi bởi nhiều nhà giao dịch trong tất cả các thị trường tài chính. Chiến lược này cực kỳ hiệu quả để tham gia sớm vào một xu hướng mạnh và kéo dài. Tuy nhiên, trong các thị trường đi ngang không có xu hướng, chiến lược này và cũng là tất cả các chiến lược đường trung bình di động sẽ bộc lộ những hạn chế. Trong một thị trường không có xu hướng, nhiều tín hiệu giao cắt gây thua lỗ của đường trung bình di động sẽ xuất hiện liên tục. Trong trường hợp như vậy, nhiều khoản thua lỗ nhỏ do chuyển động rango của giá có thể làm hao hụt tài khoản giao dịch một cách nhanh chóng.

Tín hiệu giao cắt giữa hai đường trung bình di động



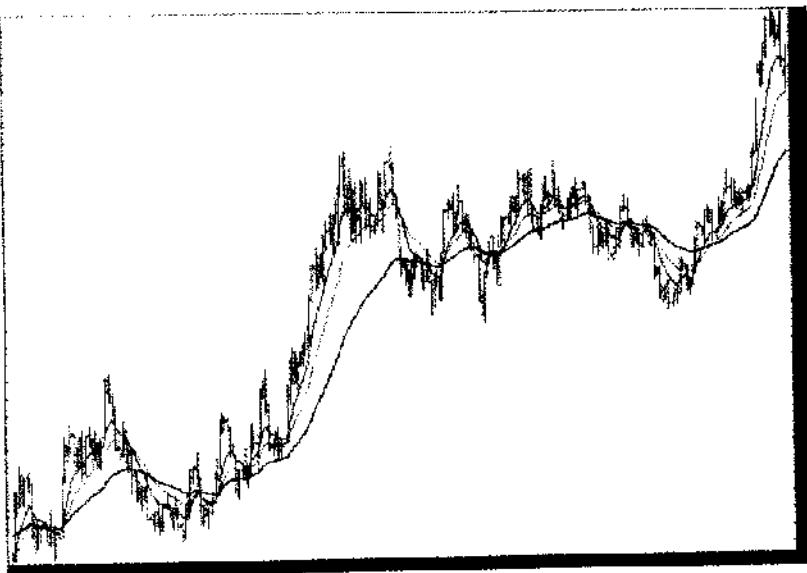
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Vì các điều kiện thị trường nói trên là không thể tránh khỏi nên bắt buộc chúng ta không được bỏ lỡ cơ hội khi có tín hiệu giao cắt đúng. Những khoản lợi nhuận lớn từ tín hiệu giao cắt đúng là cần thiết để bù đắp cho những giao dịch thua lỗ trong thị trường đi ngang. Do đó, những nhà giao dịch sử dụng các chiến lược này nói chung thực hiện tất cả các tín hiệu giao cắt của đường trung bình di động để không bỏ lỡ những cơ hội giao dịch sinh lợi cao.

Dạng tín hiệu giao cắt cơ bản thứ ba của đường trung bình di động, như minh họa trong hình 14.3, liên quan đến việc sử dụng ba đường trung bình di động.

Phương pháp này sử dụng nhiều đường xác nhận nhằm loại bỏ những chuyển động răng cưa của hành động giá có thể gây thua lỗ như nói ở trên, vốn thường xuất hiện khi thị trường chuyển động

Tín hiệu giao cắt giữa ba đường trung bình di động



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

đi ngang, không có xu hướng. Chiến lược sử dụng ba đường trung bình di động khác nhau sẽ tạo ra tín hiệu khi đường trung bình động ngắn nhất cắt lên trên hai đường trung bình di động dài hơn hoặc đường trung bình di động ngắn nhất cắt lên trên đường trung bình di động thứ hai và đường trung bình di động thứ hai sau đó tiếp tục cắt lên trên đường trung bình di động dài nhất.

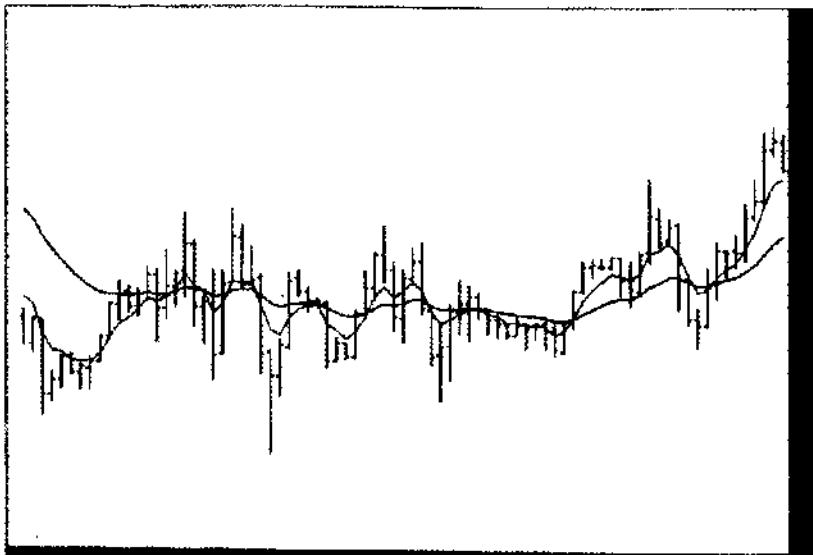
Như đã đề cập ở phần trước, hầu hết các chiến lược sử dụng tín hiệu giao cắt của đường trung bình di động luôn được thực hiện. Điều này có nghĩa rằng sau khi mỗi vị thế được mở do một tín hiệu giao cắt và được đóng lại bởi một tín hiệu giao cắt ngược lại, một vị thế khác, ngược với vị thế ban đầu, cần được mở ngay sau đó. Do đó, luôn có ít nhất một vị thế được mở, hoặc vị thế mua hoặc vị thế bán khống, tùy thuộc vào tín hiệu giao cắt hiện tại.

Cũng như đã đề cập trong phần trước, mỗi nhà giao dịch nên nhận thức rằng mặc dù các tín hiệu giao cắt có thể đem lại những khoản lợi nhuận bất thường, nhưng cũng cần phải chuẩn bị cho nhiều khoản thua lỗ nhỏ được gây ra bởi các chuyển động răng cưa trong hành động giá. Chuyển động dạng răng cưa có thể xuất hiện bất kể các nhà giao dịch sử dụng bao nhiêu đường trung bình di động và có bao nhiêu tín hiệu giao cắt xác nhận trong bất cứ chiến lược giao dịch nào. Các chuyển động răng cưa thường xảy ra nhiều nhất khi các tín hiệu giao cắt xuất hiện liên tục do thị trường chuyển động đi ngang, không có xu hướng như minh họa trong hình 14.4.

Các chuyển động lên xuống thất thường của giá luôn tạo nên nhiều tín hiệu giao cắt giả, và do đó gây ra một loạt các khoản thua

HÌNH 14.4

Chuyển động răng của tín hiệu giao cắt



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

lỗ nhỏ. Chuyển động răng cưa là một thực tế không thể tránh khỏi khi giao dịch với đường trung bình di động.

Khái niệm đằng sau các phương pháp giao dịch thành công dựa trên đường trung bình di động, như đề cập trước đó, là tập trung vào mục tiêu đạt được các khoản lợi nhuận cao trong giai đoạn thị trường có xu hướng mà chỉ tạo ra một số tín hiệu giao cắt và các tín hiệu này nằm cách xa nhau nhằm bù đắp các khoản thua lỗ nhỏ, không thể tránh khỏi khi thị trường chuyển động đi ngang dẫn đến nhiều tín hiệu giao cắt sai. Thách thức lớn nhất đối với dạng giao dịch này là khả năng các nhà kinh doanh tiếp tục sinh lợi trong các giao dịch thành công và nhanh chóng cắt lỗ các giao dịch thua lỗ. Chỉ có như vậy, một nhà giao dịch sử dụng đường trung bình di động mới có đủ lợi nhuận trong giai đoạn thị trường có xu hướng để bù đắp cho nhiều khoản lỗ khi giá chuyển động đi ngang hoặc thậm chí là chuyển động ngược lại với vị thế được mở.

Đóng vị thế giao dịch theo phương pháp đường trung bình di động đơn giản là bằng cách chờ đợi tín hiệu giao cắt ngược lại với tín hiệu lúc mở vị thế. Tương tự như vậy, mở vị thế giao dịch dựa trên tín hiệu giao cắt giữa hai đường trung bình di động đơn giản là chờ đợi cho đến khi tín hiệu giao cắt xuất hiện và sau đó thực hiện giao dịch thích hợp. Tuy nhiên, nhiều nhà giao dịch còn sử dụng thêm cả công cụ lọc tham gia giao dịch. Mục đích của công cụ lọc tham gia giao dịch là tìm kiếm sự xác nhận bổ sung tính chính xác của tín hiệu giao cắt. Một ví dụ về công cụ lọc tham gia giao dịch là đợi cho đến khi thị trường có một khoảng cách giá tối thiểu theo hướng dự định giao dịch sau khi tín hiệu giao cắt xuất hiện. Điều này tạo nên một số tín hiệu xác nhận xung lượng thực sự tồn tại theo hướng dự định giao dịch. Một ví dụ khác của công cụ lọc là chờ đợi cho đến khi các chỉ báo kỹ thuật hay chỉ báo dao động khác cho tín hiệu theo hướng dự định giao dịch sau khi tín hiệu giao cắt xuất hiện. Một lần nữa, điều này tạo nên một số tín hiệu xác nhận xung lượng thực sự tồn tại theo hướng dự định giao dịch.

Bên cạnh tín hiệu giao cắt theo đường trung bình di động, một chiến lược ứng dụng tín hiệu giao cắt phổ biến khác là sử dụng các thành phần của chỉ báo ADX (average directional index), được phát triển bởi J.Welles Wilder, như đề cập trong chương 10. Bản thân ADX là một chỉ báo đo lường sức mạnh xu hướng. Các thành phần của chỉ báo ADX bao gồm chỉ báo định hướng dương (DI+) và chỉ báo định hướng âm (DI-), đây là các chỉ báo định hướng mà khi kết hợp lại với nhau sẽ đo lường sức mạnh xu hướng trong hình dạng của ADX. Khi quan sát trên đồ thị, khi nhìn thấy một cách rõ ràng đường DI+ cắt lên trên đường DI- được xem là một tín hiệu mua, ngược lại, khi đường DI- cắt lên trên đường DI+ được xem là một tín hiệu bán. Tuy nhiên, giống như đường trung bình di động, lưu ý quan trọng khi sử dụng đường DI+ và DI- trong chiến lược giao cắt là các chuyển động rãnh cưa không sinh lợi (nghĩa là khi các tín hiệu giao cắt xuất hiện liên tục do thị trường chuyển động đi ngang) có thể xuất hiện thường xuyên trong tất cả các thị trường tài chính.

Sự hội tụ

"Sự hội tụ" là Khái niệm vô cùng quan trọng trong thực tế giao dịch kỹ thuật vì mỗi nhà giao dịch khác nhau có những quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, ý tưởng cơ bản là nếu có nhiều sự xác nhận kỹ thuật sẽ tạo nên một giao dịch hợp lý hơn và do đó khả năng sinh lợi cũng cao hơn. Sự hội tụ đơn giản là có nhiều hơn một chỉ báo làm nền tảng cho bất cứ hành động giao dịch nào. Điều này nghĩa là có sự kết hợp của hai hay nhiều yếu tố kỹ thuật chỉ ra cùng một hướng. Các yếu tố kỹ thuật bao gồm các mức chống đỡ/kháng cự, đường xu hướng, các mức Fibonacci, các điểm pivot, các mẫu hình hình thanh phương Tây, các mẫu hình hình nến Nhật Bản, các đường trung bình di động và các dải băng do độ biến động.

Cần lưu ý rằng tìm kiếm sự hội tụ cho mỗi giao dịch không có nghĩa là rơi vào trạng thái cầu toàn trong phân tích, giống như việc chờ đợi tất cả các ngôi sao trên trời xếp thành hàng mới tiến hành giao dịch. Sự cầu toàn trong phân tích là vấn đề gây cản trở cho các nhà giao dịch để đưa ra những quyết định giao dịch thành công. Hơn thế nữa, tìm kiếm sự hội tụ đơn giản là nghệ thuật tìm kiếm một số tín hiệu xác nhận bổ sung, đáng tin cậy nhằm đưa ra một quyết định giao dịch hợp lý. Đây là yếu tố quan trọng của các phân tích và giao dịch kỹ thuật sinh lợi cao.

Kiên nhẫn là yếu tố vô cùng quan trọng khi giao dịch bằng phương pháp hội tụ. Điều này là do giao dịch chỉ theo một công cụ kỹ thuật sẽ khó thành công hơn so với có được sự hội tụ của nhiều công cụ kỹ thuật. Tuy nhiên, nếu một người đã kiên nhẫn chờ đợi sự hội tụ trước khi tiến hành giao dịch thì cũng phải biết cách gia tăng vị thế giao dịch mới có được thành công. Kiên nhẫn là yếu tố quan trọng khi chờ đợi sự hội tụ cũng là do tín hiệu xác nhận không phải lúc nào cũng xảy ra đồng thời. Hơn thế, sự hội tụ có thể hình thành liên tiếp. Ví dụ, khi có sự hội tụ cho điểm phá vỡ hướng lên trong đó giá phá vỡ hướng lên trên một mức kháng cự, tín hiệu xác nhận điểm phá vỡ hướng lên một đường xu hướng kháng cự hướng xuống có thể xuất hiện chỉ một vài hình thanh sau đó. Nhưng điểm phá vỡ này vẫn có thể được xem là giao dịch theo phương pháp hội tụ, mặc dù tín hiệu xác nhận điểm phá vỡ xuất hiện sau điểm phá vỡ đầu tiên thay vì diễn ra đồng thời.

Một số ví dụ thường gặp của giao dịch theo phương pháp hội tụ các yếu tố kỹ thuật được trình bày trong phần kế tiếp.

- Bật lên từ một mức chống đỡ nằm ngang đồng thời là của một đường chống đỡ hướng lên.
- Bật lên từ tỷ lệ Fibonacci 38,2% đồng thời là điểm pivot S1 và một mức chống đỡ nằm ngang.
- Bật xuống từ tỷ lệ Fibonacci 61,8% dài hạn đồng thời là tỷ lệ Fibonacci 38,2% ngắn hạn.

- Bật xuống từ một đường kháng cự hướng xuống đồng thời phá vỡ một mức kháng cự nằm ngang và điểm pivot R2.
- Phá vỡ hướng xuống dưới mức chống đỡ quan trọng nằm ngang đồng thời là đường viền cổ của mẫu hình vai đầu vai.
- Bật lên từ một đường trung bình di động quan trọng đồng thời là của một đường chống đỡ hướng lên.
- Phá vỡ hướng lên một mẫu hình cờ đuôi nheo đồng thời là một mức kháng cự mạnh.
- Bật lên từ một đáy mới bởi một mẫu hình nến cây búa đồng thời đáy cũng là mức chống đỡ mạnh trong quá khứ.
- Bật lên từ đường dưới của dải băng Bollinger và dải băng phía trên của độ lệch chuẩn đồng thời là mức chống đỡ hoặc kháng cự mạnh nằm ngang trong giai đoạn thị trường chuyển động đi ngang.
- Bật lên từ một mức chống đỡ đồng thời đường RSI năm phía trên vùng bán quá mức.

Trên đây chỉ là một số ít ví dụ trong vô số sự kết hợp giữa các yếu tố hội tụ được tìm thấy ở bất kỳ biểu đồ thị trường tài chính nào. Nói chung, sự hội tụ là một yếu tố đóng góp cực kỳ quan trọng nhằm đạt được giao dịch kỹ thuật sinh lợi cao.

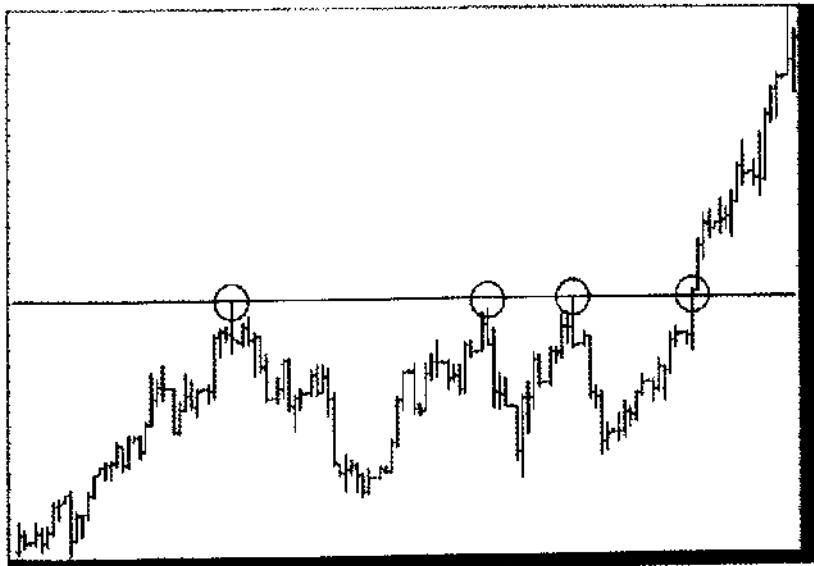
GIAO DỊCH THEO ĐIỂM PHÁ VỠ

Bên cạnh vô số biến thể tín hiệu giao cắt của đường trung bình di động và các chiến lược giao cắt khác, một dạng chiến lược khác được ứng dụng rộng rãi bởi cả những nhà giao dịch mới vào nghề cũng như những nhà giao dịch nhiều kinh nghiệm, là giao dịch theo điểm phá vỡ. Toàn bộ khái niệm đằng sau chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ là giá vượt qua các mức chống đỡ và kháng cự. Khái niệm chính về mức chống đỡ và kháng cự là trọng tâm của toàn bộ lĩnh vực phân tích kỹ thuật đã trình bày trong chương 6.

Lý thuyết đằng sau giao dịch theo điểm phá vỡ là, trong điều kiện bình thường, các mức chống đỡ và kháng cự không nên bị phá vỡ. Đây là quy tắc tâm lý của thị trường tài chính. Nếu tồn tại một chất xúc tác đủ mạnh để phá vỡ một mức chống đỡ hay kháng cự bằng bất cứ cách nào, thì về góc độ lý thuyết, chất xúc tác này phải đủ mạnh để đẩy giá đi xa hơn theo hướng phá vỡ, do đó mang lại lợi nhuận cho những nhà giao dịch tham gia giao dịch theo điểm phá vỡ. Tất nhiên, tình huống tốt đẹp này không phải lúc nào cũng xảy ra. Thực tế, có rất nhiều điểm phá vỡ giả, nghĩa là giá phá vỡ một mức chống đỡ hay kháng cự, sau đó quay trở lại xung quanh các mức này và di chuyển theo hướng ngược lại, do đó bẫy tất cả những người vội vàng nhảy vào tìm kiếm cơ hội, đã từng đánh bại nhiều nhà giao dịch sử dụng chiến lược điểm phá vỡ ngay từ những ngày đầu xuất hiện phương pháp giao dịch kỹ thuật.

HÌNH 14.5

Điểm phá vỡ hướng lên mức kháng cự tĩnh



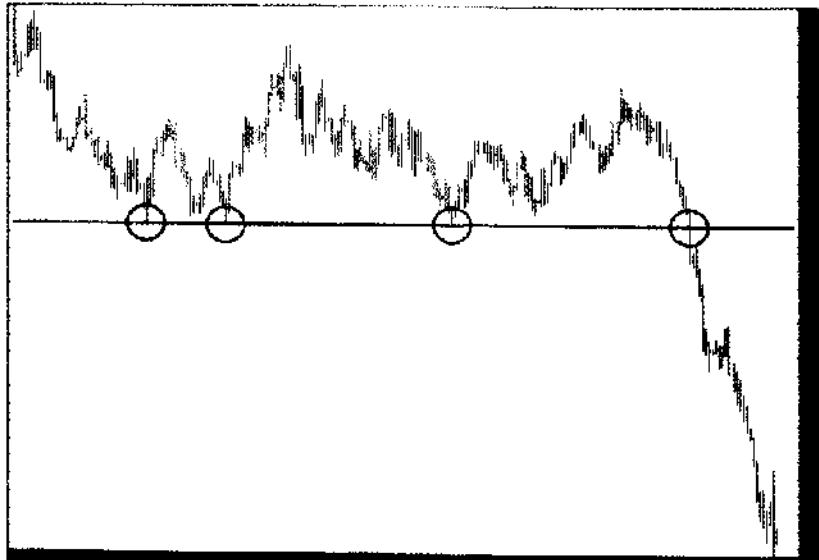
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Bất kể sự tồn tại của điểm phá vỡ già, tính lôgic đằng sau giao dịch theo điểm phá vỡ là hợp lý. Khi quản trị rủi ro được thực hiện tốt, đây là một chiến lược mang lại mức sinh lợi cao khi giao dịch trên thị trường tài chính.

Khi thảo luận về các chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ, cần thiết phải nhớ rằng có hai dạng cơ bản của mức chống đỡ và kháng cự là: tĩnh và động. Mức chống đỡ và kháng cự tĩnh là dạng đường thẳng nằm ngang, trong đó giá không thay đổi theo thời gian. Mức chống đỡ và kháng cự tĩnh có thể hình thành từ các lần giá quay đầu hoặc đảo chiều trong quá khứ. Mức chống đỡ và kháng cự động là các dạng đường xu hướng tam giác, nghĩa là trong đó đường xu hướng lên tạo nên mức chống đỡ khiến giá tăng cao hơn theo thời gian trong khi đường xu hướng xuống tạo nên mức kháng cự khiến giá giảm dần theo thời gian. Cơ hội giao

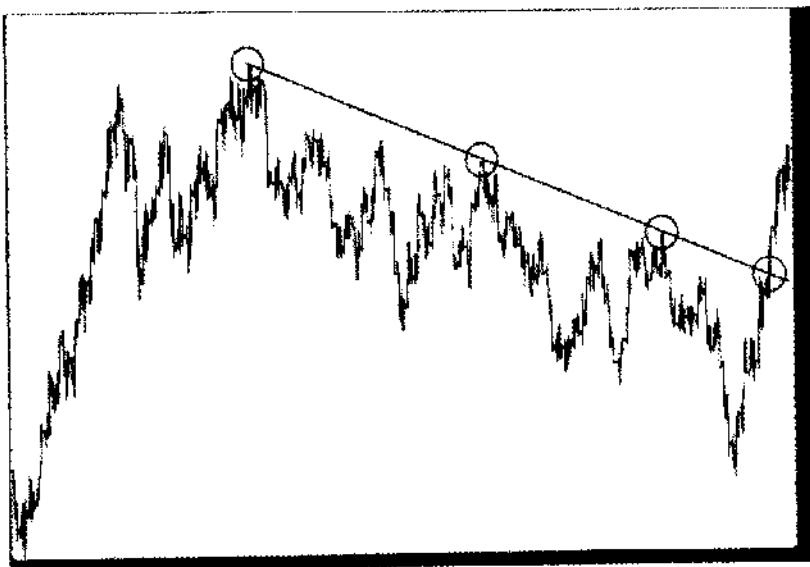
HÌNH 14.6

Điểm phá vỡ hướng xuống mức chống đỡ tĩnh



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Điểm phá vỡ hướng lên mức kháng cự động



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

dịch theo điểm phá vỡ có thể được tìm thấy khi giá phá vỡ bất kỳ dạng chống đỡ hoặc kháng cự nào.

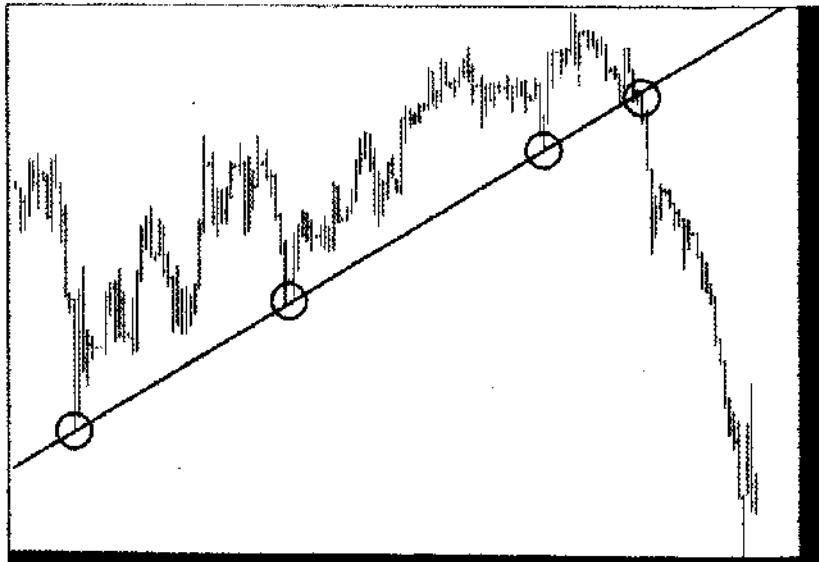
Ví dụ, như minh họa trong hình 14.5, nếu có một mức giá nhất định trong xu hướng lên mà tại đó giá nhiều lần đảo chiều đi xuống trong quá khứ, mức giá này có thể được xem như là mức kháng cự. Nếu như giá tiếp cận mức kháng cự một lần nữa, thị trường sẽ kỳ vọng giá sẽ tiếp tục giảm trở lại vì những người tham gia thị trường cho rằng mức giá này là cao tương đối, do đó áp lực bán lớn hơn áp lực mua quanh mức giá này. Tuy nhiên, nếu tồn tại một chất xúc tác đủ mạnh trên thị trường để đẩy giá vượt lên trên mức kháng cự này, xung lực theo hướng phá vỡ có thể đủ mạnh để đẩy giá đi xa hơn nữa từ mức kháng cự. Mức tăng giá sau đó tạo nên những khoản lợi nhuận lớn cho những nhà giao dịch theo điểm phá vỡ.

Hình 14.6 cho thấy nguyên lý tương tự như là đối với xu hướng xuống. Điểm phá vỡ hướng xuống phía dưới một mức chống đỡ đã hình thành trước đó có thể là lý do để tiến hành bán khống. Khi điều này xảy ra, kỳ vọng giá sẽ tiếp tục đi xuống sau khi phá vỡ, tạo nên sự sụt giảm mà những nhà giao dịch theo điểm phá vỡ tìm kiếm.

Điểm phá vỡ hướng lên phía trên mức kháng cự động, như minh họa trong hình 14.7, xảy ra khi một đường kháng cự hướng xuống bị phá vỡ về phía trên. Điểm phá vỡ hướng lên này là một chỉ báo khả năng đảo chiều xu hướng, nghĩa là xu hướng giảm hiện tại có thể chuyển sang xu hướng tăng. Khi các đường kháng cự hướng xuống bị phá vỡ, hàm ý rằng có một số chất xúc tác đủ mạnh để ngăn chặn đà giảm, và sau đó đẩy thị trường tăng giá.

HÌNH 14.8

Điểm phá vỡ hướng xuống mức chống đỡ động



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Tương tự, như minh họa trong hình 14.8, điểm phá vỡ hướng xuống phía dưới mức chống đỡ động xảy ra khi giá phá vỡ hướng xuống dưới một đường chống đỡ hướng lên. Điểm phá vỡ hướng lên này là một chỉ báo khả năng đảo chiều xu hướng, nghĩa là xu hướng tăng hiện tại chuyển thành một xu hướng giảm. Khi một đường chống đỡ hướng lên bị phá vỡ, hàm ý rằng có một số chất xúc tác đủ mạnh ngăn chặn đà tăng và sau đó đẩy thị trường đi xuống.

Bên cạnh điểm phá vỡ hướng xuống đối với một đường chống đỡ hướng lên và điểm phá vỡ hướng lên đối với đường kháng cự hướng xuống, một dạng phá vỡ động hướng lên khác là điểm phá vỡ hướng lên trong các mẫu hình đồ thị. Hầu hết điểm phá vỡ hướng lên của mẫu hình đồ thị được xem là điểm phá vỡ hướng lên của độ biến động, trong đó vùng cung cổ của độ biến động thấp trong các mẫu hình đồ thị bị phá vỡ hướng lên để chuyển sang độ biến động cao hơn và xung lượng lớn hơn. Các mẫu hình đồ thị phương Tây cơ bản và phổ biến nhất đã trình bày trong chương 8. Phần lớn các mẫu hình đồ thị phương Tây là những mức chống đỡ và kháng cự động nên cần phải có điểm phá vỡ trước khi tiến hành giao dịch. Ví dụ, mẫu hình tam giác đòi hỏi phải có điểm phá vỡ hướng lên hoặc hướng xuống trước khi tiến hành mua hoặc bán khống. Tương tự, các mẫu hình cờ, mẫu hình cờ đuôi nheo, mẫu hình cái nêm và mẫu hình hình chữ nhật, giá cần phải phá vỡ mẫu hình trước khi đưa ra bất kỳ hành động giao dịch nào. Đối với các mẫu hình đảo chiều, yêu cầu cũng tương tự. Ví dụ, giá phải phá vỡ hướng xuống phía dưới đáy của mẫu hình đảo chiều hai đỉnh trước khi thực hiện bán khống. Cũng giống như vậy, giá phải phá vỡ hướng xuống phía dưới đường viền cổ của mẫu hình đảo chiều vai đầu vai trước khi tiến hành bán khống. Các mẫu hình đồ thị phương Tây thường xuất hiện điểm phá vỡ động trên tất cả các thị trường tài chính.

Đối với nhiều nhà giao dịch, chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ hướng lên là tốt hơn so với các phương pháp giao dịch khác, vì điểm phá vỡ hướng lên với xung lượng mạnh có thể mang lại tỷ suất lợi nhuận cao nhưng chỉ chấp nhận một mức rủi ro thấp. Chính vì lý do này, nhiều nhà giao dịch ưa thích chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ hướng lên. Mặc dù giao dịch theo điểm phá vỡ hướng lên đúng là phương pháp giao dịch kỹ thuật mang lại suất sinh lợi cao, nhưng vì sự tồn tại của điểm phá vỡ giả như nói ở trên, nên cần phải đặc biệt quan tâm đến quản trị rủi ro khi tiến hành giao dịch theo điểm phá vỡ.

Việc quản trị rủi ro, trước tiên và trên hết, là phải có chiến lược dừng lỗ phù hợp. Mặc dù chủ đề quản trị rủi ro sẽ được thảo luận chi tiết ở chương 15, nhưng một chiến lược dừng lỗ đơn giản cho giao

HÌNH 14.9

Quản trị rủi ro khi giao dịch theo điểm phá vỡ



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

dịch theo điểm phá vỡ nên được trình bày ở đây. Mục đích của bất cứ chiến lược dừng lỗ theo phân tích kỹ thuật là đặt tại mức giá mà tại đó lý do tham gia giao dịch ban đầu bị thị trường chứng minh là sai. Trong trường hợp này, giao dịch sai cần phải nhanh chóng được đóng lại bằng một lệnh dừng lỗ. Điều này giúp bảo toàn nguồn vốn nếu thị trường di chuyển ngược lại với vị thế được mở.

Khi giao dịch theo điểm phá vỡ hướng lên, thị trường chứng minh lý do tham gia giao dịch ban đầu là sai khi giá thất bại đi theo hướng phá vỡ, thay vào đó, quay trở lại mức giá trước khi điểm phá vỡ giá xuất hiện. Nhưng chính xác là tại mức giá nào? Về mặt lý thuyết, lý do để tham gia chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ hướng lên được chứng minh là sai ngay khi giá quay trở lại tại bất cứ điểm nào trước khi xuất hiện điểm phá vỡ hướng lên. Do đó, như ví dụ trong hình 14.9, nếu giá phá vỡ hướng lên phía trên đường kháng cự và sau đó giật lùi trở lại phía dưới đường kháng cự, vị thế giao dịch được mở ngay lập tức bị sai. Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn có nhiều trường hợp hành động giá biến động bấp bênh lên trên và xuống dưới một điểm phá vỡ hướng lên quan trọng trước khi tiếp tục đi theo hướng phá vỡ. Do vậy, một chiến lược dừng lỗ cần phải có không gian đủ rộng, nghĩa là vẫn nằm phía dưới bất cứ lần điều chỉnh giảm nhỏ trong điểm phá vỡ hướng lên và vẫn nằm phía trên bất cứ lần hồi phục nhỏ nào trong điểm phá vỡ hướng xuống. Chiến lược này do đó tạo nên một lệnh dừng lỗ hợp lý theo biến động thị trường nhưng vẫn đủ không gian để một lệnh giao dịch được thực hiện.

Giống như chiến lược giao dịch theo tín hiệu giao cắt của đường trung bình di động được thảo luận trong phần trước của chương, những nhà giao dịch theo điểm phá vỡ hướng lên cũng sử dụng công cụ lọc tham gia giao dịch nhằm xác nhận các cơ hội giao dịch thực sự. Giống như việc chờ đợi khoảng cách giá tối thiểu sau khi có tín hiệu giao cắt của các đường trung bình di động trước khi tiến

hành giao dịch, những nhà giao dịch theo điểm phá vỡ hướng lên cũng nên chờ một khoảng cách tối thiểu phía trên điểm phá vỡ trước khi thực hiện giao dịch. Nếu giá có một mức khoảng cách tối thiểu phía trên điểm phá vỡ, hàm ý rằng tồn tại một xung lượng mạnh theo hướng phá vỡ.

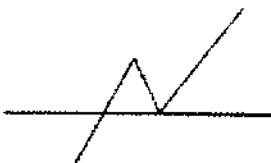
Bất cứ công cụ lọc cho điểm phá vỡ xuất hiện sau khi hình thanh hoặc hình nến phá vỡ mức chống đỡ và kháng cự đóng cửa. Một khi điểm phá vỡ hướng lên xuất hiện, nhà giao dịch sẽ chờ đợi hình thanh phá vỡ đóng cửa. Nếu giá đóng cửa của hình thanh phá vỡ không nằm phía trên điểm phá vỡ, đây không được xem là điểm phá vỡ hướng lên thật. Nếu giá đóng cửa nằm phía trên điểm phá vỡ hướng lên, nhà giao dịch sẽ chờ đợi hình thanh kế tiếp vượt qua đỉnh của hình thanh phá vỡ (theo hướng phá vỡ) trước khi tiến

HÌNH 14.10

Hiện tượng kéo ngược và giật lùi

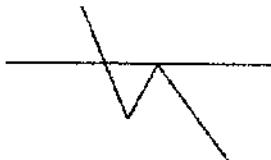
Hiện tượng giật lùi

Điểm phá vỡ
hướng lên



Hiện tượng kéo ngược

Điểm phá vỡ
hướng xuống



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

hành giao dịch. Nếu hình thanh kế tiếp không vượt qua đỉnh của hình thanh phá vỡ hướng lên, nhà giao dịch phải tiếp tục chờ đợi đến khi các hình thanh kế tiếp hoàn thành điều kiện này. Giống như công cụ lọc khoảng cách giá tối thiểu, công cụ lọc này cũng giúp tránh được các điểm phá vỡ hướng lên già.

Một công cụ lọc khác rất xuất sắc khi sử dụng làm tín hiệu tham gia giao dịch lần thứ hai trong giao dịch theo điểm phá vỡ, là hiện tượng giật lùi/kéo ngược. Giật lùi và kéo ngược, như minh họa trong hình 14.10, xuất hiện khi xung lượng của điểm phá vỡ hướng lên bị suy yếu trong một thời gian ngắn sau khi phá vỡ, nên giá thường chuyển động quay trở lại kiểm tra lại điểm phá vỡ hướng lên. Để hiểu sự khác biệt giữa hai khái niệm này, hiện tượng giật lùi đơn giản là quay trở lại hoặc kiểm tra lại điểm phá vỡ sau khi xuất hiện điểm phá vỡ hướng lên. Ngược lại, hiện tượng kéo ngược là quay trở lại hoặc kiểm tra lại điểm phá vỡ sau khi xuất hiện điểm phá vỡ hướng xuống. Trong bất cứ hướng nào, nếu điểm phá vỡ là thật (nghĩa là tạo ra xung lượng có hướng thật sự), giá sẽ chạm vào và bật khỏi điểm phá vỡ, sau đó đảo chiều. Đối với một điểm phá vỡ thật, giá sau đó nên tiếp tục đi theo hướng phá vỡ như thể hiện tượng giật lùi và kéo ngược chưa bao giờ xuất hiện. Một số nhà giao dịch theo điểm phá vỡ sẽ chờ đợi hiện tượng giật lùi/kéo ngược trước khi tiến hành giao dịch theo điểm phá vỡ. Một số nhà giao dịch khác sẽ sử dụng hiện tượng giật lùi/ kéo ngược như là tín hiệu tham gia giao dịch lần thứ hai nếu bỏ lỡ tín hiệu giao dịch đầu tiên. Trong cả hai trường hợp, mức giá tham gia giao dịch là tại đó giá vượt qua đỉnh của cây nến phá vỡ đối với điểm phá vỡ hướng lên hoặc giá thấp hơn đáy của cây nến phá vỡ đối với điểm phá vỡ hướng xuống.

Nói chung, giao dịch theo điểm phá vỡ là một phương pháp rất hữu dụng để phân tích và giao dịch trên bất kỳ thị trường tài chính nào, vì điểm phá vỡ các mức chống đỡ/kháng cự, cả tĩnh và động,

đều rất phổ biến trong tất cả thị trường. Tuy nhiên, cần thực hiện tốt quản trị rủi ro để hạn chế thua lỗ do các điểm phá vỡ già.

Nên sử dụng các lệnh dừng lỗ phù hợp nhằm thoát khỏi một vị thế giao dịch theo điểm phá vỡ và tối thiểu hóa thua lỗ khi thị trường chuyển động trái với kỳ vọng như thảo luận trong phần trước của chương. Để chốt lãi hợp lý, một phương pháp phổ biến khác tốt hơn so với mức chống đỡ/kháng cự, kể cả tĩnh và động, là các vùng lợi nhuận mục tiêu. Ví dụ khi giá phá vỡ hướng lên phía trên một mức kháng cự, một mức kháng cự khác phía trên có thể được sử dụng làm mục tiêu giá nhằm chốt lãi toàn bộ hoặc một phần giao dịch. Một chiến lược chốt lãi khác là sử dụng phương pháp lệnh dừng lỗ động (trailing stop-loss). Phương pháp này sẽ được thảo luận trong chương 15, khi bàn về vấn đề quản trị rủi ro.

Bên cạnh các đường thẳng nằm ngang tĩnh, đường xu hướng động và các mẫu hình đồ thị phương Tây, các công cụ kỹ thuật khác cũng có thể tạo ra các cơ hội giao dịch theo điểm phá vỡ. Những công cụ này bao gồm đường trung bình di động (chẳng hạn như giá giao cắt với một đường trung bình di động), các dải băng đo độ biến động (ví dụ như dải băng Bollinger), các điểm pivots, các Tỷ lệ Fibonacci thoái lui và nhiều công cụ khác.

Một dạng phá vỡ phổ biến khác là sử dụng dải băng Bollinger như giới thiệu ở chương 10. Phương pháp này gọi là giao dịch theo điểm phá vỡ độ biến động nhằm khai thác cơ hội trong giai đoạn thị trường tài chính biến động mạnh sau một thời gian biến động hẹp. Độ biến động thấp trong dải băng Bollinger được thể hiện bởi sự thắt chặt hay thu hẹp của các dải băng. Đây được gọi là hiện tượng co thắt (squeeze). Điều được dự báo sau giai đoạn thị trường biến động hẹp là một sự thay đổi nhanh, bất ngờ trong độ biến động của thị trường. Do đó, các nhà giao dịch có thể tận dụng các cơ hội bùng nổ trong độ biến động bằng cách nhảy vào tham gia giao dịch một khi giá thoát khỏi sự co thắt của dải băng Bollinger.

Trong giao dịch tự động, một số loại chiến lược giao dịch theo điểm điểm phá vỡ có thể được tự động hóa bằng máy tính. Ví dụ, một chiến lược mua được tự động hóa bằng cách lập trình mua nếu đỉnh cao nhất của 20 ngày bị phá vỡ hướng lên hoặc lập trình bán nếu đáy thấp nhất 20 ngày bị phá vỡ hướng xuống. Tuy nhiên, đối với nhiều dạng giao dịch theo điểm phá vỡ, có nhiều yếu tố chủ quan nên rất khó thực hiện tự động hóa. Ví dụ, phân tích đường xu hướng vốn dĩ mang tính chủ quan cao nên gấp nhiều khó khăn khi tự động hóa. Nhiều ứng dụng giao dịch theo điểm phá vỡ đòi hỏi sự phân tích và linh hoạt của một nhà giao dịch có kinh nghiệm.

Trường phái giao dịch theo kiểu “Con rùa”

Vào đầu những năm 1980, Richard Dennis – một nhà giao dịch hàng hóa nổi tiếng, đã tập hợp một nhóm các nhà giao dịch cá nhân và đào tạo họ để giao dịch hàng hóa theo phương pháp theo sau xu hướng của riêng ông. Điều này xuất phát từ việc Dennis muốn chứng minh cho bạn của ông, một nhà giao dịch hàng hóa khác tên là William Eckhardt, rằng những nhà giao dịch giỏi phải được đào tạo chứ không tự nhiên sinh ra. Các nhà giao dịch cá nhân tham gia tuyển chọn cho cuộc thử nghiệm này bị cuốn hút bởi những quảng cáo của các tạp chí lớn. Những người cuối cùng được lựa chọn thông qua các buổi phỏng vấn với Dennis, và họ sẽ được gọi là những Con rùa. Ý tưởng của cái tên xuất phát từ lý do Dennis vừa mới trở về từ Singapore và ông muốn huấn luyện những nhà giao dịch giống như huấn luyện những con rùa.

Các quy tắc giao dịch theo sau xu hướng mà Dennis đã dạy những Con rùa hiện nay được biết đến rộng rãi. Quay trở lại những năm 1980, các quy tắc này đã giúp nhóm Con rùa kiếm hơn 100 triệu đô la lợi nhuận. Các quy tắc giao dịch này gần như dựa hoàn toàn vào phương pháp phá vỡ kênh Richard Donchian, rất đơn giản và dễ ứng dụng. Một trong những điểm khác biệt chính giữa những Con rùa thành công và không thành công là

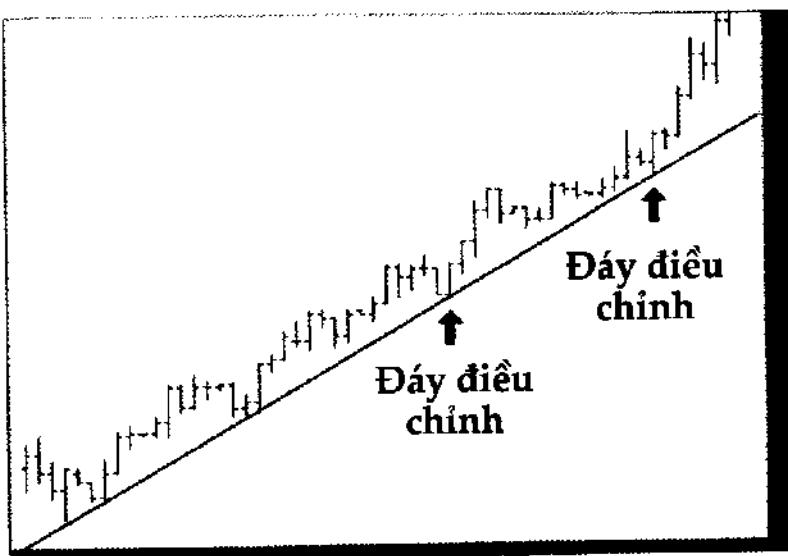
khả năng tuân thủ các quy tắc, không bị ảnh hưởng bởi cảm xúc hoặc thiên kiến cá nhân. Nói ngắn gọn, các quy tắc tham gia giao dịch, ở mức độ cơ bản nhất, được mô tả qua hai hệ thống hướng dẫn sau.

- **Hệ thống thứ nhất (ngắn hạn).** Tham gia vào vị thế mua khi giá phá vỡ hướng lên trên đỉnh cao nhất 20 ngày, hoặc tham gia vào vị thế bán khống khi giá phá vỡ hướng xuống dưới đáy thấp nhất 20 ngày. Nếu điểm phá vỡ gần nhất là điểm phá vỡ thật mà dẫn đến một giao dịch thành công, thì nên là đi bất cứ tín hiệu tham gia giao dịch theo điểm phá vỡ hiện tại. Nếu điểm phá vỡ gần nhất là điểm phá vỡ giả (nghĩa là, giá chuyển động ngược lại vị thế được mở một mức giá xác định trước sau khi tín hiệu phá vỡ xuất hiện), tín hiệu phá vỡ hiện tại nên được thực hiện. Nếu một tín hiệu phá vỡ không được thực hiện vì một giao dịch thành công bởi điểm phá vỡ gần nhất, một giao dịch nên được thực hiện bất cứ khi nào xuất hiện tín hiệu phá vỡ 55 ngày.
- **Hệ thống thứ hai (dài hạn).** Tham gia vào vị thế mua khi giá phá vỡ hướng lên trên đỉnh cao nhất 55 ngày, hoặc tham gia vào vị thế bán khống khi giá phá vỡ hướng xuống dưới đáy thấp nhất 55 ngày. Không giống như hệ thống thứ nhất, bất kể điểm phá vỡ gần nhất là một giao dịch thành công hay thất bại, tất cả các tín hiệu phá vỡ đều được tiến hành.

GIAO DỊCH THEO XU HƯỚNG

Giống như giao dịch theo điểm phá vỡ, giao dịch theo xu hướng, hoặc theo sau xu hướng, là một dạng chiến lược thị trường khác đòi hỏi một lượng lớn người tham gia. Khái niệm tổng quát về xu hướng đã trình bày chi tiết ở chương 5. Có nhiều cách để giao dịch theo xu hướng, và tất cả đều khai thác đặc tính chuyển động theo xu hướng của bất cứ thị trường tài chính nào. Tuy nhiên, không chỉ hướng đi là quan trọng mà thời gian và vị trí tham gia giao dịch cũng là yếu tố sống còn cho một giao dịch thành công.

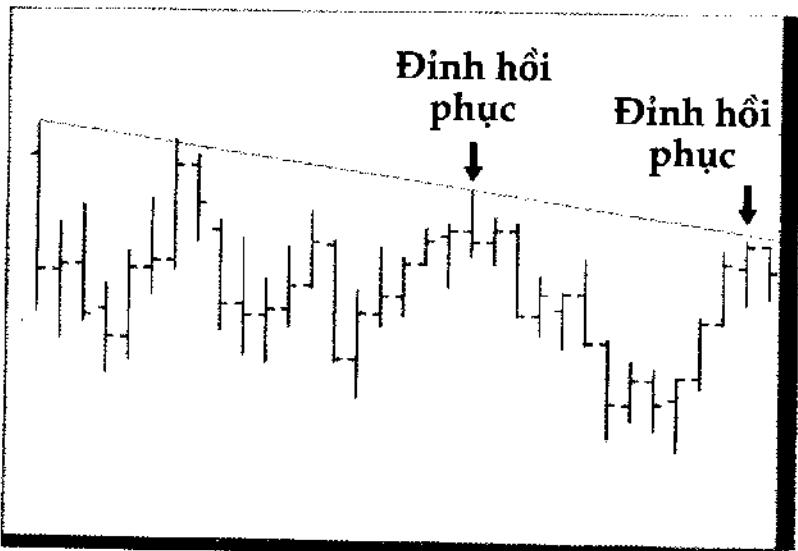
Các đáy điều chỉnh trong xu hướng lên



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Điều này có nghĩa là tham gia vào các đợt thị trường điều chỉnh trong một xu hướng lên (như minh họa trong hình 14.11) và tham gia vào các đợt hồi phục trong một xu hướng giảm (như hình 14.12). Trong một xu hướng tăng giá, kỳ vọng rằng xu hướng tăng sẽ tiếp tục và không có chất xúc tác nào đủ mạnh làm đảo chiều xu hướng tăng. Vị trí thuận lợi nhất để tham gia vào một xu hướng tăng là mua tại đáy thấp nhất có thể nhằm tối đa hóa lợi nhuận tiềm năng lúc đóng (chốt lãi) vị thế đó. Tương tự, trong một xu hướng giảm giá, kỳ vọng rằng xu hướng giảm sẽ tiếp tục và không có chất xúc tác nào đủ mạnh làm đảo chiều xu hướng giảm. Vị trí thuận lợi nhất để tham gia vào một xu hướng giảm là bán khống tại các đỉnh cao nhất có thể nhằm tối ưu hóa lợi nhuận tiềm năng lúc tiến hành đóng (mua lại) vị thế.

Các đỉnh hồi phục trong xu hướng giảm



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Hai công cụ cơ bản để nhận diện các đáy điều chỉnh trong một xu hướng tăng hoặc các đỉnh hồi phục trong một xu hướng giảm là đường xu hướng và đường trung bình di động. Đối với cả hai công cụ này, những nhà giao dịch theo xu hướng tìm kiếm hiện tượng giá bất ngược khỏi đường xu hướng hoặc đường trung bình di động. Khi giá bất ngược, giao dịch theo xu hướng bằng đường xu hướng là hoàn toàn đối ngược với giao dịch theo điểm phá vỡ đường xu hướng, và giao dịch theo xu hướng bằng đường trung bình di động là trái ngược với giao dịch theo điểm phá vỡ đường trung bình di động.

Đường xu hướng được giới thiệu và mô tả trong chương 7. Giao dịch theo xu hướng bằng đường xu hướng đơn giản là vẽ một đường xu hướng nhằm liên kết các đáy cao hơn liên tiếp trong xu

hướng tăng hoặc các đỉnh thấp hơn liên tiếp trong xu hướng giảm và sau đó thực hiện giao dịch mỗi khi giá bật ngược khỏi đường xu hướng. Như đề cập trong chương 7, giá càng chạm nhiều lần vào đường chống đỡ hướng lên hoặc đường kháng cự hướng xuống, đường xu hướng đó sẽ càng có giá trị.

Chiến lược tham gia vào giao dịch theo xu hướng dựa trên tín hiệu bật ngược đường xu hướng cần thiết phải kết hợp với các công cụ kỹ thuật khác nhằm xác nhận điểm bật ngược này là thật. Các công cụ kỹ thuật được sử dụng trong công cụ lọc tham gia giao dịch của chiến lược này cũng giống như các công cụ kỹ thuật đã trình bày trong chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ. Một phương pháp phổ biến là chờ đợi giá bật lên khỏi đường chống đỡ hướng lên hoặc bật xuống khỏi đường kháng cự hướng xuống một khoảng cách giá tối thiểu trước khi tiến hành giao dịch theo xu hướng, giống như lọc các điểm phá vỡ giả trong chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ. Chờ đợi một khoảng cách giá tối thiểu khi bật ngược nhằm xác nhận giá thực sự có xung lượng để tiếp tục chuyển động.

Một công cụ lọc tham gia giao dịch khác là quan sát giá đóng cửa của “thanh giá bật ngược”. Thanh giá bật ngược là hình thanh thực sự bật ngược khỏi đường xu hướng (hoặc nằm gần đường xu hướng), bắt kể là bật lên đường chống đỡ hướng lên hay bật xuống đường kháng cự hướng xuống. Ví dụ, khi giá đóng cửa của thanh giá bật lên phía trên đường chống đỡ hướng lên, một nhà giao dịch không nên vội vàng tham gia vào vị thế mua cho đến khi hình thanh kế tiếp, hoặc các hình thanh sau đó, vượt qua đỉnh cao nhất của hình thanh bật lên. Công cụ lọc này tạo nên sự xác nhận bổ sung điểm bật ngược thực sự đang diễn ra. Đối với trường hợp giá bật xuống phía dưới một đường kháng cự hướng xuống, một nhà giao dịch không nên vội tham gia bán khống cho đến khi hình thanh kế tiếp, hoặc các hình thanh sau đó, vượt qua đáy của hình thanh bật xuống.

Một công cụ tham gia giao dịch khác đối với chiến lược giao dịch theo xu hướng là giao dịch theo điểm phá vỡ của đường xu hướng ngược xu hướng chính. Chiến lược này được giải thích chi tiết trong phần “Lời khuyên và Kỹ thuật” về chủ đề “Giao dịch theo xu hướng ứng dụng điểm phá vỡ đường xu hướng ngược xu hướng chính”

Giao dịch theo xu hướng sử dụng điểm phá vỡ đường xu hướng ngược xu hướng chính

Giao dịch theo xu hướng sử dụng điểm phá vỡ đường xu hướng ngược xu hướng chính là một phương pháp rất thành công khi phân tích thị trường có xu hướng rõ ràng. Khái niệm đơn giản đằng sau phương pháp này là điểm tham gia giao dịch tốt nhất vào xu hướng hiện tại là ngay sau khi các đợt điều chỉnh hoặc vùng củng cố kết thúc và thị trường quay trở lại xu hướng chính. Đây chính là lý do để tiến hành giao dịch theo điểm phá vỡ đường xu hướng ngược xu hướng chính.

Ví dụ, trong xu hướng tăng, các nhà giao dịch đang chờ đợi tham gia vào vị thế mua của xu hướng tăng luôn mong muốn mua được giá tốt nhất. Vị trí tốt nhất để tham gia vào xu hướng tăng là tại các đáy điều chỉnh tạm thời trên thị trường. Khi tham gia vào các đáy điều chỉnh này, các nhà giao dịch có thể mua cổ phiếu với mức giá rẻ hơn. Hơn thế nữa, nếu như xu hướng hiện tại tiếp tục tạo ra các đợt điều chỉnh, mua tại đáy các đợt điều chỉnh như trên sẽ là cơ hội để gia tăng lợi nhuận. Tương tự, trong trường hợp xu hướng giảm, những nhà giao dịch đang chờ đợi thực hiện bán khống luôn mong muốn bán được với giá cao nhất. Vị trí tốt nhất để tham gia bán khống trong thị trường giá xuống là bán tại các đỉnh hồi phục tạm thời.

Xu hướng có thể được thể hiện bằng đường xu hướng, kênh xu hướng song song, đường hồi quy tuyến tính hay thậm chí là đường trung bình di động. Khi một trong những công cụ trên được sử dụng, nhằm đo lường

và thể hiện sức mạnh của xu hướng chính, cần chú ý đến các đường xu hướng ngược với xu hướng chính.

Lấy ví dụ về trường hợp xu hướng tăng, được hình thành từ một đường chống đỡ hướng lên (liên kết các đáy trong xu hướng tăng), khi giá thoái lùi, hoặc điều chỉnh, quay trở lại đường xu hướng chính, điều này sẽ tạo ra một đường kháng cự nhỏ hướng xuống (liên kết các đỉnh của xu hướng giảm nhỏ) ngược chiều với xu hướng tăng hiện tại. Khi điều này xảy ra, chiến lược nên được thực hiện là tham gia giao dịch theo điểm phá vỡ của đường kháng cự nhỏ hướng xuống sau khi giá chạm và bật lên khỏi đường xu hướng chính.

Do vậy, trong trường hợp xu hướng tăng được xác nhận bởi một đường chống đỡ hướng lên, các nhà giao dịch nên tìm kiếm cơ hội trong các đợt điều chỉnh ngắn hạn ngược xu hướng chính. Khi một trong các đợt điều chỉnh ngắn hạn xuất hiện, một đường kháng cự hướng xuống có thể được vẽ nhằm liên kết các đỉnh thấp hơn liên tiếp. Nếu và khi xuất hiện điểm phá vỡ hướng lên phía trên các đường xu hướng giảm nói trên, đây là tín hiệu tốt để tham gia vào vị thế mua, theo hướng đi của xu hướng hiện tại.

Ngược lại, trong trường hợp xu hướng giảm được xác nhận bởi đường kháng cự hướng xuống, các nhà giao dịch sẽ chờ đợi cơ hội tham gia bán khống tại các đợt hồi phục ngắn hạn ngược chiều xu hướng chính. Khi các đợt tăng ngắn hạn xuất hiện, một đường chống đỡ hướng lên có thể được vẽ nhằm liên kết các đáy cao hơn liên tiếp. Nếu và khi xuất hiện tín hiệu phá vỡ hướng xuống phía dưới một trong các đường chống đỡ hướng lên, đây chính là tín hiệu tốt để tham gia vào vị thế bán khống, cùng hướng với xu hướng giảm hiện tại.

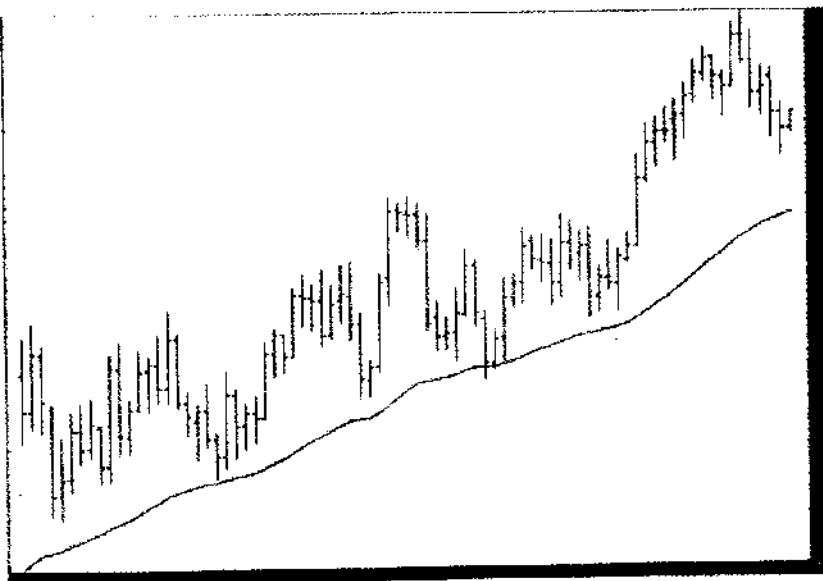
Giao dịch theo điểm phá vỡ xu hướng nhỏ ngược chiều xu hướng chính là một phương pháp hiệu quả, an toàn để tham gia đúng lúc và đúng thời điểm các lần bật ngược khỏi đường xu hướng. Mặc dù phương pháp này có thể tham gia muộn hơn so với một vài phương pháp giao dịch theo xu hướng khác, nhưng phương pháp này rất thành công trong việc tạo nên tín hiệu xác nhận bổ sung khả năng giá sẽ tiếp tục đi theo hướng phá vỡ.

Các chiến lược dừng lỗ và chốt lãi sử dụng trong chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ cũng được sử dụng tương tự cho phương pháp giao dịch theo xu hướng. Chiến lược dừng lỗ nên tuân thủ nguyên tắc giống như các loại giao dịch kỹ thuật khác là: một vị thế giao dịch theo xu hướng nên được đóng lại ngay lập tức khi lý do ban đầu để tham gia giao dịch được minh chứng là sai. Trong trường hợp giao dịch theo đường xu hướng, việc phá vỡ đường xu hướng cho thấy vị thế giao dịch hiện tại là không đúng. Do đó, lệnh dừng lỗ theo nguyên tắc phải được đặt ở phía bên kia của đường xu hướng. Trong một xu hướng tăng, lệnh dừng lỗ sẽ được đặt phía dưới đường xu hướng, ngay phía dưới đáy của đợt điều chỉnh gần nhất của thị trường. Trong một xu hướng giảm, lệnh dừng lỗ sẽ được đặt phía trên đường xu hướng, ngay phía trên đỉnh hồi phục gần nhất của thị trường.

Việc chốt lãi có thể được thực hiện dựa trên mức chống đỡ và kháng cự, hoặc có thể ứng dụng phương pháp dừng lỗ động (trailing stop-loss). Điều này sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong chương 15. Bên cạnh đó, khi hành động giá hoạt động trong một kênh xu hướng song song, bất kể tăng hay giảm, việc chốt lãi nên được thực hiện ở quanh mức giá của đường bollinger. Khái niệm này đã trình bày ở chương 7. Trong một kênh xu hướng lên song song, đường bollinger là đường kháng cự phía trên đóng vai trò như mục tiêu lợi nhuận động đối với vị thế mua được mở tại hoặc gần đường chống đỡ phía dưới. Trong một kênh xu hướng giảm song song, đường bollinger là đường chống đỡ phía dưới đóng vai trò như mục tiêu lợi nhuận động đối với vị thế bán không được mở tại hoặc gần đường kháng cự phía trên.

Bởi vì đặc tính chủ quan khi vẽ và phân tích đường xu hướng, nên rất khó để tự động hóa chiến lược giao dịch theo đường xu hướng. Để có một đường xu hướng hiệu quả nhất đòi hỏi phải có sự tham gia và đánh giá của các nhà giao dịch.

Giao dịch theo xu hướng bằng đường trung bình di động



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Yếu tố chủ quan sẽ giảm đi khi sử dụng đường trung bình di động để nhận diện các đáy điều chỉnh trong xu hướng tăng và các đỉnh hồi phục trong xu hướng giảm như minh họa trong hình 14.13. Đường trung bình di động, như mô tả trong chương 9, được tính toán từ các công thức toán học nên được xem là đường xu hướng động, điều này khác với đường xu hướng. Đặc biệt trong một xu hướng tăng mạnh, đường trung bình di động của các khoảng thời gian khác nhau có thể hoạt động tốt khi đóng vai trò mức chống đỡ động đối với các đáy điều chỉnh trong một xu hướng tăng hoặc mức kháng cự động đối với các đỉnh hồi phục trong xu hướng giảm. Các đường trung bình di động có thể được dùng để tham gia vào các đáy điều chỉnh hoặc các đỉnh hồi phục cũng như dùng để chốt lãi với mức giá tốt nhất.

Giao dịch theo xu hướng sử dụng đường trung bình di động cũng tuân thủ các nguyên tắc mở vị thế giống như giao dịch theo xu hướng sử dụng đường xu hướng. Khoảng thời gian sử dụng trong đường trung bình di động được lựa chọn thông qua các nghiên cứu thực nghiệm cho đến khi khớp với xu hướng hiện tại. Nói chung, đường xu hướng càng mạnh thì khoảng thời gian được sử dụng trong đường trung bình di động càng ngắn. Cũng có nhiều trường hợp không có khoảng thời gian phù hợp để đường trung bình di động khớp với xu hướng hiện tại. Trong những trường hợp như vậy, không nên sử dụng chiến lược giao dịch theo đường xu hướng. Nếu một đường trung bình di động bất kể là giản đơn, mũ, hay các loại khác, khớp với xu hướng hiện tại, nên mở vị thế khi giá bật lên từ đường trung bình di động trong xu hướng tăng hoặc bật xuống từ đường trung bình di động trong xu hướng giảm, tương tự như giao dịch với đường xu hướng.

Khi đóng vị thế, giống như thực hiện đối với đường xu hướng, lệnh dừng lỗ đầu tiên có thể được đặt phía dưới đáy điều chỉnh gần nhất trong một xu hướng tăng hoặc phía trên đỉnh hồi phục gần nhất trong xu hướng giảm.

Việc chốt lãi bằng đường trung bình di động là dễ thực hiện. Trong một xu hướng tăng, bất cứ khi nào đường giá giao cắt và đóng cửa phía dưới đường trung bình di động được sử dụng, vị thế mua nên được đóng lại để chốt lãi. Trong một xu hướng giảm, bất kỳ khi nào đường giá giao cắt và đóng cửa phía trên đường trung bình di động được sử dụng, vị thế bán không nên được đóng lại để chốt lãi. Phương pháp chốt lãi này cho phép khai thác tối đa toàn bộ chuyển động giá của thị trường.

Phương pháp giao dịch theo xu hướng sử dụng đường trung bình di động dễ thực hiện tự động hóa hơn so với phương pháp giao dịch theo xu hướng sử dụng đường xu hướng. Tuy nhiên, yếu tố chủ quan cũng hữu ích khi thực hiện giao dịch theo đường trung bình di động.

Dr. Alexander Elder, hệ thống giao dịch ba khung thời gian

Trong một bài phỏng vấn với tác giả, Dr. Alexander Elder, một bác sĩ tâm thần học, một nhà giao dịch, và đồng thời là chuyên gia trong cả phân tích kỹ thuật và tâm lý hành vi trên thị trường tài chính, giải thích lý do rằng sau hệ thống giao dịch ba khung thời gian nổi tiếng của ông. Elder đã viết như sau trong các quyển sách nổi tiếng và cũng là những tác phẩm kinh điển bán chạy nhất thế giới "Trading for a Living" và bộ sách giao dịch tổng hợp "Come into My Trading Room: A Complete Guide to Trading". Ông là giám đốc sáng lập nên công ty Financial Trading và Elder.com.

Elder phát biểu:

Mỗi tick trong các thị trường tài chính phản ánh giao dịch giữa người bán và người mua. Các quyết định cá nhân có thể dựa trên lý trí, nhưng cũng bị ảnh hưởng mạnh bởi cảm xúc. Người mua tin rằng giá sẽ tạo các đỉnh cao hơn - mặc dù họ cũng chờ đợi để mua giá rẻ hơn. Người bán tin rằng giá sẽ tạo các đáy thấp hơn - mặc dù họ cũng nghĩ rằng giá sẽ tăng lên để tham gia bán khống. Đây là nguyên nhân tại sao mỗi tick luôn thể hiện sự đấu tranh giữa hai phe.

Nhiều tick đơn lẻ kết hợp lại thành những hình thanh, trên đồ thị năm phút, giờ, ngày, tuần hay tháng. Chúng ta phải nhớ rằng bất cứ đồ thị nào cũng phản ánh vô số cuộc tranh đấu giữa những người mua và người bán. Đây là lý do tại sao phân tích kỹ thuật chính là môn khoa học nghiên cứu hành vi của đám đông - nghĩa là phân tích kỹ thuật ứng dụng các nguyên tắc tâm lý xã hội.

Thường xảy ra hiện tượng cùng một công cụ giao dịch nhưng cho tín hiệu khác nhau nếu sử dụng các khung thời gian khác nhau. Một cổ phiếu hay cặp tiền tệ có thể đang tăng trên đồ thị tháng nhưng đang giảm trên đồ thị tuần, hoặc đang giảm trên đồ thị giờ nhưng đang tăng trên đồ thị năm phút. Các thị trường có thể chuyển động theo các hướng khác nhau trong các khung thời gian khác nhau tại cùng một thời điểm.

Bí quyết chính của hệ thống giao dịch ba khung thời gian là lựa chọn khung thời gian yêu thích của bạn nhưng sau đó không quan sát chúng. Đầu tiên chúng ta phải mở đồ thị trong khung thời gian lớn hơn khung thời gian người đó đang giao dịch. Đây là khung thời gian mà chúng ta sẽ đưa ra quyết định chiến lược mua hay bán khống. Sau đó, chúng ta quay trở lại khung thời gian mà chúng ta giao dịch và đưa ra các quyết định như điểm tham gia và điểm thoát ra, mục tiêu giá và mức dừng lỗ.

Sử dụng thêm khung thời gian khác là tạo nên lợi thế cho chúng ta chứ không phải gây mâu thuẫn. Ba khung giao dịch cho phép chúng ta giao dịch dựa trên phân tích các tín hiệu đồ thị cả trong dài hạn và ngắn hạn. Điều này sẽ loại bỏ nhiều giao dịch mà có vẻ hấp dẫn trong ngắn hạn nhưng không tốt trong dài hạn. Ba khung thời gian khuyến khích sự cẩn thận và thận trọng trong giao dịch.

Nguyên tắc chính của phương pháp ba khung thời gian là bắt đầu phân tích bằng cách đứng ngoài thị trường và quan sát bức tranh tổng thể để đưa ra các quyết định chiến lược. Sử dụng đồ thị dài hạn để xác định xem liệu thị trường ở xu hướng tăng hay xu hướng giảm, sau đó sử dụng các khung đồ thị ngắn hạn nhằm lựa chọn hợp lý các điểm tham gia giao dịch và điểm thoát ra.

Giao dịch đa khung thời gian

Một trong những chiến lược giao dịch thành công nhất và hiệu quả nhất để giao dịch trên bất kỳ thị trường tài chính là sử dụng phương pháp phân tích đa khung thời gian. Phương pháp này được xếp vào nhóm theo sau xu hướng và do đó trở nên sinh lợi khi thị trường có xu hướng nhưng cần tránh các thị trường chuyển động dọc ngang vì các chuyển động răng cưa có thể gây nên thua lỗ.

Phương pháp giao dịch đa khung thời gian được trình bày ở đây phần lớn dựa trên phương pháp luận Ba khung thời gian của Dr. Alexander Elder.

Elder đã giải thích lý do của phương pháp độc đáo và hữu dụng này trong phần "Kinh nghiệm thực tiễn". Phương pháp đa khung thời gian được mô tả ở đây tuân theo khái niệm cơ bản của Ba khung thời gian nhưng có một số điều chỉnh kỹ thuật nhỏ.

Nguyên tắc chính đằng sau phương pháp đa khung thời gian là một nhà giao dịch thành công cần quan sát thị trường từ các góc nhìn khác nhau để hiểu và ứng dụng các thành phần chiến lược quan trọng gồm (1) xu hướng, (2) mức thoái lùi, và (3) điểm tham gia giao dịch. Mục tiêu chính của giao dịch đa khung thời gian là tham gia vào một xu hướng mạnh tại thời điểm và mức giá thích hợp nhất. Điều này là sau khi sự điều chỉnh ngược xu hướng kết thúc và giá sau đó quay trở lại hướng đi của xu hướng chính.

Quy trình thực hiện một chiến lược giao dịch đa khung thời gian hiệu quả bắt đầu từ lựa chọn bao nhiêu khung thời gian được sử dụng. Ba khung thời gian có lẽ là sự lựa chọn tốt để tiến hành chiến lược này. Cách tốt nhất để lựa chọn là đầu tiên phải xác định khung thời gian được ưa thích nhất và đánh dấu nó là khung thời gian trung hạn. Ví dụ, nếu một người thường giao dịch trên đồ thị giờ (60 phút), người này sẽ xác định đây là khung thời gian trung hạn.

Để có khung thời gian dài nhất, lấy khung thời gian trung hạn và nhân với từ 4 đến 6. Các thừa số khác nhau tạo nên sự linh hoạt cho các nhà giao dịch để lựa chọn khung thời gian tốt nhất. Ví dụ, một nhà giao dịch trên đồ thị 1 giờ có thể nhân với 4 để xác định đồ thị 4 giờ (240 phút) là khung thời gian dài nhất.

Tương tự, để xác định khung thời gian ngắn nhất, đơn giản bằng cách lấy khung thời gian trung hạn và chia cho từ 4 đến 6. Quay trở lại với ví dụ nhà giao dịch sử dụng đồ thị 1 giờ, nhà giao dịch này có thể chia đồ thị 1 giờ (60 phút) cho 6 để xác định đồ thị 10 phút là khung thời gian nhỏ nhất.

Một khi ba khung thời gian được xác định, chúng ta có thể bắt đầu ứng dụng phương pháp này. Khung thời gian dài nhất thể hiện yếu tố xu hướng của chiến lược. Chức năng duy nhất của khung thời gian này là xác

định xu hướng chính của thị trường – nghĩa là thị trường hiện tại đang trong xu hướng tăng, xu hướng giảm hay không có xu hướng. Nếu một thị trường được xác định là không có xu hướng, nên quyết định hạn chế giao dịch trên thị trường tại thời điểm đó. Nếu thị trường được xác định là có xu hướng tăng, chỉ nên thực hiện vị thế mua. Ngược lại, nếu thị trường được xác định là có xu hướng giảm, chỉ nên thực hiện vị thế bán khống.

Xu hướng có thể dần được xác định thông qua một số phương pháp chủ quan và khách quan. Một trong những phương pháp chủ quan là vẽ đường xu hướng động đơn giản – chính là đường chống đỡ hướng lên và đường kháng cự hướng xuống. Nếu một đường xu hướng liên kết chính xác các điểm đáy cao hơn trong một xu hướng tăng và các đỉnh thấp hơn trong một xu hướng giảm, nhiều khả năng đây là một đường xu hướng đúng. Nếu không, nên tránh giao dịch trên thị trường tại thời điểm đó.

Ngoài ra, đối với nhiều phương pháp khách quan, nếu tất cả các đường trung bình di động mũ theo nhiều khoảng thời gian (chẳng hạn như là các khoảng thời gian 10, 20, 30, 50 và 100, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào mà các nhà giao dịch muốn) là trật tự hợp lý đối với một xu hướng tăng (đường trung bình di động ngắn hơn nằm ở phía trên và đường trung bình di động dài hơn nằm ở phía dưới), giá có thể được xem là ở trong xu hướng tăng dài hạn. Ngược lại, nếu tất cả đường trung bình di động nằm đúng theo trật tự hợp lý cho một xu hướng giảm (đường trung bình di động ngắn hơn nằm ở phía dưới và đường trung bình di động dài hơn nằm ở phía trên), giá có thể được xem là nằm trong xu hướng giảm giá dài hạn. Bất cứ khi nào các đường trung bình di động không nằm đúng theo trật tự hợp lý, thị trường là không có xu hướng. Trong trường hợp này, cần tránh tham gia giao dịch trên thị trường tại thời điểm đó.

Một khi xác định sự tồn tại và hướng đi của xu hướng trong khung thời gian dài nhất, sau đó chúng ta chuyển sang quan sát khung thời gian trung hạn. Khung thời gian này thể hiện chiến lược khi thị trường thoái lùi hoặc điều chỉnh. Một đáy điều chỉnh nhỏ trong xu hướng tăng hoặc một

định hồi phục nhỏ trong xu hướng giảm là vị trí lý tưởng để có những vị thế giao dịch an toàn và thành công.

Trong trường hợp này, chỉ báo dao động nên được ứng dụng. Các chỉ báo dao động giúp xác nhận vùng mua quá mức và bán quá mức cũng như cho biết xung lượng của giá. Có vô số chỉ báo dao động cho các nhà giao dịch sử dụng, nhưng chỉ một số ít chỉ báo được ứng dụng rộng rãi. Những chỉ báo này bao gồm chỉ báo RSI (relative strength index), chỉ báo Stochastics, chỉ báo ROC (rate of change), chỉ báo CCI (commodity channel index), chỉ báo Williams %R và một số loại chỉ báo khác.

Một nhà giao dịch sử dụng phương pháp đa khung thời gian sẽ quan sát khung thời gian trung hạn nhằm tìm kiếm sự kết thúc của các đợt điều chỉnh trong xu hướng dài hơn. Phương pháp nhằm xác định sự kết thúc của các đợt điều chỉnh là ứng dụng các chỉ báo dao động bằng cách quan sát chỉ báo dao động nằm trong vùng được xác định là mua quá mức và bán quá mức hoặc nằm ở giữa hai vùng nói trên. Ví dụ, khi sử dụng chỉ báo Stochastics oscillator, nếu chỉ báo này di chuyển xuống dưới từ vùng mua quá mức (cắt xuống dưới 80) sẽ là tín hiệu bán (bán khống) trong xu hướng giảm dài hạn, ngược lại, nếu chỉ báo này di chuyển lên trên từ vùng bán quá mức (cắt lên trên 20) sẽ là tín hiệu mua trong xu hướng tăng dài hạn.

Một khi khung thời gian dài nhất đang cho thấy sự tồn tại của xu hướng chính và khung thời gian trung hạn đang cảnh báo rằng giá đang trong quá trình quay trở lại xu hướng chính sau một đợt điều chỉnh nhỏ, bước cuối cùng là chuyển sang phân tích khung thời gian ngắn nhất.

Mục đích quan trọng của khung thời gian ngắn nhất là tìm kiếm điểm tham gia thị trường tốt nhất có thể. Điều này được thực hiện cùng với chiến lược dừng mở vị thế động (trailing entry stop). Vào lúc này, khi đang ở trong quá trình giao dịch đa khung thời gian, nhà giao dịch tin rằng xu hướng đang thực sự diễn ra và mọi giao dịch sẽ được thực hiện theo hướng đi của xu hướng chính. Nhà giao dịch cũng biết rằng đợt điều chỉnh ngược xu hướng chính đã kết thúc và giá đang trong quá trình hồi phục trở lại theo xu hướng chính.

Bước cuối cùng trước khi thực hiện giao dịch là lập kế hoạch mở vị thế. Bằng cách sử dụng phương pháp dừng mở vị thế động, nhà giao dịch sáng suốt chờ đợi mức giá thích hợp hơn là đưa lệnh theo thị trường.

Một chiến lược dừng mở vị thế động khi ứng dụng giao dịch đa khung thời gian là chiến lược tham gia giao dịch theo điểm phá vỡ theo hướng đi của xu hướng chính. Đây là điểm tham gia giao dịch động bởi vì mức giá phá vỡ để tham gia giao dịch sẽ di chuyển dần đến mức giá tốt hơn nếu giao dịch không được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định. Trong trường hợp của bên mua, "mức giá động tốt hơn" chính là các mức giá động thấp hơn. Trong trường hợp của bên bán, "mức giá động tốt hơn" chính là các mức giá động cao hơn.

Ví dụ, để thực hiện chiến lược dừng mở vị thế động trong xu hướng tăng, nhà giao dịch vừa xác định tín hiệu mua trên hai khung thời gian dài hơn sẽ lên kế hoạch quan sát khung thời gian ngắn nhất nhằm tham gia vào thị trường nếu điểm phá vỡ hướng lên nằm phía trên đỉnh của hình thanh trước đó. Nếu giá đóng cửa của hình thanh hiện tại không phá vỡ đỉnh của hình thanh trước đó, mức giá phá vỡ của hình thanh kế tiếp phải thấp hơn hình thanh hiện tại. Nếu hình thanh kế tiếp cũng không tạo nên điểm phá vỡ, mức giá phá vỡ tiếp tục lại được hạ xuống thấp hơn ở hình thanh sau đó. Đảo ngược quy trình này cho trường hợp giao dịch bán không.

Quy trình thiết lập mức giá mở vị thế tại các mức giá tốt hơn cho phép nhà giao dịch đứng ngoài thị trường khi xung lượng giá chưa mạnh nhất. Việc thiết lập lại mức giá mở vị thế theo điểm phá vỡ được tiếp tục cho đến khi xuất hiện điểm phá vỡ theo hướng đi của xu hướng chính hoặc lệnh giao dịch đơn giản là trở nên không còn giá trị. Trường hợp này có thể xảy ra nếu không chú ý phân tích tín hiệu ban đầu của hai khung thời gian lớn hơn.

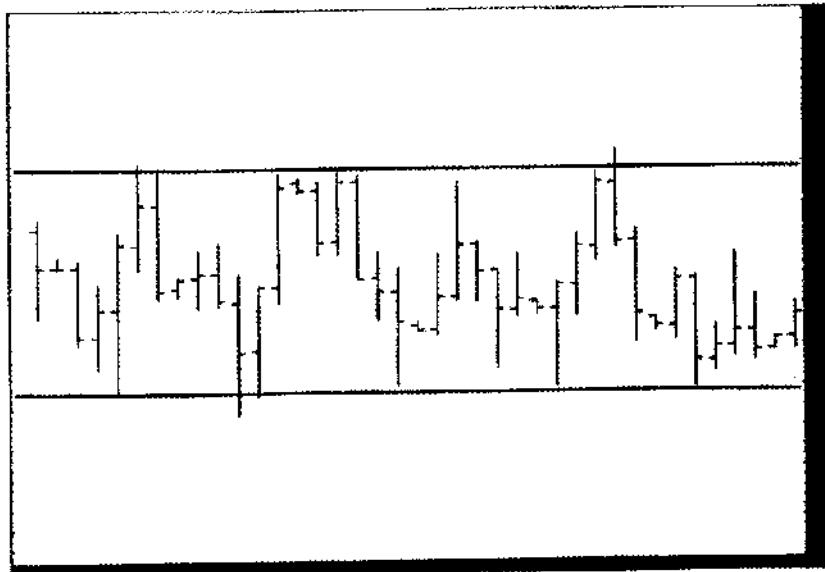
Trong quá trình phân tích sử dụng phương pháp đa khung thời gian, nhà giao dịch có nhiều cơ hội để lọc và loại bỏ những giao dịch không đáp ứng điều kiện của phương pháp đa khung thời gian. Nhưng một khi đã mở vị thế theo phương pháp này, vị thế này có xác suất cao trở thành một giao dịch thành công.

GIAO DỊCH THEO KHUNG GIÁ

Phương pháp này có cái gì đó đối ngược với các phương pháp giao dịch theo xu hướng nói trên, nhưng giao dịch theo khung giá là một thuật ngữ chung mô tả việc tìm kiếm lợi nhuận từ các đợt tăng và giảm khi thị trường chuyển động đi ngang, theo khung giá, như minh họa trong hình 14.14. Tất cả các thị trường tài chính thường có khuynh hướng giao dịch trong một khung giá xác định. Các khung giá này có thể hoặc là dễ xác định bởi đường chống đỡ và đường kháng cự nằm ngang hoặc là khó nhận diện hơn bởi các đường giới hạn dốc lên và đường giới hạn dốc xuống. Bất kể là trường hợp nào, khi sự lưỡng lự đang chi phối thị trường, chiến lược giao dịch theo khung giá nên được thực hiện.

HÌNH 14.14

Giao dịch theo khung giá



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Điều cần thiết để sử dụng chiến lược giao dịch theo khung giá là xác định điều kiện thị trường, có xu hướng hay là khung giá. Các kỹ thuật nhằm nhận diện sự tồn tại của xu hướng cũng được sử dụng để xác định khung giá, hoặc thị trường không có xu hướng. Những kỹ thuật này bao gồm đánh giá độ dốc của đường trung bình di động (khả năng phảng nhất có thể) cũng như độ dốc của các dải băng đo độ biến động như dải băng Bollinger nổi tiếng. Bên cạnh đó, có thể vẽ các mức chống đỡ và mức kháng cự phía trên và phía dưới hành động giá trong một khoảng thời gian nhất định làm chỉ báo độ tin cậy về sự tồn tại của khung giao dịch.

Không phải mọi khung giá đều phù hợp để giao dịch theo khung giá. Các khung giá hẹp (hay ngắn) nói chung là phù hợp hơn với chiến lược giao dịch theo điểm phá vỡ khung giá. Các khung giá rộng (hay cao) phù hợp hơn để giao dịch theo khung giá, vì lợi nhuận tiềm năng giữa đường chống đỡ và đường kháng cự là lớn hơn và do đó đáng giá hơn khi xét từ quan điểm rủi ro/lợi nhuận.

Khi giao dịch theo khung giá, điều bắt buộc là phải tập trung vào công việc quản trị rủi ro, vì lợi nhuận mục tiêu bị giới hạn, thậm chí đối với một khung giá rộng. Nếu một nhà giao dịch mua tại mức chống đỡ ở đáy khung giá, mục tiêu quan sát chính là đỉnh của khung giá. Tương tự, nếu một nhà giao dịch thực hiện bán khống tại mức kháng cự gần đỉnh khung giá, mục tiêu quan sát là đáy khung giá. Vì lợi nhuận kỳ vọng của chiến lược giao dịch theo khung giá bị giới hạn bởi chiều cao khung giá, khác với lợi nhuận kỳ vọng lớn của chiến lược giao dịch theo xu hướng, quản trị rủi ro cần phải tiến hành chặt chẽ hơn và nghiêm ngặt hơn so với các chiến lược giao dịch khác.

Giống như các loại giao dịch kỹ thuật khác, lệnh dừng lỗ đối với chiến lược giao dịch theo khung giá có vị trí tương đối rõ ràng. Khi tham gia mua tại đáy của khung giá, lệnh dừng lỗ hợp lý nói chung nên đặt ngay phía dưới mức chống đỡ của khung giá. Khi thực hiện

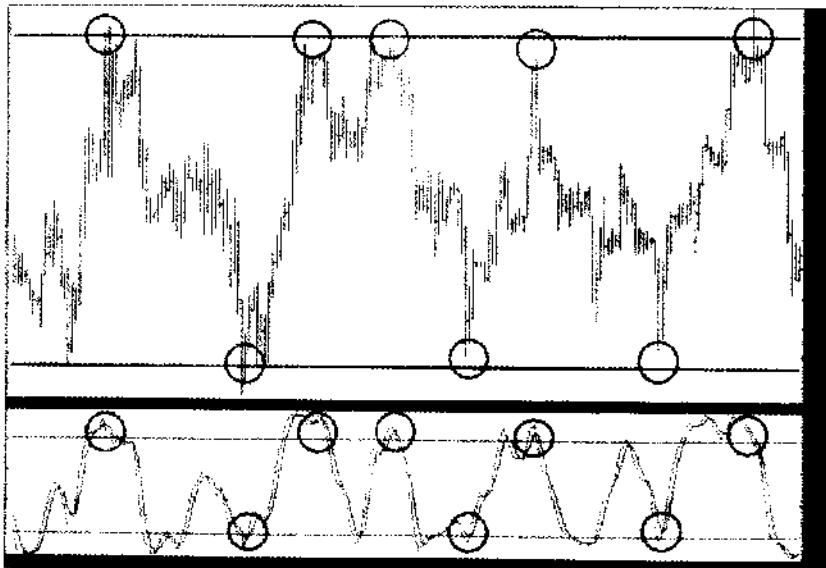
bán khống tại đỉnh của khung giá, lệnh dừng lỗ hợp lý nên đặt ngay phía trên mức kháng cự của khung giá. Các vị trí đặt lệnh dừng lỗ nói trên là nơi thị trường đang nói cho những nhà giao dịch theo khung giá biết rằng vị thế giao dịch của họ đã sai, vì giá có thể sẽ phá vỡ khung giao dịch.

Có nhiều phương pháp và chiến lược khác để ứng dụng chiến lược giao dịch theo khung giá trên thị trường tài chính. Với các công cụ kỹ thuật chính được sử dụng bao gồm đường chống đỡ và kháng cự nằm ngang, dài băng Bollinger, các đường trung bình di động, các chỉ báo dao động và nhiều công cụ khác, chiến lược giao dịch theo khung giá là đa dạng.

Nhiều nhà giao dịch kỹ thuật sử dụng các đường thẳng nằm ngang trên đồ thị nhằm xác định mức chống đỡ và kháng cự trong khung giao dịch. Cần ít nhất hai lần chạm, nhiều hơn sẽ càng tốt, đối với cả đường chống đỡ và kháng cự nằm ngang để hình thành nên một khung giao dịch đáng tin cậy. Công cụ khác thường được sử dụng để xác định các mức chống đỡ và kháng cự là dải băng đo độ biến động, phổ biến nhất là dài băng Bollinger. Dài băng Bollinger là khung giá linh động không cần phải có các đường giới hạn được xác định khắt khe như khi sử dụng đường chống đỡ/kháng cự nằm ngang (ND: cần phải có ít nhất hai lần chạm ở mỗi đường). Nếu sử dụng dài băng Bollinger, các nhà giao dịch theo khung giá cần phải quan sát độ dốc của đường trung bình di động nằm giữa các dài băng là phẳng, hoặc ít nhất là gần như phẳng. Bằng cách này, các nhà giao dịch có sự xác nhận khung giá đang hình thành.

Khi có được khung giao dịch bằng cách sử dụng các phương pháp nói trên, bước kế tiếp là tìm kiếm các cơ hội giao dịch theo khung giá. Một phương pháp phổ biến là sử dụng các chỉ báo dao động, như Stochastic hay RSI, để xác nhận điểm đảo chiều tại hoặc gần mức chống đỡ và kháng cự. Phương pháp đọc các chỉ báo dao

Các điểm quay đầu của chỉ báo dao động xác nhận tín hiệu giao dịch theo khung giá



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

động khi thị trường biến động theo khung giá là dễ dàng. Để thực hiện vị thế mua tại hoặc gần mức chống đỡ của khung dao động, cần chờ đợi chỉ báo dao động cắt lên trên vùng bán quá mức.

Để thực hiện vị thế bán không tại hoặc gần mức kháng cự, cần quan sát chỉ báo dao động cắt xuống dưới vùng mua quá mức. Điều này được minh họa trong hình 14.15.

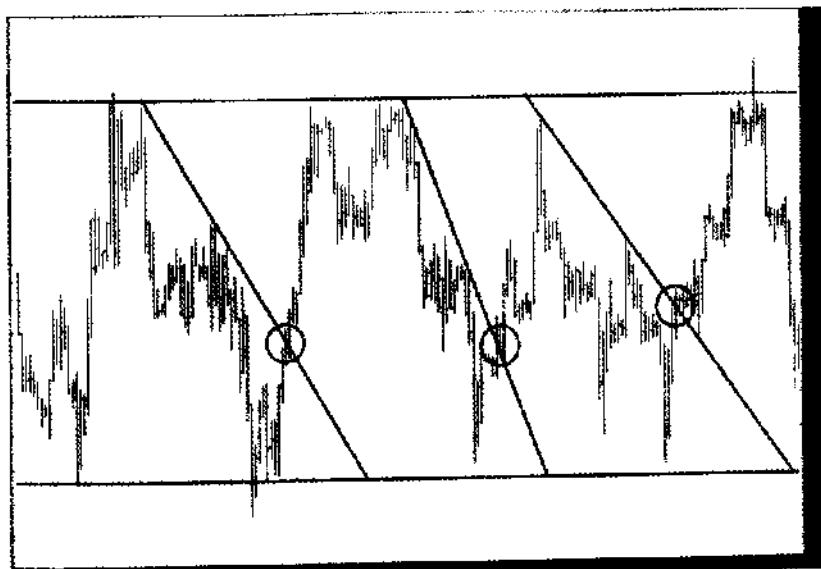
Một tín hiệu xác nhận khác cho chiến lược giao dịch theo khung giá là điểm phá vỡ đường xu hướng nội bộ, như minh họa trong hình 14.16. Chiến lược này là sự kết hợp giữa giao dịch theo khung giá và giao dịch theo điểm phá vỡ đường xu hướng. Bên trong khung giá, khi giá biến động giữa mức chống đỡ và mức kháng cự, các đường xu hướng tăng và đường xu hướng giảm sẽ được thiết lập. Điểm phá vỡ các đường xu hướng nội bộ có thể được dùng làm

tín hiệu mờ vị thế tham gia giao dịch theo khung giá. Mặc dù yêu cầu sự xác nhận điểm phá vỡ đường xu hướng nội bộ khiến việc tham gia giao dịch bị muộn hơn, nhưng điều này sẽ làm tăng khả năng thành công của giao dịch. Điều này là vì điểm phá vỡ đường xu hướng nội bộ là tín hiệu xác nhận chắc chắn sự đảo ngược thực sự đang diễn ra trong khung giá. Với chiến lược giao dịch này, lệnh dừng lỗ nên được đặt ở phía khác của đường xu hướng bị phá vỡ khi giá tiến về phía ngược lại của đường chống đỡ hoặc đường kháng cự trong khung giao dịch. Điều này làm giảm thiểu rủi ro khi giao dịch theo khung giá.

Các chiến lược giao dịch theo khung giá tự động thường ứng dụng các phương pháp luận ít chủ quan, ví dụ như các công cụ đồ thị được tính theo công toán học như dải băng Bollinger và sự đảo

HÌNH 14.16

Điểm phá vỡ đường xu hướng nội bộ khung giá



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

chiều của các chỉ báo dao động. Khi ứng dụng điểm bật ngược từ mức chống đỡ/kháng cự hoặc điểm phá vỡ đường xu hướng nội bộ, các yếu tố chủ quan sẽ tự động được loại bỏ.

Giống như giao dịch theo xu hướng và giao dịch theo điểm phá vỡ, giao dịch theo khung giá có thể là một phương pháp hiệu quả để thích nghi với mọi sự thay đổi trong điều kiện thị trường. Khi thị trường hình thành khung giao dịch tương đối rộng, ứng dụng chiến lược giao dịch theo khung giá là phương pháp thành công nhất.

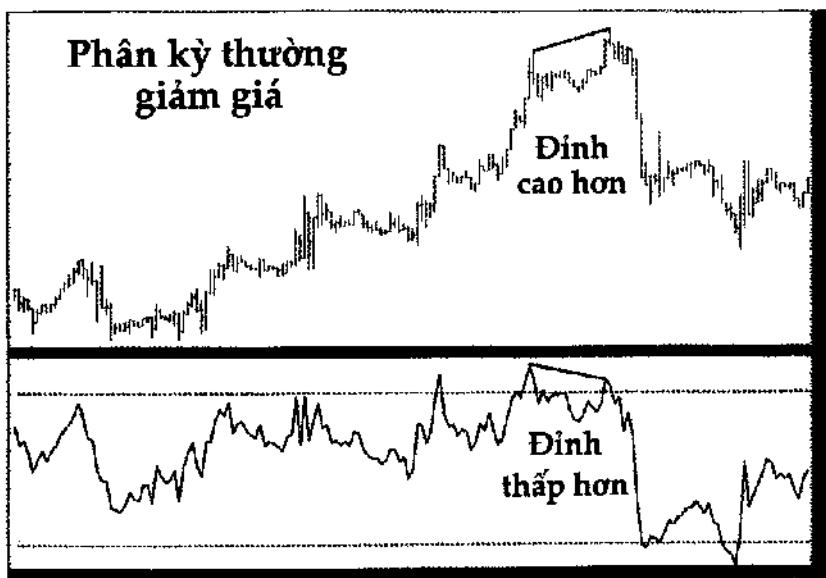
SỰ PHÂN KỲ GIỮA CHỈ BÁO DAO ĐỘNG VÀ ĐƯỜNG GIÁ

Sự phân kỳ giữa chỉ báo dao động và đường giá nói chung không hoàn toàn được xem là chiến lược hoàn chỉnh nhưng thay vào đó, được ứng dụng thường xuyên như là một thành phần quan trọng của phương pháp giao dịch kỹ thuật tổng thể. Dạng phân kỳ phổ biến nhất là phân kỳ thường, được xem như một tín hiệu sớm về sự suy yếu của xung lượng và khả năng đảo chiều.

Một số nhà giao dịch xem phân kỳ là tín hiệu quan trọng cần đặc biệt chú ý. Trong khi các nhà giao dịch khác không tin tưởng nhiều vào chỉ báo này. Trong cả hai trường hợp, trước khi bắt cứ nhà giao dịch nào đưa ra hành động dựa trên tín hiệu phân kỳ, tín hiệu này cần được xác nhận bởi những công cụ kỹ thuật khác. Nói cách khác, tín hiệu phân kỳ không nên được sử dụng độc lập trong bất cứ giao dịch nào, vì độ tin cậy và tính hữu dụng của chúng sẽ trở nên cao hơn khi sử dụng kết hợp với những công cụ kỹ thuật khác.

Sự phân kỳ xảy ra khi giá và chỉ báo dao động đi theo hai hướng trái ngược nhau. Các chỉ báo dao động này có thể là một trong những chỉ báo dao động được trình bày trong Chương 10. Các chỉ báo dao động được ứng dụng phổ biến bao gồm RSI, stochastics, ROC, CCI, MACD, và Williams %R. Các chỉ báo trên đều có thể xuất hiện sự phân kỳ với giá.

Phân kỳ thường giảm giá



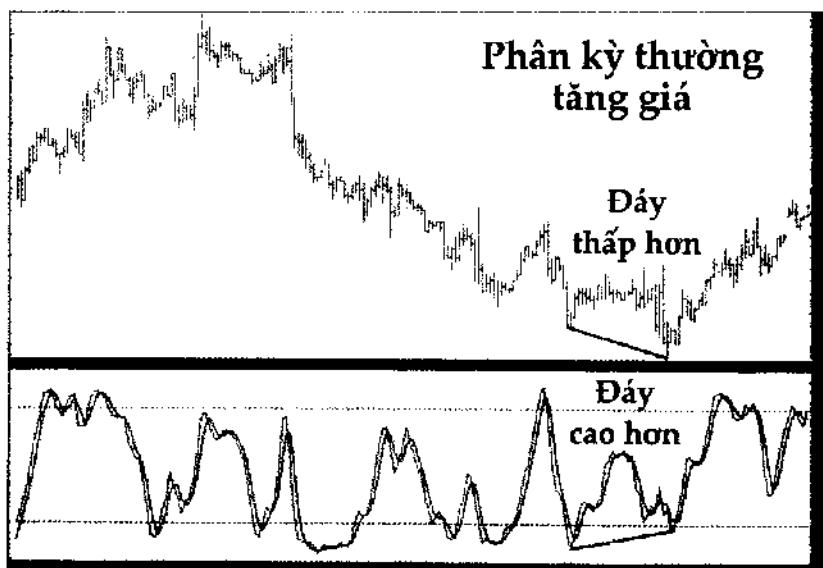
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Như minh họa trong hình 14.17 và 14.18, dạng phân kỳ cơ bản, phổ biến nhất được gọi là phân kỳ thường. Có hai dạng cơ bản của phân kỳ thường là:

- 1. Phân kỳ thường giảm giá.** Giá hình thành đỉnh cao hơn trong khi chỉ báo dao động hình thành đỉnh thấp hơn.
- 2. Phân kỳ thường tăng giá.** Giá hình thành đáy thấp hơn trong khi chỉ báo dao động hình thành đáy cao hơn.

Trong cả hai trường hợp, các chỉ báo dao động cho thấy rằng xung lượng hiện tại của hành động giá đang yếu đi. Nói cách khác, đây là một chỉ báo thăm dò khả năng đảo chiều xu hướng hoặc có lẽ là hình thành vùng cung cống.

Phân kỳ thường tăng giá



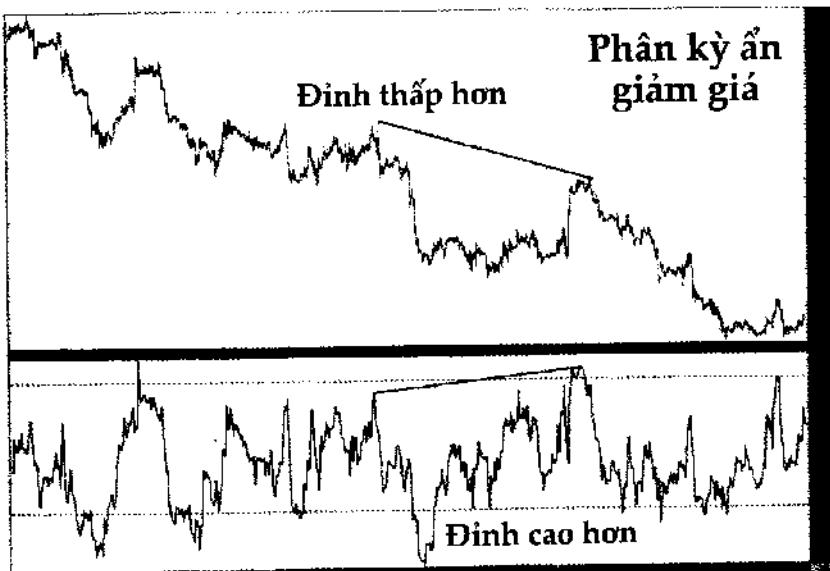
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Khi phân kỳ thường xuất hiện trên đồ thị, các nhà phân tích và các nhà chiến lược rất dễ nhận thấy ngay. Không nên lờ đi những tín hiệu này, vì chúng có thể dự báo trước sự đảo chiều giá quan trọng.

Trong khi phân kỳ thường được xem là một cảnh báo khả năng đảo ngược xu hướng, phân kỳ ẩn là trái ngược. Một phân kỳ ẩn giữa giá và chỉ báo dao động, như minh họa trong hình 14.19 và 14.20 được xem là một tín hiệu cảnh báo về khả năng tiếp tục xu hướng. Giống như phân kỳ thường, phân kỳ ẩn cũng có hai dạng như sau:

1. Phân kỳ ẩn giảm giá. Giá hình thành đỉnh thấp hơn trong khi chỉ báo dao động tạo đỉnh cao hơn.

Phân kỳ ẩn giảm giá



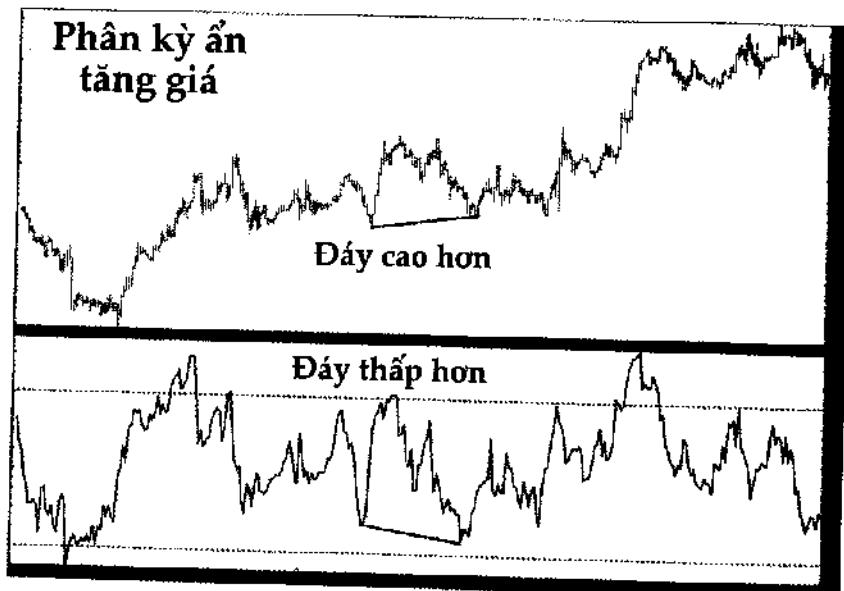
Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

2. **Phân kỳ ẩn tăng giá.** Giá hình thành đáy cao hơn trong khi chỉ báo dao động tạo đáy thấp hơn.

Trong phân kỳ ẩn giảm giá, khi giá đang ở trong xu hướng xuống. Tín hiệu phân kỳ ẩn giữa chỉ báo dao động với xu hướng giảm hàm ý sự tiếp diễn của xu hướng giảm. Ngược lại, trong phân kỳ ẩn tăng giá, khi giá đang ở trong xu hướng lên. Tín hiệu phân kỳ giữa chỉ báo dao động với xu hướng tăng hàm ý sự tiếp diễn của xu hướng tăng.

Một số nhà giao dịch tin rằng phân kỳ ẩn là một thiết lập giao dịch có xác suất thành công cao hơn so với phân kỳ thường, vì phân kỳ ẩn là một chỉ báo xu hướng trái ngược với chỉ báo đảo chiều. Giao dịch theo xu hướng chính nói chung được nhiều nhà giao dịch ưa thích vì có khả năng thành công cao hơn.

Phân kỳ ẩn tăng giá



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Để tìm kiếm cả hai dạng phân kỳ, thường và ẩn, có thể thực hiện tự động bằng chức năng cảnh báo trong một số phần mềm đồ thị. Tuy nhiên, vì giao dịch theo tín hiệu phân kỳ tự bản thân nó không phải là một chiến lược giao dịch độc lập, nên tôi không khuyến khích giao dịch tự động chỉ dựa hoàn toàn vào tín hiệu phân kỳ.

GIAO DỊCH THEO CHỈ BÁO DAO ĐỘNG

Bên cạnh ứng dụng để xác nhận tín hiệu phân kỳ, các chỉ báo dao động còn được sử dụng như yếu tố trung tâm trong một chiến lược giao dịch (trái ngược với giá). Điều này có vẻ là không chính thống đối với nhiều nhà phân tích truyền thống, vì giá luôn được ủng hộ

bởi phần lớn những nhà phân tích và nhà giao dịch kỹ thuật như là khía cạnh quan trọng nhất của phân tích thị trường. Không những vậy, các chỉ báo dao động lại được xây dựng theo các công thức toán học từ giá thị trường. Vậy tại sao có người chỉ quan tâm đến các sản phẩm được tạo ra từ giá trong khi người khác lại tập trung phân tích hành động giá? Câu trả lời là vì một số nhà giao dịch kỹ thuật đã đạt được thành công lớn thông qua nghiên cứu chuyển động của một số chỉ báo dao động nhất định, mà không cần phân tích đến hành động giá.

Nhiều hình vẽ trên đồ thị giá có thể được tạo ra bằng các chỉ báo dao động. Điều này bao gồm đường xu hướng, đường chống đỡ và đường kháng cự, cũng như một số mẫu hình đồ thị. Một số nhà giao dịch sẽ ứng dụng một số chỉ báo dao động phổ biến như RSI hoặc Stochastic và vẽ các đường xu hướng lên liên kết các đáy cao hơn, hoặc các đường xu hướng xuống liên kết các đỉnh thấp hơn, hoặc những đường nằm ngang mà tại đó các chỉ báo dao động đã từng đổi hướng và đảo ngược trong quá khứ. Những đường này sau đó sẽ được quan sát khả năng xuất hiện hoặc là điểm bật ngược hoặc là điểm phá vỡ. Ví dụ, nếu một đường chống đỡ hướng lên liên kết các đáy cao hơn của chỉ báo RSI bị phá vỡ hướng xuống phía dưới đường xu hướng trên là một cảnh báo về khả năng đảo ngược xu hướng tăng hiện tại, cũng giống như điểm phá vỡ hướng xuống phía dưới đường xu hướng tăng của giá cảnh báo khả năng đảo ngược xu hướng. Đây có thể là một chỉ báo để thực hiện bán khống theo hướng đảo chiều. Một ví dụ khác, giả sử chỉ báo dao động Stochastic chạm và bật lên một lần nữa từ mức 40. Khi bật lên khỏi mức chống đỡ 40, đây là một chỉ báo tốt để thực hiện vị thế mua. Điểm phá vỡ và điểm bật ngược khỏi đường xu hướng và đường chống đỡ/kháng cự nằm ngang có cách thức giao dịch giống như phương pháp giao dịch đối với giá.

Mặc dù không phải là các chỉ báo dao động kỹ thuật, nhưng chỉ báo độ rộng dài băng Bollinger và chỉ báo ATR là hai công cụ phân tích độ biến động có hình dạng và diễn biến giống như chỉ báo dao động trên các đồ thị tài chính. Giống như chỉ báo dao động, vẽ các đường xu hướng và đường chống đỡ/ kháng cự nằm ngang có thể chỉ ra những điểm phá vỡ độ biến động trong các chỉ báo trên.

Trong ví dụ của chỉ báo độ rộng dài băng Bollinger, đơn giản là do lường chiều rộng giữa hai dài băng Bollinger. Chỉ báo độ rộng dài băng Bollinger thường được đặt phía trên hoặc phía dưới giá, tương tự như các chỉ báo dao động khác. Chỉ báo này gồm một đường đơn dạng sóng thể hiện độ rộng giữa các dài băng Bollinger. Khi tìm kiếm cơ hội giao dịch theo điểm phá vỡ độ biến động trong dài băng Bollinger, chính là tìm kiếm cơ hội mà ở đó độ biến động thấp đột ngột chuyển thành độ biến động cao. Đây cũng là khái niệm đầu sau sự co thắt của dài băng Bollinger (như thảo luận trong phần đầu của chương). Trong chỉ báo độ rộng dài băng Bollinger, sự thay đổi từ độ biến động thấp đến độ biến động cao được thể hiện bởi sự di chuyển của chỉ báo này từ thấp đến cao. Điều này có thể được thấy rõ khi sử dụng điểm phá vỡ hoặc là đường kháng cự nằm ngang (trong đó chỉ báo độ rộng dài băng đã từng đạt đến và đảo chiều đi xuống trong quá khứ) hoặc là đường kháng cự hướng xuống (trong đó độ rộng dài băng tạo nên các đỉnh thấp hơn liên tiếp trong độ biến động). Điểm phá vỡ hướng lên phía trên bất cứ đường kháng cự nào nói trên, tĩnh hay động, có thể được xem là vị trí tốt để tham giao dịch vì có sự di chuyển từ độ biến động thấp sang độ biến động cao. Tất nhiên, chỉ báo độ rộng dài băng không cần thiết là một chỉ báo tăng giá mà quan trọng hơn là cho thấy sự tăng lên của độ biến động.

Tương tự chỉ báo độ rộng dài băng Bollinger, chỉ báo ATR không phải là một chỉ báo dao động và cũng không phải là chỉ báo định hướng của giá. Như thảo luận trong Chương 10, chỉ báo ATR đo lường các khung giá định kỳ và sự thay đổi trong độ biến động.

Chi báo này được tính như là một đường trung bình di động trong một khung thời gian nhất định. Giống như chỉ báo độ rộng dải băng Bollinger, chỉ báo ATR gồm một đường đơn dạng sóng được đặt phía trên hoặc phía dưới đồ thị giá. Khi chỉ báo này tăng mạnh được xem là một cơ hội tốt để tham gia giao dịch vì độ biến động chuyển từ thấp lên cao. Do đó, chúng ta cũng thực hiện về một đường kháng cự nằm ngang (trong đó chỉ báo ATR đã từng đạt đến và đổi hướng đi xuống trong quá khứ) hoặc về một đường kháng cự hướng xuống (trong đó ATR tạo nên các đỉnh thấp hơn liên tiếp trong độ biến động) nhằm xác định điểm phá vỡ hướng lên phía trên đường kháng cự, là nơi mà lệnh mua theo điểm phá vỡ được thực hiện. Giống như chỉ báo độ rộng dải băng Bollinger, điểm phá vỡ hướng lên phía trên đường kháng cự trong chỉ báo ATR không nhất thiết phải là một chỉ báo tăng giá mà quan trọng hơn là cho thấy độ biến động đang tăng lên đáng kể.

Chỉ báo CCI của Woodie, chiến lược loại bỏ đường số 0

Một nhà giao dịch nổi tiếng, một nhà giáo dục và chuyên gia về chỉ báo CCI tên là Ken Wood, và thường gọi là "Woodie", đã hình thành một chiến lược gọi là loại bỏ đường số 0, trong số những chiến lược dựa trên chỉ báo CCI. Woodie trở thành nhà giao dịch kỹ thuật nổi tiếng với sự am tường về chỉ báo CCI và chia sẻ rộng rãi các kinh nghiệm của ông trên diễn đàn Internet. Woodie cũng được biết là nhà giao dịch dựa hoàn toàn vào chỉ báo CCI, mà không phân tích đến hành động giá. Ông thường giao dịch với chỉ báo CCI thậm chí không nhìn vào sự di chuyển giá tương ứng. Quan sát hành động giá là một khởi đầu hợp lý cho các nhà giao dịch muốn sử dụng phương pháp theo sau hành động giá làm công cụ giao dịch kỹ thuật chính. Nhưng Woodie đã phát triển một số công cụ kỹ thuật hiệu quả và phần lớn chỉ dựa vào chỉ báo CCI.

Sự mô tả ở trên không phải là một thảo luận toàn diện về chiến lược CCI của Woodie, vì một số chỉ báo CCI bổ sung được ông phát triển nhằm cải tiến khái niệm cơ bản, nhưng ý tưởng chung về chiến lược loại bỏ đường số 0 sẽ được trình bày ở đây.

Chiến lược loại bỏ đường số 0 là khi CCI di chuyển ngược hướng đến vùng quanh đường số 0, chính là đường thẳng nằm ở giữa khung của chỉ báo dao động, sau đó bất ngờ đổi hướng (hoặc bị loại bỏ) và quay trở lại theo hướng đi của xu hướng chính. Khi thị trường có xu hướng, điều này đơn giản chỉ ra đợt điều chỉnh ngược xu hướng chính đã kết thúc và giá sau đó đang quay trở lại hướng đi của xu hướng chính. Một nhà giao dịch sử dụng chiến lược loại bỏ đường số 0 của CCI sẽ tham gia mua vị thế giao dịch rất nhanh sau khi bật lên khỏi đường số 0, điều này có nghĩa là nhà giao dịch sẽ nhanh chóng tham gia mua vị thế sau khi xuất hiện đợt điều, hoặc kéo ngược, trong xu hướng chính. Đây là vị trí tốt để tham gia giao dịch theo xu hướng. Trong xu hướng tăng, chiến lược loại bỏ đường số 0 của CCI sẽ giảm xuống đến đường số 0 từ phía trên. Trong xu hướng giảm, chiến lược loại bỏ đường số 0 của CCI sẽ tăng lên đến đường số 0 từ phía dưới.

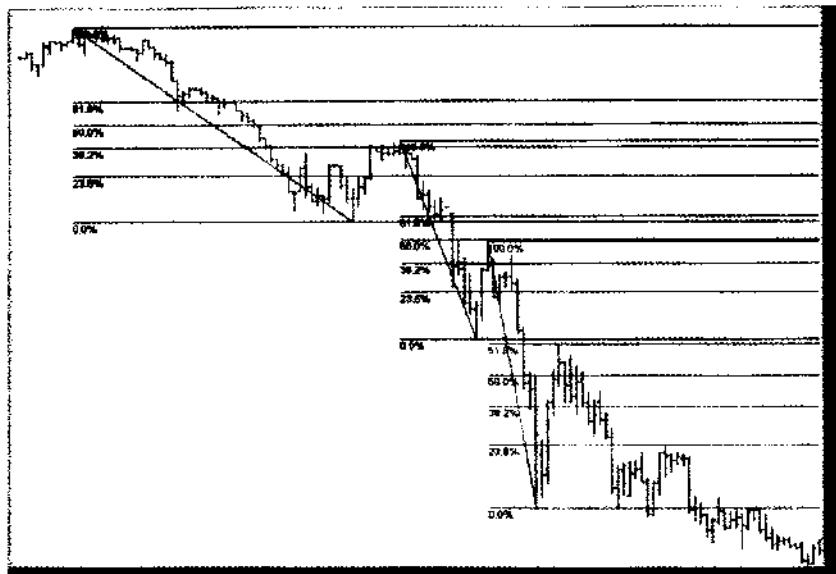
Một số chỉ báo dao động khác cũng được sử dụng phổ biến như là thành phần chính của những chiến lược giao dịch. Một trong những chỉ báo này là MACD histogram. Giống như hầu hết các công cụ kỹ thuật ứng dụng MACD, chỉ nên sử dụng phương pháp này khi thị trường có xu hướng rõ ràng. MACD histogram là thành phần chính của chỉ báo kỹ thuật/chỉ báo dao động MACD và bao gồm các cột thẳng đứng được đặt phía trên hoặc phía dưới đồ thị giá. MACD histogram dao động xung quanh đường số 0 và thể hiện sự chênh lệch giữa đường MACD và đường tín hiệu. Khi các cột thẳng đứng của MACD histogram cắt lên trên đường số 0 từ phía dưới và tiếp tục tăng, đây là một chỉ báo mạnh cho thấy xung lượng giá đang tăng. Khi các cột thẳng đứng của MACD Histogram cắt xuống

dưới đường số 0 từ phía trên và tiếp tục giảm xuống phía dưới, đây là một chỉ báo mạnh cho thấy xung lượng giá đang giảm. Đối với chiến lược theo sau xu hướng sử dụng MACD histogram, tín hiệu mua vị thế sẽ được nhận ra khi các cột thẳng đứng di chuyển theo hướng đi của xu hướng chính sau khi có ít nhất ba cột di chuyển ngược xu hướng chính. Ví dụ, trong một xu hướng tăng, tín hiệu mua xuất hiện khi một cột thẳng đứng cao hơn các cột cuối cùng, nhưng chỉ khi có ít nhất ba cột trước đó mà cột sau thấp hơn cột trước. Giống như phương pháp loại bỏ đường số 0 của CCI, tín hiệu tham gia giao dịch theo phương pháp MACD histogram đơn giản là tại các đợt kéo ngược quan trọng trong xu hướng, và sau đó giá có tín hiệu sẽ quay trở lại xu hướng chính. Ý tưởng cơ bản của việc tham gia giao dịch theo xu hướng tại các đáy điều chỉnh nhỏ trong xu hướng tăng và các đỉnh hồi phục nhỏ trong xu hướng xuống là giống nhau, trong cả phương pháp giao dịch trực tiếp theo hành động giá và phương pháp giao dịch theo chỉ báo dao động.

GIAO DỊCH SỬ DỤNG CÔNG CỤ FIBONACCI

Giống như vai trò truyền thống của các chỉ báo dao động và tín hiệu phân kỳ của chúng, phân tích Fibonacci thường xuyên được sử dụng nhằm hoàn thiện các phương pháp giao dịch kỹ thuật khác. Một số nhà giao dịch phân tích và ứng dụng lý thuyết Fibonacci như là một chiến lược giao dịch hoàn chỉnh và độc lập. Như thảo luận trong Chương 11, lý thuyết Fibonacci trong thị trường tài chính thường được ứng dụng là tỷ lệ Fibonacci thoái lùi, như minh họa trong hình 14.21. Tuy nhiên, khi vượt ra khỏi các tỷ lệ thoái lùi Fibonacci mở rộng được sử dụng nhằm dự đoán các mục tiêu giá. Với những điểm tham gia và điểm thoát ra rõ ràng, phần lớn là theo hướng đi của xu hướng chính, giao dịch theo Fibonacci cũng có thể được sử dụng độc lập như là một phương pháp giao dịch tương đối hoàn chỉnh.

Phối hợp nhiều tỷ lệ thoái lùi Fibonacci



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

Mục đích chính của phân tích Fibonacci là xác định điểm thoái lùi tiềm năng bên trong xu hướng. Xu hướng chuyển động theo một hướng nhất định, hoặc là tăng hoặc là giảm, nhưng luôn có khoảng thời gian giá thoái lùi bên trong xu hướng, nghĩa là giá di chuyển ngược xu hướng chính. Ví dụ, trong xu hướng tăng, luôn luôn có một chuyển động thoái lùi đáng kể ngược xu hướng tăng trước đó.

Do đó, luôn có những đáy điều chỉnh nhỏ trong xu hướng tăng và các đỉnh hồi phục nhỏ trong xu hướng giảm. Đây là một trong những vị trí thuận lợi nhất để tham gia giao dịch theo xu hướng. Thí dụ, trong xu hướng tăng, các nhà giao dịch luôn mong muốn mua tại đáy và bán tại đỉnh. Mua tại các đáy điều chỉnh nhỏ trong xu hướng lên đồng nghĩa rằng đã mua tại mức giá thấp nhất có thể. Trong xu hướng giảm, các nhà giao dịch luôn mong muốn bán,

hoặc bán khống tại mức giá cao và sau đó mua trở lại tại mức giá thấp. Bán tại các đỉnh hồi phục nhỏ trong xu hướng chính là đã bán với mức giá cao nhất có thể. Đây được xem là những vị thế giao dịch tốt nhất.

Fibonacci thoái lùi cho phép các nhà giao dịch ước lượng vùng giá thoái lùi trong các đáy điều chỉnh và đỉnh hồi phục. Như thảo luận trong Chương 11, các tỷ lệ Fibonacci thoái lùi cơ bản là nghịch đảo của Tỷ lệ Vàng 1,618, là 0,618 hoặc 61,8%. Bên cạnh tỷ lệ Fibonacci thoái lùi cơ bản trên, tỷ lệ 38,2% cũng quan trọng. Một Tỷ lệ Fibonacci thoái lùi quan trọng khác là 50%. Các tỷ lệ còn lại bao gồm 23,6% và 76,4%. Tuy nhiên, các tỷ lệ Fibonacci thoái lùi được sử dụng phổ biến nhất là 38,2%, 50% và 61,8%.

Tỷ lệ Fibonacci thoái lùi chủ yếu được sử dụng bởi những nhà giao dịch nhằm dự báo vị trí các điểm bật ngược tiềm năng trong các đáy điều chỉnh nhỏ và các đỉnh hồi phục nhỏ, là những vị trí giao dịch có khả năng thành công cao nhất. Ví dụ, trong xu hướng tăng, khi sự điều chỉnh giảm giá xuất hiện, nhiều nhà giao dịch sẽ chờ đợi giá bật lên quanh tỷ lệ thoái lùi 38,2% của xu hướng tăng trước đó. Nếu điều này xảy ra, những nhà giao dịch trên có thể tham gia vào vị thế mua, đẩy giá tăng cao hơn so với điểm bật lên từ 38,2%.

Một ứng dụng phổ biến khác của phân tích Fibonacci là xác định các mục tiêu giá mở rộng. Fibonacci mở rộng là các tỷ lệ Fibonacci lớn hơn 100% có thể được dùng nhằm dự phỏng các mục tiêu giá. Các tỷ lệ Fibonacci mở rộng phổ biến nhất được các nhà giao dịch quan sát là 161,8% và 261,8%. Các tỷ lệ Fibonacci mở rộng quan trọng khác bao gồm 138,2%, 150% và 423,6%.

Bên cạnh đó, các tỷ lệ Fibonacci có thể là những công cụ xuất sắc để xác nhận các công cụ kỹ thuật khác, ví dụ như các mức chống đỡ và mức kháng cự (là nơi mà giá đã quay đầu và đổi chiều nhiều lần trong quá khứ). Phân tích Fibonacci là một trong những khía cạnh phổ biến nhất của phân tích kỹ thuật trên thị trường tài chính.

Có thể chính vì hiện tượng tiên đoán tự thực hiện (self-fulfilling prophecy), nên các hành động giá quan trọng thường xuất hiện quanh các tỷ lệ Fibonacci cơ bản.

KỲ VỌNG TÍCH CỰC

Đây là thời điểm thích hợp để đề cập tới khái niệm kỳ vọng tích cực trong phần thảo luận về các chiến lược giao dịch kỹ thuật. Kỳ vọng tích cực là mục tiêu của mỗi nhà giao dịch khi xây dựng một chiến lược giao dịch, vì nó là một trong những chìa khóa tuyệt đối cần thiết để có được lợi nhuận hợp lý. Nếu không có kỳ vọng tích cực, nhà giao dịch đừng mong có được mức sinh lợi hợp lý.

Nếu một chiến lược giao dịch có kỳ vọng tích cực, điều này đơn giản là chiến lược này đã tạo một khoản lợi nhuận ròng trong quá khứ (ngược lại là khoản lỗ ròng). Điều này có nghĩa rằng hoặc là trung bình số lượng giao dịch thành công cao hơn trung bình số lượng giao dịch thất bại hoặc là lợi nhuận bình quân của các giao dịch thành công lớn hơn lợi nhuận bình quân của các giao dịch thất bại, hoặc là cả hai trường hợp trên.

Để kiểm tra và cải tiến kỳ vọng của một chiến lược, phương pháp phổ biến nhất là hậu kiểm chiến lược. Hậu kiểm gồm một trong hai loại: hậu kiểm tự động hoặc hậu kiểm thủ công. Hậu kiểm tự động là lặp lại chiến lược đã được giao dịch tự động, như thảo luận trong phần đầu của chương. Điều này đòi hỏi sử dụng các phần mềm để ứng dụng và ghi nhận lại các giao dịch theo các quy tắc khách quan, cụ thể theo dữ liệu giá thị trường trong quá khứ. Kết quả lãi/lỗ, cùng với những số liệu chi tiết khác của hậu kiểm, sẽ nhanh chóng được phân mềm thể hiện, và nhà giao dịch sau đó có thể chỉnh sửa các thông số của chiến lược nhằm đạt được kỳ vọng cao hơn. Nếu đây là một kỳ vọng tiêu cực (kết quả hậu kiểm là lỗ ròng), nhà giao

dịch có thể hoặc là loại bỏ chiến lược hoặc chỉnh sửa lại phần lớn chiến lược và tiến hành hậu kiểm.

Hậu kiểm thủ công có thể được thực hiện nếu một nhà giao dịch muốn kiểm tra một chiến lược giao dịch chủ quan không thể thực hiện giao dịch tự động. Điều này bao gồm quan sát bằng mắt biểu đồ giá lịch sử và áp dụng những giao dịch giả định theo quy tắc của chiến lược. Những giao dịch giả định này sau đó được quan sát và ghi chép để có được kết quả giao dịch trong một khoảng thời gian dài. Đây là một quá trình lâu dài và tốn nhiều công sức nhưng điều này hoàn toàn xứng đáng nếu muốn kiểm tra và cải tiến một chiến lược giao dịch thủ công.

Bên cạnh hậu kiểm, vẫn còn một phương pháp khác để kiểm tra và cải thiện kỳ vọng của một chiến lược là tiền kiểm (forward-test). Đây là các giao dịch thực tế của chiến lược theo thời gian thực, phù hợp hơn với một tài khoản giao dịch thực tế hoặc dùng thử, và ghi nhận kết quả giao dịch. Mặc dù đây có thể là phương pháp hiệu quả và chính xác nhất để kiểm tra chiến lược, nhưng nó có một giới hạn đáng kể là chậm có kết quả.

Bất cứ phương pháp nào được sử dụng để kiểm tra và chỉnh sửa kỳ vọng, không có nghĩa rằng việc kiểm tra sẽ bảo đảm chắc chắn có được một giao dịch sinh lợi hợp lý.

TÓM TẮT

Chương này trình bày các chiến lược giao dịch kỹ thuật phổ biến. Những chiến lược này là ứng dụng thực tiễn tất cả kiến thức cơ bản về phân tích kỹ thuật được thảo luận trong cuốn sách cho đến thời điểm hiện nay. Một số chiến lược trình bày ở trên có thể được giao dịch tự động, trong khi những chiến lược khác chỉ được giao

dịch thủ công. Điều này phụ thuộc chủ yếu vào tính chủ quan của chiến lược, trong trường hợp này, chiến lược đó sẽ được giao dịch thủ công.

Bắt đầu với các biến thể khác nhau của tín hiệu giao cắt giữa các đường trung bình di động, các chiến lược khác được giới thiệu là giao dịch theo điểm phá vỡ, giao dịch theo xu hướng, giao dịch theo khung giá, giao dịch theo tín hiệu phân kỳ, giao dịch theo các chỉ báo dao động, và giao dịch theo tỷ lệ Fibonacci. Những phương pháp khác nhau phù hợp với từng loại thị trường, dạng nhà đầu tư và phong cách giao dịch khác nhau. Mỗi dạng chiến lược có thể phù hợp với quy tắc kiểm tra và phân tích thực nghiệm riêng của từng nhà giao dịch. Chương này kết thúc với thảo luận về tầm quan trọng của kỳ vọng tích cực khi xây dựng chiến lược giao dịch. Kỳ vọng có thể được kiểm tra và cải tiến bằng cách sử dụng hậu kiểm, cả tự động và thủ công, cũng như sử dụng cả phương pháp tiên kiểm.

Chương 15

Kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền



Sau khi đọc chương này, bạn sẽ có thể:

- Hiểu rõ kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giao dịch thành công.
- Nhận thức được các kiến thức về phân tích kỹ thuật có đóng góp quan trọng để thực hiện một chiến lược quản lý rủi ro chặt chẽ.
- Hiểu vai trò quan trọng của lệnh dừng lỗ, tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận, quy mô vị thế, tỷ lệ phần trăm thua lỗ tối đa, chia nhỏ vị thế, và đa dạng hóa danh mục trong ngăn ngừa thảm họa thua lỗ và theo đuổi lợi nhuận rộng của một nhà giao dịch kỹ thuật.

GIỚI THIỆU KIỂM SOÁT RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ DÒNG TIỀN

Việc thảo luận về phân tích kỹ thuật sẽ không đầy đủ nếu như không đề cập đến kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền vì chúng có liên quan đến phân tích kỹ thuật. Nhiều nhà giao dịch mới bắt đầu tham gia vào các thị trường tài chính phần lớn luôn háo hức mở vị thế. Họ không ngừng tìm kiếm “chén thánh” trong các chiến lược giao dịch nhằm có được những giao dịch thành công.

Điều mà nhiều nhà giao dịch, đặc biệt là những người mới bắt đầu, thiếu sót là một hiểu biết đầy đủ về phương pháp thích hợp nhằm kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền. Không có những yếu tố trên, việc thất bại trong giao dịch là điều chắc chắn. Ngược lại, nếu kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền được thực hiện tốt thì các nhà giao dịch mặc dù không có chiến lược giao dịch tốt cũng có thể tồn tại và thậm chí thành công.

Nhiều người không nhận thức được rằng phân tích kỹ thuật rất xuất sắc trong việc cung cấp vị trí tham gia giao dịch hợp lý. Ví dụ, điểm tham gia giao dịch trong mẫu hình đảo chiều vai đầu vai là tại hoặc ngay sau khi giá phá vỡ đường viền cổ. Tương tự, điểm tham gia giao dịch trong chiến lược giao cắt giữa các đường trung bình di động là tại hoặc ngay sau khi đường trung bình di động ngắn hạn giao cắt với đường trung bình di động dài hạn. Bất cứ khi nào phân tích kỹ thuật được sử dụng, lợi thế có được chính là các điểm tham gia giao dịch thuận lợi.

Mặc dù nhiều người hiểu rằng phân tích kỹ thuật đem lại những hướng dẫn rõ ràng khi mở vị thế giao dịch, nhưng họ không nhận thức được, phân tích kỹ thuật cũng rất hữu ích để chỉ ra những điểm đóng vị thế, bất kể là dừng lỗ hoặc chốt lãi. Trong khi đó, các điểm đóng vị thế giao dịch là nền tảng cơ bản để có phương pháp quản trị rủi ro thích hợp.

LỆNH DỪNG LỖ

Khi đóng vị thế giao dịch, phân tích kỹ thuật cho thấy ưu điểm vượt trội khi đưa ra vị trí đặt lệnh dừng lỗ ban đầu cũng như điểm đặt lệnh dừng lỗ động khi một giao dịch đã có lợi nhuận. Bên cạnh đó, phân tích kỹ thuật cũng chỉ ra các điểm đóng vị thế tại mục tiêu giá.

Khi thiết lập lệnh dừng lỗ đầu tiên, triết lý cơ bản mà các nguyên lý phân tích kỹ thuật đưa ra là thoát khỏi mọi vị thế giao dịch một khi thị trường chứng tỏ lý do ban đầu để mở vị thế giao dịch là sai, một ví dụ minh họa được thể hiện trong hình 15.1. Ví dụ, nếu tham gia vào vị thế mua ngay sau khi xuất hiện điểm phá vỡ hướng lên phía trên mức kháng cự mạnh, có một số vị trí hợp lý để đặt lệnh dừng lỗ đầu tiên. Đôi với một số nhà giao dịch, lệnh dừng lỗ được đặt ngay phía dưới mức kháng cự, vì nếu giá đảo ngược xuống phía dưới mức kháng cự chứng tỏ lý do ban đầu để tham gia giao dịch (xuất hiện điểm phá vỡ hướng lên) là sai, ít nhất là trong thời điểm đó. Tuy nhiên, có lẽ thực tế hơn, lệnh dừng lỗ tốt hơn nên được đặt ngay phía dưới đáy của dao động (swing) gần nhất bên dưới mức kháng cự. Điều này là do các điểm phá vỡ hướng lên có khuynh hướng chuyển động lên xuống quanh mức chống đỡ và kháng cự trước khi hình thành điểm phá vỡ thật hoặc điểm phá vỡ giả.

Quy tắc dừng lỗ khi lý do tham gia giao dịch bị sai cũng được ứng dụng cho lệnh dừng lỗ động. Kỹ thuật dừng lỗ động cho phép nhà giao dịch bảo vệ lợi nhuận đồng thời hạn chế rủi ro khi tiếp tục duy trì vị thế giao dịch để tìm kiếm lợi nhuận lớn hơn. Loại dừng lỗ động được bàn luận ở đây là phương pháp thủ công, trái ngược với phương pháp tự động. Lệnh dừng lỗ động thủ công là nhà giao dịch phải tự thực hiện công việc di chuyển lệnh dừng lỗ, theo hướng có lợi nhuận. Ví dụ, trong xu hướng tăng, khi một vị thế mua đã có lãi, nhà giao dịch sẽ di chuyển lệnh dừng lỗ lên các

Vị trí đặt lệnh dừng lỗ



Nguồn: FX Solutions-FX AccuCharts

mức giá cao hơn theo hướng được giao dịch. Vị trí cho mỗi lần dịch chuyển lệnh dừng lỗ là rất gần với lệnh dừng lỗ ban đầu. Khi giá phục hồi từ mỗi đáy của đợt điều chỉnh nhỏ, hoặc đáy của một dao động, trong xu hướng tăng, nhà giao dịch nên di chuyển lệnh dừng lỗ động đến dưới đáy của dao động cuối cùng. Nếu giá phá vỡ xuống dưới đáy của dao động cuối cùng, đây là chỉ báo mạnh cho thấy xu hướng đang thay đổi hoặc xuất hiện khả năng đảo ngược. Trong trường hợp này, chiến lược giao dịch theo xu hướng nên kết thúc, vì lý do để tiếp tục giữ vị thế giao dịch, trong xu hướng tăng, đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi điểm phá vỡ hướng xuống phía dưới đáy của dao động cuối cùng. Ngược lại, nếu giá tiếp tục tạo nên các đáy dao động cao hơn, lệnh dừng lỗ động tiếp tục được di chuyển nhằm bảo vệ lợi nhuận có được.

Đóng vị thế là một khía cạnh quan trọng của kiểm soát rủi ro bằng cách sử dụng phân tích kỹ thuật. Kiểm soát rủi ro có hai mục đích chính. Mục đích thứ nhất là không bao giờ để xuất hiện một khoản lỗ lớn xóa sạch toàn bộ tài khoản giao dịch. Khi lệnh dừng lỗ được đo lường và xác định trước theo các quy tắc chặt chẽ của kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền, một nhà giao dịch có thể bị thua lỗ, và thậm chí là nhiều khoản lỗ không nhỏ, nhưng vẫn còn có khả năng chịu đựng được. Mục đích thứ hai của kiểm soát rủi ro hợp lý là tạo nên tổng lợi nhuận lớn hơn đáng kể so với tổng thua lỗ. Rõ ràng, nguyên tắc này là tuyệt đối quan trọng để một nhà giao dịch có được mức sinh lợi hợp lý.

Ưu tiên quan trọng nhất đối với tất cả các nhà giao dịch thành công là bảo vệ nguồn vốn. Rủi ro và dòng tiền phải được quản lý theo cách nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là còn tiền để giao dịch vào ngày khác. Không thực hiện tốt nguyên tắc này, một nhà giao dịch vô kỷ luật sẽ bị mất sạch vốn ngay lần giao dịch đầu tiên. Nhiều nhà giao dịch có kinh nghiệm cho rằng để giành được chiến thắng chỉ cần tập trung mạnh vào việc bảo vệ nguồn vốn, khi đó lợi nhuận sẽ tự nhiên đạt được.

TỶ LỆ LỢI NHUẬN/RỦI RO

Một trong những thành phần chính để có kế hoạch quản lý rủi ro tốt tương tự như bảo vệ nguồn vốn là một tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro tối ưu. Tỷ lệ này có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng mức dừng lỗ và lợi nhuận mục tiêu được tính toán qua việc sử dụng hợp lý các khái niệm phân tích kỹ thuật. Như đề cập trong phần đầu của chương, phân tích kỹ thuật chỉ ra những mức dừng lỗ hợp lý cho lệnh dừng lỗ đầu tiên, dừng lỗ động, và các mục tiêu giá. Biết cách xác định những thành phần trên là đủ để xây dựng và thực hiện những hướng dẫn của tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận.

Đầu tiên, khi bạn nghe nói đến tỷ lệ 3:1 hoặc tỷ lệ 4:1, thì đó chính là tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro chứ không phải là rủi ro/lợi nhuận. Do đó, phần này quy ước rằng tỷ lệ chúng ta đang sử dụng là lợi nhuận/rủi ro.

Tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro là một khái niệm đơn giản có vai trò quan trọng trong mọi giao dịch sinh lợi ròng của các nhà giao dịch. Trong khi tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro tối ưu có thể khó đạt được trong mỗi ngày giao dịch, nhưng tất cả nhà giao dịch nên cố gắng đạt được tỷ lệ cao nhất có thể.

Để minh họa tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro, giả sử một nhà giao dịch đặt ra mục tiêu tỷ lệ 3:1. Điều này đơn giản có nghĩa là trong một giao dịch được tiến hành, nhà kinh doanh phải tìm kiếm lợi nhuận ít nhất gấp ba lần số vốn có thể bị thua lỗ. Trong thực tế, điều này có nghĩa rằng nếu một giao dịch được thực hiện với số chi phí dừng lỗ là 1000 đô la thì mục tiêu lợi nhuận cần đạt được ít nhất là 3000 đô la. Như vậy tỷ lệ ở đây sẽ là 3000đô la:1000 đô la, hoặc tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro là 3:1.

Một cách giải thích khác của tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro cần được chú ý. Với một tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro cao, nhà giao dịch có thể có số lần giao dịch thua lỗ nhiều hơn số lần giao dịch sinh lợi nhưng cuối cùng vẫn đạt được lợi nhuận ròng. Điều này là do lợi nhuận bình quân lớn hơn nhiều so với mức lỗ bình quân. Khái niệm tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro sẽ giúp hiện thực câu nói quen thuộc của các nhà giao dịch là “để lợi nhuận tiếp tục sinh lợi và nhanh chóng dùng lỗ”. Phân tích kỹ thuật giúp thiết lập một tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro tối ưu trong mỗi giao dịch. Như đề cập trong phần trước, vị trí đặt lệnh dừng lỗ là rõ ràng trong giao dịch kỹ thuật. Các giao dịch nên được đóng lại ngay khi thị trường chứng tỏ lý do ban đầu để tham gia giao dịch là sai. Điều này có nghĩa rằng lệnh dừng lỗ nên được đặt

với một khoảng cách giá hoặc tại một mức giá nhất định. Vì mức thua lỗ trong tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro là dễ xác định, nên chỉ cần tính toán mức sinh lợi là có thể xác được một giao dịch là xứng đáng để thực hiện hay không.

Mục tiêu lợi nhuận là không rõ ràng như mức dừng lỗ. Khi thị trường đi xuống, không ai có thể biết chính xác giá sẽ giảm đến mức nào và bao nhiêu. Đó là lý do tại sao lệnh dừng lỗ động là công cụ giao dịch phổ biến - nghĩa là chúng cho phép nhà đầu tư bảo vệ lợi nhuận trong khi tiếp tục đi theo xu hướng, thậm chí ngay khi không biết giá sẽ đi đến đâu.

Tuy nhiên, đối với mục đích duy trì tỷ lệ lợi nhuận/rủi hợp lý và sinh lợi, các mức lợi nhuận mục tiêu chính xác cần được sử dụng. Như đề cập trong các phần trước của cuốn quyển sách này, hầu hết các loại giao dịch kỹ thuật đều chỉ rõ các mục tiêu giá. Ví dụ, các giao dịch sử dụng mẫu hình đồ thị (chẳng hạn như, vai đầu vai, tam giác, hình chữ nhật, lá cờ, cờ đuôi nheo, v.v....) đều có các mục tiêu giá rõ ràng. Trong tự, cả kênh xu hướng song song và khung giao dịch nằm ngang đều có mục tiêu giá tại phía đối diện của kênh hay khung giá. Giao dịch theo điểm phá vỡ mức chống đỡ/kháng cự sẽ có mục tiêu giá tại các mức chống đỡ/kháng cự tiếp theo. Tỷ lệ Fibonacci mở rộng cũng có thể được sử dụng nhằm xác định mục tiêu giá. Một khi xác định rõ ràng các mục tiêu lợi nhuận cho một giao dịch cụ thể, quyết định giao dịch có thể được thực hiện nếu giao dịch đó phù hợp với tiêu chuẩn tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro mà nhà giao dịch mong muốn. Ví dụ, nếu nhà giao dịch đưa ra tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro tối thiểu là 2:1, và mức dừng lỗ đề ra là 3000 đô la, mục tiêu lợi nhuận tối thiểu cần đạt được là 6000 đô la.

Có nhiều trường hợp tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro sẽ không cho phép một nhà giao dịch hoặc nhà đầu tư cẩn thận tiến hành một giao dịch. Điều này thường xảy ra tại điểm phá vỡ mức chống đỡ/kháng

cự. Giả sử một nhà giao dịch theo điểm phá vỡ chờ đợi giá đóng cửa của hình thanh phá vỡ hướng lên trước khi tham gia giao dịch, nếu thanh giá phá vỡ hướng lên phía trên mức kháng cự hoặc phá vỡ hướng xuống phía dưới mức chống đỡ một thanh dài (nghĩa là, thanh giá phá vỡ hướng lên có một khoảng cách giá đáng kể), tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro có thể bị lệch và nhà giao dịch có thể sáng suốt quyết định đóng vị thế. Đây là vì nếu thanh phá vỡ quá dài, mức dừng lỗ, thường được đặt ở phía ngược lại của thanh giá phá vỡ, sẽ phải được đặt với khoảng cách lớn hơn so với trường hợp chiều dài thanh giá phá vỡ nhỏ hơn. Khoảng cách xa hơn đồng nghĩa khoản lỗ tiềm năng sẽ lớn hơn. Đến lượt nó, điều này có nghĩa rằng cần phải có một mức mục tiêu lợi nhuận lớn hơn nhằm đạt được tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro hợp lý. Vậy tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro tối ưu chính xác là cái gì? Điều này thực sự phụ thuộc vào chiến lược giao dịch được sử dụng và phong cách giao dịch riêng của mỗi nhà giao dịch. Trong thực tế giao dịch hàng ngày, rất khó để đạt được một tỷ lệ cao như 4:1, bởi vì với tỷ lệ cao hơn, một đánh đổi gấp phải là số giao dịch thua lỗ sẽ nhiều hơn số giao dịch có lãi. Vì các giao dịch có lãi tạo ra nhiều lợi nhuận hơn so với số tiền mất đi trong mỗi lần thua lỗ, nên điều này là vẫn có thể chấp nhận được khi xét trong quan điểm dài hạn. Nhưng tâm lý khi thường xuyên thua lỗ, thậm chí là với khoản tiền tương đối nhỏ, có thể khiến một nhà giao dịch trở nên yếu bóng vía. Thực tế mà nói, phụ thuộc vào chiến lược giao dịch và phong cách giao dịch của mỗi người, nhà giao dịch sẽ đưa ra mục tiêu tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro thích hợp có thể là là 2:1 hay 3:1. Điều này có nghĩa rằng mỗi giao dịch phải đạt được mức lợi nhuận ít nhất gấp hai hay ba lần so với khoản lỗ dự kiến. Tất nhiên, nhiều nhà giao dịch có tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro thấp hơn, nhưng tỷ lệ giao dịch thành công cần phải cao hơn nhằm bù đắp thua lỗ và đạt được mức sinh lợi hợp lý.

MỨC LỖ TỐI ĐA CHO PHÉP

Bên cạnh đặt ra mục tiêu tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro tối ưu, nhà giao dịch cũng nên đưa ra mức lỗ tối đa cho phép trong mỗi giao dịch. Điều này được gọi là quản lý dòng tiền phân khúc cố định và thường tính theo tỷ lệ phần trăm trong tổng tài khoản. Thiết lập mức lỗ tối đa cho phép là mục tiêu quan trọng nhất để bảo vệ nguồn vốn.

Nhiều nhà giao dịch thiết lập mức lỗ tối đa cho phép, ví dụ là 2%, và sau đó đặt lệnh dừng lỗ với số tiền tương ứng tỷ lệ phần trăm trên. Tuy nhiên, các nhà giao dịch kỹ thuật có khả năng linh hoạt trong quy mô giao dịch nhằm có được cách thức tốt hơn, ít chủ quan hơn để cố định mức lỗ tối đa. Như đề cập xuyên suốt cuốn sách này, phân tích kỹ thuật là phương pháp tốt nhất để thiết lập mức dừng lỗ hợp lý theo hành động giá trên thị trường, không phải theo một mức tiền tùy ý. Khi đặt ra mức thua lỗ tối đa cho phép, cần phải tuân thủ nó. Do đó, các nhà giao dịch kỹ thuật cần thận đầu tiên sẽ đưa ra mức dừng lỗ theo thị trường (trong đó hành động giá chứng tỏ lý do chính để tham gia giao dịch là sai) và sau đó sử dụng quy mô vị thế giao dịch tương ứng với quy mô mức dừng lỗ để duy trì tỷ lệ thua lỗ tối đa cho phép. Do đó, nếu mức dừng lỗ hiện tại lớn hơn mức dừng lỗ cho phép theo hành động giá của thị trường, quy mô vị thế giao dịch cần được thu nhỏ lại để nằm trong giới hạn lỗ được chấp nhận. Ngược lại, nếu mức dừng lỗ hiện tại nhỏ hơn mức dừng lỗ cho phép theo hành động giá của thị trường, quy mô vị thế giao dịch có thể được tăng lên để vẫn nằm trong giới hạn lỗ được chấp nhận.

Ví dụ đơn giản là thị trường ngoại hối giao ngay, giả định rằng giới hạn lỗ tối đa là 2% tổng giá trị tài khoản cho mỗi lần giao dịch. Nhà giao dịch này có 50.000 đô la trong tài khoản giao dịch ngoại hối. 2% của 50.000 đô la là 1.000 đô la, là mức tối đa mà nhà giao dịch có thể bị lỗ trong mỗi lần giao dịch. Nếu mức dừng lỗ theo hành động giá của thị trường được đặt cách 20 pip (mức thay đổi giá của thị trường ngoại hối) từ vị trí tham gia giao dịch, quy mô giao dịch nên ở

mức sao cho mức lỗ 20 pip tương đương với 1.000 đô la. Điều này sẽ tương đương với 5 lot (tên gọi hợp đồng chuẩn trên thị trường ngoại hối), vì giá trị pip trong quy mô giao dịch 5 lot sẽ bằng 50 đô la mỗi pip. Tuy nhiên, nếu mức dừng lỗ theo hành động giá của thị trường được đặt cách 100 pip từ vị trí tham gia giao dịch, quy mô giao dịch nên được thiết lập sao cho 100 pip này tương ứng với 1.000 đô la. Lúc này sẽ có 1 lot, vì giá trị pip trong quy mô hợp đồng 1 lot bằng 10 đô la mỗi pip.

Phương thức này bảo đảm rằng một nhà giao dịch có thể thiết lập một mức dừng lỗ hợp lý theo các nguyên tắc phân tích kỹ thuật trong khi cho phép điều chỉnh tỷ lệ phần trăm thua lỗ theo mức lỗ tối đa cho phép.

Tỷ lệ phần trăm tối ưu để thiết lập cho mức lỗ tối đa cho phép là bao nhiêu? Điều này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, bao gồm chiến lược giao dịch được sử dụng và khả năng chấp nhận rủi ro của mỗi nhà giao dịch. Con số thường được sử dụng trong giao dịch chứng khoán là 2% tổng giá trị tài khoản cho mỗi lần giao dịch. Đối với nhiều nhà giao dịch, con số này là hợp lý. Tuy nhiên, đối với nhiều nhà giao dịch chuyên nghiệp, 2% có vẻ là hơi cao, vì vậy họ có thể chọn 1% hoặc thậm chí thấp hơn. Nhiều nhà giao dịch năng động có thể thiết lập mức lỗ tối đa cao hơn, đôi khi là trên 2%. Hạn chế thua lỗ là điều tốt. Cùng với quy mô giao dịch thích hợp so với tổng giá trị tài khoản giao dịch, việc giới hạn rủi ro theo cách này sẽ cho phép một nhà giao dịch tồn tại lâu trong quá trình giao dịch.

CHIA NHỎ VỊ THẾ (MULTIPLE FRACTIONAL POSITIONS)

Liên quan đến quy mô vị thế giao dịch hợp lý là kinh nghiệm chia nhỏ vị thế hơn là thực hiện một lần toàn bộ vị thế cho mỗi lần giao dịch. Đây là một phương pháp tốt để phân tán và kiểm soát rủi ro. Chia nhỏ vị thế là tham gia vị thế nhiều lần nhỏ hơn trong toàn bộ

quy mô của vị thế (full-size trade). Chia nhỏ vị thế có thể được thực hiện tại cùng một thời điểm và cùng một mức giá, giống như toàn bộ vị thế, nhưng điểm chốt lãi của mỗi vị thế nhỏ hơn là khác nhau. Mỗi vị thế nhỏ hơn có thể được đóng dần nhằm bảo vệ lợi nhuận khi giá tiếp tục đi theo hướng có lãi. Tất nhiên, phương pháp này chỉ có thể được tiến hành nếu luật lệ thị trường cho phép chia toàn bộ vị thế thành nhiều phần nhỏ hoặc nếu nhà giao dịch có đủ vốn để chia nhỏ vị thế trong mỗi lần giao dịch.

Ví dụ, thay vì mua toàn bộ số vốn trong một lần giao dịch duy nhất đối với một cổ phiếu tại một mức giá nhất định, chia nhỏ vị thế là mỗi lần chỉ mua 1/3 số vốn và có thể mỗi lần mua đều tại cùng một mức giá. Lệnh dừng lỗ đầu tiên cho cả ba vị thế trên có thể được đặt giống nhau giống như toàn bộ vị thế. Nếu giá di chuyển theo chiều hướng có lợi nhuận, một trong các vị thế trên có thể được đóng lại tại một mức giá nhất định (do phân tích kỹ thuật xác định) trong khi tiếp tục mở hai vị thế còn lại. Lúc này, lệnh dừng lỗ đầu tiên cho hai vị thế còn lại có thể di chuyển tới điểm hòa vốn. Nếu giá tiếp tục di chuyển theo hướng có lãi, một vị thế khác có thể được đóng lại với mức lợi nhuận lớn hơn vị thế đầu tiên, và một lần nữa mức giá chốt lãi được xác định theo phân tích kỹ thuật. Lệnh dừng lỗ động cho vị thế cuối cùng (hiện đang ở điểm hòa vốn) tiếp tục được dịch chuyển để bảo vệ lợi nhuận mới có được. Cuối cùng, nếu giá tiếp tục di chuyển theo hướng có lợi nhuận, vị thế giao dịch thứ ba có thể được đóng lại để thu về khoản lãi cuối cùng tại mức giá được xác định theo phân tích kỹ thuật, hoặc lệnh dừng lỗ có thể tiếp tục di chuyển cho đến bị hành động giá thị trường thực hiện và vị thế này được đóng lại với mức lãi nào đó.

Phương pháp chia nhỏ vị thế kết hợp hai phương pháp khác nhau - là bảo vệ lợi nhuận đồng thời tiếp tục duy trì vị thế để tạo ra lợi nhuận. Tại bất cứ mức giá nào sau khi vị thế đầu tiên có lãi,

nà giao dịch có thể áp dụng phương pháp này nhằm bảo đảm lợi nhuận trên không bị mất đi, trong khi các vị thế còn lại được bảo vệ khỏi thua lỗ bằng lệnh dừng lỗ động. Vì không nhà giao dịch nào có thể biết giá sẽ tăng bao xa, phương thức này giúp quản trị các tình huống lợi nhuận theo một cách thận trọng và hiệu quả.

ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC

Một phương pháp quan trọng khác để chia sẻ và kiểm soát rủi ro trong giao dịch là đa dạng hóa danh mục đầu tư/giao dịch. Lý do là rõ ràng vì điều này cực kỳ quan trọng nhằm giới hạn rủi ro thị trường. Tham gia vào những vị thế có tương quan chặt chẽ, bất kể là cùng loại tài sản giống nhau hay khác nhau, có thể là tai họa. Mặc dù điều này không giống như việc đầu tư quá mức vào một vị thế trong một thị trường hoặc một loại chứng khoán nhưng hệ quả là tương tự nhau. Các thị trường luôn có tương quan với nhau, dù là tương quan âm hay tương quan dương, thường di chuyển cùng nhau. Điều này có thể nguy hiểm nếu một nhà giao dịch đang giao dịch trên nhiều thị trường có tương quan. Trong trường hợp này, các biến động giá bất lợi ở các thị trường khác nhau nhưng có tương quan có thể gây nên tổn thất lớn đối với một tài khoản giao dịch có quy mô lớn. Chính vì lý do này, mỗi nhà giao dịch nên cực kỳ thận trọng về khả năng tương quan lẫn nhau giữa các thị trường khác nhau.

Tóm lại, việc kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền tốt là tuyệt đối quan trọng để đạt được thành công trong giao dịch và đầu tư. Cùng với kinh nghiệm thực tiễn và sự hiểu biết tốt về phân tích kỹ thuật cơ bản, quản trị dòng tiền và rủi ro thận trọng là chìa khóa để đạt đến mục đích sau cùng của giao dịch trên thị trường tài chính: lợi nhuận phù hợp.

TÓM TẮT

Chương này đã trình bày tất cả các khái niệm quan trọng về kiểm soát rủi ro và quản trị dòng tiền. Hai yếu tố này là điểm khác biệt giữa các nhà giao dịch thành công và không thành công. Phân tích kỹ thuật có vai trò quan trọng để thực hiện một chiến lược quản trị dòng tiền và rủi ro thích hợp. Các công cụ chính bao gồm lệnh dừng lỗ, tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận, quy mô vị thế, mức lỗ tối đa cho phép, chia nhỏ vị thế, và đa dạng hóa danh mục.

Triết lý đằng sau lệnh dừng lỗ được xác định kỹ thuật là tự động đóng vị thế một khi thị trường cho thấy lý do ban đầu tham gia giao dịch là sai. Đây là điều cần thiết để bảo vệ nguồn vốn, tránh các khoản thua lỗ, và có tổng lợi nhuận lớn hơn tổng mức thua lỗ.

Tập trung vào tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận, hoặc lợi nhuận/rủi ro, là thành phần quan trọng của một kế hoạch giao dịch tốt. Tỷ lệ tối ưu khó có thể đạt được, nhưng nên cố gắng đạt được tỷ lệ tối thiểu nhằm có cơ hội tạo ra lợi nhuận. Tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro đơn giản là tổng mức lợi nhuận mục tiêu trong một lần giao dịch so với tổng mức thua lỗ cho phép. Ví dụ, tỷ lệ 2:1 trong một lần giao dịch có nghĩa là lợi nhuận mục tiêu gấp hai lần mức lỗ cho phép. Tỷ lệ cao hơn có thể tạo ra nhiều giao dịch thua lỗ trong khi vẫn có cơ hội đạt được mức lợi nhuận rộng khi kết thúc giao dịch.

Mức lỗ tối đa cho phép là tỷ lệ phần trăm tối đa được định trước trong tổng giá trị tài khoản giao dịch mà một nhà giao dịch thiết lập để thể hiện số tiền thua lỗ có thể chấp nhận cho mỗi giao dịch. Ví dụ, nếu tỷ lệ phần trăm được thiết lập ở mức 2%, điều này có nghĩa nhà giao dịch có thể chấp nhận thua lỗ 2% trong tổng giá trị tài khoản cho mỗi lần giao dịch. Giới hạn số tiền thua lỗ cho mỗi lần giao dịch theo cách này giúp bảo vệ vốn và tránh bị thua lỗ lớn. Phương pháp này được dùng để thực hiện những vấn đề thực tiễn của lệnh dừng lỗ. Một nhà giao dịch kỹ thuật sẽ đặt lệnh dừng lỗ theo vị trí được

thị trường xác định (nghĩa là ở quanh mức chống đỡ/kháng cự, phía dưới một đáy điều chỉnh hoặc phía trên một đỉnh hồi phục) và sau đó điều chỉnh quy mô vị thế nhằm mức lỗ dự kiến nằm trong mức lỗ tối đa cho phép mà nhà giao dịch đưa ra.

Chia nhỏ vị thế là một phương pháp nhằm phân tán và kiểm soát rủi ro, theo đó sẽ mở nhiều vị thế nhỏ hơn thay vì mở duy nhất một vị thế lớn. Đây là một phương pháp chốt lãi hiệu quả vì nó cho phép các nhà giao dịch bảo vệ lợi nhuận đồng thời duy trì vị thế để tiếp tục tìm kiếm lợi nhuận lớn hơn.

Đa dạng hóa cũng là thành phần chính của nhằm phân tán và kiểm soát rủi ro. Giao dịch trên các thị trường có tương quan với nhau có thể trở thành một thảm họa nếu và khi các biến động giá bất lợi xảy ra. Bởi vậy, những nhà giao dịch thận trọng cần bao đảm rằng các thị trường mà họ giao dịch không có tương quan mạnh với nhau tại bất cứ thời điểm nào, bất kể là tương quan âm hoặc tương quan dương.

NHỮNG CÔNG CỤ THIẾT YẾU TRONG PHÂN TÍCH KỸ THUẬT THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

James Chen

Chủ trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: Hải Âu

Trình bày: LEMAN Design

Vẽ bìa: Mai Quế Vũ

Sửa bản in: Hồng Hải

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 8225340 - 8296764 - Fax: 84.8222272

Email: nxbtpcm@vnn.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn, www.fiditour.com

Thực hiện liên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÁCH HAY

Số 1-3, Đường 3/2, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (+84.8) 38 32 9422 - Fax: (+84.8) 38 32 9422

E-mail: info@thegloisachhay.com - Website: www.thegloisachhay.com

In 2 000 cuốn, khổ 16x24 tại CTy TNHH Công Nghệ Thiên Hưng
Số KHXB: 1222-11/CXB/41-104/THTPHCM
QĐXB số: 1565-QĐ-TP HCM-2011, cấp ngày 10/11/2011
In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2012